NĂM THỨ MƯỜI MỘT • #128 • DECEMBER 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL & FAX (714) 839-8746

LÊ TAM CA VỚI PHÁCH CƯỜI
THẾ GIANG

ĐƯỜNG VỀ
NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

KHÓC ĐI EM, KHÓC NỮA ĐI EM
NGUYỄN VĂN TUẤN

Thúy Nga trân trọng giới thiệu

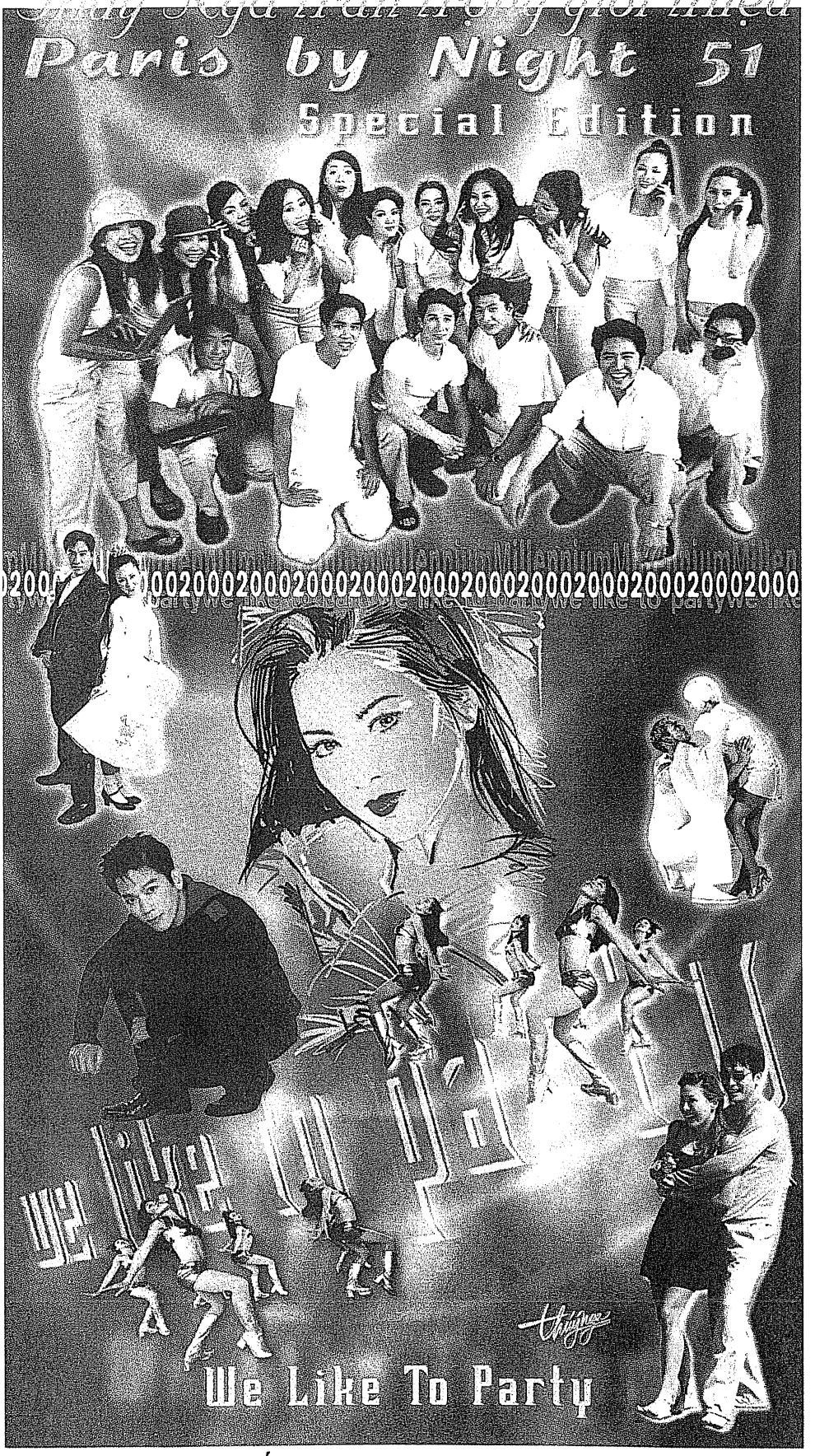

THÚY NGA 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683.
USA/ P.O.Box 2174 Westminster, CA 92683 - USA - Tel (714) 891-5665
Fax (714) 891-9673 / Internet: www.thuynga.net / E-mail: thuynga @ thuynga.net

Copyright 1999 THUY NGA. All rights reserved.

BACK TO SCHOOL BIG SALE

Bộ Giường ngủ đẹp tuyệt vời. Giá chỉ có

5 Piece Black Lacquer Bedroom Set

Bộ giường ngủ 5 miếng đẹp tuyệt vời.

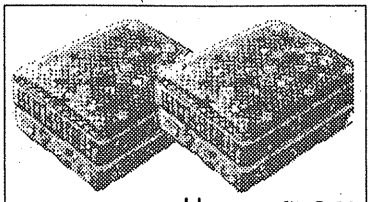

MATRESSES ON SALE Up To 50% Off from $59/set

3 pcs leather match Sofa + Loveseat + Chair. Any color

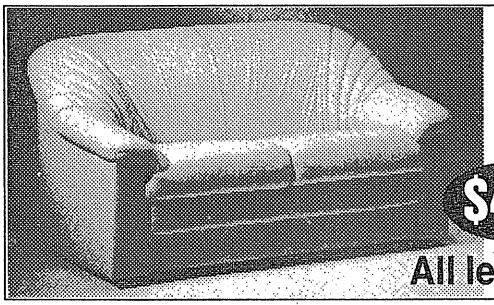

CLEARANCE SALE FOR BACK TO SCHOOL

Để bà con có đồ dùng như bàn ghế tủ nệm để dùng trong gia đình, KT FURNITURE quyết định giảm giá như sau: 5 bộ Sofa (Sofa Loveseat): $250/bộ
- 5 bộ giường ngủ (5 miếng 1 bộ) $199/bộ - 10 nệm $39/miếng twin size regular
- 5 bộ bàn (6 ghế + 1 bàn) cherry color $399/bộ - 2 bộ Sofa da (3pcs) $2,199 now $1,399/bộ - 10 đèn Halogen $18.99 Now còn $9.99/cái.
- **Hàng có giới hạn - "First Come First Serve"**

MATRESSES ON SALE Up To 50% Off from $59/set

KT FURNITURE GALLERY

"Where Furniture is a Work of Art"

2775 W. LINCOLN AVE. ANAHEIM

(714) 821-4989

Mon.-Sat. 10 AM - 8 PM | Sun. 10 AM - 6PM

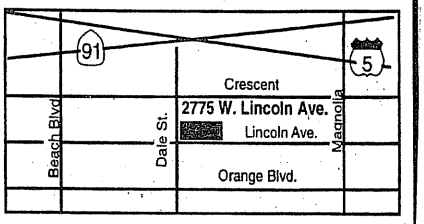

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 — CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

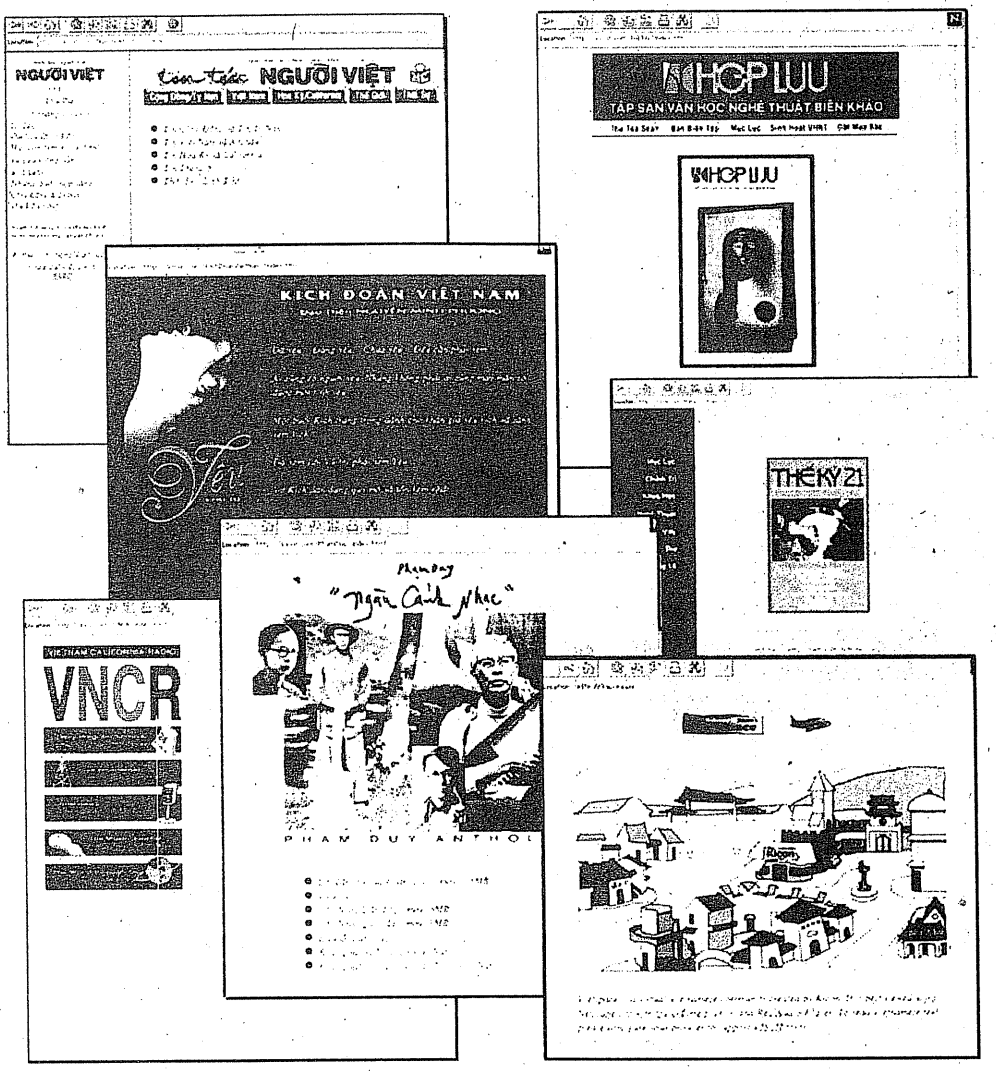

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

ACS ADVANCED COMPUTERS

Fountain Valley location: 18659 Brookhurst St. Fountain Valley, CA 92708
Tel. (714) 965-4631 * Fax (714) 965-4641
South Bay location: 21164 Hawthorn Blvd. Torrance, CA 90503
Tel. (310) 214-8125 * Fax (310) 371-7388

* InTel Pentium III 450MHz/512Kc **$659.00**
* InTel Pentium III 500MHz/512Kc **$718.00**
* InTel Pentium III 550MHz/512Kc **$889.00**
* InTel Pentium III 600MHz/512Kc **$1127.00**

Systems Include:
* InTel Processor with heatsink & fan
* PC100Mhz Bus mainboard
* SHARE 8Mb Video Card
* 64 MB PC100Mhz Bus memory
* 6.4GB ULTRA IDE Hard Drive
* Built-in high speed 16550 UART Serial port
* Built-in Bi-Directional ECP/EPP printer & USB ports
* 1.44Mb Floppy Drive & 104 Keyboard PS2 / Mouse
* ATX Mid-Mini tower case, 235W P.S.UL Approved
* 44X CDROM / WINDOWS 98
* 3D PCI SOUND CARD/SPEAKER
* 56K Fax/Modem

- Monitor Sold separately -

You can also have a custom made machine
Please call for update prices
All Systems 2 years LABOR & 1 year PARTS limited warranty
CUSTOM NETWORK INSTALLATION, SETUP AND SERVICE AVAILABLE
Price and stock subject to change without notice

VNCR

Viet Nam California Radio

106.3 FM

Hãy để lại sau lưng lịch-sử một thế-kỷ
đầy biến-động của Dân-tộc,
để cùng VNCR đi vào Năm 2000 chan-hòa ánh sáng

Xin mời Bạn đọc, Thân hữu và Thính giả xa gần nhớ đón nghe chương-trình phát thanh đặc-biệt của VNCR trên làn sóng **106.3 FM (vùng Nam California) &** trên **Mạng Internet toàn cầu http://kicon.com.**

với chủ đề:

Ay vọng Năm 2000

Chương-trình được phát đi trong giờ cuối cùng của năm 1999 với sự đóng góp của thân hữu và nhiều nhân-vật từng sống, hoạt-động và liên hệ đến vận mệnh Đất nước

từ 11 giờ tối đến 12 giờ đêm tối thứ sáu,
đêm giao thừa tây lịch ngày 31 tháng 12, 1999.

Đúng 10 giây trước khi kết-thúc năm 1999 đài VNCR sẽ cho phát đi tiếng trống đồng Đông Sơn để bắt đầu năm 2000 chuẩn-bị cuộc Khởi-hành vào Thiên niên kỷ mới.
Xin mời Quí Vị nhớ đón nghe.

Mọi chi-tiết về bảo-trợ Chương-trình đặc biệt này xin liên-lạc
Phan Mỹ Sương (714) 534-9430 . 534-9431 .

Tranh bìa: *Sầu riêng* của Văn Đen
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui, Etcetera
Ảnh: Anh Thành, VAALA Florida, tư liệu

MỤC LỤC

Số 128 . Tháng Mười Hai 1999

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Tín dụng vi mô - **Vương Hữu Bột**
17 Bài học tư doanh - **Ngô Nhân Dụng**
19 Ký hay không ký Hiệp ước Thương mại bình thường? - **Võ Quang**
25 Vận động ngoại giao và tiến trình dân chủ hóa Việt Nam - **Bùi Trọng Cường**
30 Thế đứng tất yếu của Việt Nam vào đầu thế kỷ 21 - **Lê Doãn Kim**
36 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
41 Bá Linh kỷ niệm đêm tự do - **Từ Nguyên**

THIÊN TAI - Y TẾ

44 Vài ý kiến về tản mạn về bão lụt ở Việt Nam - **Nguyễn Đạt**
49 Tường trình về cứu lụt - **Văn Khoa**
64 "Buông mạ ra!" - **Tiểu Quyên**
74 Yếu tố chủ động trong y tế - **Quỳnh Anh**

TIẾNG VỌNG - TÀI LIỆU

54 Đức tin đối với lý trí - **Trần Chung Ngọc**
59 Khóc đi em, khóc nữa đi em - **Nguyễn Văn Tuấn**
100 Những mươi năm ấy biết bao nhiêu tình - **Phan Thị Trọng Tuyến**

VĂN

66 Lê Tam Ca với phách cười - **Thế Giang**
71 Lụt lội - **Phạm Xuân Đài**
77 Đường về - **Nguyễn Đức Tường**
87 Khúc nhạc côn trùng - **Tâm Thanh**
91 Tân Cảnh, mùa hè - **Trần Hoài Thư**
95 Món quà Giáng Sinh - **Tôn Nữ Thu Nga**
107 Thiệu Đình Nguyên - **Hòa Bang Ngạch - Phạm Xuân Hy** dịch

THƠ

68. Lệ rơi thành biển mặn - **Thảo Chi. 76.** Thư cho bạn - **Hồ Thanh Ngạn. 80.** Người yêu tôi nằm ngủ - **Nguyễn Văn Thực. 85.** Đôi đường - **Nguyễn Đức Tường. 91.** Cho tròn giấc ngủ - **Hồng Khắc Kim Mai. 98.** 5 khúc mừng sinh nhật tôi - **Nguyễn Hòa Trước**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Người Việt Nam tin người Việt Nam - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
49 Sổ tay
111 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, VAALA Florida**, Phái viên tại Georgia
115 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Telephone & Fax:
(714) 839 – 8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

NGƯỜI VIỆT NAM TIN NGƯỜI VIỆT NAM

VƯƠNG HỮU BỘT

Nước lũ đổ về gây cảnh lụt ở miền Trung, trong cơn hoạn nạn này đồng bào khắp mọi nơi đã thể hiện tình thương yêu thật lớn lao.

Người Việt ở khắp thế giới bây giờ đều biết đến bà mẹ anh Viêng ở Quảng Bình. Cụ già hơn 80 tuổi đã cắn vào tay con dâu, bắt buông bà ra cho nước cuốn, để chị rảnh tay cứu con nhỏ - nhưng sau đó chị mất cháu bé vì kiệt sức. Các phóng viên báo Lao Động đã đi tới tận nơi, thuật lại câu chuyện đó, và họ mang phẩm vật cứu trợ tới đưa tận tay đồng bào, dù bị gây khó dễ. Các tờ báo từ Hà Nội đến Sài Gòn đã được bà con trong nước ủng hộ nhiệt thành khi tổ chức lạc quyên cứu trợ.

Người Việt Nam ở nước ngoài phát động ngay những cuộc lạc quyên cứu trợ, trong mươi ngày chỉ hai ngôi chùa Liên Hoa và Bát Nhã ở vùng Tiểu Sài Gòn đã nhận được nửa triệu Mỹ kim. Trung tâm Công giáo Quận Cam cũng đạt được con số tương tự. Tin cứu trợ tấp nập gửi về, từ Úc châu, Âu châu, từ miền Đông sang miền Tây. Nhiều nhóm tư nhân không thuộc tổ chức nào cũng tự động lo giúp đồng bào, và họ hy vọng sẽ được tự do về nước cứu trợ. Một người đi cứu trợ từ Việt Nam về cho biết Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Hải Tạng đã trực tiếp điều động nhiều toán công tác cứu nạn thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, cho đến khi chúng tôi viết những hàng này thì hai vị vẫn chưa bị ngăn cản.

Nhưng chúng ta cần nghĩ đến những kế hoạch lâu dài, từ các chương trình y tế, đến việc giúp bà con xây lại các ngôi nhà, trường học, đến việc cấp vốn cho bà con làm ăn, giúp tái thiết hạ tầng cơ sở chung đã bị lũ lụt tàn phá. Những kế hoạch đó chỉ có thể thực hiện nếu mọi người, trong nước cũng như ở nước ngoài, được tự do tới thẳng với bà con bị hoạn nạn, tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng, khả năng của đồng bào và đặt kế hoạch giúp đỡ thích hợp có tác dụng lâu dài. Điều đó đòi hỏi nhà nước phải cho người dân quyền tự do di chuyển, tự do hội họp mà không ngăn cản đồng bào đi giúp lẫn nhau.

Bài ký sự của Văn Khoa trong số này kể câu chuyện một đoàn cứu trợ đến trường Tiểu học Phú Thượng đã phải phát tiền cho các học sinh gấp trong 15 phút rồi rút đi ngay. Sau đó, công an còn đến điều tra coi đoàn đó là ai, tiền ở đâu ra mà nhiều vậy. Đường lối cai trị đó nên chấm dứt. Nếu tiếp tục thì không những sẽ phá hoại công cuộc cứu trợ, mà còn phá hủy cả niềm tin của người Việt Nam đối với nhau. Niềm tin đó, lâu lắm mới có một cơ hội thể hiện rộng rãi như lần này, khi từ quan đến dân, từ trong đến ngoài nước, ai cũng thấy việc cứu giúp đồng bào là quan trọng nhất.

Bạn Văn Khoa cũng kể nỗi thắc mắc của một số nhà báo ở Huế khi đọc các bài trên báo Lao Động (kể chuyện các công an ngăn chặn xe cứu tế lên đèo Hải Vân, chuyện chính quyền xã, huyện đòi cất hàng vô kho để họ phân phát sau, v.v..) Họ lo ngại những tin xấu đó làm giảm nhiệt tình cứu trợ của đồng bào, không nên đăng trên báo. Chúng tôi nghĩ là ngược lại mới đúng. Đồng bào chúng ta không ngu dại khờ khạo, họ biết viên chức chính quyền ở đâu và thời nào cũng có tham nhũng. Nếu tin tức về tham nhũng được đăng tải thì người ta tin rằng những kẻ tham nhũng sẽ bị tố giác, như vậy thì hy vọng sẽ bớt tham nhũng đi. Ngược lại, thì người ta sẽ nghĩ nạn tham nhũng vẫn tiếp tục được che đậy, không hy vọng thay đổi được.

Nói chung, xã hội càng cởi mở, công khai thì niềm tin của con người càng cao, xã hội càng khép kín, bưng bít sự thật thì niềm tin chung càng bị hao mòn. Tín nhiệm là nguồn vốn lớn nhất của xã hội để xây dựng kinh tế thị trường. Chúng ta phải tập cho mọi người tin nhau nhiều hơn, cần phải xây dựng một xã hội tự do, cởi mở.●

Xin bàn một chữ

Thế Kỷ 21 số 127, tháng 11/99, trong bài Đo Lường Pháp Luật, ông Lê Đình Thông có định nghĩa mấy chữ rất "mới." Tôi chỉ xin bàn một chữ: chữ QUYỀN trong từ *Pháp quyền.*

Trương 30, cột 1, có đoạn:

"Chữ Quyền (bộ thủ) có nghĩa là 'tay, đánh bằng tay (đấm)'. Vấn đề là: Ai đấm? Ai bị đấm? (Nói khác đi, vấn đề 'ai đấm ai' là xu hướng của thời đại. Cái bi đát của *Pháp quyền* là ở chỗ đó." (sic)

Kẻ ít chữ như tôi thì hiểu chữ Quyền bộ thủ 拳 (Nghĩa là: Nắm tay. Nắm tay lại. Thuật đánh võ bằng tay) chỉ dùng về võ thuật.

Còn *pháp quyền, dân quyền, quyền lực* v.v... là *quyền bộ mộc*. Chữ này có hai cách viết: 1) Phồn thể: 權 2) Giản hóa: 权

Chữ *Quyền* này đã hoàn toàn Việt hóa và rất thông dụng: người không biết chữ nghe nói cũng hiểu.

HÁN VIỆT TỪ ĐIỂN - Thương vụ ấn thư quán - Bắc Kinh 1994 - 12 người biên soạn - Trương 174 có từ *Pháp quyền* 法权 [fǎquán]. (Quyền bộ mộc)

Nếu chế độ dân chủ, *tam quyền phân lập*, mà các vị ở các cơ quan *Lập pháp, Tư pháp, Hành chánh* đều "đánh bằng tay (đấm)" (chữ của ông Lê Đình Thông) thì nguy tai, thậm nguy tai!!

Nguyễn Hữu Thành *(Paris, Pháp quốc)*

Nói một cách khác

Đọc bài "Nguyễn Mạnh Tường, kẻ bị vạ tuyệt thông" của tác giả Minh Võ ở báo Thế Kỷ 21 số 126, tháng Mười năm 1999, thấy có đoạn:

"Nhưng vì ông đồng thời cũng là người xuất thân từ giai cấp tư sản, lại từng hấp thụ nền giáo dục của truyền thống dân chủ tư sản của Pháp nên vẫn không thể hòa đồng với những người Cộng sản. Chẳng những thế, ông còn dũng cảm nói lên lập trường của mình, phê bình lập trường của lãnh đạo đảng. Vì thế ông không được trọng dụng, rồi bị bạc đãi, bị đầy đọa, bị bao vây, quản chế..."

Ta thử đặt câu hỏi ngược lại, nếu như lãnh đạo đảng Cộng sản chịu nghe ông và trọng dụng ông, liệu đất nước ta và cá nhân ông có thay đổi được chiều hướng Việt Nam thoát ra khỏi ách Cộng sản không? Tác giả Minh Võ còn nhận định rằng *(NMT) không thể hòa đồng với những người Cộng sản*. Điều này có đúng không? Thực chất, ông Nguyễn Mạnh Tường vốn là nhà trí thức đã theo Việt Minh rất sớm, ngay từ năm 1942, và năm 1946 theo Hồ Chí Minh ra bưng kháng chiến. Ông Minh Võ chắc biết điều đó. Chẳng lẽ một người như ông Nguyễn Mạnh Tường đã theo Việt Minh mà lại không biết Việt Minh là Cộng sản?

Vì vậy, tôi đề nghị sửa lại câu kết của ông Minh Võ như sau:

[Lời ông Minh Võ:] *"Để kết thúc, chúng tôi xin ghi nhận là cố luật sư Nguyễn Mạnh Tường là một nhà trí thức có đầy đủ nhiệt huyết, muốn đóng góp tài năng của mình vào việc cứu nước, dựng nước. Nhưng vì...* [Tôi xin nối thêm vào:] *"từ buổi đầu ông đã chọn con đường chính trị/chủ nghĩa sai lầm, nên hậu quả dẫn đến tai hại cho cuộc đời ông và thiệt thòi cho Tổ quốc.*

Tôi nghĩ nói như thế đúng hơn. Tuy nhiên đó chỉ là sự suy nghĩ thô thiển của tôi. Còn ý của tác giả Minh Võ chắc muốn nói về nguyên do mà ông Nguyễn Mạnh Tường bị đồng chí của ông bạc đãi, chứ không tách ông Tường ra khỏi hệ ý thức của ông ta.

Nguyễn Văn Cường *(Bergen, Norway)*

Ông Trời

Có dân tộc nào gọi đấng cao xanh là "ông" như chúng ta không? Theo như các ngôn ngữ nước ngoài mà chúng ta thường biết như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tàu thì hình như không. Trước chữ *Dieu* người Pháp không có tiếng "Monsieur," cũng thế trước *God* không có "Mister" và người Tàu thì khi nói đến đấng *Hoàng Thiên* không bao giờ dùng "Tiên sinh." Chỉ có người Việt Nam là dám kéo đấng cao cả ấy xuống ngang hàng với mình, và gọi bằng "Ông." Ngôn ngữ diễn tả nội dung tâm thức: người Việt không ý niệm nỗi một quyền lực gì tuyệt đối chăng? Hay ý niệm được, mà bản tính xuề xòa, cứ thích xem như là bằng vai phải lứa với mình cho... thân mật?

Đọc bài của Linh mục Trần Cao Tường rồi đọc bài của ông Nguyễn Hùng Vũ, tôi thấy bối rối thật sự. Cũng tiếng "Trời" ấy, một đằng kéo chúng ta đi tới một chỗ tột đỉnh là "Đấng Toàn Năng," một đằng cãi lại, nói cái Ông Trời ấy bình dân lắm, đó chỉ là một cách phát biểu để thay thế cho những hiện tượng như thời tiết, hoặc một ý niệm như định mệnh.

Tôi chợt nhớ mấy tháng trước đây có đến tham dự Ngày Phạm Quỳnh tổ chức ở Quận Cam và được nghe bài thuyết trình rất thú vị của nhà văn Võ Phiến, sau có đăng lại trên Thế Kỷ 21 số 122 tháng Sáu, 1999. Nhan đề bài ấy là "Đố kỵ cái trừu tượng," ý nói người Việt Nam bẩm sinh không biết đến cái trừu tượng, mà chỉ sở trường cái cụ thể. Nhà văn Võ Phiến lấy ví dụ khi xưng hô, người Việt không có khả năng trừu tượng hóa để đi đến một tiếng gọi chung như tiếng "Vous" của Pháp hay "You" của Anh, mà cứ phải rất cụ thể là ông, là bà, là cô, là dì, là chú, là bác... Luôn luôn phải đối diện với từng trường hợp một, chứ không đạt được cái phổ quát. Ông còn viện dẫn giáo sĩ F.X. Marette, viết trong tập "Biên niên truyền giáo" in ở Paris năm 1833: *Việt ngữ phong phú về tiếng để diễn tả những cái thông thường và có thể cảm nhận được, nhưng nghèo về loại tiếng dùng vào các kỹ thuật cơ khí và các ngành mỹ thuật; Việt ngữ tuyệt đối không có tiếng để diễn đạt các ý tưởng trừu tượng.* (Elle [la langue annamite] est absolument dépourvue d'expressions pour les idées abstraites).

Những điều này phù hợp với định nghĩa Trời của Nguyễn Hùng Vũ: Trời chẳng qua chỉ là tiếng để chỉ - một cách tương đối tổng quát - những điều cụ thể. Tôi không thể không đồng ý với các nhận xét ấy. Nhưng tôi vẫn cảm thấy, tự trong thâm tâm, một ý niệm Trời vượt qua các hiện tượng, các sự kiện, các ý niệm thông thường (đây là tôi nói về tâm thức Việt Nam thuần túy, chưa có ý niệm Thượng Đế của Thiên Chúa giáo xen vào). Dù nhà văn Võ Phiến đã biện luận và dẫn chứng rất rõ: *Dù sao, con người có xác có hồn. Chữ* xác *là tiếng thuần Việt, chỉ thị một khối cụ thể; đến chữ* hồn *ông giáo sĩ gặp khốn khổ ngay.* Hồn *là tiếng Tàu. Ta không có tiếng gọi tên cái hồn, ta không mảy may để ý đến, không lúc nào thấy cần phải nói đến cái món trừu tượng ấy*, tôi vẫn thấy người Việt Nam vẫn thực sự có một nhu cầu, và khả năng tâm linh tiềm ẩn ở bên trong. Một dân tộc đã làm quen với Phật giáo từ hai ngàn năm, đã có những trung tâm Phật học quan trọng còn trước cả Trung Quốc, đã có thời Phật giáo là quốc giáo, đã có những vị khai sáng ra môn phái tu thiền, một dân tộc như vậy mà hoàn toàn xa lạ với sinh hoạt tâm linh thì có vẻ vô lý. Vả chăng tiếng Trời thường được đi với tiếng Phật, "Trời Phật" là cách gọi kép để diễn tả một chỗ tựa tinh thần. Khi chỉ nhắc đến Trời, ngay cả khi cầu xin *Lạy trời mưa xuống*, thì đúng như Nguyễn Hùng Vũ nhận xét, trời chỉ là thiên nhiên, nhưng khi Trời được ghép với Phật thì câu gọi gợi ngay một nội dung tôn giáo.

Nhưng bản chất của nội dung tôn giáo ấy là gì, có hướng về một Đấng Toàn Năng hay không, thì hình như là vấn đề quý vị đang bàn cãi. Tôi tự thấy không có khả năng đào sâu về siêu hình (bản chất Việt Nam của tôi đó chăng?), nên không dám lạm bàn, chỉ xin nói một chút đến khía cạnh tâm linh mà tiếng Trời, thường cộng với tiếng Phật, gợi lên trong lòng tôi, đó là một cái gì có thật. Mà chút siêu hình ít oi ấy nếu có thật sự gần gũi với đức tin của một tôn giáo khác thì lại càng hay, vì tôi vẫn tin rằng con người dù ở đâu thì "cũng nhân tâm ấy há thiên lý nào." Nhưng phải luôn luôn cảnh giác chống lại tất cả các hình thức xiềng xích trí tuệ, đó là cái đáng tởm nhất trong suốt lịch sử của loài người.

Lê Bàng *(Santa Ana, CA)*

Tranh bìa của Thái Tuấn

Báo *Thế Kỷ 21* rất phong phú nội dung, và trình bày rất trang nhã. Có kỳ, tranh bìa của họa sĩ Thái Tuấn quá đẹp, tôi phải đi mua khung đem về lồng kính treo trên tường. Càng nhìn, tôi càng thấy hài lòng. Chấm phá nhưng sự sống được diễn tả rất sinh động, một cái gì rất Đông phương, rất đơn sơ hiền hòa như bài thơ Hài cú hay lục bát.

Khanh Huynh *(St Louis, MO)*

Ao cá bác Hồ

Bài *Chân dung ông Tố Hữu* trong số báo tháng 11 vừa rồi đọc thật là thú vị, nhất là đoạn sau, những hồi âm từ bạn đọc gửi về cho tác giả, phản ánh những dối trá, đạo đức giả của chế độ. Đoạn viết về "Ao cá bác Hồ" thật là một điển hình của dối trá, mà bức hí họa của Babui ở gần đó đúng là một minh họa sát thực tài tình. Đọc xong bài, xem xong tranh, tôi bỗng thấy cảm hứng giạt dào, bèn làm một bài thơ vịnh cái ao ấy như sau:

Ao cá bác Hồ

Này cá rô ơi chớ có buồn
Hàng ngày Bác vẫn nhớ rô luôn (1)
Nướng trui lóc thịt: canh rau cải
Chiên rộm, dầm cay Bác vẫn thường
Khi chờ hộ lý xơi dăm chú
Rồi lúc vui xong một đĩa đầy
Óng ánh bóng trăng ao cá quẫy
Bác cười: "Tao vẫn đợi mi đây."
(1) Thơ Tố Hữu

Sơn Nhân *(San Diego, CA)*

Internet thay đổi việc kinh doanh

Chúng tôi rất thích thú khi đọc xong bài "Internet thay đổi việc kinh doanh" trong *Thế Kỷ 21* số 126, tháng Chín 1999. Chúng tôi rất cám ơn tác giả đã cô đọng lại rất nhiều informations toàn cầu để viết bài trên. Rất mong báo *Thế Kỷ 21* sẽ được phổ biến mạnh mẽ hơn trên những media khác nhau. Chắc là phải "bình dân hóa" hơn cho đại chúng hải ngoại, nhất là các thế hệ trẻ đã gần như quên mất tiếng mẹ đẻ của mình.

Chúng tôi nghĩ là nên tìm cách đem bài vở rất quý của tờ báo vào các web sites của các trường tiểu học, trung học của California, và có thể rộng hơn, của cả nước Mỹ, hoặc là liên lạc với các cơ quan văn hóa giáo dục của từng thành phố để "make your information available" cho các giáo viên tiểu và trung học.

Tong Dinh Lam *(Internet)*

Ai thực sự trách nhiệm?

Tôi rất đỗi ngạc nhiên và thất vọng khi đọc bài "Ai thật sự trách nhiệm về việc miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cọng sản" đăng trên Thế Kỷ 21 số 127, tháng Mười 1999. Không phải thất vọng vì tài liệu không hay, lý luận không vững, nhưng mà là cách đặt vấn đề: đặt chính quyền và nhân dân miền Nam hoàn toàn ra ngoài trách nhiệm ấy. Chỉ riêng cách đặt vấn đề như thế của một người có thời giữ các trách nhiệm cao cấp trong chính quyền miền Nam đã có thể cho thấy đâu là trách nhiệm làm mất miền Nam. Với tư cách là một người trực tiếp cầm súng gìn giữ miền Nam với tất cả ý thức trách nhiệm của một người dân một nước, tôi thấy trước một câu hỏi như thế, thì nên tìm câu trả lời nơi người chủ nhân của miền Nam trước đã, và chủ nhân ấy phải không ai khác hơn là chính quyền và nhân dân.

Dĩ nhiên người ta sẽ nói về cái thế quốc tế của cuộc chiến Việt Nam để giảm thiểu vai trò của chính quyền và nhân dân, nhưng giảm thiểu đến độ thấy kẻ *thực sự trách nhiệm* là một ông tổng thống Mỹ thì tôi cảm thấy như bị sỉ nhục. Ngày nay chúng ta dần dần biết nhiều tài liệu về cuộc chiến ấy, chúng ta có thể rõ thêm những ngóc ngách của từng giai đoạn, nhưng cách đặt vấn đề để đổ hết trách nhiệm cho người ngoài như thế thì chẳng khác gì phủ nhận chính mình. Mình mà còn phủ nhận mình thì còn đi tìm hiểu nguyên do thắng bại làm gì cho nhọc xác?

Võ Văn Chính *(Los Angeles, CA)*

Đúng, sai

Trong *Thế Kỷ 21* số 121 tháng 5/99, ông Phạm Quang Tuấn có viết bài "Nghệ thuật phổ thơ vào nhạc" rất công phu và rất hay.

Tuy nhiên, trong phần trích bài thơ "Chanson d'Automne" của P. Verlaine tôi thấy có sai một chữ mà tôi nghĩ rất tai hại cho bài thơ ấy, một bài thơ nổi tiếng về nhạc điệu.

Nguyên văn mấy câu đầu như sau:

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Bercent mon coeur
D'une langueur
Monotone.
....

Trong bài báo vừa nói, ở trang 50, lại in chữ *Blessent* thay vì chữ *Bercent*. Ý nghĩa của hai động từ Blesser bà Bercer khác nhau rất xa, nếu không muốn nói là phản nhau. Có lẽ đây là sự sơ xuất của người đánh máy chăng?

Hoàng Hội *(Melbourne, Australia)*

Đó không phải lỗi của người đánh máy. Và cũng không phải lỗi của ai cả, vì chữ đúng là Blessent *chứ không phải* Bercent. *Có lẽ ông dùng một dị bản nào đó không đúng. Xin ông chịu khó tra cứu lại, chẳng hạn trong cuốn Poèmes Saturniens của* P. Verlaine.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Yên Hòa, Tạ Tỵ, Nguyễn Văn Cường, Thảo Chi, Hoàng Hương Trang, Trần Gia Phụng, Thiện Hỷ, Lê Doãn Kim, Trần Chung

Ngọc, Hà Nguyên Du, Nguyễn Văn Tuấn, Bằng Vũ, Nguyễn Phương Bối, Babui, Trần Vấn Lệ, Hồng Khắc Kim Mai, Nguyễn Hòa Trước, Thế Giang, Thu Từ, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Thái Tuấn, Lê Ngọc Hồ.

Quang D. Tran *(Lowell, MA):* Góp ý của bác sĩ tuy ngắn gọn nhưng hết sức quan trọng. Chúng tôi đã lo chỉnh đốn việc ấy. Xin gửi đến bác sĩ lời cám ơn chân thành. Kính.

Ngô Thị Quý Linh *(Houston, TX):* Xin cám ơn bà/cô đã có lời khen ngợi mục ấy, và đã gửi biếu Tòa soạn quyển sách tài liệu rất quý. Quý vị bác sĩ mà bà/cô nhắc trong thư cũng là các thân hữu lâu năm của Thế Kỷ 21. Mong có nhiều liên lạc hơn, nhất là về viết lách, bài vở. Thân kính.

Đính chính:

- Trong bài "Ai thực sự trách nhiệm về việc miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng sản?" trong Thế Kỷ 21 số 127 tháng 11/99, nơi trang 18, hàng thứ 16 từ dưới lên: *ngày 20/4/1961*, xin sửa lại là: **tháng 7 năm 1962.** Xin cám ơn quý vị.

- Tên tác giả của bài "Giải Nobel Y khoa năm 1999" trong Thế Kỷ 21 số 127 tháng 11/99 là **Nguyễn Văn Tuấn** thay vì Nguyễn Anh Tuấn. Xin cáo lỗi cùng tác giả và quý độc giả.

Cáo lỗi: Vì một lý do đặc biệt, loạt bài *Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ* của tác giả Trần Anh Tuấn chưa thể tiếp tục đăng trên số này. Một lần nữa xin "khất" với quý độc giả.

SỐ XUÂN NĂM 2000

Báo Thế Kỷ 21 số Xuân Canh Thìn sẽ rơi vào số tháng Hai 2000. Đây là số báo Xuân cuối cùng của thế kỷ 20. Xin mời quý văn hữu cùng tất cả quý vị đóng góp bài vở để số báo Xuân của chúng ta thêm phần phong phú. Hạn chót nhận bài: 15 tháng Giêng 2000.

Hộp thư tị sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Bùi Hữu Mạnh (Villefontaine FRANCE), Deichmanske Bibliotek (Oslo NORWAY), Melhus Bibliotek (Melhus NORWAY), Toensberg Bibliotek (Toensberg NORWAY), Bergen Offentlige Bibliotek (Bergen NORWAY), Nguyễn Văn Đại (Beaverton OR), Nguyễn Thị Tý (Paris FRANCE), Le Cong Dinh (New Orleans LA), Thao Pham (Houston TX), Nghiêm Xuân Hy (Fountain Valley CA), Nguyễn Thị He (Montreal CANADA), Quang D. Tran (Lowell MA), Lê Ngoc Chan (Sarlat FRANCE), Nguyễn Tường Giang (Falls Church VA), Quy V.Vo (Hyattsville MD), Duong Thieu Hung (Severn MD), Divine Word Theologate (Chicago IL), Day-Riverside BR Lib (Salt Lake City UT), Chapman BR Lib (Salt Lake City UT), Santa Ana Public Lib (Santa Ana CA), Library (Menzies) Australian National University (Canberra AUSTRALIA), Carrie Estelle Doheny Mem Lib (Camarillo CA), Columbia BR Library (Seattle WA), Biblio Ville Montreal (Montreal CANADA), Los Angeles Pub. Lib. (Los Angeles CA), Chinatown Branch Lib (Los Angeles CA), Fredrikstad Bibliotek (Fredrikstad NORWAY), An Nguyen (Grand Rapids MI), Luu Nguyen (Hawthorne CA), Hoàng Phương (Royal Oak MI), Do Xuan Cung (Novato CA), Van Minh Phuoc (Edmonton Alberta CANADA), Thiên Huong & Gene Sens (Renton WA), Hà Thúc Chữ (Lynnwood WA), Nguyễn Minh Thông (Krefeld GERMANY), Nguyễn Thị Tiết (Ginsheim GERMANY), Nguyễn Khắc Tiến Tùng (Leipzig GERMANY), Vũ Thế Dũng (Berlin GERMANY), Nguyễn Ngọc Liên (Jersey City NJ), Nguyễn Lương Điền (San Jose CA), Nguyễn Đức Cường (Honolulu HI), Nguyễn Thị Thu/Dat (Ventura CA), Nguyễn Tấn Phát (Hampton VA), Hoàng Xuân Thiệu (Elk Grove CA), Vincent Le Phu Hai Omi (Strabourg Cedex FRANCE), Trinh Tran (Brookline MA), Nguyen van Dinh (Orange CA), Trần Thanh Hải (GERMANY), Dang Dong My (Saint Laurent CANADA), Nguyen Phong Chau (Nepean CANADA), Doan The Hoang (Lincoln NE), Nguyễn Đức Mai (Sunnyvale CA), Hai V. Chu (Kingstown VA), Thuy Pham (Oakland CA), Pham Phung (Duncan OK), Lưu Cẩm Ngân Hà (Claymont DE), Anaheim Public Library (Anaheim CA), Nguyen Hao (Diamond Bar CA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Trinh Tan Phan (Garland TX), Dong Pham (Moorpark CA), Van Minh Phuoc (Edmonton Alberta CANADA).●

TÍN DỤNG VI MÔ

Cho những người nghèo nhất vay tiền

VƯƠNG HỮU BỘT

Từ 1964 đến 1975 Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội ở Việt Nam là một tổ chức tư nhằm giúp nông dân phát triển, cải thiện đời sống về bốn mặt: giáo dục, y tế vệ sinh, kinh tế, và tổ chức xã hội. Trường có một số thí điểm ở miền Nam và miền Trung. Chúng tôi đã nhiên cứu những tổ chức thiện nguyện cùng chung mục đích ở các nước nghèo khác, như kinh nghiệm ở Ấn Độ, Phi Luật Tân, Sri Lanka, v.v.. mong có thể áp dụng vào thôn quê Việt Nam.

Về mặt kinh tế, ở một số làng Trường đã thí nghiệm những nhóm cùng nuôi trâu chung gọi là "hợp tác xã nuôi trâu." Mấy người cùng xóm góp tiền nhau, Trường TNPSXH cho vay thêm để họ đủ vốn mua trâu, và họ chia nhau trách nhiệm săn sóc và cùng sử dụng. Chúng tôi cũng đã thử những tổ chức tín dụng nhỏ ở nông thôn, nhưng chưa thành hệ thống. Trong thời gian đó, Ngân hàng Grameen ở Bagladesh chưa thành hình, nếu không chắc Trường TNPSXH phải đem thử mô thức này.

Trong lúc nhiều người nói đến phát triển thì chỉ nghĩ đến những món tiền hàng tỷ mỹ kim, câu chuyện ngân hàng Grameen cho chúng ta thấy cách suy nghĩ khác. Chính phủ ở các xứ nghèo thường chờ xin Ngân hàng Thế giới hay các công ty quốc tế mang vốn đến đầu tư, thì Grameen cho chúng ta tấm gương của những nông dân một xứ nghèo tự xây dựng tổ chức tín dụng của họ, bằng tinh thần tự nguyện mà vẫn có kết quả. Kết quả không phải chỉ giới hạn trong phạm vi kinh tế, còn lan sang mặt giáo dục, xã hội. Và hiện nay mô thức này đã được áp dụng ở 40 quốc gia, người Việt Nam cũng nên tìm hiểu.

Bắt đầu với 27 mỹ kim

Khi nói vay ngân hàng, chúng ta thường nghĩ đến bạc ngàn, bạc triệu. Nói chuyện một ngân hàng cho vay vài chục, một trăm Mỹ kim, chúng ta sẽ bật cười. Nhưng đây là một ngân hàng có thực, và tuy bây giờ tài sản ngân hàng đã lên hàng tỷ đô la nhưng 42 thân chủ đầu tiên của Giáo sư Muhammad Yunus, người sáng lập Ngân hàng Grameen, họ chỉ xin vay tổng cộng 27 Mỹ kim mà thôi!

Ngân hàng này phục vụ những nông dân nghèo hạng nhất ở xứ Bangladesh, một xứ đông dân (gần 120 triệu) với lợi tức bình quân chỉ xấp xỉ bằng dân Việt Nam. Nhưng Grameen không do chính phủ lập ra, họ không phải là một cơ quan từ thiện với mục đích giúp dân nghèo bằng tiền bao cấp, mà đó là một ngân hàng thật sự, cho vay để lấy lãi. Người sáng lập, Giáo sư Muhammad Yunus hiểu giá trị của "động cơ kinh tế" và tôn trọng kỷ luật thị trường, nhưng ông biết phối hợp quy tắc thị trường với tấm lòng từ bi và bộ óc khôn ngoan, linh động của một người dân xứ nghèo!

Giáo sư Yunus tốt nghiệp Tiến Sĩ kinh tế học ở Đại học Vanderbilt, một trường lớn và nổi tiếng ở Mỹ, ông về dạy ở Đại học Chittagong từ năm 1972, lúc miền Đông Pakistan mới tách khỏi Hồi quốc thành một nước riêng, tức xứ Bangladesh. Hai năm sau, Bangladesh phải chịu một nạn đói kinh khủng, bao nhiêu người chết. Trận đói vùng Bengal đã khích động một nhà kinh tế học Ấn Độ nghiên cứu về các trận đói trên thế giới, và năm ngoái ông Amartya Sen đã được tặng giải Nobel về kinh tế học. Giáo sư Sen kết luận rằng người ta chết đói không phải vì thiên tai, mà vì các định chế và chính sách sai lầm của nhà nước gây ra. Ông Sen đã chứng minh rằng nếu các quy tắc của kinh tế thị trường được tôn trọng thì khó xẩy ra nạn đói, ông nhận xét là ở các nước dân chủ người ta không bị nạn đói như ở các xứ độc tài.

Khi nạn đói xảy ra, giáo sư Yunus cảm thấy những bài giảng về kinh tế học của ông ở trong lớp trở thành vô vị trước cảnh nghèo khổ của nông dân sống trong vùng thôn quê ở chung quanh đại học. Giữa những lý thuyết khô khan ông đang dậy và cảnh người ta nghèo đói có một khoảng cách biệt quá xa.

Ông Yunus đã tới thăm các nông dân trong làng Jobra. Ông thấy nhiều nông dân muốn làm việc để sống nhưng họ "thiếu vốn," nhiều người chỉ cần vài Mỹ kim để lấy vốn làm ăn mà cũng không có. Nếu đi vay, họ phải trả lãi suất cao cắt cổ. Và có những con buôn đến đặt tiền mua trước mùa màng, với giá rẻ mạt chỉ vì người nông dân không có tiền để sống trong khi chờ mùa gặt. Giáo sư Yunus nhờ các sinh viên cao học đi điều tra tình trạng các gia đình nghèo nhất, đang cần vay tiền làm vốn ở trong làng Jobra. Học trò mang về cho ông danh sách 42 người, mà tổng số tiền họ cần vay chỉ tương đương với 27 Mỹ kim!

"Tôi bị sốc mạnh!" ông Yunus thuật lại, "Trong lớp học tôi dậy sinh viên về kinh tế, với toàn những món tiền hàng triệu Mỹ kim. Chúng tôi không biết gì về tình trạng nghèo khổ của những con người cần cù chịu khó và đầy đủ khả năng ở chung quanh mình, mà họ thì chỉ cần những số vốn nhỏ nhoi nhất!"

Ông Yunus lấy tiền túi của ông cho 42 người đó vay. Nhưng còn những người khác thì sao? Ông tiếp xúc với ngân hàng của trường Đại học, đề nghị họ cho các nông dân vay tiền làm vốn. Nhưng viên giám đốc cho biết ngân hàng không thể cho vay được. Vì theo tiêu chuẩn của tất cả các ngân hàng, họ phải xét khả năng trả nợ của người vay, mà các nông dân này thì không có thành tích kinh doanh nào từ trước để chứng tỏ họ có khả năng trả nợ! Họ cũng không có tài sản nào đáng cho ngân hàng nhận làm thế chấp! Không thuyết phục được viên giám đốc ngân hàng, giáo sư Yunus lên nói chuyện với những người ở cấp cao hơn, nhưng kết quả vẫn như vậy!

Cuối cùng, năm 1976 giáo sư Yunus đứng ra bảo đảm cho các người đi vay, ông đứng tên vay tiền, mang về đưa cho các nông dân sử dụng, người nuôi gà, người làm đồ gốm, người dệt sợi, v.v. để họ lấy vốn làm ăn. Và đến kỳ trả vốn cũng như lãi, các "thân chủ" này đều hoàn trả đầy đủ, không có thứ gì gọi là "nợ xấu." Với thành tích "trả nợ đúng hạn," "kre đít" tốt, ông Yunus có thể vay thêm, để trao cho các "thân chủ" của ông làm vốn!

Không thể bắt các ngân hàng thay đổi, phải lập ngân hàng

Sau thí nghiệm ở làng Jobra, ông Yunus đi xa hơn, từ một làng lên năm, lên mười, lên đến 100 làng. Nhưng ngân hàng thương mại vẫn là ngân hàng, họ vẫn theo đúng sách vở, không cho ai vay nếu không có "thế chấp"!

Không thay đổi được ngân hàng thì ông Muhammad Yunus quyết định phải lập ra một ngân hàng! Phải thuyết phục các quan chức Bộ Tài chánh và Ngân hàng Trung ương, năm 1983 mới thành lập được Ngân hàng Grameen - trong tiếng Bengali, Grameen nghĩa là Làng.

Những quy tắc hoạt động của Ngân hàng Grameen khác hẳn những ngân hàng thường. Thứ nhất là họ chọn các thân chủ nghèo nhất, không thể vay ở chỗ khác vì không có gì để thế chấp. Chỉ những người sống với mức lợi tức bằng một nửa "mức nghèo khó" mới được vay tiền. Mức nghèo khó theo định nghĩa của FAO, Cơ quan Thực phẩm và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc.

Nhưng làm cách nào để bảo đảm những người nghèo đó sẽ trả nợ cho ngân hàng? Câu trả lời là: đặt tin tưởng vào tính thiện của con người và dựa trên tình làng xóm để bảo đảm người ta giữ được tính thiện đó. Các người muốn vay ngân hàng Làng phải họp lại thành từng "nhóm năm người" họ tự ý lựa chọn lẫn nhau, và mỗi người trong nhóm đứng ra bảo đảm cho bốn người kia. Nếu một người không trả được nợ thì bốn người kia phải trả giúp. Một người không trả được, không một ai trong nhóm được vay nữa, hay chỉ được vay số tiền có giới hạn.

Ông Yunus kể một thí dụ tiêu biểu. Hai người trong nhóm làm giấy xin vay nợ, mỗi người vay từ 25 mỹ kim đến 100 mỹ kim, trả góp hàng tuần. Sau khi hai người này trả góp đúng hạn trong năm kỳ họp hàng tuần, hai người khác trong nhóm được đứng tên vay tiếp. Khi hai người này trả đúng năm kỳ hạn khác, người thứ năm được vay. Khi mỗi người trả vốn đủ 50 kỳ hạn, tức là gần một năm, họ bắt đầu trả tiền lãi. Lãi suất của ngân hàng này cao hơn lãi suất của các ngân hàng thương mại chút đỉnh, vì chính ngân hàng Grameen phải vay từ các ngân hàng thương mại. Những nông dân nghèo nàn vay tiền về để nuôi gà, nuôi vịt hay nuôi dê lấy sữa, hay là trồng rau, mua đồ về làm các món thủ công đem ra chợ bán.

Ngân hàng Grameen không ngồi chờ thân

chủ. Nhân viên ngân hàng đích thân tới gặp các thân chủ trong các buổi họp hàng tuần. Trong buổi họp gồm các thân chủ của sáu nhóm, tám nhóm trong làng, họ góp tiền trả nợ hàng tuần, xin vay món nợ mới, v.v. Và mỗi thân chủ trình bày về công việc làm ăn của mình tiến đến đâu, nghe các lời khuyên bảo. Nhân viên Ngân hàng Grameen có khi tới thăm nhà thân chủ để coi tiến triển của việc kinh doanh.

Ngân hàng không phải cơ quan từ thiện

Khi Ngân hàng Grameen được thành lập, 75% số vốn là của chính các nông dân nghèo đã từng vay nợ, số còn lại do chính phủ Bangladesh góp. Năm 1992, đã có 400 ngàn người vay tiền, 82% là phụ nữ. Mỗi tháng cho vay khoảng 2.5 triệu Mỹ kim, và món tiền vay trung bình là 67 Mỹ kim. Ngân hàng cũng có những thân chủ không trả được nợ (nợ xấu) nhưng tỷ số nợ xấu chỉ có 2% mà thôi. (Ở Việt Nam số nợ xấu trung bình hiện nay là 20% theo thông báo chính thức.) Đến Tháng Ba năm 1995, 18 năm sau thí nghiệm ở làng Jobra thì Ngân hàng Grameen đạt tới con số tiền cho vay một tỷ Mỹ kim! Hai năm sau, đã lên đến 2 tỷ Mỹ kim.

Năm nay, Ngân hàng Grameen đã có 2.4 triệu thân chủ, ở 39 ngàn ngôi làng (trong số 68 ngàn làng trên toàn quốc,) mà 94% người vay là phụ nữ, số tiền vay trung bình là 180 Mỹ kim. Từ năm 1995 Ngân hàng Grameen hoàn toàn tự túc. Những người vay ngân hàng sau một năm thì được quyền mua cổ phần. Đến nay, 94% số cổ phần là do các nông dân nghèo làm chủ, và họ bầu lên chín quản trị viên trong số 13 người của Hội đồng Quản trị, ngoài các đại diện của chính phủ, và giáo sư Yunus. Ông Yunus cho biết tỷ số nợ đòi được ở khoảng 96% đến 100%.

Ngân hàng Grameen cũng lo kiểm soát nhân viên của họ để tránh nạn bè phái, tham nhũng, "bảo đảm tính lương thiện và trong suốt (honesty and transparency,)" như lời ông Yunus nói. Một giám đốc chi nhánh ngân hàng thường không được bổ nhiệm ở gần quê mình, và họ thường không ở lâu một nơi, để khỏi mọc rễ hoặc bị lôi cuốn vào các phe phái ở địa phương. Cũng vì tính lưu động đó mà ngân hàng phải bổ nhiệm nhiều đàn ông làm giám đốc, nên đã bị dư luận chỉ trích là trọng nam khinh nữ. Ngân hàng còn bị chỉ trích vì không đóng vai một cơ quan từ thiện mà vẫn chủ trương phải theo đuổi mục tiêu sinh lợi. Năm ngoái, một trận lụt làm tiêu tan nhà cửa và sản nghiệp của hàng trăm ngàn thân chủ vay tiền, nhưng Ngân hàng Grameen không "tha nợ" cho họ, chỉ cấp cho tín dụng mới và hoãn kỳ hạn trả nợ cũ. Như giáo sư Yunus nói, "Tính cách sinh lợi đó, tôi tin là điều thiết yếu" để bảo đảm ngân hàng tồn tại và hoạt động có hiệu quả. "Xóa nợ sẽ làm người ta mất tinh thần trách nhiệm (accountability), một yếu tố cơ bản để một ngân hàng thành công."

Ảnh hưởng xã hội

Ngân hàng Grameen không phải chỉ có tác dụng kinh tế, mà còn ảnh hưởng đến nếp sống xã hội, nhất là khi đa số cổ đông và thân chủ là phụ nữ ở nông thôn. Các phụ nữ này đã tạo thêm được uy thế đối với chồng, họ cũng chú ý nhiều hơn đến giáo dục con cái, vệ sinh và dinh dưỡng, nhờ các buổi họp hàng tuần có tính cách giáo dục. Trong một buổi họp trả nợ hàng tuần, các thân chủ phải cùng nhau đọc lại 16 điều phát nguyện. Đó là những điều giản dị về y tế vệ sinh, như phải uống nước sạch đã khử trùng, phải trồng rau lấy mà ăn, và có những phát nguyện nhắm cải thiện phong tục, như không bắt các cô dâu phải có của hồi môn (một tục lệ cổ ở xứ này) hoặc không sinh quá nhiều con. Đó là những lời hứa khi các nông dân vay tiền, nhưng việc thi hành thì hoàn toàn tự do và tự nguyện. Ngoài việc đem ra tụng đọc hàng tuần để nhắc nhở thì không ai đi kiểm tra hay ép buộc ai phải theo cả.

Giáo sư Muhammad Yunus cho biết nhiều cuộc nghiên cứu độc lập của những tổ chức quốc tế tìm thấy rằng ngân hàng Grameen có ảnh hưởng đến đời sống chung quanh. Đa số thân chủ là phụ nữ, họ trở thành những người tự túc về kinh tế. Địa vị của phụ nữ ở trong làng lên cao. So với lối xóm, những bà đã vay tiền của Grameen thường cho con đi học nhiều hơn, sức khỏe của các con họ cũng tốt hơn, và họ cũng thực hiện việc hạn chế sinh sản có hiệu quả hơn. Mỗi năm có khoảng 5% những người vay tiền của Grameen (tức khoảng 120 ngàn gia đình) vượt ra khỏi cảnh nghèo đói.

Hãy coi thí dụ chị Amena Begum ở làng Kholshi, cách thủ đô Dhaka 112 cây số, một bần cố nông tài sản không có gì. Năm 1993, bà Oloka, một bà hàng xóm khuyến khích chị tham gia nhóm năm người đang lập ra để vay tiền. Khi được mượn số tiền 50 mỹ kim đầu

tiên, chị Begum đem làm vốn nuôi gà, vịt. Khi chị Begum trả đủ món nợ đầu tiên, chị xin vay thêm 110 mỹ kim. Bà Oloka khuyên chị về nhà bảo ông chồng rằng ngân hàng Grameen họ không cho bà nào vay nữa, nếu bà đó còn bị chồng đánh. Chị Begum làm theo lời khuyên, và từ đó không còn bị chồng đánh nhiều như trước nữa.

Ngân hàng Grameen cũng lập ra hàng chục xí nghiệp, thí dụ Grameen Phone, chuyên về điện thoại lưu động, đã thí nghiệm ở 65 làng, sẽ cung cấp dịch vụ điện thoại cho tất cả các làng nơi ngân hàng Grameen hoạt động. Hiện có 50 ngàn phụ nữ cả đời chưa bao giờ biết đến điện thoại, có người chưa biết cái đèn điện, nay đã thành người cung cấp dịch vụ điện thoại cho lối xóm. Sau này, họ sẽ trở thành cổ đông của công ty. Ngân hàng Grameen đang tổ chức một quỹ đầu tư, Grameen Investments để các nhà đầu tư ở các nước giầu cũng có thể góp vốn cho những công ty như Grameen Phone. Họ không góp vốn vì lòng từ thiện, họ có thể làm việc thiện bằng cách khác nhưng khi đầu tư thì phải sinh lợi.

Đến năm nay thì kiểu mẫu ngân hàng Grameen đã được thành lập ở 40 quốc gia, thành một phong trào quốc tế về "tín dụng vi mô" (microcredit). Năm 1986 ở Mã Lai đã bắt đầu lập một ngân hàng tương tự, và hiện nay đang phục vụ 40 ngàn gia đình nghèo, tỷ số trả đủ nợ gần 100%. Ở Bolivia các phụ nữ sau khi vay của ngân hàng vi mô dần dần đã khá giả để có thể vay từ các ngân hàng thương mại. Các tổ chức từ thiện quốc tế có giúp đỡ những quỹ tín dụng vi mô này, nhưng nguồn vốn chính của họ là đi vay các ngân hàng thương mại với lãi suất trên thị trường. Cô Donna Katzin, thuộc tổ chức Shared Interest ở Mỹ, chuyên đi tìm nguồn vốn giúp hệ thống tín dụng vi mô, nói rằng không có cách nào tìm đủ nguồn tài trợ cho kịp nhu cầu tín dụng của người nghèo, dù chỉ ở một lục địa châu Phi mà thôi.

Trên thế giới hiện nay có khoảng 1300 triệu người sống với lợi tức dưới một mỹ kim một ngày, theo thống kê của Liên Hiệp Quốc. Có 22 triệu người nghèo đang được vay nợ nhờ hệ thống tín dụng vi mô, trong số đó 13 triệu sống ở Á châu. Ở Mỹ, cơ quan Microcredit Summit tổ chức mỗi năm một hội nghị quốc tế để trao đổi kinh nghiệm. Năm 1998, hội nghị cùng hứa với nhau là đến năm 2005 thì sẽ đạt con số 100 triệu thân chủ nghèo nhất được vay tiền. Có 2000 tổ chức hỗ trợ cho phong trào tín dụng vi mô, từ các tôn giáo đến các ngân hàng, và cơ quan Liên Hiệp Quốc.

Bài học ở Cộng Hòa Nam Phi

Chị Leshabane ở làng Sekororo, phía bắc Cộng Hòa Nam Phi sống trong cảnh nghèo đói thường xuyên. Một hôm ông Ben Nkuma, đại diện của một tổ chức tín dụng vi mô đến làng, khuyên chị tìm thêm ba hay bốn người bạn nữa cùng đi vay nợ. Ông Nkuma không làm việc từ thiện. Ông đại diện cho tổ chức tín dụng vi mô bất vụ lợi Small Enterprise Foundation. Nếu vay tiền, chị Leshabane phải trả lãi, thấp hơn lãi suất ở ngân hàng thương mại chút ít. Mặc dù người Phi châu rất sợ vay nợ, cuối cùng chị cũng thử.

Hiện nay chị đang là chủ một gánh hàng trái cây và nấu một thứ cháo người địa phương gọi là "pap" để bán cho khách qua đường. Trong đời, đây là lần đầu tiên chị Leshabane có một món lợi tức thường xuyên, dù nhỏ nhưng cũng giúp đỡ cho đại gia đình 11 người của chị.

Nam Phi là một xứ giầu có ở Phi châu với 42 triệu dân, nhưng một nửa các người da đen bị thất nghiệp. Mỗi năm có 200 ngàn người mới bước vào thị trường nhân lực - ở Việt Nam trên một triệu người. Ông John de Wit cũng chịu ảnh hưởng của giáo sư Yunus của Bangladesh, ông sáng lập Small Enterprise Foundation (SEF) vì tin rằng đem tín dụng đến cho người nghèo là phương thuốc hữu hiệu để họ thoát cảnh cùng khổ. Ở cả châu Phi hiện có 1.3 triệu người được vay nợ từ hệ thống tín dụng vi mô. Nhưng SEF là tổ chức thành công nhất, không phải vì nó lớn nhất mà vì tỷ lệ nợ không thể đòi thấp nhất: Sau 21 ngàn lần cho vay, mới chỉ có bảy vụ không trả được. Mà phần lớn 7000 thân chủ không ai có trương mục ở ngân hàng trước khi vay của SEF. Phần lớn các thân chủ của SEF sống dưới mức nghèo khó. Ở Nam Phi mức nghèo khó được định nghĩa là sống với lợi tức dưới 800 rand (145 mỹ kim) một tháng.

Cũng như các thân chủ khác, cô Leshabane ở trong một nhóm Tshomisano, tiếng Zulu nghĩa là "cộng tác" gồm bốn người cùng đi vay và bảo đảm lẫn cho nhau. Bài học của ngân hàng Grameen đã được áp dụng ở Nam Phi: cho cá nhân vay thì hay bị mất nợ hơn là cho vay từng nhóm. Lần đầu tiên đi vay, mỗi người trong nhóm được vay 300 rand, khoảng 50 mỹ kim, họ sẽ đóng những món trả góp từng ba

tháng. Các nhóm trong một làng cũng họp lại với nhau, mỗi lần họp họ góp tiền trả nợ, và các người trong một nhóm cũng chịu chung trách nhiệm trả nợ cho nhau. Giống như ở Bangladesh, hầu hết người đi vay là phụ nữ.

Một buổi họp của các nhóm Tshomisano bắt đầu khi mọi người đọc những lời phát nguyện trong đó có lời hứa trả nợ. Những thân chủ đếm tiền trên bãi cỏ, khi trả nợ ai đóng góp một món tiền nhỏ vào quỹ chung thì được mọi người hoan hô. Ai muốn vay thêm thì trình bầy, và phải được người khác trong nhóm ủng hộ. Họ họp trong vòng hai giờ rưỡi, sau đó ông Nkuma đi sang làng khác để dự một phiên họp giống như vậy.

Ông John de Wit năm nay 38 tuổi, vốn là một kỹ sư, khi mới ra trường ông đi làm công tác cứu trợ sau các vụ thiên tai. Khi biết đến Ngân hàng Grameen thì ông thử bắt chước. Lần đầu tiên thử mô thức này, ông thất bại vì 30% các người vay không trả được nợ. Sau vài lần thất bại khác, ông đến một tỉnh miền bắc Nam Phi để bắt đầu lại.

Một mối băn khoăn của ông de Wit là không hiểu tại sao nhiều người nghèo không muốn đến vay nợ của SEF. Đi nghiên cứu, ông thấy phần lớn những người đến vay nợ cũng là những người đã có kinh nghiệm tự làm việc kinh doanh và có người đã đi vay. Trong khi đó, những người "rất nghèo khó" thường sống trong nỗi hổ thẹn, họ cũng không dám nghĩ đến vay nợ vì sợ không trả được nếu làm ăn thất bại.

Ông de Wit cho nhân viên đi tìm hiểu đời sống những người nghèo nhất, họ đến từng nhà một. Những người hơi nghèo thì có nhà vệ sinh ở trong vườn, những nhà nghèo nhất thì không thấy có nhà vệ sinh. Những người nghèo vừa phải thì cho con đi học, hình ảnh tiêu biểu là các đứa trẻ mặc đồng phục của học sinh. Bộ đồng phục bắt buộc đó là một biểu hiệu được dân làng kính trọng. Còn những nhà nghèo nhất thì trẻ em không mặc đồng phục vì họ không cho con đi học. Với các tin tức đó, ông de Wit hỏi thêm ý kiến các trưởng lão trong làng để chọn những nhà nghèo nhất. Nhờ thế, họ tìm được chị Leshabane, và sau đó chị đã trở thành một bà chủ quán bán trái cây và bán cháo. Nhưng niềm vui lớn nhất của chị là hai đứa con chị mặc đồng phục của học sinh, điều ước ao từ nhiều năm đã được thực hiện.

Phát triển từ hạ tầng

Phát triển kinh tế là một điều các nước nghèo đều ao ước. Nhưng trong khi tìm cách "xóa đói giảm nghèo" với quá trình công nghiệp hóa thì người ta cũng tạo ra nhiều vấn đề xã hội. Từ thập niên 1960, các cơ quan phát triển quốc tế đã biết rằng không nên đóng vai nhà từ thiện: "tặng cho người nghèo một con cá thì chỉ giúp họ một bữa ăn, nếu dậy họ câu cá thì họ sẽ tự túc được mãi mãi." Nhưng quan niệm đó cũng chỉ giới hạn trong phạm vi kinh tế. Mà con người không phải chỉ sống đời sống kinh tế. Phát triển kinh tế cũng cần bảo vệ phẩm giá con người, giúp họ sống tự tin, có trách nhiệm, tự lo giải quyết nhu cầu cuộc sống của mình và của cộng đồng chung quanh mình theo tinh thần tự do và tự nguyện.

Giáo sư Yunus chủ trương phát triển từ hạ tầng. Ông viết: "Chương trình phát triển kinh tế theo lối bây giờ là công nghiệp hóa bằng những món đầu tư lớn. Lối "đi từ trên xuống" (top down) này chủ trương muốn giảm nghèo khó thì hãy tạo thêm công ăn việc làm. Nhưng kinh nghiệm các nước nghèo cho thấy cách tạo việc làm bằng công nghiệp hóa sẽ khiến số dân di cư từ nông thôn lên thành phố tăng lên, (họ bán cơ bắp, sống với những việc làm lương thấp trong điều kiện khốn khổ, mất liên hệ thân thuộc, mất cả phẩm giá và lòng tự tin). Tôi tin rằng, thay vào đó, việc xóa bỏ nghèo khó phải bắt đầu bằng việc người dân có khả năng tự làm chủ mình. Không phải cứ tạo ra việc làm là chúng ta giúp họ thoát cảnh nghèo. Chỉ nên tìm cách giúp họ có cơ hội thực hiện các tiềm năng của họ."

Ở Việt Nam bây giờ cũng có nhiều người nuôi ý định phát triển nông thôn theo mô thức tự nguyện, tự túc, và chúng tôi nghĩ Grameen là một trường hợp đáng học hỏi cho nước ta. Bao giờ mô hình này có thể áp dụng tại Việt Nam? Muốn cho một ngân hàng như Grameen thành hình và có hiệu quả thì cần phải có những nhà trí thức như giáo sư Yunus hay kỹ sư de Wit và họ được tự do lập hội để giúp người khác. Nhưng cần nhất là các tổ chức đó phải tôn trọng tinh thần tự do và tự nguyện tham dự. Phải tôn trọng kỷ luật tài chính của thị trường, nếu không thì sẽ biến thành những tổ chức từ thiện, bao cấp, khi đó hiệu quả kinh tế sẽ giảm đi. Khung cảnh tốt nhất cho những cơ sở tín dụng vi mô phát triển là một xã hội công dân năng động. Tín dụng vi mô không phải là phương thuốc duy nhất để chữa cảnh nghèo đói, nhưng mô thức này giúp cho quá trình phát triển kinh tế có tính người nhiều hơn.●

BÀI HỌC TƯ DOANH

NGÔ NHÂN DỤNG

Kỳ họp Quốc hội này sẽ đem vụ ông Ngô Xuân Lộc ra bàn, nhưng chắc không ai nỡ khui hết vụ Thủy Cung Thăng Long, vì mạng lưới của nó rộng quá, mà Quốc hội thì cũng chỉ bàn theo chỉ thị của Trung ương Đảng. Ông Cao Sỹ Kiêm đằng nào cũng bị mất chức rồi, Trung ương Đảng cảnh cáo ông ta thì cũng như phủi bụi, Quốc hội không cần làm gì cả. Nhưng một điều đáng chú ý, là các ý kiến của Thủ tướng Phan Văn Khải nêu ra về kinh tế tư doanh, không biết các ông bà ở Quốc hội nghe cho vui rồi có làm gì không.

Một trong những bài học đầu tiên về kinh tế thị trường mà ông Phan Văn Khải tiếp nhận là tại Singapore, khi ông đi thăm xứ này với tư cách Phó Chủ tịch thành phố Sài Gòn. Lần đó, theo một người có mặt tại chỗ thuật lại, ông Khải kinh ngạc về sự tiến bộ của hòn đảo nhỏ theo kinh tế tư bản, ông tỏ ra bất bình với các người cộng sự vì từ bao năm họ vẫn nói với ông rằng hệ thống kinh tế tư bản nó đang giãy chết. Sức mạnh của nền kinh tế đó, ông Khải biết, chủ yếu là do các công ty tư nhân tạo ra. Hơn 20 năm đã trôi qua, lần này ra đọc diễn văn trước Quốc hội ở Hà Nội, ông Phan Văn Khải mới có dịp công khai cổ động tư doanh, vào lúc mà hệ thống kinh tế quốc doanh ở Việt Nam đang là con bệnh thập tử nhất sanh!

Bản tin các báo cho đồng bào chúng ta ở trong nước đọc thì nói rất sơ sài về bài diễn văn của ông Thủ tướng. Tờ Lao Động thuật về một giải pháp kinh tế mà ông Khải nêu ra, chỉ viết: "Tạo thuận lợi và hỗ trợ hữu hiệu hơn cho sản xuất kinh doanh của **mọi tầng lớp nhân dân, mọi loại hình doanh nghiệp, ... thực hiện quyền tự do kinh doanh theo pháp luật,** *"nhưng bài báo không nhắc riêng đến lãnh vực tư doanh. Cũng vậy, các bản tin trên báo chí ở Việt Nam chỉ nhắc sơ qua đến các khuyết điểm chung chung, như "thiếu kiên quyết và có phần lúng túng trong chỉ đạo..." chứ không nói cụ thể.*

Nhưng bản tin bằng tiếng Anh trên Internet của nhà nước, nhắm vào người ngoại quốc thì khác. Bản tin tiếng Anh thuật lời ông Phan Văn Khải nói đến "sự trì trệ trong đầu tư quốc nội, tình trạng giá cả giảm liên tục, và sự gia tăng của nạn thất nghiệp lẫn tội phạm." Nhưng điều nổi bật trong bài tường thuật bằng tiếng Anh là ông Phan Văn Khải nói thẳng đến tình trạng kỳ thị, chèn ép lãnh vực tư ở Việt Nam.

Ông Phan Văn Khải kết tội tình trạng đó là do "tâm lý" gây ra, theo đó những người làm tư doanh và các loại hình hợp tác mới vẫn bị xã hội khinh rẻ (stigma social status!) "... khiến họ ngần ngại không dám tái đầu tư vào doanh nghiệp của mình để kiếm tiền một cách hợp pháp," (dịch theo nguyên văn bản tiếng Anh.) Ngoài ra, lãnh vực ngoài quốc doanh, nhất là doanh nghiệp tư vẫn bị kỳ thị. Ông cũng cho rằng tình trạng kỳ thị liên tục này là di sản của thời kỳ kinh tế tập trung chỉ huy cũ.

Ông Phan Văn Khải đã nhận diện đúng triệu chứng kỳ thị tư doanh, nhưng nếu nói đó chỉ là vấn đề tâm lý do chế độ kinh tế cộng sản để lại thì không đúng. Thứ nhất, hệ thống kinh tế tập trung chỉ huy ở Việt Nam vẫn sống mạnh, chưa hề mất, tình trạng hiện nay không phải là di sản, nó đang được duy trì.

Lãnh vực tư doanh mà ông Khải nói tới phần lớn chỉ là các xí nghiệp gia đình, chính thức hoặc chui. Theo phân tích của Mekong Project ở Việt Nam thì 89% nhân dụng toàn quốc là ở lãnh vực nông nghiệp và các xí nghiệp gia đình, trong đó các xí nghiệp gia đình chiếm một phần ba. Các doanh nghiệp nhà nước sử dụng 10% nhân lực, vậy thì các xí nghiệp tư doanh khác, kể cả các liên doanh với nước ngoài chỉ sử dụng 1% nhân lực trong nước. (theo *Vietnam Business Journal,* Tháng Tám 1999.) Sở Thống kê của Nhà nước cho biết có 26,021 doanh nghiệp tư trên toàn quốc, tỷ lệ 3,000 người dân mới có một doanh nghiệp. Ở các nước Tây phương, trung bình cứ 10 người dân có một công ty, và các nước Hungary, Tiệp, Ba Lan đang tiến tới tỷ lệ đó.

Có phải tâm lý dân chúng Việt Nam khinh rẻ các nhà kinh doanh tư hay không? Phải nói

đúng hơn, là Đảng Cộng Sản khinh rẻ và kỳ thị các doanh nhân, và điều đó thể hiện trong chủ trương cũng như hành động. Về chủ trương, Đảng Cộng Sản bây giờ vẫn nói phải theo Chủ nghĩa Xã hội, lấy quốc doanh làm chủ đạo. Trong thực tế, *Vietnam Business Journal* cho biết tư doanh gặp đủ các thứ trở ngại. Quyền sử dụng đất đai thường cấp dễ dàng cho các doanh nghiệp nhà nước, nhưng bỏ rơi các tư doanh Ngay cả các tin tức kinh tế cũng bị các cơ quan nhà nước giữ kín, chỉ loan báo cho các doanh nghiệp nhà nước biết mà thôi. Báo *Thanh Niên* đã nói đến tình trạng "trợ cước, trợ giá" dành riêng cho các công ty quốc doanh buôn bán gạo, tư doanh không được hưởng, trong khi 70% số gạo xuất cảng và 80% gạo dùng trong nước là do tư nhân mua, bán và chuyên chở!

Tư doanh cũng phải hối lộ các quan như quốc doanh, nhưng chắc chắn phải đút lót nhiều hơn. Một quản đốc ở Việt Nam nói với các người phỏng vấn của Mekong Project ở Hà Nội rằng mỗi tháng bà phải "trả lương" cho một viên quan thâu thuế địa phương 500 ngàn đồng! Riêng qua cửa Hải quan mỗi năm phải đút lót 500 triệu đồng, tương đương 36 ngàn Mỹ kim. Một container qua cửa khám xét phải trả 18 đến 20 đô la, 8 đô cho ông Hải quan đến khám tại kho, và 3 đô rưỡi cho quan mở cửa cho tàu thủy chạy, 8 đô cho quan khám tại bến, v.v. Hải quan gây trở ngại, chậm trễ khiến các xí nghiệp ngoại quốc phải bỏ đi. Muốn lấy một kiện hàng ra ở Việt Nam mất mươi ngày, sang Trung Quốc họ chỉ mất hai ngày thôi, mỗi ngày họ tiết kiệm được biết bao nhiêu tiền!

Do đó, muốn cải thiện không khí làm ăn cho tư doanh thì không cần đưa 70 triệu dân Việt Nam đi chữa bệnh tâm lý, mà trước hết phải sửa chữa những chủ trương của đảng Cộng Sản. Trên hết, phải đặt lại vai trò của nhà nước. Nhà nước không thể đóng vai cha chú như trong hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong kinh tế thị trường, nhà nước chỉ đóng vai trọng tài, bảo vệ luật pháp một cách công khai, trong suốt.

Còn các quyết định đầu tư, kinh doanh, làm sao cho sinh lợi thì phải dành cho tư nhân. Để họ có thể tái đầu tư "kiếm tiền một cách hợp pháp." Nếu đảng và Nhà nước vẫn cứ muốn nắm đầu nắm cổ thiên hạ mãi thì chỉ sinh ra những thứ tư doanh như Trần Đàm (Tân Trường Sanh), Tăng Minh Phụng, Liên Khui Thìn, để cho các quan chức đảng viên "vỗ cho béo rồi làm thịt."

Theo Mekong Project thì lãnh vực tư hiện nay cung cấp 60% Tổng Sản Lượng Quốc Nội và dùng 90% nhân lực, năm 1998 số người làm trong lãnh vực tư tăng 16.2%, trong lãnh vực quốc doanh chỉ tăng 0.3%. Riêng trong các công ty chế hóa của tư nhân số người làm việc tăng bình quân 21%. Nhưng đa số các công ty tư lo buôn bán, chỉ có 20% là sản xuất.

Để cho lãnh vực tư phát triển, trong nội bộ Đảng cũng nên giải quyết bỏ điều lệ cấm đảng viên kinh doanh. Vì nếu những người có quyền "lãnh đạo" mà không được kinh doanh thì người ta chỉ còn một cách là bán cái quyền của họ để sinh lợi, noi gương những Phan văn Dĩnh, Nguyễn Ngọc Bích, Ngô Xuân Lộc, Cao Sỹ Kiêm. Nhiều đảng viên cộng sản đã ra khỏi đảng để được kinh doanh. Có sự khác biệt rõ rệt giữa miền Nam và miền Bắc. Theo bản tin trên 36% các quản đốc ở miền Bắc là đảng viên, so với 14% ở miền Nam, có 70% ở miền Bắc có liên hệ thân thuộc gần với đảng viên, còn ở miền Nam chỉ có một phần tư. Cũng vậy, trung số (median) doanh thu của các xí nghiệp tư miền bắc là 6.9 tỷ đồng Việt Nam, còn ở miền Nam là 14 tỷ đồng.

Một trở ngại lớn cho các doanh nghiệp tư là các chính sách, luật lệ của nhà nước mơ hồ, có thể giải thích tùy tiện, và nhiều khi mâu thuẫn với nhau. Người ta không biết tìm đâu cho biết rõ luật lệ, cơ quan nào có quyền gì. Trong hoàn cảnh đó, quan chức tha hồ tự ý đặt ra luật! Và xí nghiệp càng lớn thì mối rủi ro vì luật pháp lờ mờ càng lớn, vì nếu mất sẽ mất nhiều hơn!

Cuối cùng, chìa khoá phát triển kinh tế vẫn là lãnh vực tư, bài học ở Singapore vẫn còn đó. Một bài học khác ông Phan Văn Khải cũng nên nghe lời ông Lý Quang Diệu nói, là chế độ đa đảng. Trong cuộc phỏng vấn của *Tạp chí Kinh tế Viễn Đông* (FEER) vào cuối tháng Mười ở Hồng Kông, cựu Thủ tướng Tân Gia Ba nói "... chúng tôi có bảy tám đảng chính trị. Công việc của chúng tôi là cố chiếm được càng nhiều ghế (ở Quốc hội) càng tốt. Tôi sẽ không buồn chút nào khi đảng Nhân Dân Hành động (PAP, đang cầm quyền) thất cử nếu nó suy yếu. Khi đó, nó đáng bị mất quyền." Và ông Lý Quang Diệu nói đến một thế hệ mới trong đảng của ông: "... một thế hệ các bộ trưởng trẻ từ nhiều gốc khác nhau đang cởi mở hơn để thu hút một thế hệ cử tri trẻ tuổi hơn..." Muốn lãnh vực tư phát triển để kéo con tàu kinh tế Việt Nam thì cải tổ guồng máy hành chính, tư pháp là điều không thể tránh được. Nhưng những cải tổ đó muốn thành tựu thì phải thay đổi cả về chính trị.●

KÝ HAY KHÔNG KÝ HIỆP ƯỚC THƯƠNG MẠI BÌNH THƯỜNG?

VÕ QUANG

Cuối tháng 11, bộ trưởng thương mại các nước sẽ họp lần thứ ba tại Seattle trong khuôn khổ Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Cuộc họp mặt sẽ bàn về vấn đề toàn cầu hoá thương mại. Ngày 15/11/99, ông Thạch Quảng Sinh của Trung Quốc và bà Charlene Barshefsky của Hoa Kỳ đã ký hiệp ước tổng quát về thương mại mở cửa cho TQ tham gia WTO trong tương lai gần đây. Phải mất 13 năm mới ký được hiệp ước này.

Tháng trước, sau ba năm điều đình, ai cũng tưởng là Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký kết bình thường hoá thương mại, mở cửa cho VN tham gia WTO trong tương lai. Việc này đã không thành. Về hiệp ước bình thường hoá thương mại (HUBTH) với HK thì ngày 11/11 phó ban Văn hoá Tư tưởng tuyên bố VN vẫn mong đạt được hiệp ước thương mại với Hoa Kỳ trong một thời gian ngắn, nhưng muốn thảo luận lại một số điều. Việc này đã gây nhiều bàn tán trong giới đầu tư ngoại quốc tại VN.

Có nhiều quan điểm khác nhau trong đảng về việc ký hiệp ước. Một thành phần trong đảng cho là nếu có hiệp ước thì VN không thể cạnh tranh và nhiều công nhân sẽ bị thất nghiệp. Vậy nếu có giao dịch ngoại thương bình thường thì các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) sẽ thua kém và việc này sẽ gây nhiều xáo trộn trong xã hội. Quan điểm này được phe bảo thủ và các ban giám đốc DNNN bảo vệ. Hơn nữa họ lo là khi giao dịch với Hoa kỳ thì VN sẽ bị "diễn tiến hoà bình." Khuynh hướng này do cựu TBT Đỗ Mười cầm đầu. Một thành phần khác trong đảng cho là nếu không có quan hệ mậu dịch bình thường, không phát triển ngoại thương, không tiếp tục mở cửa, không có đầu tư ngoại quốc và chuyển giao công nghiệp thì VN sẽ bị tụt hậu so với các nước láng giềng, tăng trưởng kinh tế sẽ rất chậm, với tỷ lệ thất nghiệp trên 20%.

Nhưng hai phe đều đồng ý về sự cần thiết của hiệp ước mậu dịch, khác biệt là tốc độ mở cửa. Phe bảo thủ chú trọng về ảnh hưởng chính trị, cho là HUBTH sẽ làm giảm ảnh hưởng của đảng (mất độc quyền, mất ảnh hưởng trong dân chúng) và sẽ làm TQ tức giận, trong khi phe cởi mở chú trọng nhiều về lợi ích kinh tế, phát triển.

Quan điểm của các cơ quan quốc tế như ADB, IMF, World Bank và gần đây nhất là đại sứ P. Peterson không khác gì phe cởi mở. Trong bài "Hiệp ước thương mại - Ai lợi," Đại sứ Peterson cho là VN sẽ được nhiều lợi ích khi ký: thêm việc làm, trao đổi kỹ thuật, tăng trưởng kinh tế qua đầu tư ngoại quốc, tăng về thương mại v.v...

Từ khi có có "đổi mới" từ 12 năm trước đây, VN đã "hé" cửa khi ký nhiều hiệp ước thương mại, nhất là với các nước ASEAN. Tại sao VN lại sợ ký HUBTH với Hoa Kỳ? Bài này cố gắng phân tích các quan điểm trên và sẽ nêu một số suy nghĩ về những quan điểm này trong bối cảnh chính trị, kinh tế mới tại Á châu và trên thế giới.

I. Bối cảnh

Chiến tranh lạnh không còn nữa, bức tường Bá Linh đã sụp đổ từ 10 năm nay và thế giới ngày càng liên đới. Nay còn năm nước "gọi là" theo XHCN: Trung Quốc, VN, Lào, Bắc Triều Tiên và Cuba.

Nhưng VN đã "đổi mới," mở cửa cho ngoại thương, cho đầu tư ngoại quốc (FDI) và viện trợ quốc tế (ODA). VN cũng đã có những

quan hệ bình thường với hiệp hội các nước Á châu (ASEAN) và sau đó với Hoa kỳ từ 1995 và APEC từ ít năm nay.

Nhận xét đầu tiên là ngoại thương giúp phát triển kinh tế và kỹ thuật. Các nước Á châu đã phát triển mau chóng nhờ ngoại thương, vốn đầu tư nước ngoài, kỹ thuật bên ngoài và nhờ xuất khẩu qua các nước phát triển. Vốn đầu tư ngoại quốc là nguồn tài trợ cần thiết để mau chóng phát triển sản xuất và công nghiệp hoá, tăng năng xuất. Việc này cho thấy sự cần thiết của ngoại thương, các tranh chấp ngoại thương trên quốc tế và việc các nước muốn gia nhập WTO để tìm lợi.

Trong phát triển kinh tế, ngoại thương làm giảm chi phí cho người tiêu thụ, giúp tăng vốn đầu tư, tăng năng xuất các công nghiệp nhờ chuyên môn hoá, gây thêm nhiều công ăn việc làm... Vì vậy nhiều nước đã ký với nhau hiệp ước bình thường hóa thương mại. Các hiệp ước này cho phép hàng hóa của hai nước được đối xử một cách công bằng, có lợi hai bên. Nếu có tranh chấp thì hai bên giải quyết qua một cơ quan quốc tế xét xử không thiên vị, các nước nhỏ khi có vấn đề với các nước lớn nhờ thế đỡ thua thiệt.

Trong nền ngoại thương thế giới, để tránh những việc, ví dụ các công ty Nhật có thể dumping (bán hàng rẻ hơn là vốn sản xuất) để chiếm thị trường một nước nhỏ, ví dụ ăn cắp bản quyền tác giả về CD, tranh chấp về nhập khẩu thép, ciment, về việc nhập khẩu chuối từ các nước Trung Mỹ- Carribean, tranh chấp về nông phẩm có gene bị thay đổi (modified genetic product) v.v..., nói chung tránh các tranh chấp có thể đưa đến chiến tranh thương mại giữa các nước, cần phải có cơ quan quốc tế có thẩm quyền, không thiên vị, để giải quyết. Cơ quan đó là WTO (World Trade Organization).

Đây là cố gắng ở tầm mức thế giới để giải quyết các tranh chấp về ngoại thương và từ đó tiến về một thế giới pháp quyền, do luật chi phối chứ không phải theo phương thức "cá lớn nuốt cá bé." Các nước chậm tiến kêu là WTO bị các nước phát triển "giựt dây" để có lợi cho các nước tân tiến nhiều hơn là các nước chậm tiến. Việc này đã mang đến sự tranh chấp trong việc bầu chọn người đứng đầu WTO. Hiện nay ứng cử viên Thái Lan được Nhật và các nước chậm tiến ủng hộ và ứng cử viên Tân Tây Lan được Hoa kỳ ủng hộ, phải chia nhiệm kỳ.

Nhận xét thứ hai là TQ cải cách từng bước, sản xuất cho xuất khẩu và đã thành công trong quy trình chuyển cơ cấu từ kinh tế chỉ huy qua kinh tế thị trường. TQ khá cởi mở, kinh tế tăng trưởng ngày càng mạnh. TQ cũng thấy sự cần thiết của ngoại thương và mỗi năm xuất-nhập khẩu trên US$ 80 tỷ với HK. TQ ngày càng cần xuất khẩu để có vốn đầu tư, có kỹ thuật, có việc làm cho dân chúng v.v... Nước này có nhiều DNNN (trên 300,000) cũng đã lo sợ một khi ký hiệp ước với HK mở cửa cho việc tham gia WTO thì các DNNN không thể cạnh tranh, sẽ thua kém và mất kiểm soát kinh tế.

Trong hiệp ước này, HK cũng đặt nhiều điều kiện ngoài lĩnh vực thương mại (buôn bán vũ khí hạch tâm, tên lửa, vv), bắt TQ trả giá cao để có thể tham gia WTO. Trong khi đó HK cũng phải nhượng bộ TQ về lĩnh vực may mặc. Lợi của TQ là phát triển kinh tế (để hỗ trợ khả năng quân sự) trong khi đó thì HK có thể vào thị trường TQ. Trong tầm nhìn chiến lược hai bên muốn tiếp tục gia tăng thương mại. HK cũng sợ nguy cơ TQ trong nhiều lĩnh vực, chẳng hạn quân sự, do đó đã đặt nhiều điều kiện. Vì những "mối lo" của mỗi bên như vậy, việc thương lượng hiệp ước kéo dài trên 13 năm mới xong.

Nhận xét thứ ba là VN bắt chước TQ cải cách từng bước, tránh được các hậu quả xấu của một sự thay đổi quá đột ngột. Tăng trưởng GDP trung bình là 8.40%/năm trong nhiều năm qua. VN nhận nhiều vốn đầu tư ngoại quốc (FDI) hay vốn viện trợ (ODA). VN tăng trưởng là nhờ vốn ngoại quốc tài trợ.

Chính sách kinh tế này có nhiều sai lầm và yếu kém. Tăng trưởng năm 1998 (5.8%) và 1999 (dự trù là 4%) là tỷ lệ tăng trưởng thấp nhất từ tám năm nay. Đầu tư trực tiếp FDI ngoại quốc giảm mạnh từ US$ 8 tỷ vào năm 1996 tụt xuống còn US$ 1 tỷ và nhiều công ty ngoại quốc đã rút lui, và các dịch vụ phục vụ họ đã giảm nhiều. Việc này đã làm gia tăng nạn thất nghiệp. Nói tóm, kinh tế VN đang gặp nhiều khó khăn vì tham nhũng, vì đối sử không đồng đều giữa các doanh nghiệp nước ngoài và DNNN, vì hành chính quan liêu... VN đang đổ lỗi cho khủng hoảng kinh tế Á châu ảnh hưởng.

Nhận xét thứ tư là khi VN gia nhập ASEAN, VN đã ký một số thỏa hiệp về 1) ASEAN free trade agreement (AFTA) hay tự do thương mại trong khối ASEAN; 2) ASEAN

investment agreement (AIA) hay tự do đầu tư trong khối; 3) ASEAN services agreement (ASA) hay tự do trong lĩnh vực dịch vụ; và 4) ASEAN Customs 2020 hay hạ hàng rào quan thuế cho năm 2020. Trong AFTA, VN có đến năm 2003 để mở thêm thị trường VN cho hàng các nước ASEAN. Các nhận xét trên cho thấy là dù muốn hay không VN cũng đã ký tham gia vào thị trường quốc tế.

với ASEAN. Quả vậy, khi VN gia nhập ASEAN, VN đã chấp nhận mở thị trường của mình cho hàng hoá các nước trong khối. Các thỏa ước với ASEAN đòi hỏi VN ngày càng giảm bớt hàng rào quan thuế để đi đến chỗ tự do lưu hành hàng hoá, đầu tư, dịch vụ, kể cả dịch vụ tài chính trong ASEAN. AFTA, AIA, ASA... là một số thỏa ước đưa đến quy trình "tự do hoá - toàn cầu hoá thương mại" trong

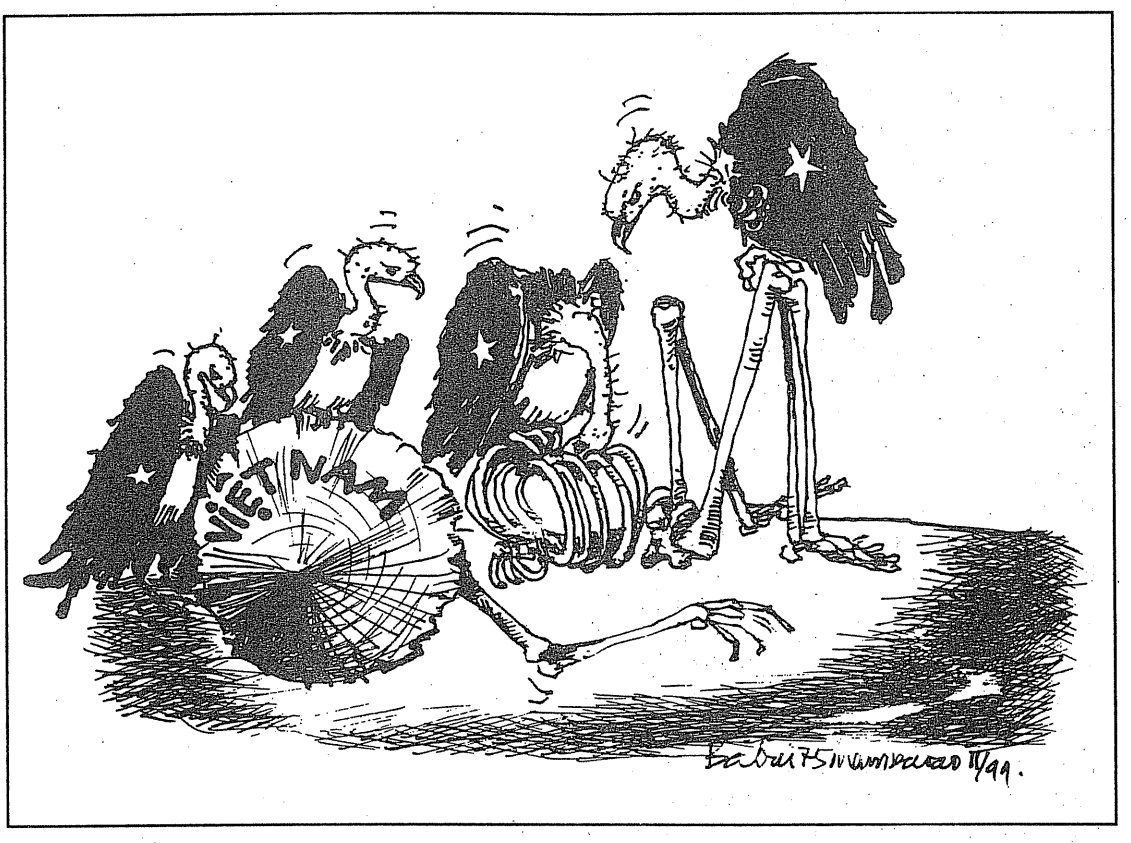

II. Các lập trường về hiệp ước bình thường hoá ngoại thương với Hoa Kỳ

Cũng như TQ trước đây, VN đứng trước hai quan điểm trong việc ký HUBTH với Hoa kỳ: 1) Mở cửa một cách chậm chạp, theo ý và lịch trình của ĐCSVN và bảo vệ các DNNN - chưa vội ký ngay nhưng sẽ ký thoả hiệp trong tương lai; 2) Mở cửa nhanh chóng, sửa cơ cấu kinh tế theo nhu cầu phát triển của đất nước để tránh tụt hậu. Sau đây ta sẽ phân tích hai lập trường này.

1) Lập trường mở cửa hội nhập chậm chạp, theo lịch trình ĐCSVN dời ngày ký đến một tương lai xa là *thiếu thực tế, phản kinh tế và mang lại nghèo khó cho VN.* Tại sao?

1.1 VN đã ký nhiều hiệp ước thương mại các nước ASEAN. Các nước ASEAN muốn đi đến tự do thương mại về hàng hoá, dịch vụ và tài chính và giảm quan thuế trong khối vào năm 2020, nhằm đi đến khối thương mại ASEAN.

Để đi đến việc này, các nước thành viên kể cả VN cần giảm dần quan thuế trên một số mặt hàng qua việc công bố số GEL (General Exception List), TEL (Temporary Exception list), qua việc chương trình đồng hoá về mẫu mực thuế quan - ASEAN harmonized tarriff nomenclature (AHTN). Các thỏa ước này đòi hỏi VN ngày càng bớt hàng rào quan thuế, đồng hóa quan thuế, tự do di chuyển vốn đầu tư và cư xử bình đẳng giữa các nước thành viên trong khối.

Việc "dời ngày ký đến một tương lai xa -

đóng cửa ngoại thương" chỉ có lợi trong ngắn hạn cho một thiểu số DNNN và quản lý viên/đảng viên CS. Nhân công trong DNNN dưới 5% tổng số nhân công toàn quốc. VN chỉ có thể kéo dài tình trạng này thêm ba đến bốn năm, vì hàng Hoa Kỳ và các nước kỹ nghệ vẫn có thể vào VN qua các chi nhánh công ty của họ tại các nước ASEAN. VN không thể bế quan tỏa cảng đối với hàng ASEAN mà trong ASEAN có đầy rẫy chi nhánh công ty Hoa Kỳ và Âu châu như Colgate Palmolive, Shell, Coca Cola... Hãng Coca tại VN là chi nhánh Coca của Singapore. Hậu quả của việc "đóng cửa" là dân VN phải mua hàng đắt, giảm mãi lực mà vẫn không "cứu" được các DNNN.

1.2 Việc "hội nhập chậm chạp tương đương với đóng cửa" là phản kinh tế. Các DNNN sẽ không cứu vãn được vì mặc dù có hàng rào quan thuế, dân chúng vẫn tìm hàng tốt, rẻ và bền. Chính sách ưu tiên cho các DNNN nhằm vào các công nghiệp nặng thay thế nhập khẩu (ví dụ ciment, thép, đóng tàu v.v...) là sai lầm và không thể kéo dài vì: các xí nghiệp này dùng rất ít nhân công (một nhà máy ciment dùng độ 200 - 300 nhân công và vốn lên US$ 70-100 triệu), không có khả năng cạnh tranh (giá thành ciment tại VN đắt hơn US$ 50/T ciment Thái hay Đài loan). Hậu quả là các DNNN sản xuất hàng không bán được và tồn kho tăng. Tồn kho về ciment và thép lên 6-8 tháng. Theo Phan Văn Khải thì 60% các DNNN lỗ. Tổng số nợ các DNNN tương đương với 25% TSLQN (GDP). Hậu quả của chính sách công nghiệp sai lầm này là biến các DNNN thành những thùng không đáy. Trong trường hợp này, tốt hơn là nuôi công nhân qua các chương trình cứu trợ xã hội hơn là tiếp tục sản xuất và tăng lỗ. Hàng quốc doanh tồn kho ứ đọng không bán được kéo theo việc sụp đổ của khu vực ngân hàng, vì ngân hàng bị bắt buộc phải tài trợ vốn luân chuyển và đầu tư cho các DNNN.

1.3 Việc "hội nhập chậm chạp, dời ngày ký đến một tương lai xa" sẽ khuyến khích hàng lậu và tham nhũng. Các công ty ráp xe như Honda, Suzuki... vẫn than là hàng lậu cạnh tranh với hàng của họ. Một chiếc Honda Dream bán ở VN là khoảng US$ 2000 trong khi đó giá thành tại Thái Lan và TQ ở mức US$ 1100 1200. Quan thuế cao cho các hàng này khuyến khích việc nhập lậu hàng và tham nhũng, trong khi vẫn không bảo vệ được DNNN. Việc nhắm mắt của một anh kiểm soát quan thuế cho hàng lậu qua các ngã cửa khẩu ở biên giới TQ, ngã Lao Bảo ở Quảng Trị với Lào hay ở Tây Ninh với Campuchia tương đương với cả năm lương. Các si-can-đan về quan thuế đo các DNNN nhập hàng khai gian đã lên đến nhiều triệu US$ và có dính cả đến các quan chức lớn trong Tổng cục Hải quan.

Việc "hội nhập chậm chạp" sẽ phản kinh tế và không nâng trình độ bảo vệ xã hội. Ví dụ 1: Ta thấy các công ty Honda, Suzuki lời cao mà không mang thêm trị giá gì hơn cho kinh tế VN và cùng lúc người tiêu thụ phải trả giá đắt. Ví dụ 2: Sau những si-căn-đan các công ty Nam Hàn làm giày cho Nike phải chấp nhận cho người ngoài kiểm soát môi trường công nhân làm việc tại VN. Nếu có HUTBH thì hàng sẽ qua thẳng Hoa Kỳ và sẽ có nhiều kiểm soát về xã hội vì luật Hoa kỳ đòi hỏi bảo vệ công nhân.

1.4 Việc "hội nhập chậm chạp, nhường chỗ cho đàn anh TQ vào WTO trước mình" là nhục mạ dân VN "dốt," cho thấy còn có tinh thần coi Trung Quốc là quan thầy, đi ngược với quyền lợi dân VN. VN đã bị TQ lừa về sự hù dọa "diễn tiến hoà bình." TQ luôn luôn dọa điều đó trong khi họ làm ngược tất cả những gì họ nói: Họ cấm quân đội và công an làm kinh tế, họ cải cách DNNN, họ ký hiệp ước với Hoa Kỳ... Việc TQ ký hiệp ước với HK vừa rồi là một đòn đáng kể cho phe thân TQ tại VN, luôn luôn tin vào ông thầy TQ.

2.- Lập trường "mở cửa để sửa cơ cấu kinh tế" canh tân VN là một lập trường thực tế và can đảm.

2.1 Nhiều người tại VN đã cổ động cho việc bình thường hoá thương mại với HK như ông Trần Việt Phương trong hội thảo nhìn sang thế kỷ 21 (bài đăng trong Tập chí CS) hay ông Lê Đăng Doanh Giám đốc Viện nghiên cứu và quản lý kinh tế. Theo họ thì khi có tiếp xúc với bên ngoài thì VN sẽ tiến hơn. VN không thể đi ngược trào lưu toàn cầu hoá.

VN đã "Đổi mới" (phần nào) và chính sách này được chấp thuận sau khi có nhiều tranh luận giữa đảng và chính phủ về vai trò của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Theo phe cải cách chung quanh Phan Văn Khải thì VN cần cải cách cơ cấu, cải cách mô hình phát triển dựa trên DNNN và để ý nhiều đến phát triển nông nghiệp hầu nâng lợi tức nông dân. Việc này sẽ giúp giảm tỷ lệ nghèo trong nông thôn. Họ kêu gọi phát triển các xí nghiệp

trung và nhỏ và kinh tế nhiều thành phần để giảm độc quyền của DNNN, có hiệu quả kinh tế cao hơn.

2.2 Khi có HUBTH, VN sẽ cố gắng làm ăn theo tiêu chuẩn quốc tế, theo nhu cầu thị trường. Đầu tư trực tiếp (foreign direct investment) tại VN giảm vì tham nhũng. Nếu ký HUBTH thì FDI trở lại sẽ giúp VN tăng trưởng tiếp và thay đổi cơ cấu kinh tế. Hiện nay thương mại với HK trên dưới US$ 1 tỷ và là con số quá nhỏ đối với HK (chưa bằng ngân sách một ĐH tại California) nhưng là 1/8 của tổng số thương mại VN. Các nghiên cứu của World Bank cho thấy là nếu có HUBTH thì ngoại thương của VN có thể tăng mau chóng thêm US$600 triệu. Hơn nữa đầu tư ngoại quốc không cần phải hợp doanh với các DNNN và việc này có thể giúp VN thay đổi chính sách sai lầm đầu tư vào các công nghiệp nặng không có mấy lời. Bước đầu, các đầu tư sẽ nhằm vào việc sử dụng nhân công VN cho xuất khẩu như trường hợp Singapore. Có tiền thì mới đầu tư trong các lĩnh vực bị bỏ qua trong nhiều năm nay là giáo dục và y tế. Sinh hoạt kinh tế, dưới sức ép của luật quốc tế cũng sẽ giúp làm "trong suốt" môi trường làm ăn VN.

2.3 Lập trường "mở cửa để sửa cơ cấu kinh tế" sẽ gặp nhiều khó khăn trên thực tế vì họ đi ngược với trào lưu cửa quyền, độc quyền, hối lộ - tham nhũng của đảng viên. Trong môi trường VN, lập trường mở cửa để sửa cơ cấu kinh tế là liều thuốc tốt nhất chống tham nhũng vì mọi điều sẽ phải rõ ràng, các doanh nghiệp được bảo vệ một cách công bằng, được cư xử đồng đều. Liều thuốc này sẽ kéo các nhà đầu tư ngoại quốc trở lại, gây chữ tín. Theo Đại sứ Hoa kỳ tại VN thì HUBTH sẽ có lợi cho hai bên và VN sẽ có khả năng tăng trưởng và giảm thất nghiệp.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy là chưa có nước nào có thể tăng trưởng dựa trên các DNNN. Nó cho thấy là việc cải cách kinh tế phải đi song song với thay đổi cơ cấu, thay đổi cách suy nghĩ. Các cơ quan viện trợ quốc tế như Ngân hàng thế giới (World Bank), chương trình phát triển LHQuốc (UNDP) Ngân hàng phát triển Á châu và các cơ quan khác đều khuyến cáo VN ký HUBTH để thay đổi cơ cấu và có thể tiếp tục tiến.

Khi ký HUBTH, VN cũng sẽ phải chấp nhận luật lệ quốc tế về thương mại (không khác gì các điều kiện khi ký với ASEAN). Nhưng đối với HUBTH thì VN cũng phải chấp nhận các khuyến cáo về nhân quyền, luật lệ, vv. vì Hiệp ước này sẽ được Quốc hội Hoa Kỳ tái xét hàng năm theo luật Vanik. Thật vậy, khi có hiệp ước mậu dịch với Hoa kỳ, VN phải bãi bỏ dần dần các độc quyền về kinh tế và nếu có tranh chấp như trường hợp American Rice company thì sẽ phải mang ra tòa không thiên vị. Các nhà đầu tư sẽ cảm thấy là được bảo vệ công bằng. Ví dụ điển hình nhất là trong tranh chấp về thơ tín dụng (Letter of Credit) với các ngân hàng Nam Hàn thì toà VN sử cho phía VN thắng, trái ngược với tất các điều khoản về thương mại quốc tế. Việc này đã mang đến việc nhiều công ty ngoại quốc xin tòa xiết một số trương mục ngân hàng VN tại Singapore.

Ký hiệp ước, Việt Nam sẽ biết tuân theo pháp luật trong thương mại và kết quả là sẽ có một cơ cấu kinh tế tốt hơn, sẽ phải đổi và phương cách làm ăn, phải "văn minh" hơn và sẽ phải chấp nhận tự do kinh tế cho người dân.

Sự khác biệt giữa hai lập trường về ký hay không ký HUBTH là vì lý do chính trị nhiều hơn kinh tế. Phe bảo thủ sợ mất đặc quyền, khi ký HUBTH thì VN phải để ý đến công luận thế giới và phải đi vào mẫu mực quốc tế, phải chấp nhận cạnh tranh về kinh tế, chấp nhận có nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hoá đời sống kinh tế. Việc thương thuyết HUBTH cho thấy những khác biệt trong đảng: thành phần có quyền và lợi, và thành phần đứng bên ngoài những cái đó.

Như ông Việt Phương nói "khi co mình, đóng cửa, cự tuyệt toàn cầu hoá và khước từ hội nhập, khi không ký HUBTH chỉ có thua thiệt." Ông còn nói thêm là phát triển quan hệ với HK được xem là một thông hành để quan hệ với giới thương mại, tài chính thế giới. Ông nói đúng, nhưng về phần các nhà đầu tư nước ngoài thì phát triển quan hệ và ký HUBTH còn được xem là một "bao hiểm an toàn" tránh các rủi ro bị các quan chức VN ăn chẹt, một bảo đảm rằng VN sẽ theo luật lệ quốc tế.

Khi được các chuyên viên quốc tế khuyến cáo cải cách DNNN thì VN lại gởi nhiều phái đoàn qua TQ... học bài, khi được khuyến cáo cải cách hành chính thì đảng không dám làm mạnh, chỉ muốn ngó chừng theo chân đàn anh XHCN láng giềng, khi có nhiều cơ hội tốt thì... lại bỏ lỡ. Nay trong cuộc đua vào WTO, VN lại bị hớ to.

Kết luận

Thương mại càng ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển đất nước. Các nước trên thế giới đều sắp hàng xin vào WTO, để được sinh hoạt trong một thế giới pháp quyền về thương mại. Sau 13 năm thương thuyết thì TQ cũng đã ký hiệp ước tổng quát về thương mại, mở đường vào WTO.

VN đã thay đổi kinh tế nhưng gần đây tăng trưởng có chậm lại vì nhiều nhà đầu tư đã bắt chước "boat people" cuối gói ra đi tìm đến các nơi khác, vì VN quá tham nhũng, quá cửa quyền, không có luật pháp hay luật pháp chỉ trên giấy tờ, lý thuyết. Chính phủ VN cũng phải thay đổi nhiều điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài. Chính Phan Văn Khải cũng nay phải đi chào hàng, các phái đoàn thương mại VN phải đến gặp Việt Kiều tại Hoa kỳ khuyến khích họ đầu tư cho VN.

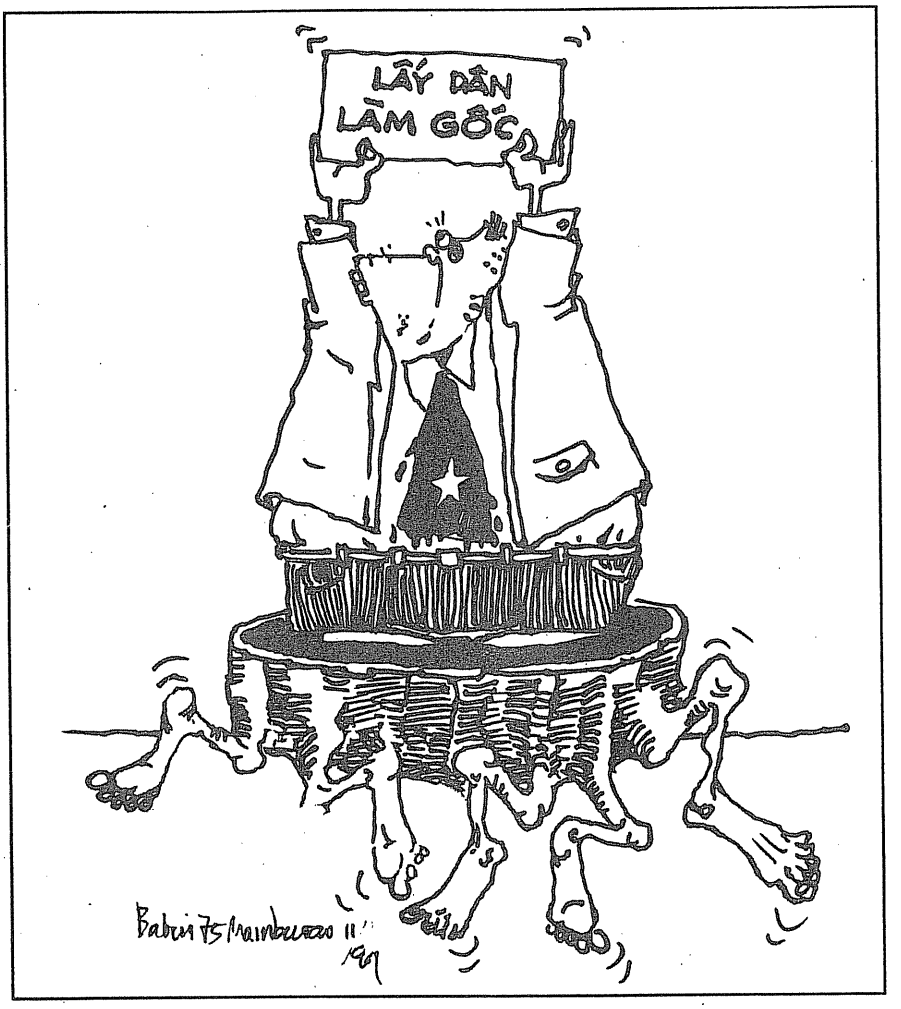

VN đang ở khúc quanh. Ký hay không ký HUBTH? Ký mau hay ký chậm? Các phân tích trên đây đã trình bày cái lợi cái hại: Không ký, hoặc ký chậm HUBTH chỉ có thiệt cho VN mà thôi.

Ký mau sẽ cho thấy quyết tâm hội nhập thế giới, mở cửa VN cho những tiến bộ trong thế kỷ 21 và cải tiến mức sống người dân. Trong công cuộc phát triển VN, trong cuộc chạy đua nâng mức sống dân VN, lương tri cho thấy là giải pháp ký HUBTH mau chóng là thích hợp và thực tiễn, theo đà tiến hoá toàn cầu hoá là thiết thực. Việc ký HUBTH cũng chỉ là một trong nhiều cố gắng phải làm để cải cách xã hội văn minh, công bằng và nhân bản.

TQ, khi đầu tư FDI bị sụt 20%, đã phải mau chóng thay đổi chính sách và nay TQ đã cho thấy quyết tâm hội nhập vào thị trường thế giới. VN bị sụt trên 85% FDI từ 1996 - 1999 (từ US$ 8 tỷ còn US$ 1 tỷ) nhưng vẫn chưa nhúc nhích và mở mắt. Trong việc chạy đua vào WTO, VN đã bỏ lỡ một cơ hội (và nhiều cơ hội khác như cải cách hành chính, cải cách DNNN, vv). Chu Dung Cơ sắp qua thăm VN và kỳ này còn xúi "dại" bài học nào nữa? Nếu có một cô giáo cho Bộ chính trị đảng CSVN thì cô ta sẽ bắt các thành viên bộ này phải chép phạt 100 lần câu "Đừng nghe những gì TQ nói mà hãy nhìn những gì TQ làm" để học khôn.

Tháng 11/99

VẬN ĐỘNG NGOẠI GIAO & TIẾN TRÌNH DÂN CHỦ HÓA VIỆT NAM

MỘT GIẢI PHÁP

BÙI TRỌNG CƯỜNG

LTS. Chúng tôi giới thiệu bài của BS. Bùi Trọng Cường đề nghị về dân chủ hóa Việt Nam, tiếp theo là bài của ông Lê Doãn Kim về thế đối ngoại của nước ta. Đây là ý kiến của các vị thiết tha với tương lai dân tộc, tuy nhiên Ban chủ biên không nhất thiết đồng ý với tất cả các đề nghị của hai tác giả.

Tính đến ngày 30 tháng 4 sang năm, năm 2000 là chúng ta đã mất miền Nam VN được 25 năm. 25 năm quả là một thời gian dài của một đời người. Trong cuộc chiến tranh tại Việt Nam có nhiều người đã không sống được đến 25 tuổi, chính tôi cũng đã mất một người anh họ và mấy người bạn trước khi các anh đạt được số tuổi ấy và nếu tôi không lầm thì tuổi thọ trung bình của dân ta ở miền Nam trước năm 75 chỉ có 37 tuổi. Các em sinh năm 1975 ở trong nước cũng như ở hải ngoại nay cũng đã gần 25 tuổi, các em đang là rường cột của quê hương nhưng đa số các em lại không hiểu thật thấu triệt:

* tại sao đã có cuộc chiến tranh Việt Nam, những thế lực quốc tế nào đã đưa đẩy đất nước chúng ta vào một cuộc tương tàn có một không hai trong lịch sử nhân loại...

* cũng như chuyện gì đã xẩy ra sau năm 75, và đối với các em ở hải ngoại tại sao cha mẹ các em đã bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để đi lưu lạc ở xứ người.

Quý vị cũng như chúng tôi trong gần 25 năm qua, chúng ta đã có những ngày đêm thao thức, trằn trọc và chắc quý vị cũng đã từng tự hỏi - Tại sao giờ này chúng ta hãy còn đây? *Làm thế nào để giúp được cho quê hương đỡ nghèo hèn, tủi nhục?*

Tựu trung, theo thiển ý có những lý do chính sau:

- Sự gian manh, tráo trở, lật lọng và nhất là sự hung bạo của những người Cộng Sản đối với những thành phần đối kháng, thêm vào đó là sự bưng bít, dối trá, bóp méo sự thật về những biến chuyển chính trị tại quốc nội và trên thế giới của họ.

- Sự khác biệt về nhiều phương diện, từ tổ chức, đường lối... đến phương cách hoạt động của các đoàn thể chính trị; cũng như sự thiếu phối hợp trong những sinh hoạt đấu tranh của người Việt hải ngoại chứng tỏ chúng ta trong suốt 24 năm qua đã không phải và vẫn chưa được xem là một khối đồng nhất.

- Những vận động ngoại giao của chúng ta, người Việt hải ngoại trong quá khứ chú trọng nhiều về sự vi phạm nhân quyền hơn vì chúng ta vẫn còn ở trong thế bị động. Suốt trong cuộc chiến hễ Việt Cộng đánh thì chúng ta đỡ, bây giờ hễ chúng đàn áp, bắt bớ thì chúng ta

phản đối rồi đi vận động đòi can thiệp.

- Những vị lãnh đạo các tôn giáo tại Việt Nam, trong quá khứ chưa có cơ hội để cùng hợp tác làm việc trong sứ mạng giải trừ pháp nạn và đòi hỏi tự do, dân chủ.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta hoàn toàn bế tắc vì trong những tháng vừa qua sau khi phối hợp những dữ kiện từ mọi phía, anh em chúng tôi đã thấy có chút ánh sáng cuối đường hầm.

Sau đây tôi xin phép được nói ngay về những dữ kiện ấy:

1. Từ phe Cộng Sản

* Việt Nam Cộng Sản là một thành viên của Liên Hiệp Quốc đã ký kết tuân theo bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, Công Ước Quốc Tế về những quyền Dân Sự, Chính Trị, Kinh tế, Xã hội và Văn hóa; CSVN cũng đã ghi rõ những quyền tự do căn bản của người dân trong Hiến pháp Việt Nam ban hành năm 1992. Nhưng CSVN với cái tật cố hữu "nói mà không làm, bội ước, tráo trở"... chúng chưa bao giờ ngưng vi phạm nhân quyền. Ngoài sự giam cầm, sách nhiễu những lãnh tụ tôn giáo như Hòa Thượng Huyền Quang, Quảng Độ, Thượng Tọa Tuệ Sĩ, Không Tánh; sự trấn áp các ông Hà Sĩ Phu, Tiêu Giao Bảo Cự, sự giam lỏng BS Nguyễn Đan Quế, sự khống chế đạo Cao Đài và gần đây nhất là sự đàn áp bắt giữ đồng bào Phật Giáo Hòa Hảo.... sai lầm lớn nhất của Cộng Sản là đã bắt Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Giang và rồi vì áp lực của quốc tế mà phải thả. Tất cả đã chứng tỏ với thế giới là sự vi phạm Nhân Quyền vẫn còn rất trầm trọng ở VN. Mặt khác, sự kiện phải trả tự do cho TS NT Giang đã chứng tỏ là CS dù mang một bộ mặt lì lợm cũng đã phải nhượng bộ trước áp lực quốc tế.

* Ngoài ra Việc ban hành nghị định 31/CP cho phép đàn áp đối lập, đàn áp tôn giáo, tù đầy nhân dân vô tội, bưng bít thông tin, độc quyền báo chí... *đã cho thế giới thấy đây là một chủ trương áp bức quần chúng của CSVN nhằm củng cố quyền lực.*

* Những lời tuyên bố của Đào Duy Tùng và của Lê Khả Phiêu hồi gần đây về vấn đề "không chấp nhận đa nguyên, đa đảng" là để đối phó với sức ép đến từ mọi phía, từ quốc tế đến người Việt hải ngoại, để răn đe hàng ngũ đang phân hóa và để che dấu sự bất lực của tập đoàn lãnh đạo. Nhưng chúng ta cũng có thể hiểu một cách gián tiếp rằng, ở thời điểm này áp lực quốc tế dù mạnh cũng không thể buộc CS phải đơn phương từ bỏ quyền hành mà chỉ có thể ép buộc chúng phải chấp nhận một nền dân chủ đa nguyên.

2. Từ phía quốc tế

* Cách đây 30 năm, BS Bernard Kouchner người Pháp, chủ tịch "Hội Y Sĩ không biên giới" (hội này vừa được giải Nobel hòa bình năm nay) đã đề ra "Quyền can thiệp vào chủ quyền quốc gia để cứu người" và đã được LHQ chấp nhận để đem áp dụng tại Somalia, Bosnia, Căm Bốt. Sau vụ Chechnya, vụ diệt chủng ở Tây Tạng và vụ Kosovo hiện giới luật gia quốc tế đang thảo luận về quyền can thiệp vào chủ quyền các nước độc tài.

* Trong nhiều năm qua các tổ chức nhân quyền quốc tế như Amnesty International, Asia Watch đã liên tục theo dõi tình trạng vi phạm nhân quyền tại VN. Gần đây nhất, ba tổ chức khác là Agir Ensemble Pour les Droits de l'Homme, International Federation of Human Rights, World Organisation against Torture đều đã đồng loạt lên tiếng về sự sách nhiễu đối với các vị lãnh tụ Phật giáo và các nhà đấu tranh cho sự bảo vệ và thăng tiến các quyền của con người tại Việt Nam.

* Sự ký kết hiệp ước trao đổi mậu dịch giữa Mỹ và Việt Nam trong những ngày tháng sắp tới nếu đạt được sẽ là một bước tiến thành công trong tiến trình dân chủ hóa. Chúng ta hãy nhìn vào Nga, Đức, khối Đông Âu, Bosnia, Nam Tư và gần đây nhất Indonesia để thấy thế lực của đồng tiền và áp lực quốc tế.

* Vào tháng ba năm nay một tổ chức lấy tên là ASCENT (Trung Tâm Á Đông Tranh Đấu Cho Xã Hội Dân Sự) đã xuất hiện với chủ trương bác bỏ chủ thuyết không can thiệp vào nội bộ của nước khác của khối ASEAN (Liên Minh Đông Nam Á). Chủ thuyết này đã được các chính phủ độc tài xử dụng để thẳng tay đàn áp dân chúng mà không sợ bị phản ứng chống đối của quốc tế. Tổ chức này đã được thành lập để yểm trợ các cuộc tranh đấu ở Mã Lai, Nam Dương và hy vọng sẽ bao gồm Việt Nam và Miến Điện.

* Một điều đau lòng nhưng cũng cần nhắc đến ở đây là nước ta vì hãy còn là một quốc gia nhỏ và kém mở mang nên cho đến nay vận mạng quốc gia vẫn chưa hoàn toàn nằm trong tay dân tộc Việt. Chúng ta ai cũng biết là Trung Cộng không bao giờ muốn Hà Nội đi gần với Hoa Kỳ và ngược lại Hoa Kỳ cũng

không muốn áp đặt quá nhiều áp lực lên Việt Nam để rồi Hà Nội lại chạy đến gần với Trung Cộng hơn. Hiện nay Hà Nội đang chán anh đàn anh Trung Quốc vì chả được giúp đỡ bao nhiêu mà còn bị ngược đãi, chủ quyền quốc gia bị xâm lấn. Do đó để giải quyết vấn đề Việt Nam phương cách giải quyết từng phần, từng giai đoạn sẽ được xem là giải pháp ôn hòa và có nhiều hy vọng đưa đến thành công hơn.

* Ngay cả khi mà các nhà tranh đấu Tự Do & Dân Chủ cho Việt Nam thực sự được mời ra hải ngoại, dù là với xác suất thấp, chúng ta cũng có thể ước đoán được là sẽ có sự yêu cầu... *đường hướng đấu tranh cần bất bạo động, các lực lượng đối kháng cần phối hợp lại thành một khối đối lập*... Và nếu điều đó thật sự xảy ra thì chúng ta ở hải ngoại cũng phải tự hỏi là đã sẵn sàng chưa?

3. Từ các thành phần đối kháng

* Sự xuất hiện ngày càng đông của các thành phần đối kháng từ giới trí thức sĩ phu trong nước, những cựu đảng viên, các văn nghệ sĩ thêm vào đó là sự phổ biến dù khó khăn của các tờ báo "chui" trong nước đã chứng tỏ được là có sự khát khao tự do, dân chủ thật sự ở Việt Nam.

* Tháng 8 năm nay, BS Nguyễn Đan Quế, người hiện đang được sự kính trọng của tất cả chúng ta đã không còn dè dặt mà đã lên án sự cằn cỗi, thoái hóa của Lê Khả Phiêu. BS Quế cũng đã chứng tỏ được khí phách, bất chấp mọi hiểm nguy khi ông can đảm đưa ra lời kêu gọi về một cuộc gặp gỡ của các cựu tù nhân chính trị trong nước. Điều này cho chúng ta thấy là sự kết hợp thành một lực lượng đối kháng là điều tối cần thiết trong lúc này.

* Sự hiện diện của một triệu tín đồ và đồng hương tại quê nhà nhân dịp Đại Lễ Kỷ Niệm 60 năm khai sáng Phật Giáo Hòa Hảo đã biểu dương được sức mạnh tinh thần cũng như đã gửi một thông điệp không riêng cho CSVN mà còn cho toàn thế giới trong đó có chúng ta ở hải ngoại.

* Lời kêu gọi liên tục của các vị lãnh đạo những tôn giáo lớn đòi Tự do Tôn giáo ở Việt Nam trong nhiều năm qua chứng tỏ không riêng tại hải ngoại mà ngay tại VN các tôn giáo trong tương lai cũng có thể đi đến một sự phối hợp đấu tranh mà chưa bao giờ xảy ra trong quá khứ.

* Ngày 22-9-99 Hòa Thượng Thích Quảng Độ cũng đã thách thức chế độ khi làm đơn xin cho ra báo Phật Giáo Độc Lập. Tháng 7 vừa qua cựu tướng CS Trần Độ người đã bị bọn cầm quyền khai trừ ra khỏi đảng cũng đã làm đơn xin ra báo nhưng đơn đã bị bác. Tất cả đã là những thách thức công khai đối với chế độ.

4. Từ cộng đồng hải ngoại

* Các cuộc biểu tình phản đối vụ Trần Trường đã một lần nữa chứng tỏ tinh thần chống Cộng cao độ của đồng bào hải ngoại.

* Tâm thư ký ngày 1-8-99 của các Đoàn thể Trẻ Việt Nam đã chứng tỏ tinh thần dấn thân đấu tranh cho quê hương cũng như xây dựng một cộng đồng VN vững mạnh tại hải ngoại của thế hệ trẻ tại nhiều quốc gia trên thế giới.

* Ngày 7-8-99 Sứ Điệp Nhân Quyền làm tại Pháp của nhiều cá nhân, đoàn thể, tổ chức, tôn giáo đã một lần nữa xác quyết sự ủng hộ cho việc vận động cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ và nhân quyền được bảo đảm và tôn trọng.

* Những hội nghị liên kết trong những năm vừa qua đã được sự tham dự của nhiều tôn giáo, cá nhân, tổ chức đấu tranh và cộng đồng người Việt tại các quốc gia lớn trên thế giới, lúc nào cũng chủ trương đấu tranh quyết liệt cho Tự Do và Dân Chủ cho Việt Nam. Thư ngỏ ngày 21-9-99 của Hội Đồng Điều Hợp Hoạt Động Hội Nghị Liên Kết cũng đã kêu gọi đấu tranh chống đàn áp tôn giáo và nhân quyền tại VN.

Sau khi điểm qua và phối hợp những dữ kiện trên, tôi xin kính đề nghị cùng quý vị lãnh đạo các tôn giáo, các hội đoàn, đoàn thể, các tổ chức đấu tranh, và toàn thể đồng hương trong và ngoài nước hai điều:

1. Chúng ta nhất định không đầu hàng, không đơn phương xin hòa hợp hòa giải với CS nhưng vì muốn tránh đổ máu cũng như có thể gây xáo trộn và bất ổn cho nền an ninh của cả vùng Đông Nam Á xin đề nghị :

Năm 75 chúng ta đã có một mẫu số chung là tị nạn chính trị, nay để sửa soạn bước vào thiên niên kỷ mới chúng ta hãy cùng chấp nhận một mẫu số chung nữa là tập trung đấu tranh đòi CS hủy bỏ điều 4 hiến pháp, đòi các quyền tự do căn bản cho toàn dân như Tự do tôn giáo, Tự do báo chí, Tự do lập hội... Tất cả chúng ta, thay vì tiếp tục đòi hỏi CS đơn phương từ bỏ quyền hành, hãy chấp nhận một giai đoạn chuyển tiếp và chỉ đấu tranh đòi một thể chế dân chủ đa nguyên tại Việt Nam.

Đề nghị trên được nêu lên dựa vào những nhận định căn bản sau:

** Mục tiêu tối hậu của tất cả chúng ta là đạt được "Tự Do và Dân Chủ cho VN." Đề nghị trên chỉ là bước đầu của tiến trình dân chủ hóa VN.*

** Quyết định cuối cùng và quan trọng nhất vẫn là của người dân trong nước.* **Ba triệu người ở hải ngoại là một tiềm năng quan trọng trong việc hỗ trợ đồng bào trong nước thực hiện quyết định cuối cùng để đạt mục tiêu tối hậu đó . Hiện chúng ta đề nghị giải pháp - chấp nhận thời gian chuyển tiếp - nhưng chúng ta vẫn chấp nhận những quyết định khác ví dụ như sự vùng dậy của người dân trong nước.**

** Sự kết hợp TRONG & NGOÀI thành một lực lượng đối trọng sẽ đưa đến Thế ĐỐI LẬP. Thế ĐỐI LẬP sẽ cho người Việt hải ngoại một tư thế đứng đắn và một tiếng nói chính danh.*

** Trong mặt trận ngoại giao mà người Việt hải ngoại có thể đảm nhận và chu toàn được, khi tiếng nói của chúng ta trở nên chính danh chúng ta sẽ được dân chúng và chính phủ các quốc gia thành viên LHQ lắng nghe.*

** Đây là một quyết định chiến lược để có được sự ĐOÀN KẾT ở hải ngoại và thế ĐỐI LẬP ở trong nước.*

* Những người dân miền Bắc sinh sau năm 54, năm nay đã trên 40 tuổi, họ không biết gì về chúng ta lại còn bị nhồi nhét chủ nghĩa Cộng Sản trong suốt đời họ, làm sao để họ tin rằng chúng ta sẽ đem lại cho họ sự ấm no hạnh phúc.

2. Vận mệnh của quốc gia lúc nào cũng nằm trong tay của hơn 70 triệu dân Việt tại quốc nội. Ba triệu người Việt ở hải ngoại ủng hộ và hỗ trợ tất cả những quyết định của quốc nội. Vai trò đúng đắn nhất của cộng đồng hải ngoại là vận động ngoại giao. Do đó để đáp ứng với tất cả những biến chuyển thuận lợi vừa kể trên cũng như để sửa soạn cho việc liên

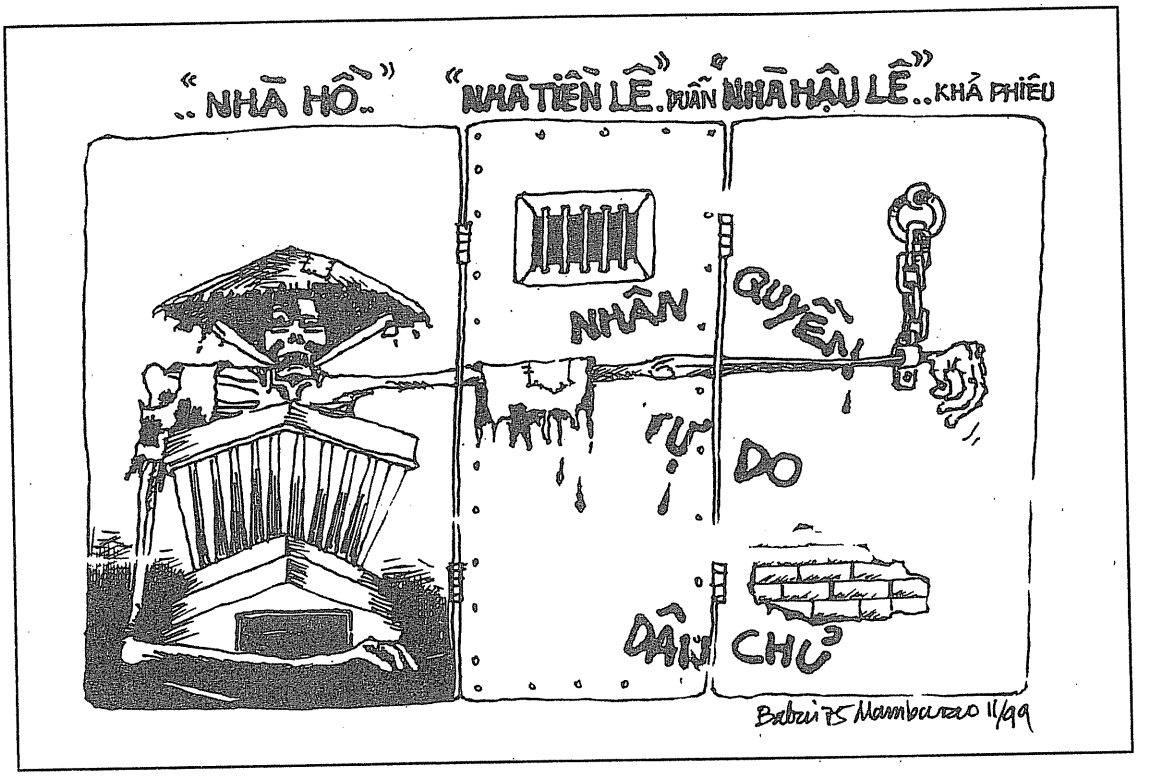

Kết Trong Ngoài mà sự kết hợp với các tổ chức đối kháng tại quốc nội sẽ đưa đến sự hình thành một Khối Đối Lập với chính quyền CS, xin đề nghị chúng ta cần thành lập ngay:

cơ cấu đặc nhiệm ngoại vận của người Việt hải ngoại để đấu tranh ngoại vận cho Nhân quyền và Dân chủ tại Việt Nam.

Một khi khối đối lập đã thành hình, tiếng nói của chúng ta qua cơ cấu đặc nhiệm này sẽ trở thành chính danh và sẽ được cộng đồng thế giới lắng nghe. Cơ cấu này sẽ giúp chúng ta nắm lại được thế "chủ động" và thoát khỏi tình trạng "bị động" từ trước đến nay.

Cơ cấu sẽ liên tục mời gọi các cá nhân và các đoàn thể tại hải ngoại có chung ưu tư cùng tham gia làm việc trong tinh thần tập thể và

ngang hàng nhau.

Cơ cấu cần có thành viên tại các quốc gia lớn để cùng phối hợp làm việc.

Cơ cấu sẽ lên tiếng xin phép cộng đồng hải ngoại để được mang tiếng nói đại diện trong các công tác ngoại vận.

Cơ cấu sẽ có nhiệm vụ:

Đối với các quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc

* Cơ cấu sẽ nêu rõ sự yếu kém trong lãnh vực chính trị, kinh tế, quản trị... của chính phủ CS hiện nay. Riêng về lãnh vực nhân quyền, cơ cấu sẽ soạn thảo những bản báo cáo về sự vi phạm các quyền tự do như tôn giáo, báo chí, lập hội... để đưa vào Quốc hội cũng như đưa ra trước các cơ quan truyền thông quốc tế. Cơ cấu cũng sẽ bàn về những nguyên nhân đưa đến sự xuất hiện của những cá nhân và những tổ chức đối kháng trong nước.

* Cơ cấu sẽ nhấn mạnh đến điểm hơn hai triệu người Việt hiện đang sống tại hải ngoại là một thực thể, một phần nhỏ của dân tộc Việt. Sau hơn 20 năm sống tại các quốc gia Tây phương, cộng đồng hải ngoại đã trưởng thành, đã có đủ khả năng để có quyền được đóng góp hầu đem lại sự thịnh vượng cho quê hương dân tộc cũng như được quyền lên tiếng về những chính sách của chính quyền Cộng Sản Việt Nam.

* Cơ cấu sẽ nhắc lại là năm 1975, nếu thế giới đã điềm nhiên tọa thị nhìn CSVN xé hiệp định Paris xâm chiếm miền Nam và đã đưa cả nước vào nghèo đói và lạc hậu thì đã đến lúc các quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc cần phải xen vào để giúp dân tộc Việt Nam thoát ra khỏi chế độ độc tài, đảng trị hiện nay.

Đối với Liên Hiệp Quốc:

** Chúng ta cần vạch rõ hiểm họa của một cuộc nổi dậy sẽ không thể tránh khỏi ở VN nếu không có sự can thiệp, áp lực của LHQ.*

** Chúng ta cần cho LHQ thấy là chúng ta chủ trương bất bạo động, vì chúng ta muốn tiết kiệm xương máu và vì chúng ta cũng muốn tránh tình trạng bất ổn, xáo trộn tại VN có thể ảnh hưởng đến nền an ninh của cả vùng Đông Nam Á.*

** Chúng ta nhất định không đầu hàng, không đơn phương xin hòa hợp hòa giải với CS. Nhưng chúng ta chấp nhận một giai đoạn chuyển tiếp nếu CS chấp nhận một thể chế dân chủ đa nguyên tại Việt Nam.*

Do đó chúng ta cần nói cho thế giới, người Việt tại hải ngoại nhưng quan trọng nhất là người dân trong nước biết là tất cả những ai còn biết lo cho tiền đồ Tổ Quốc, cho sự hưng thịnh của quê hương đều có thể đứng chung thành một lực lượng đối lập với tập đoàn ngoan cố thủ cựu đang nắm chính quyền. **Tập đoàn ngoan cố này đang đối đầu lại với đại Khối Dân Tộc mà không biết rằng chính đại Khối Dân Tộc đang mở cho họ một lối thoát.**

Đất nước ta, miền Bắc đã đắm chìm trong đại họa CS từ năm 1946 và cũng đã gần 25 năm kể từ ngày chúng ta mất miền Nam.

Dân ta sẽ còn phải chịu cảnh áp bức, nghèo đói đến bao giờ ?

Nước ta sẽ còn phải chịu cảnh lạc hậu thêm bao nhiêu năm nữa ?

Câu trả lời là ở chúng ta. Tất cả đều nằm trong tay chúng ta, người Việt trong và ngoài nước. Thế giới sắp bước vào một thiên niên kỷ mới, thể chế chính trị phải được thay đổi ở VN và quê hương yêu dấu của chúng ta phải trở nên một quốc gia giầu mạnh cho các thế hệ trẻ sau này.●

Úc Châu 11-11-1999

Mỗi gia đình người Việt hải ngoại
cần có một bộ

VĂN HỌC MIỀN NAM

của VÕ PHIẾN

Đã phát hành
đầy đủ toàn bộ sáu cuốn

- *Truyện (ba cuốn)*
- *Ký*
- *Kịch – Tùy bút*
- *Thơ*

Nhà xuất bản
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683 - USA
Tel & Fax: (714) 527-5761
(Ngân phiếu, chi phiếu xin đề
VĂN NGHỆ)

THẾ ĐỨNG TẤT YẾU CỦA VIỆT NAM VÀO ĐẦU THẾ KỶ 21

LÊ DOÃN KIM

LTS. Bài này được viết trước khi Bắc Kinh và Washington ký kết về việc Trung Quốc gia nhập WTO. Tác giả đặt giả thuyết rằng việc ký kết đó chưa xảy ra để Việt Nam đề nghị Mỹ dùng WTO như một điều kiện yêu cầu Trung Quốc công nhận Việt Nam như một vùng trung lập. Sau khi hai bên Mỹ Trung đã ký, giả thuyết đó không còn đúng, nhưng các ý tưởng chính mà tác giả đề nghị vẫn còn giá trị về mặt địa lý chính trị.

Từ bán thế kỷ 20, sau Thế Chiến Hai, Việt Nam cứ mãi lạc vào *giấc mơ chiến thắng* trên cuộc cờ đối kháng giữa Trung Quốc và Huê Kỳ tại bàn cờ Đông Dương và Đông Nam Á. Nay, bước vào thế kỷ 21, Việt Nam vẫn chưa tỉnh giấc để chỗi dậy, bung ra tạo một thế đứng quân bình vững mạnh hòng tiến lên đuổi kịp trào lưu tân tiến trên thế giới vào đầu Thiên Niên Kỷ mới.

Tầm với của Huê Kỳ

Huê Kỳ là cường quốc số một về kinh tế, khoa học, kỹ nghệ và quân sự, mà đặc chất về chính sách đối ngoại lại nặng tính thực dụng và tích cực. Giữa các đối phương trên thế giới, Huê Kỳ luôn cân nhắc "kẻ nào" Mỹ cần nâng đỡ, và "kẻ nào" Mỹ phải đối phó. Đầu thập niên 40, tuy vẫn chủ trương bài cộng sản, Huê Kỳ lại tiếp viện cho Stalin để diệt Hitler. Đầu thập niên 70, vì cần thọc tay xé lẻ khối Cộng Sản quốc tế, Mỹ xoay thế xáp lại thân thiện với Mao, và đối đầu với Breznev.

Năm 1972, giữa lúc *"chiến tranh nóng bỏng"* tại Việt Nam đang còn cò kè trả giá tại bàn hòa hội Balê *cho Mỹ rút lui kết thúc việc tham chiến trông danh dự,* và giữa lúc cuộc *"chiến tranh lạnh"* cực kỳ căng thẳng giữa hai siêu cường Nga-Mỹ còn chưa ngã ngũ ai thắng ai thua, Tổng Thống Hoa Kỳ, Richard Nixon, trên đường bay đến Bắc Kinh dụ Trung Cộng vào *thế cờ* hiểm của Mỹ, đã ghi vào nhật ký mấy dòng: "Trung Quốc muốn gì? *(1) Nâng cao uy tín cùng vị thế trên trường quốc tế. (2) Đài Loan. (3) Huê Kỳ rút chân khỏi Châu Á."*

Nay, hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua, chiến tranh Việt Nam cũng như cuộc chiến tranh lạnh đều đã kết thúc, và mặc dù Huê Kỳ đã thay đổi năm trào Tổng Thống, chánh sách căn bản của Mỹ đối với Trung Quốc cũng lại vẫn còn y hệt như thời Mỹ hùng hổ can dự vào chiến tranh Việt Nam. Mỹ vẫn quyết tâm, trước sau như một, ngăn chận sự bành trướng và bá quyền của Bắc Kinh tại Châu Á, dầu bề ngoài Mỹ vẫn hòa hoãn nhân nhượng, dụ Trung Quốc từng bước một tham dự vào các sinh hoạt và tiến trình thương thảo quốc tế.

Trong thập niên 90, một mặt, tuy TT Clinton đã tăng cường mậu dịch với Bắc Kinh và còn muốn tiến lên xây dựng một thế *Chiến Lược với Trung Quốc,* nhưng mặt khác, Huê Kỳ cũng vẫn giữ y nguyên chủ trương duy trì 80 nghìn quân Mỹ tại Nhật Bản và Nam Hàn, cũng như vẫn tiếp tục yểm trợ quân sự cho Đài Loan, lại còn ký kết liên minh phòng thủ với Nhật Bản... Trên bình diện chính trị, Mỹ còn tích cực vận động cho Nhật, Đức, Ấn

Độ..., mà đặc biệt là Nhật Bản, làm Hội Viên Thường Trực tại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Hơn nữa, sau khi Liên Bang Xô Viết bị giải thể và chủ nghiã cộng sản phải tàn rụi, thừa thắng xông lên, Huê Kỳ liền nới rộng chính sách *"toàn cầu hóa kinh tế"* sang các nước ở tận bên kia bức màn sắt. Huê Kỳ tin rằng ở đâu có đầu tư phát triển kinh tế, có tự do mậu dịch, thì chóng chày sẽ phải có một **xã hội pháp trị** và **một nền chính trị dân chủ, tự do.** Vì kinh tế là trọng điểm của chính sách đối ngoại và là quan tâm hàng đầu của Mỹ nên tư bản Mỹ đã đặt chân đến 13 nước ở Đông Âu và Trung Âu. Cùng với sự đầu tư phát triển kinh tế, Mỹ đã trực tiếp giúp các nước này xây dựng những lực lượng quân sự địa phương hùng mạnh, nhắm ngang tầm với các nước thành viên trong khối NATO, để bao vây Nga. Cũng thế, tư bản Mỹ cũng đã ồ ạt đổ vốn và kỷ thuật khai thác dầu lửa vào Mông Cổ và đặc biệt vào các nước Tajikistan, Kazakhstan và Kyrgy ... thuộc Nga-Xô trước kia, giáp biên thùy Trung Quốc. Đồng lúc, để bảo vệ khu vực kỷ nghệ này, Huê Kỳ cũng tiếp tay huấn luyện quân sự và thiết lập một mạng lưới an ninh bao quanh miền Bắc Trung Hoa lục địa.

Riêng tại khu vực Biển Đông, Thái Bình Dương, Huê Kỳ không những đang trở lui lại Phi Luật Tân, do lời mời của chính phủ Manila, mà còn dọn đường củng cố thế đứng tại Việt Nam.

Còn Trung Quốc thì sao?

Trung Quốc hiện có số dân cư đông nhất thiên hạ, bằng phần năm của nhân loại, là một thị trường tiêu thụ vô cùng hấp dẫn, khiến mọi xứ kỹ nghệ đều muốn nhảy vào đầu tư. Mục tiêu tối yếu của Bắc Kinh là cố tranh thủ với Huê Kỳ để được gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (WTO), nhưng vẫn chưa đạt được sự thỏa thuận của Mỹ. Từ thời Đặng Tiểu Bình, với chủ trương *dân giàu, nước mạnh* để gấp rút vươn lên hàng siêu cường, Trung Quốc rất cần mở mang kinh tế, khuếch trương kỹ nghệ và mậu dịch, song song với nỗ lực tăng cường quân sự. Đến nay, Bắc Kinh vẫn bị Huê Kỳ nghi là đã dùng gián điệp phỗng tài liệu vũ khí tối mật của Mỹ để hiện đại hóa nền quốc phòng, thực hiện ý đồ bành trướng và bá quyền tại Châu Á, thách thức Huê Kỳ.

Hẳn chỉ vì nỗ lực của Bắc Kinh gấp rút tăng cường cùng hiện đại hóa mọi vũ khí chiến lược, tỷ như cố chế tạo những đầu đạn nguyện tử với nhiên liệu đặc, có tác dụng vừa nhanh vừa chính xác, *(phỏng theo đầu đạn "V.88" của Mỹ)* mà tình báo Bắc Kinh đã lén chôm được, để thay thế hàng loạt những đầu đạn cũ, lỗi thời, nặng nề, dễ sai lệch mục tiêu, nên Thượng Viện Huê Kỳ phải đột ngột lôi "Hiệp Ước Cấm Thí Nghiệm Nguyên Tử" ra thảo luận cấp kỳ. (Hành Pháp Bill Clinton đã vận động được 154 nước, kể cả Trung Quốc, Ấn Độ và Hồi Quốc tham gia ký kết, mà nay 48 nước đã chịu phê chuẩn bản Hiệp Ước). Kết quả là không những phe Cộng Hòa chiếm đa số tại Thượng Viện Mỹ đã không chịu phê chuẩn, mà còn bác bỏ cái rụp một Hiệp Ước Quốc Tế có tầm quy mô và cực kỳ quan trọng, khiến toàn cầu phải sửng sốt, hoang mang.

Trung Quốc chuẩn bị đánh Mỹ chăng?

Chủ Tịch Giang Trạch Dân, trong cuộc phỏng vấn của tạp chí Time, số 27-10-1997, đã cố tình khẳng định: *"Huê Kỳ không phải là một quốc gia đang suy thoái, và tôi không nghĩ rằng Trung Quốc và Mỹ sẽ phải đi đến chỗ xung đột nhau."* Miệng thì nói vậy, nhưng đối đầu với chính sách đối ngoại lấp lửng của Mỹ và đứng trước một thực tế bẽ bàng, cứ bị Mỹ lên án Trung Quốc về đường lối bá quyền và đàn áp dã man tại Tây Tạng và Tân Cương, cũng như vi phạm nhân quyền trầm trọng trên khắp Trung Hoa lục địa, Bắc Kinh vô cùng phẫn nộ, cho rằng Mỹ luôn âm mưu hãm hại Trung Quốc. Lòng căm phẫn của Bắc Kinh và quần chúng Trung Hoa lại càng quay cuồng, tức tối nhân vụ phi cơ Mỹ bắn "lầm" hỏa tiễn vào Sứ quán Trung Hoa tại thủ đô Belgrade. Bắc Kinh đã tự kiểm điểm và nhận định rằng nếu mình đủ mạnh và ngang tầm thì hẳn Huê đã phải ngần ngại, không dám liều lĩnh làm bẽ mặt Trung Quốc, như ngày 7 tháng 5, 1999, ngang nhiên bắn phá tòa Sứ quán Trung Hoa trong trận chiến Sokovo.

Vừa rồi, nhân ngày 1-10, kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước CHNDTH, nhằm phô trương thanh thế và đồng thời hù dọa Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, dọa luôn cả Mỹ ở Á Châu cũng như các nước tại vùng Tây Á và Đông Nam Á, Trung Hoa đã rầm rộ biểu dương sức mạnh quân sự. Đặc biệt là ngoài cuộc biểu dương một màn không lực hiện đại và những dàn hỏa tiễn tầm xa tối tân, Trung Quốc trước đó còn loan báo đã chế cả vũ khí hạt nhân Neutron. Lại vừa tuyên bố đến cuối năm 1999 này, Trung Quốc sẽ bắn phi thuyền có người lái lên không gian. Qua những trình

diễn lớp lang trên, Bắc Kinh như nhắm dần mặt thiên hạ, muốn thế giới phải hiểu rằng 50 năm chót của thế kỷ 20, Trung Hoa đã vùng dậy; và đương nhiên trong 50 năm tới của thế kỷ 21, Trung Quốc sẽ tiến lên hàng siêu cường. Có nghĩa là trước tiên, Trung Quốc sẽ loại Mỹ ra khỏi Châu Á, Biển Đông Thái Bình Dương để rồi sẽ lần lượt tóm thâu thiên hạ.

Phản ứng của Á Châu và Huê Kỳ:

Đối đầu với chủ trương bành trướng và bá quyền lộ liễu của Bắc Kinh, mọi quốc gia trong vùng, từ Đài Loan, Phi Luật Tân, Nam Hàn, Thái Lan, Tân Tây Lan, Úc..., từ lâu đã tăng cường củng cố quân lực và gần đây đã cùng với Huê Kỳ tổ chức dàn quân tập trận quy mô tại mỗi nước. Nhật còn dự tính thay đổi Điều 9 trong Hiến Pháp để tái võ trang, hiện đại hóa quân lực quốc phòng, sẵn sàng đối đầu mọi bất trắc. Tháng 8 vừa qua, Nhật và Mỹ đã chính thức trao đổi văn kiện về kế hoạch nghiên cứu chương trình chống hỏa tiễn tầm xa. Riêng Mỹ lại mới vừa thử nghiệm thành công *trên bầu trời Thái Bình Dương* loại phi đạn mới, loại vũ khí chiến lược có tác dụng *phá tan hỏa tiễn địch* đang trên đường lao mình phóng tới mục tiêu.

Trước một tình thế hiểm nguy, Việt Nam phải làm gì để sống còn?

Trước hết cũng cần nhắc lại rằng: từ nghìn xưa đến nay, con đường Nam tiến huyết mạch của Trung Quốc là Việt Nam và Biển Đông. Trong quá trình lịch sử, Việt Nam đã từng bao phen đơn độc đóng vai trò tiền đồn, ngăn chận Trung Hoa tràn xuống Đông Nam Châu Á. Sau một nghìn năm đô hộ của Tàu và bao cuộc xâm lăng từ phương Bắc, ông bà ta đã phải nơm nớp túc trực đối đầu với một Trung Hoa đầy tham vọng bá quyền. Và ông bà ta đã hiểu được công thức cho công cuộc sinh tồn của dân tộc Việt là: - một nền chính trị tự chủ, và - một chính sách hòa hoãn với người láng giềng khổng lồ hung hăng ở phía Bắc, thể hiện qua việc những triều đại Việt xin tiếp tục triều cống Trung Hoa sau mỗi lần chiến thắng Bắc xâm. Và ông bà ta đã không gọi Trung Hoa là "kẻ thù," mà lại xem người Tàu là "Khách" nhưng không phải là bạn, là cật ruột, là đồng minh, hay đồng chí. Ngay tại thủ đô Hà Nội, trong số 36 phố phường, ta gọi *"Phố Khách"* là nơi tập trung đông đúc những cửa hàng của người Tàu. Chừng ấy cũng đủ rõ ông bà tổ tiên ta trụ ở thế đứng chủ nhân, mà người Tàu, láng giềng của ta chỉ là khách. Thế đứng tự chủ và tuyên ngôn độc lập của Việt Nam ta đã được người anh hùng Lý Thường Kiệt khẳng định qua bài hịch lịch sử độc đáo, lẫm liệt, mà mọi người Việt Nam yêu nước đều khó mà quên được:

Nam Quốc sơn hà, Nam Đế cư
Tuyệt nhiên định phận tại Thiên thư ...

Hẳn ông Hồ Chí Minh và Việt Minh cộng sản đã không quên. Nhưng chỉ vì nhận lầm Phong Trào Giải Phóng (bánh vẽ) Thế Giới của Vô Sản Quốc Tế là thật, nên đã gắn chặt sinh mệnh của Việt Nam vào Trung Quốc và Liên Xô. Đó là đầu mối của thảm trạng từng làm điêu đứng Việt Nam trong 60 năm qua. Và kể từ ngày Hà Nội liên kết chặt chẽ với Bắc Kinh như "ruột thịt," như *môi với răng, môi hở thì răng lạnh,* Trung Quốc khó mà chấp nhận cho bất cứ cường quốc nào ảnh hưởng đến Việt Nam, mà Trung Quốc nghĩ rằng sẽ đe dọa an ninh và chận đường bành trướng của Trung Hoa.

Chính đó là nguyên nhân buộc Trung Quốc phải tích cực viện trợ cho Hà Nội trong cuộc chiến tranh Việt Nam, đốc thúc Hà Nội bằng mọi giá, phải hy sinh xương máu của nhân dân Việt Nam để chống Mỹ đến kỳ cùng, cốt bảo vệ biên thùy phía Nam cho Trung Quốc, cho đến ngày mà Mỹ chịu bắt tay, trực tiếp nói chuyện tay đôi với Bắc Kinh vào những năm 71, 72, như Bắc Kinh hằng mong muốn (1). Nhưng qua đến năm 1979, sau khi Mỹ rút khỏi Việt Nam, Trung Quốc lại ồ ạt và trắng trợn xâm lăng Việt Nam, để "dạy Hà Nội một bài học," khi Hà Nội vội vã rời ảnh hưởng của Bắc Kinh, nhập vào quỹ đạo của Mạc Tư Khoa!

Điều rất may cho Việt Nam là Huê Kỳ lại rất quan tâm đến Việt Nam. Từ thời Đệ Nhị Thế Chiến, lúc Nhật Bản từ biên thùy Trung Hoa, xua quân đoạt lấy Việt Nam trên tay Pháp, Huê Kỳ lại đặc biệt quan tâm đến vị thế then chốt độc đáo của Việt Nam. Huê Kỳ thấy rõ ý đồ bành trướng của Nhật, muốn sử dụng bàn đạp chiến lược của Việt Nam để tràn quân xuống Đông Nam Á, xuống biển Đông, vào eo biển Malacca, băng qua Ấn Độ Dương, để thắt chặt vòng tay nối với Đức và Ý trên bờ Đại Tây Dương, hòng chia nhau thế giới. Nhằm chận đứng bước xâm lăng của Nhật Bản và đồng thời tháo gỡ ngòi nổ chiến tranh giữa Mỹ và Nhật trên Thái Bình Dương. Tổng Thống Mỹ, Franklin Roosevelt, đã yêu cầu

Nhật rút quân khỏi Việt Nam, để quốc tế hóa và trung lập hóa Việt Nam và Đông Dương.

Nhưng chỉ vì, trong thời chiến cũng như trong thời bình, Việt Nam là địa bàn quân sự, chính trị, kinh tế quan trọng, then chốt tại vùng Đông Nam Á nên Nhật đã bác bỏ giải pháp hòa bình của Mỹ, rồi bất thần tấn công vào Trân Châu Cảng, buộc Mỹ phải lao đầu vào Thế Chiến Hai.

Nam, và đồng thời *ngăn chận Trung Hoa* xâm lăng Việt Nam và Đông Dương.

Cần tránh không để cho Trung Quốc và Huê Kỳ — *chỉ vì cần tranh giành ảnh hưởng về "địa dư-kinh tế-chính trị" trên vị thế độc đáo, then chốt của Việt Nam tại địa bàn Đông Nam Á, Biển Đông và Thái Bình Dương* — mà xáp lại đánh nhau ngay trên lãnh thổ hay lãnh hải và vùng trời không phận của Việt Nam.

Tóm lại, có hiểu biết lịch sử và nhận thức được mưu đồ bành trướng và nhu cầu độc quyền ảnh hưởng và thôn tính Việt Nam của Trung Hoa, thì mới thấy được Huê Kỳ là *đối lực thiết yếu cho sự sinh tồn của Việt Nam trong thế kỷ 21.*

Thế Đứng Tất Yếu Của Việt Nam

Điều cực kỳ quan trọng là Việt Nam phải biết cách sử dụng khéo yếu tố Huê Kỳ để *tránh chiến tranh* xảy ra trên đất nước Việt

Muốn tránh chiến tranh, Việt Nam và Đông Dương không thể nào đứng vào vị thế tiền đồn, hay liên kết, dẫu là liên kết với Trung Quốc hay Huê Kỳ.

Việt Nam phải trụ vững tại vị thế trái độn. Việt Nam và Đông Dương phải là một khối TRÁI ĐỘN (a Buffer Bloc) để ngăn chia, để giang xa ra sự va chạm quân sự trực tiếp giữa Huê Kỳ và Trung Quốc tại Đông Nam Châu Á. Việt Nam và Đông Dương vừa phải là yếu tố dung hòa, vừa là môi trường hòa hợp giữa

ảnh hưởng của mọi nước trên thế giới quan tâm đến Việt Nam, đến Đông Dương mà đặc biệt là giữa Trung Quốc và Huê Kỳ.

Vào năm 1896, do sáng kiến của Anh Quốc chủ trương biến Thái Lan (Xiêm La, lúc bấy giờ) thành một Nước Trái Độn (a Buffer State), nhờ đó mà Pháp và Anh đã tránh được chiến tranh. Vào thời ấy, Pháp toan sử dụng bàn đạp Đông Dương để thôn tính nốt Thái Lan, bất chấp sự hiện diện của Anh tại Miến Điện và Ấn Độ, những thuộc địa Anh nằm tiếp nối cạnh sườn phía Tây của Thái Lan. Cũng nhờ giải pháp đó mà Anh và Pháp đã tránh được sự va chạm, xung đột, có thể gây thành chiến tranh, khởi từ sự tranh giành chiếm đoạt Thái Lan. Nhờ vùng trái độn vô cùng lợi hại của Thái Lan mà Anh và Pháp đã sống chung hòa bình, thân thiện và hòa hợp tại Châu Á, cũng như tại Châu Âu. Và cũng nhờ ở vào thế đứng *"trái độn"* đó mà Xiêm La, tức Thái Lan, may mắn thay, đã giữ được hòa bình và an lạc, lại giữ được toàn vẹn lãnh thổ, vừa là một nước độc lập và chủ, vừa thâu thập ảnh hưởng văn hóa và kỷ thuật của cả Anh, Mỹ... lẫn Pháp.

Tóm lại, muốn có hòa bình, an lạc và hội đủ bề thế để củng cố độc lập, xây dựng dân chủ và tự do thiệt thụ cho đất nước tiến lên hàng phú cường thì đương nhiên **thế đứng tất yếu của Việt Nam vào đầu thế Kỷ 21**, cũng phải giống y như thế đứng của Thái Lan vào cuối thế kỷ 19 và bán thế kỷ 20. Có nghĩa là phải tranh đấu cho Việt Nam và Đông Dương được quốc tế công nhận là một VÙNG TRÁI Đ"N đứng giữa hai thế lực xung khắc, mâu thuẫn là Trung Quốc và Huê Kỳ.

Huê Kỳ muốn cứu nguy Hà Nội bằng Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt. Hiệp ước này, sau bốn năm thương thảo, Hà Nội mới chịu đúc kết với Mỹ. Dấu cũng thấy là *"—đi với Trung Quốc thì sẽ mất Nước,"* còn *"—đi với Mỹ thì có thể sẽ mất Đảng, nhưng Nước vẫn còn,"* Hà Nội lúc đầu đã tỏ ra hồ hởi. Nhưng rồi dưới áp lực quyết liệt của Bắc Kinh (sợ rồi đây Mỹ sẽ củng cố thế đứng tại Việt Nam bằng một hiệp ước phòng thủ chung giữa Mỹ-Việt, cũng như giữa Mỹ-Nhật vậy), và ắt phe bảo thủ lạc hậu trong Đảng và phe quân đội hiện nắm đa số Xí Nghiệp Quốc Doanh (lỗ vốn), hàng ứ đầy kho không sao tiêu thụ được vì phẩm chất qúa xấu, lại nghe nói hiện kết cấu làm ăn với quân đội Trung Quốc, đều nhất quyết *thà đi với Bắc Kinh để cứu nguy Đảng, hơn là đi với Mỹ để cứu Nước,* nên Hà Nội lại đình hoãn việc ký kết Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt.

Hệ lụy của Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt là Hà Nội phải đáp ứng với luật quốc tế về kinh tế, về giao thương, mậu dịch. Do đó Hà Nội phải nới lỏng việc kiểm soát về mặt chính trị và kinh tế của Đảng, phải giải thể các xí nghiệp quốc doanh. Phải thật sự đổi mới, phải dân chủ hóa thật sự xã hội và đất nước trên mọi phương diện, có nghĩa là bắt đầu phải bải bỏ Điều 4 của Hiến Pháp. Nhưng dù có ký thỏa ước kinh tế với Mỹ hay không, rồi đây dưới mọi áp lực của quốc tế cũng như quốc nội, Hà Nội cũng phải thay đổi vậy, nếu không thì cũng đi đến kết quả thứ hai, như ông Trần Độ đã phải cảnh cáo: "Đổi Mới hay Chết!"

Vì vậy, **việc ký kết Thỏa Ước với Mỹ lại trở thành điều lợi.** Vì lẽ, như trên đã nói, Huê Kỳ là yếu tố mâu thuẫn đối kháng thiết yếu cho Việt Nam để **quân bình và hóa giải** áp lực của Trung Quốc tại Á Châu, đặc biệt là tại Việt Nam, Đông Dương và Biển Đông.

Để giải trừ áp lực của Trung Quốc, Hà Nội cần *yêu cầu Mỹ đặt nặng vấn đề Bắc Kinh đồng tình ký kết một Quy Ước Quốc Tế nhằm đảm bảo và thừa nhận Việt Nam và Đông Dương là Vùng Trái Độn và Trung Lập, trước khi Huê Kỳ chấp nhận Trung Quốc tham gia WTO,* mà Trung Quốc rất mong muốn.

Phản ứng của thế giới, nhất là của Mỹ và Trung Quốc sẽ ra sao?

Với lời yêu cầu trên của Hà Nội, đương nhiên Huê Kỳ sẽ đồng ý ngay, vì nhiều lẽ: 1)- Trong chiến tranh Đại Hàn, Mỹ Hoa đã trực tiếp đụng độ, vì Mỹ tiến quân sát tới biên giới Trung Cộng. 2)- Trong chiến tranh Việt Nam, Mỹ chỉ giới hạn tham chiến tại miền Nam thôi để tránh đụng độ trực tiếp với Trung Cộng lần nữa. 3)- Việt Nam bây giờ lại là lỗ hổng trong hàng rào chiến lược kềm tỏa Trung Cộng mà Mỹ đang muốn giải quyết nốt, nhưng lại không muốn trực tiếp đụng độ với Trung Quốc. 4)- Lại nữa, giải pháp "vùng trái độn" tại Việt, Miên, Lào, cũng là giải pháp ROOSEVELT về Đông Dương, mà Huê kỳ chưa gặp hoàn cảnh thuận tiện và thích nghi như hiện nay, để đem ra áp dụng hầu giải quyết một cách rốt ráo vấn đề Việt Nam.

Còn đối với Bắc Kinh, với Quy Ước Quốc Tế nói trên, đảm bảo Việt Nam và Đông Dương **sẽ không biến thành căn cứ và tiền đồn chiến lược của Huê Kỳ**, là điều vô cùng quan

trọng cho nền an ninh của Trung Quốc. Hơn nữa, Trung Hoa lại được gia nhập vào WTO hằng mong ước. Do đó, không có lý do gì để Bắc Kinh bác bỏ lời yêu cầu của Hà Nội.

Còn thế giới, nhất là Nhật và các nước ở Đông Nam Á thì hẳn sẽ thở phào nhẹ nhõm. Vì thùng thuốc súng âm ỷ tại Việt Nam, đã từng là đầu mối gây nên ba trận chiến tranh khốc liệt trong bán phần sau của thế kỷ 20, đe dọa hòa bình chung trong vùng, nếu nay nhờ giải pháp trái độn mà được giải tỏa và dập tắt ngòi nổ, sao lại không hồ hởi, không đồng thuận ký kết và tích cực đảm bảo bản Quy Ước Quốc Tế về Đông Dương?

Tóm lại, việc các quốc gia ở Bắc Á, Đông Bắc, Đông Nam và Tây Á liên kết quân sự và chiến lược với Mỹ là điều đương nhiên không thể tránh. Tuy nhiên, về phần Việt Nam thì sau trận chiến tranh kéo dài từ Thế Chiến Hai, từ năm 1940, đến nay vẫn còn đe dọa tái diễn, Việt Nam ắt không thể nào liên kết với Trung Hoa, cũng như không thể nào liên kết chiến lược với Huê Kỳ.

Một Quy Ước Quốc Tế có cả Huê Kỳ, Trung Quốc, Nhật, Nga, Pháp, Anh, Đức, Ấn Độ, Hòa Lan, Gia Nã Đại ... và Liên Hiệp Quốc đồng thuận đảm bảo Hòa Bình, Độc Lập và toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam và Đông Dương là một ước vọng mà từ nghìn xưa ông bà ta, *trong thế cô và yếu,* hẳn đã từng mơ ước... Nay Việt Nam có cả thế giới để dựa, sao Hà Nội lại không CHỦ ĐỘNG xúc tiến cho thật khéo để chóng hình thành cái thế quốc tế cứu cánh ấy cho Việt Nam ta? Còn nếu dùng dằng để cho cuộc đụng độ giữa Mỹ-Nhật và Trung Hoa phải xảy ra, mà Việt Nam lại trở thành nạn nhân thê thảm, thì khi cần giải quyết chiến tranh, các thế lực đối đầu cũng sẽ phải lôi gấp giải pháp ROOSEVELT về Đông Dương ra áp dụng và thực hiện, vì không có cách nào khác hơn và thực tế hơn. Lúc đó, Việt Nam sẽ phải ở vào cái thế hoàn toàn bị động, và bị áp đặt, sẽ không có tiếng nói tại bàn hòa hội quốc tế để bảo vệ lập trường dân tộc và tự chủ của ta.

Giải pháp quốc tế đặt Việt Nam và Đông Dương trụ vào thế Trái Độn và Trung Lập, với ứng dụng duy trì và đảm bảo hòa bình, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng dân chủ tự do thật sự để thực hiện đoàn kết và hòa giải dân tộc, sẽ mở ra một Vận Hội Mới vẻ vang cho Việt Nam.

Trong thời Minh Trị, Nhật đã gởi ra nước ngoài chỉ vỏn vẹn một vạn thanh niên du học và đều đã trở về bắt tay xây dựng một nước Nhật văn minh và cường thịnh. Nay Việt Nam có được một khối hậu thuẫn sung mãn của hai triệu người Việt ở nước ngoài và đồng thời có sẵn, ít nhất, ba trăm nghìn chuyên viên ưu tú thuộc mọi ngành, thâu thập văn minh tiến bộ và kỹ thuật tân kỳ của mọi nước trên thế giới, sẵn sàng trở về để xây dựng lại Nước cho văn minh và giàu mạnh. Hà Nội sao không nghĩ đến?

Tổng kết lại, chính quyền Hà Nội đang nắm trọng trách về vận mạng đất nước, mà sao sau khi đã vỡ mộng về thế đứng liên kết với Trung Cộng và Liên Xô, nay lại muốn đi dây trên thế giằng co giữa hai đối lực tại Đông Nam Á là Huê Kỳ và Trung Quốc?

Đi dây thì sớm muộn sẽ té nhào, mà rồi cũng chẳng đi được tới đâu! Lại nữa, CHÍNH TRỊ, ảnh hưởng đến vận mệnh sống còn của đất nước và nhiều thế hệ dân tộc, chứ đâu phải là phường XIẾC vui nhộn vài giờ, mà học đòi đi dây? Muốn bung ra khỏi vòng cương tỏa để tiến lên, Việt Nam chỉ còn có mỗi một con đường là Tự Chủ trên thế đứng quân bình vững mạnh là Trung Lập, với một Quy Ước Quốc Tế đảm bảo Độc Lập, Hòa Bình, Toàn Vẹn Lãnh Thổ cho Việt Nam và Đông Dương trên vị thế Trái Độn.

Việt Nam cần thuyết phục Huê Kỳ chấp nhận Bắc Kinh gia nhập WTO, với điều kiện Trung Quốc chịu tham dự *ký kết đảm bảo* bản Quy Ước Quốc Tế cho Việt Nam và Đông Dương.

Còn Thỏa Ước Thương Mại Mỹ-Việt, mở rộng cửa cho Việt Nam tiến vào thị trường mậu dịch quốc tế, đồng thời dễ dàng hóa việc xuất cảng với giá biểu quan thuế nhẹ, lại tăng cường vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, mở mang kinh tế, gia tăng kỹ nghệ và huấn nghệ, giải quyết tình trạng kinh tế tụt hậu thảm thương cùng nạn thất nghiệp trầm trọng hiện nay, ổn định xã hội rối loạn vì thiếu công ăn việc làm, làm cho dân giàu nước mạnh, Việt Nam cần phải ký gấp.●

Trọng Thu Kỷ Mão (1999)

(1) Cũng cần nhắc lại, tại Hội Nghị Genève 1954, thủ tướng Chu Ân Lai đã chìa tay ra trước, nhưng ngoại trưởng Mỹ, Foster Dulles, lại lờ đi, không nhận bắt tay. Huê Kỳ lúc đó không muốn nhìn nhận Bắc Kinh. Mỹ rất hậm hực việc Hồng quân của Trung Quốc đã sử dụng "chiến tranh biển người" quái ác, rùng rợn tại trận chiến Cao Ly 1950-53, để đương đầu với Mỹ.

ĐỜI SỐNG QUANH TA

THANH THẢO, TRẦN QUÁN NIỆM

NGHỆ THUẬT VỊ THA KHI CÓ TÀI SẢN KHỔNG LỒ
Theo phương cách của ông bà Bill và Melinda Gates

THANH THẢO

Trong xã hội tân tiến về kỹ thuật như Hoa Kỳ và những quốc gia Tây phương khác, đa số người công dân nào cũng muốn làm giàu, bằng kinh doanh, bằng sáng kiến, bằng công trình nghiên cứu... và đa số chạy đua với đồng hồ hàng ngày để đạt mục đích. Nhưng cũng vì sống trong xã hội tân tiến, người ta không có đủ, hay đúng ra, không dành thời gian, để ngẫm nghĩ xem làm giàu đến mức độ không thể nào chi dùng hết trong vài đời, cho dù có chi tiêu phung phí, thì sẽ làm gì với số tài sản khổng lồ này? Dĩ nhiên, đại đa số chúng ta không nằm trong nhóm người phải suy nghĩ đến vấn đề trên, nhưng giả sử, giả sử thôi, chúng ta may mắn trở thành tỉ phú thì sẽ nên sống và hành xử thế nào cho đúng nghệ thuật? Không lẽ sống một cuộc đời dư thừa, rồi để hết tài sản lại cho con cháu? Làm thế cũng là một cách tốt, nhưng chúng ta có thể góp phần vào việc tạo ra một giai cấp mới, vì được thừa hưởng tài sản khổng lồ, mà không dùng đến công sức, nên không biết giữ và không biết sống cho đúng. Trường hợp của Barbara Hutton, con gái một đại triệu phú Hoa Kỳ, mà câu chuyện được dựng thành phim: "Poor Little Rich Girl" là một điển hình. Vậy làm thế nào để chúng ta CHO đúng nghệ thuật? Trong bài này, chúng ta hãy thử xét trường hợp của phu nhân một trong những người giàu nhất thế giới, chủ nhân của đại công ty Microsoft, nghệ thuật CHO của bà Melinda Gates.

Khác với lối suy nghĩ của người Á Đông, mà câu ca dao sau đây thường được dùng làm căn bản: " Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa..." ông bà Bill và Melinda Gates tin rằng nên để lại gia sản cho xã hội và những công trình từ thiện hơn là để hết lại cho con cháu. Theo bài đăng trên tạp chí Business Week, số phát hành ngày 25 tháng 10, năm 1999, phóng viên Michael Moeller đã nêu lên những thí dụ điển hình về những công tác xã hội và ngân khoản lớn đến 17 tỉ Mỹ Kim thuộc THE BILL & MELINDA GATES FOUNDATION, mà bà Melinda Gates đã khởi xướng và đang góp phần điều hành. Đây là một hội từ thiện lớn hạng nhì trên thế giới với những công trình thiện nguyện được bà Melinda Gates chọn lựa theo mơ ước của bà về một xã hội lý tưởng. Những chương trình bà chọn liên quan đến việc bảo đảm sức khỏe và học vấn cho thiếu niên khắp thế giới. Chẳng hạn như:

- $ 200 triệu mỹ kim tặng cho thư viện tại những khu vực nghèo để gắn hệ thống Internet trong chương trình Gates Library Initiative.
- $100 triệu mỹ kim ngân khoản giúp cho những chương trình chích ngừa cho trẻ em khắp thế giới trong chương trình The Bill & Melinda Gates Vaccine Program.
- $50 triệu mỹ kim lập quỹ cho chương trình sức khỏe công cộng của viện đại học Columbia để ngăn ngừa sự tử vong liên quan đến sinh sản tại những quốc gia đang phát triển. Chương trình này mang tên The Maternal Mortality Reduction Program.
- $50 triệu mỹ kim để nghiên cứu và điều chế thuốc chích ngừa bệnh sốt rét, trong chương trình The Malaria Vaccine Initiative.
- $25 triệu mỹ kim ngân khoản dành cho việc nghiên cứu thuốc chích ngừa bệnh AIDS.

Ngoài những chương trình thiện nguyện lớn kể trên, hội từ thiện mà bà Melinda Gates là đồng chủ tịch còn có những chương trình trợ giúp nhỏ hơn và trực tiếp liên quan đến những cá nhân trong tổ chức hơn. Chẳng hạn, mới

đây hội đã tặng $12 triệu mỹ kim cho trường đại học luật khoa Washington, nơi bố chồng bà, ông William H. Gates, Sr. đã tốt nghiệp đại học. Hoặc ngân khoản tặng khác lên đến $20 triệu mỹ kim cho trường đại học Duke, nơi bà Melinda ra trường và nay đang là một thành viên của hội đồng quản trị. Hay nhỏ hơn nữa là món quà $200 ngàn mỹ kim để sửa sang phòng ốc dành cho một trường địa phương tại Seattle, nơi bà Melinda có thời đã làm công tác thiện nguyện.

Bà Melinda French Gates, năm nay 35 tuổi, là người sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, mà việc tốt nghiệp đại học của bà là kết quả sự hy sinh về vật chất của song thân. Vì vậy, lúc nào bà cũng có tâm nguyện bắc một nhịp cầu cảm thông giữa những người CÓ và những người KHÔNG CÓ, và nâng đỡ những người thiểu số muốn tốt nghiệp đại học. Được gia đình dạy dỗ trong tinh thần: Nếu cố gắng hết khả năng của mình, không có việc gì là không thể làm được, bà luôn luôn tin tưởng rằng có được kiến thức là có trong tay sức mạnh. Tuy nhiên, để có kiến thức, người ta cần phải có tiền trả học phí. Đó là lý do bà Melinda Gates cùng chồng, ông Bill Gates, lập một quỹ học bổng trị giá một tỉ mỹ kim mang tên: "Millenium Scholars Program," tạm dịch là: "Chương trình học bổng Thiên niên kỷ" dành tài trợ cho bất cứ người thiểu số nào đủ khả năng, để theo học tại bất cứ trường đại học nào họ được nhận vào, không phân biệt học phí. Chương trình học bổng vừa nêu do bà Melinda Gates khởi xướng là một điểm son trong công cuộc kinh doanh của chồng bà, vì chứng tỏ ông Bill Gates không phải là một nhà kinh doanh ích kỷ như sự chỉ trích của nhiều người.

Là người được nuôi nấng theo tinh thần Thiên chúa giáo, bà còn là người tích cực trong những chương trình đặc biệt liên quan đến gia đình và những vấn nạn của xã hội. Một trong những chương trình này là một đường dây điện thoại khẩn và địa chỉ trên siêu xa lộ điện tử dành cho thanh thiếu niên ở tuổi mới lớn, gọi là *Teenage hot line*, và Web site. Bà cũng giúp tài trợ cho chương trình Kế Hoạch gia đình gọi là: *Planned Parenthood Federation of America Inc.* Những chương trình này không có liên quan gì đến những chương trình khuyến khích phá thai.

Ngoài những việc kể trên, bà Melinda Gates còn là đồng chủ tịch của một ủy ban thuộc tiểu bang Washington liên quan đến việc giáo dục sớm, hay *early learning*. Bà cũng là thành viên hội đồng quản trị của công ty drugstore.com, một công ty vừa khai trương trên Internet, mà theo ông tổng giám đốc Peter Neupert, công ty của ông không mời bà Melinda vì tên của chồng, mà chính vì sự thông minh và khả năng phán đoán nhạy bén của bà.

Với những thành tích kể trên, có lẽ nhiều người nghĩ rằng bà Melinda French Gates là người thích xuất hiện nơi công cộng, nhưng ngược lại, bà lại là một người thích cuộc sống an vui trong sự êm đềm của gia đình. Từ ngày thành hôn với ông Bill Gates năm 1994, bà chưa chấp thuận một buổi phỏng vấn nào với các phóng viên truyền thông. Bà có chủ trương đạt sự bình thường tối thiểu trong đời sống gia đình cùng chồng bà và hai con, Jennifer, ba tuổi, và Roy, bốn tháng. Như nhiều phụ nữ khác, bà cũng dành thời giờ chạy bộ, leo núi Mt. Rainier, và họp mặt bạn gái mỗi tháng một buổi tối. Tuy nhiên, một nét nữa ít người biết đến về bà Melinda Gates là sự chân thành trong tình bạn. Cũng theo tạp chí *Business Week*, trong một buổi tình cờ gặp lại một người bạn cũ thời cùng làm tại Microsoft, tại một nhà hàng địa phương ở Seattle, sau khi chào hỏi xã giao, ai về bàn người ấy, bà đã đến bàn người bạn mình vài phút sau đó với một trò chơi ô chữ viết tay trên khăn giấy của nhà hàng, cho hai con bạn để các em này có trò chơi. Có lẽ đây là những nét đáng phục về người đàn bà tiêu biểu của xã hội hiện đại, một người không bị danh vọng và tiền tài làm thay đổi giá trị căn bản của mình. Và với thí dụ vừa nêu, có thể nói bà Melinda Gates đã đạt được đến mức độ rất cao trong nghệ thuật vị tha vậy.

CẨN THẬN KHI ĂN GÀ TÂY MỪNG LỄ TẠ ƠN

TRẦN QUÁN NIỆM

Sau trên hai thập niên tạm cư tại Hoa Kỳ, không nhiều thì ít, chúng ta cũng hội nhập phần nào vào tập tục và các ngày lễ lớn của quốc gia này. Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving, tương tự lễ được mùa hoặc lễ mừng lúa mới của xứ ta và các nước Á Châu) được truyền lại từ thời di dân Hoa Kỳ đến khai phá đất này.

Năm nay phần lớn các công, tư sở cho nhân

viên nghỉ bắc cầu bốn ngày. Đây là dịp gia đình tụ họp quây quần. Con cháu đi học xa, náo nức trở về xum họp với gia đình. Thịt gà tây là món ăn truyền thống. Chợ búa, siêu thị quảng cáo rầm rộ, nhiều chỗ còn tặng không gà tây nếu khách hàng mua các món khác của chợ họ. Khoảng mấy thập niên gần đây, dân thành thị có thói quen mua thực phẩm tại các siêu thị, tin tưởng là thực phẩm sạch sẽ, hợp vệ sinh. Nhưng thật ra có đúng như thế không?

Siêu thị Hoa Kỳ

Bước chân vào siêu thị Hoa Kỳ, ngay cả người khó tính nhất cũng phải thích. Quang cảnh sáng sủa, sạch sẽ. Thực phẩm trình bầy đẹp đẽ đầy mầu sắc. Đây là dẫy hàng thịt, những miếng thịt bò đỏ au, tươi tắn. Những đùi gà, lườn gà vàng ươm, béo nung núc. Thịt heo trắng hồng. Thịt cừu mềm mại. Tất cả được xếp đặt gọn gàng trên tấm vỉ sốp trắng, bọc giấy kiếng, vừa tay cầm, vừa túi tiền. Qua hàng hải sản, những con cá tươi xanh được làm sạch vẩy, bỏ đuôi, bỏ đầu, bỏ ruột nằm xếp hàng ngay ngắn trên nền nước đá đập vụn. Những con tôm hùm bơi lội thong thả trong bể nước. Nhân viên bán cá, áo blouse trắng toát (cứ như là bác sĩ), tươi cười, lịch thiệp, nào chặt cá, nào lựa tôm theo lời yêu cầu của khách hàng, rồi gói tất cả trong giấy trắng, không chút mùi tanh hôi, gọn gàng đưa cho khách, phong thái trang nhã, chẳng có vẻ gì là "hàng tôm hàng cá" cả. Tới sạp trái cây, ai mà chẳng chóa mắt trước từng núi cam vàng ối, từng núi táo đỏ tươi, bóng lộn, thơm phức. Những búp xà lách xanh non mơn mởn. Những quả cà chua tròn trịa, da mịn màng hồng tươi như da con gái dậy thì, trông chỉ muốn cắn. Đến dẫy hàng đồ hộp, đủ cỡ, đủ loại, đủ mầu sắc, nằm ngăn nắp trên kệ. Mỗi hộp đều ghi rõ số lượng vitamine bổ khoẻ. Ai còn nghi ngờ, thì hãy nhìn hình ảnh quảng cáo các người mẫu xinh đẹp, các lực sĩ bắp thịt cuồn cuộn và câu chào hàng "thực phẩm của các nhà vô địch" (food for the champions) dán trên hộp.

Tất cả tạo cho khách niềm tin tưởng là nhà hàng đã sửa soạn thực phẩm bầy bán một cách chuyên nghiệp, vệ sinh tối đa. Mua về chỉ việc bỏ vào nồi, vào lò, nấu nướng thơm lừng, ăn vào vừa bổ dưỡng vừa tinh khiết, sống hùng, sống khoẻ, sống đẹp, và "yêu nhau dài lâu."

Thật ra không hoàn toàn đúng như vậy.

Đành rằng thịt thà, rau trái ở Mỹ được chuẩn bị kỹ càng trước khi tới tay người tiêu thụ, lại còn được cơ quan giám định thực phẩm FDA kiểm soát về phẩm chất cũng như vệ sinh, nhưng dù thế thức ăn cần phải rửa sạch, nấu nướng đúng cách để phòng bị ngộ độc, vì ngoài các loại hóa chất độc hại tiềm tàng trong thực phẩm như sẽ trình bầy sau đây, các món thực phẩm cũng còn bị nhiễm độc dễ dàng trong khi chế biến tại nhà máy.

Thịt gà

Ông Joseph Madden, thuộc ngành vi trùng học của cơ quan giám định thực phẩm và thuốc men (Food and Drug Administration, viết tắt FDA) vừa lên tiếng báo động là khoảng 35% số lượng thịt gà bán tại các siêu thị, có mang cầu khuẩn Salmonella. Loại vi trùng này sinh sống ở đường ruột, nếu nhiễm sẽ gây cảm sốt, đau bụng, ói mửa, tiêu chẩy. Năm 1970 số người bị trúng độc là 33,700 mỗi năm, năm 1990 lên tới 47,800 người. Hàng năm trung bình có 9,000 người chết vì ngộ độc các loại thực phẩm. Tuy nhiên đó chỉ là những trường hợp chính thức được báo cáo hoặc điều trị tại nhà thương, con số trên thực tế còn cao hơn nữa, độ 81 triệu, vì những người trúng độc nhẹ không khai báo. Ngoài ra, sự nhiễm trùng Salmonella còn gây chết chóc, nhất là với người già, trẻ nhỏ, người ốm, kẻ mắc bệnh AIDS, vì họ là những người mà sức đề kháng của cơ thể bị suy yếu. (Những con số thống kê trên theo tác giả Usha Lee McFarling, báo Inquirer 21 tháng 8, 1998)

Lý do nào khiến số người bị trúng độc vì ăn thịt gà gia tăng? Thập niên 80, giới khoa học dựa trên thí nghiệm và trên sự quan sát về dinh dưỡng của một nhóm dân số, đưa tới kết luận là tiêu thụ nhiều thịt đỏ (bò, heo, cừu, dê...) có nhiều mỡ béo, làm tăng chất cholesterol trong máu, gây áp huyết cao, đau tim v.v. ngoài ra còn gây chứng ung thư, nhất là tại ruột già. Họ khuyên ăn thịt trắng (gà, cá...) ít mỡ hơn. Chính vì thế, số lượng thịt gà tiêu thụ hàng năm trung bình mỗi người 40 pounds năm 1970 tăng vọt lên 70 pounds năm 1990 và hơn nữa. Máy móc có năng xuất hoạt động cao được trang bị để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Gà bị giết, nhúng nước sôi, vặt lông, mổ bụng, làm lòng hoàn toàn bằng máy, mỗi phút 50 con nay tăng thành 90 con. Khi mổ gà lấy lòng ở tốc độ cao như vậy, nhiều khi lòng bị vỡ, phân gà văng tứ tung, dính cả vào những con khác. Sau đó cái xác gà nóng hổi được đưa vào thùng nước đá lạnh để làm

nguội. Đây là giai đoạn gà bị nhiễm trùng tập thể, đặc biệt là vi trùng Salmonella trong phân gà. Để có một hình ảnh rõ ràng, nhà vi trùng học Gerald Kuester đã ví von "trường hợp này không khác nào đem gà ngâm vào bồn cầu tiêu vậy (This is really no different than putting your birds in your toilet) (TIME số 11/26/90 trang 79) (Tác giả bài này cũng xin lỗi quí vị độc giả nào, vừa ăn vừa đọc, vì câu này mà phải nhổ vội miếng gà trong miệng ra.)

Giới sản xuất gà khử trùng thùng nước lạnh bằng chất Chlorine, tuy nhiên sự hữu hiệu không cao nên đang thí nghiệm những hoá chất khác có khả năng tiêu diệt vi trùng Salmonella. Điều trở ngại ở đây là khi dùng hoá chất mạnh, sẽ ảnh hưởng đến mầu da gà, cũng như gây độc hại cho giới tiêu thụ.

Tại lò sát sinh, nhân viên thanh tra thực phẩm kiểm soát phẩm chất và vệ sinh bằng cách quan sát gà đã làm thịt rồi, di chuyển trên hệ thống dây chuyền. Trên thực tế, sự kiểm soát bằng thị giác này chỉ khám phá được những con gà bị bệnh quá rõ ràng, thịt nhão nhoẹt hay xám xịt chẳng hạn, còn sự nhiễm trùng Salmonella rất khó nhận biết. Hơn nữa thử hỏi, mỗi phút nhìn 90 con gà lướt qua trước mắt, giờ này qua giờ khác, ngày ngày qua ngày khác, năm này qua năm khác, họ nhìn thấy được gì?

Người tiêu thụ phải làm sao?

Dane Bernard, giám đốc ngành vi trùng học tại hiệp hội những người biến chế thực phẩm (National Food Processor Association) cho hay cách ngăn ngừa tốt nhất là gà mua về, trước khi nấu ăn, phải rửa lại thật kỹ. Khi luộc cần luộc đến khi nước trong. Nếu sào nấu phải chờ cho chín kỹ. Khi nướng gà barbecue, đừng bỏ gà đã chín rồi vào lại chiếc tô mà bạn đựng miếng thịt gà sống. Bằng cách đó, sự nhiễm trùng giảm thiểu đến 75%.

Một số người Việt Nam tin rằng ăn ớt cũng ngăn ngừa phần nào sự ngộ độc.

Nướng gà tây nhồi năm 1999

Đặc biệt, món gà tây Thanksgiving theo truyền thống luôn luôn được nhồi gia vị và bánh mì vụn rồi nướng trong lò. Rất nhiều trường hợp, thịt gà chín vàng ươm, thơm phức nhưng trong bụng chưa đủ độ nóng để chín kỹ cho chết hết các vi trùng độc hại, nên hàng năm đều có nhiều người trúng độc trong dịp lễ này. Xin bà con ta, nếu năm nay trong dịp Lễ Tạ Ơn và Lễ Giáng Sinh, có nướng gà tây xin cẩn thận, dùng loại hàn thử biểu đặc biệt (có bán tại siêu thị) thăm nhiệt độ trong bụng gà để biết chắc nhiệt độ lên tới mức ấn định đủ giết vi trùng, (nhiệt độ này được ghi trên phần hướng dẫn tại bao nylon bọc gà).

Xin chúc quí vị một mùa lễ (Tạ Ơn, Giáng Sinh, Năm Mới) an toàn, vui tươi, may mắn (dĩ nhiên loài gà tây thì chẳng vui tươi, may mắn chút nào).

PHỤ NỮ, BINH NGHIỆP VÀ LUYẾN ÁI

TRẦN QUÁN NIỆM

Trai khôn tìm vợ chợ đông Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân. Ngày nay câu châm ngôn đó không còn linh nữa rồi. Đi chợ thì đã có siêu thị. Dễ ợt, thích món nào, bỏ vào xe, trả tiền là xong, các ông đi chợ cũng được, thành thử có ra chợ tìm người cũng không biết cô nào khéo, cô nào khờ.

Chốn quân ngũ thì đàn ông con trai cũng không độc quyền nữa. Hiện nay có trên 15% quân nhân là phụ nữ. Tính đến tháng 9 năm nay, 20% tân binh thuộc phái yếu (không biết danh từ này còn thích hợp nữa hay không, khi mà phụ nữ được quyền tham gia mọi binh chủng và mọi nhiệm vụ của người lính chiến, từ bộ binh chiến đấu, đến tài xế thiết giáp, hạm trưởng tầu biển và cả phi công phản lực oanh tạc).

Từ rất lâu, quân đội nước nào cũng đã có sự hiện diện của phái nữ. Nhưng họ được huấn luyện riêng biệt và chỉ đảm trách các nhiệm vụ hành chánh, cứu thương tại hậu tuyến. Bắt đầu năm 1978, quân đội Hoa Kỳ chấp nhận phụ nữ được tham gia mọi nhiệm vụ, hậu phương cũng như tiền tuyến. Nam nữ sống chung trong trại lính, huấn luyện chung, chiến đấu chung, và chuyện gì phải xẩy ra đã xẩy ra.

Đầu tháng 5, 1997 trung sĩ huấn luyện viên Delmar Simpon bị toà án quân đội kết án 25 năm tù vì tội hiếp dâm sáu tân binh phái nữ dưới quyền anh ta, mặc dầu anh ta bảo có sự đồng ý của nạn nhân. Và còn 12 quân nhân khác đang chờ ra toà vì các tội danh tương tự. Nữ trung úy Lisa Kelly cặp bồ với quân nhân thuộc cấp, bị 19 năm tù. Nữ trung úy Kelly Flinn, phi công phản lực cơ hạng nặng B-52 đang bị toà án quân đội xử về tội giao du thân mật với một chuyên viên dân sự đã có gia

đình. Trong cuộc hành quân tại vùng Vịnh, trên một chiến hạm có nhiệm vụ yểm trợ hành chánh cho toán quân trên bờ, sau mấy tháng neo ngoài khơi, giữa cảnh trăng nước hữu tình, 60 nữ quân nhân mang bầu, bị thuyên chuyển về đơn vị bờ tại Mỹ. Trong chiến dịch cứu trợ hoà bình tại Bosnia, tờ báo quân đội Stars and Stripes có đăng một bài báo về sự tự do luyến ái giữa các hàng binh sĩ khác phái, khiến các bà vợ chiến sĩ lồng lộn, nhất định làm reo, kiện lên vị chỉ huy trưởng cuộc hành quân, phải đảm bảo chồng họ không "lăng nhăng" với các cô "chiến sĩ gái" xinh đẹp trong đơn vị. Rồi có cô lính gái kiện quân đội vì không có thì giờ cho con bú, lại thêm quân phục chật chội khó mở nút để nuôi con bằng sữa mẹ. Sĩ quan tiếp liệu, không biết phải tồn kho loại bông băng nào, đồ lót và phấn son hiệu gì?

Trước đây, trong quân đội chỉ toàn đực rựa, thật dễ xử biết bao. Ngày nay có một chị "lính gái" tươi mơn mởn trong đơn vị là đủ gây rắc rối to. Các chú lính khác kèn cựa, ghen tuông, ve vãn để lấy lòng người đẹp. Lỡ nàng bê trễ kỷ luật, ông thượng sĩ phạt nàng một giờ phạt quân, thấy nàng mồ hôi tươm tướp má đào, mệt thở hào hển, đôi gò bồng đảo phập phồng lên xuống, cũng phải toát mồ hôi hột. Phạt nàng hít đất hay trườn bò, thì đôi mông tròn trịa nhấp nhô, hỏi ai cầm lòng cho đậu.

Nội nơi ăn, nếp ở nơi trại lính cũng gây bao nhiêu phiền phức. Trước đây chỉ đực rựa với nhau, tập luyện xong, cởi phăng quần áo, nhộng nhộng tắm truồng cả trăm chú. Bây giờ có một chị "phún" trong đám đó, biết làm sao đây. Rồi chu kỳ hàng tháng, rồi ốm nghén, rồi bụng bầu thè lè, quân phục nào cho vừa. Ra bãi tập, làm sao cho các nàng giải quyết bầu tâm sự đây.

Ôi thôi, đủ thứ điên đầu cho cấp chỉ huy. Vừa lo giặc ngoài, vừa lo giặc trong. "Thiếu úy ơi, đừng bắt em tập dã chiến ngoài nắng nha, da mặt em nám hết trơn rồi nè," "Eo ôi, em hổng chịu xuống giao thông hào đâu, dưới đó có con chuột nhắt," "Thượng sĩ đừng cắt em gác ngoài tiền đồn nha, em sợ ma lắm..." Và trong khi tiểu đội đang nằm phục nơi ụ chiến đấu, chờ địch nơi tuyến đầu, người lính chiến ghìm súng nhìn hỏa châu le lói, đầu óc bâng khuâng không biết ngày mai đụng trận, mình và bạn bè ai sống ai chết, thì trong cái cô liêu tịch mịch đó, bỗng có hai ngọn hỏa diệm sơn mềm mại ấn vào lưng và một vòng tay ôm xiết, cùng giọng nói thầm thì, "anh ơi, tình em cô đơn, lòng em lạnh." Lúc đó có chết đến nơi, quân đội cũng phải loạn thôi. Ít ra ngày mai chết trận cũng được làm con ma sung sướng. Nhưng đó mới chỉ là loạn nhỏ. Nếu có ba bốn người hùng yêu thầm nàng, nàng lại trao tình cho anh chàng thứ năm, lúc đó mới là loạn to.

Nhà xã hội học kiêm giáo sư đại học Charles Mosko tuyên bố: Khi người ta cho phép nam nữ sống chung đụng trong một môi trường chật hẹp, ắt sự luyến ái phải xẩy ra mà thôi.

Nhưng đó lại là điều cấm kỵ trong quân ngũ, nhất là sự luyến ái xẩy ra giữa cấp chỉ huy với quân nhân dưới quyền, vì như thế làm đảo lộn hệ thống quân giai, trong đó lệnh thượng cấp phải được tuân theo tuyệt đối. Đó là lý do hình phạt khắt khe đã được áp dụng nếu so sánh với cùng một tội danh xẩy ra trong đời sống dân sự. Sau 20 năm phụ nữ tham gia mọi ngành của quân đội, mồi lửa âm ỉ bây giờ đã bộc phát thành đám cháy lớn. Tin tức về những chuyện lộn xộn trong đời quân ngũ đăng tải nhan nhản trên mặt báo. Bộ quân luật dầy cộm nay đã lỗi thời vì có ai tiên liệu đến giai đoạn này đâu!

Đã phát hành

HẠNH PHÚC ĐẾN TỪNG PHÚT GIÂY

Thơ của
TRẦN HỒNG CHÂU

Tập thơ mang đầy sự mới lạ của ngôn từ cũng như cảm xúc của một tam hồn đã đi qua mọi nẻo đường của văn học Việt Nam và thế giới.

VĂN HỌC xuất bản
VĂN NGHỆ phát hành:

P.O. Box 2301 Westminster
CA 92683 - USA
Tel/Fax: (714) 257-5761

Mười Năm Sau Ngày Bức Tường Bị Phá

BÁ LINH KỶ NIỆM ĐÊM TỰ DO

TỪ NGUYÊN

Ngày kỷ niệm bức tường Bá Linh bị san bằng cũng là ngày gặp gỡ hết sức là cảm động giữa ba nhân vật nổi danh trên chính trường quốc tế và có vai trò quyết định trong việc thống nhất nước Đức: Helmut Kohl, cựu thủ tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức, Mikhail Gorbatchev, cựu chủ tịch Liên Sô và George Bush, cựu tổng thống Mỹ. Ngày hôm trước, cựu Tổng thống Bush được tuyên dương là công dân danh dự của thành phố Bá Linh nay là thủ đô của CHLB Đức. "Không bao giờ nói quanh co, cựu tổng thống Mỹ là một trong những người đầu tiên thúc giục chúng tôi, những người Đức, tiến lên trên con đường thống nhất đất nước," đó là lời cựu Thủ tướng Kohl ca ngợi George Bush.

Đáp lời, George Bush bày tỏ nỗi cảm kích, và nói, theo lời của vị tiền nhiệm John Fitgerald Kennedy: *Ich bin ein sehr gluecklicher Ehrenbuerger von Berlin, tôi là một công dân danh dự hạnh phúc nhất của Bá Linh.*

Cựu chủ tịch Liên bang Sô viết Mikhail Gorbatchev người vừa nhận được huân chương cao quí nhất của Đức vì đã có vai trò quan trọng trong việc triệt hạ bức tường cũng đã có mặt trong buổi lễ này diễn ra tại tòa đô chính Berlin với cô con gái Irina. Cả hai, vẻ mặt nghiêm trọng. Bà vợ của Gorbatchev, Raissa từ trần tháng Chín vừa qua vì bệnh hoại huyết. Chiều hôm trước, tờ báo Welt am Sonntag đã tổ chức cuộc thảo luận giữa ba nhân vật nổi danh này. George Bush nhân dịp nhắc lại rằng chính Thủ tướng Kohl và ông ta cuối cùng đã thuyết phục được người bạn của họ là Mikhail Gorbatchev rằng một nước Đức thống nhất sẽ không có gì nguy hại cho Liên bang Sô Viết mà trái lại, là một yếu tố giúp cho Âu châu thêm ổn định.

Bất ngờ đối với Gorbatchev

Mikhail Gorbatchev tiết lộ rằng chỉ biết chuyện bức tường được mở ngỏ trong buổi sáng ngày 10 tháng 11 mười năm trước nhờ cú điện thoại của đại sứ Liên sô tại Đông Đức. Nhưng ông nghĩ rằng sự sụp đổ của "công trình kiến trúc" này chỉ xảy ra một khi chiến tranh lạnh chấm dứt. Và nhất là tùy thuộc với nguyện vọng của dân tộc Đức. Ba nhân vật này, ngày 9.11.99 đã đọc diễn từ trước quốc hội Đức cùng với thủ tướng hiện nay của Đức là Gerhard Schroder và với nhiều nhân vật quan trọng khác như là bộ trưởng ngoại giao Ba Lan, tổng thư ký Liên Minh Phòng thủ Bắc Đại tây dương, chủ tịch quốc hội Pháp, v.v..

*

Trong lúc đó, ở bên ngoài, tiếng nhạc vang lừng khắp nơi. Vào lúc mà cách đây đúng 10 năm và tại nơi mà những người Đức phía đông đua nhau từng hằng ngàn người xô nhau đi qua chỗ mở của bức tường sau khi hay tin rằng không cần phải có chiếu khán mới đi được, dàn nhạc Jazz của thanh niên Đức mở đầu chương trình đêm kỷ niệm tại Cổng Brandeburg.

Sau đó, tại Pariser Platz đối diện với Cổng Brandeburg, nhà đại hồ cầm nổi danh của Nga Mstislav Rostropovitch điều khiển 160 tay đại

hồ cầm trẻ tuổi đến từ Pháp, Mỹ, Nga và của nước Đức trình tấu những bản của Bach và Villa-Lobos. Phải chăng đây là tiếng vọng của những tiếng nhạc đã được chính nhà đại hồ cầm người Nga Rostropovitch cử lên trong đêm 9 tháng 11, mười năm trước đây? Cùng một lúc với những chương trình trình diễn tại Cổng Brandeburg, hơn 20 đoàn nhạc trẻ khác từ Âu châu, tới trình diễn tại năm nơi khác, những nơi trước đây là những tụ điểm quan trọng. Chương trình đã được chấm dứt bằng thắp sáng dọc theo đường lằn của bức tường còn lưu dấu dài 43 thước, hai đường sáng chạy vòng quanh thành phố rồi gặp nhau tại Cổng Brandeburg.

Người hùng Đông Đức lãnh án

Chuyện tình cờ của lịch sử: Đúng ngày kỷ niệm 10 năm bức tường Bá Linh sụp đổ, tòa án liên bang ở Leipzig xác nhận bản án của tòa dưới phạt nhiều nhân vật cao cấp của Đông Đức trong đó có cựu chủ tịch và tổng bí thư Cộng đảng (Đông) Đức Egon Krenz. Bản án của tòa phạt Egon Krenz, 62 tuổi, sáu năm rưỡi tù ở và hai viên chức trách nhiệm trong bộ chính trị của Cộng đảng Đức, Guenter Schabowski, 70 tuổi, và Guenther Kleiber, 68 tuổi, cả hai ba năm tù ở. Tòa dưới xác định rằng trách nhiệm chính trị của các bị can có hậu quả đưa tới những cái chết ở bức tường Bá Linh.

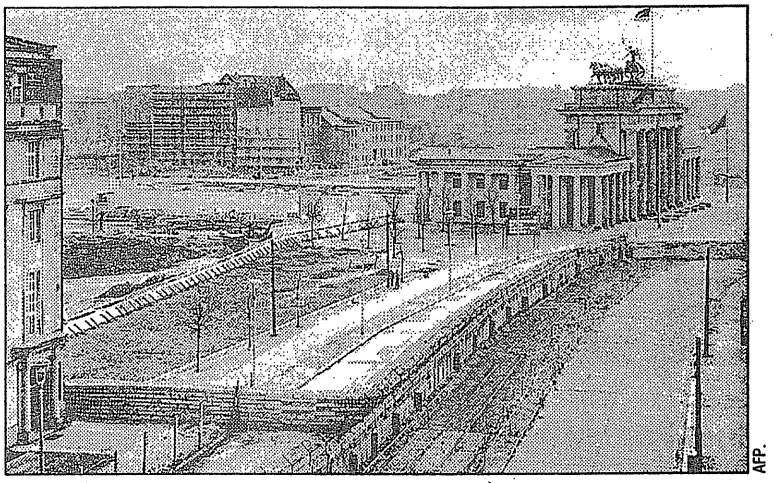

Bức tường Bá Linh: một công sự phòng thủ kiên cố.

Egon Krenz thay thế Erich Honecker trong chức vụ tổng bí thư Cộng đảng Đức từ ngày 18.10.1989. Ông phân trần với báo chí trước tòa án: Tôi đã làm đổ biết bao nhiêu thùng sâm banh, chứ đâu có làm đổ máu !

Bức tường ô nhục

13.8.1961 - 10.11.1989

Hồi đó, dân bỏ đi ngày càng nhiều. Trong năm 1961, từ tháng giêng cho tới tháng tám, có tới 160 000 người Đức từ phía đông bỏ qua vùng phía tây. Tình hình chính trị quốc tế căng thẳng. Liên sô ra tối hậu thư đòi quân Đồng minh rút khỏi Tây Bá Linh để "biến nơi này thành vùng phi quân sự" trong vòng sáu tháng. Cuộc họp thượng đỉnh giữa Tổng thống Kennedy và Khrushchev ở Vienna hai ngày 3 và 4 tháng Sáu không có kết quả cụ thể.

Đông Đức áp dụng nhiều biện pháp để ngăn cản dân. Vậy mà Walter Ulbricht, bí thư của Cộng đảng Đức trả lời trong cuộc họp báo ngày 15.6 rằng không có ý định dựng một bức tường ngăn hai miền đông, tây.

Bức Tường: Mấy tháng sau, Erich Honecker lên thay. Hai giờ sáng chủ nhật 13.8, lính giăng giây kẽm gai và chướng ngại vật trên vùng giáp ranh đông-tây. Xe thiết giáp chặn mỗi góc đường dẫn qua phía Tây. Xe điện hầm, tàu điện giữa hai vùng ngưng chạy. Cửa sổ bít kín bằng xi măng.

Người dân Đông Bá Linh hay Đông Đức từ nay bị cấm không được qua Tây Bá Linh, ngay cả chừng 60 000 người ở bên đông qua làm việc bên tây. Vài ngày sau, tường được đúc bằng xi măng cốt sắt. Trước khi đến được tường là cả một công trình phòng thủ: hàng rào kẽm gai, hầm hố, hành lang của xe kiểm soát, chó canh, hành lang cát mịn để thấy dấu chân...

Phản ứng của Mỹ yếu ớt vì cho rằng chuyện này không vi phạm nguyên tắc đặt ra: sự hiện diện của quân Đồng minh, đi lại tự do trong Bá Linh và quyền tự quyết của dân Bá Linh.

Từ ngày 23.8, dân tây Bá Linh bị cấm không còn được qua miền đông. Ngày 20.9, các gia đình ở gần bức tường bị trục xuất đi nơi khác.

Kiên cố: Bức tường ngăn cách tây Bá Linh

và phía đông dài 166 cây số và có những đặc điểm như sau:

Chiều dài của những công sự: 155 cs (103 mi). Chiều dài trong Bá Linh: 43,1 cs (26,8 mi). Bức tường qua khu dân cư: 37 cs (23 mi), qua khu kỹ nghệ : 17 cs (10,6 mi), qua khu rừng: 30 cs (18,6 mi), qua vùng có sông, rạch 24 cs (14,9 mi).

Bức tường đúc bằng xi măng cốt sắt, có giây kẽm gai cọc nhọn: cao 4 thước, dài 107,3 cs (66,6 mi). Trên cùng có ống bằng bê tông. Bên phía đông, trước khi tới bờ tường có vùng chiếu sáng (tử địa), hố sâu 5 thước dài 9 cây số để chống chiến xa, hành lang kiểm soát với chó dữ dài 124 cs. Rồi mới tới bức tường. Chiều sâu có nơi dày tới 300 thước.

Có 302 lô cốt để kiểm soát, 14 000 lính canh gác ngày đêm với 600 chó dữ. Bức tường cắt 192 con đường, 97 đường đi tới Đông Bá Linh, 95 đường đi tới Đông Đức.

Vượt tường: Người vượt bức tường đầu tiên không thoát, Peter Fechter, 18 tuổi, ngày 17.8.1962. Bị lính Đông Đức bắn máu ra xối xả nhưng không ai cứu, mấy giờ sau mới chết. Từ ngày đó có 239 người bị bắn chết, trong đó có 27 lính hay cảnh sát, 260 người bị trọng thương, người cuối cùng bị chết là Chris Gueffroy khi vượt bức tường ngày 6.2.89. Lính canh đã bắn 1 693 lần. 3 221 người bị bắt trong khu vực này.

Dù vậy, tổng cộng, 5 043 người vượt qua bức tường trốn thoát, trong đó có cả 574 người lính. Họ đã đào dưới đất, đu giây trên trời, lặn xuống nước, bay trên trời... vượt bằng mọi cách vì dù cho kiên cố đến mấy cũng có ngõ thoát.

Phá Tường: Nhiều biến cố xảy ra trong năm 1989 tại Liên Xô, tại Ba Lan, trên thế giới. Gần hơn: biên giới Áo-Hung mở ngỏ, dân Đông Đức đang ở các nước CS bỏ đi qua ngã Hung Gia Lợi, những cuộc biểu tình đông đảo tại Leipzig mỗi ngày thứ hai. Sau khi đã bàn cãi thật nhiều ngày về những vấn đề này, Gunter Schabowski, lãnh đạo CS tại Bá Linh lắp bắp nói mấy chữ không rằng 7 giờ tối 9.11.89 biên giới có thể được mở ngõ. Lại thêm có những cuộc lễ tại Cổng Brandenburg và tại Kurfurstendamm ở Tây Bá Linh. Dân phía đông ùa qua phía tây. Mảng tường đầu tiên ngăn hai miền được phá vỡ. 21g30, nhiều người không hoàn toàn tin tưởng cho lắm, e dè vượt qua. Tin tức lan truyền nhanh chóng. Chiếc xe hơi đầu tiên chạy qua biên giới đông-tây với hai anh, một chị, chị cảm động, khóc sướt mướt. Xe hiệu Trabant tiêu biểu của Đông Đức, mang số ERD2-38.

Từ đó tới sáng, mọi người có cả lính mới đây sẵn sàng nổ súng, nô nức phá vỡ bức tường, mở những đường thông thương mới. Mãi tới mươi ngày sau mới xong.

Tưởng niệm: Ngôi nhà tưởng niệm bức tường tại Đức được khánh thành ngày 13.8.1998 trên đường Bernauer (góc Ackerstrasse, giữa hai quận Wedding và Mitte). Nơi đây trưng bày một mảng tường dài 70 m : dấu vết ô nhục của chủ nghĩa Cộng sản nay đã thoái trào ở Âu châu. Nhiều nước, nhiều tổ chức hay ngay cả cá nhân cũng có nhà, phòng kỷ niệm với một hay nhiều mảng của bức tường Bá Linh bị phá vỡ.

Mười năm sau ngày bức tường bị phá, ngày 10.11.99 là một ngày kỷ niệm của dân tộc Đức và của cả thế giới. Bức tường không còn nhưng những ngăn cách vẫn còn...

SUPER ILLU, tuần báo của thời kỳ thống nhất

Chuối, cam và tuần báo có hình ảnh. Đó là ba thứ mà những người Đông Bá Linh tìm kiếm một khi vừa qua khỏi bức tường đêm hôm 9.11 và những ngày hôm sau cách đây mười năm. Từ bốn chục năm nay hay hơn thế nữa, trái cây hầu như thiếu vắng bên kia bức tường Bá Linh và cả tin tức thú thiệt và hình màu trên những tờ báo được in và bán ra.

Stern, Der Spiegel, Bunte, Freundin, Elle... và những tờ khác nữa được những người vừa ra khỏi thiên đàng Cộng sản chiếu cố tận tình.

Nhóm Hubert-Burda ở Munich-Offenburg đã thừa dịp cho ra đời tuần báo Super Illu. Tờ nhật báo của nhóm này với số phát hành rất lớn, tên là Super, năm 1990, đã bị tờ Bild Zeitung đánh bạt. Nhưng với 660 000 số bán ra ở phía đông và 60 000 tờ ở phía tây tờ Super Illu đang dẫn đầu trên chợ báo trong vùng nằm giữa hai con sông Elbe và Oder.●

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21

VÀI Ý KIẾN TẢN MẠN VỀ BÃO LỤT Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ĐẠT

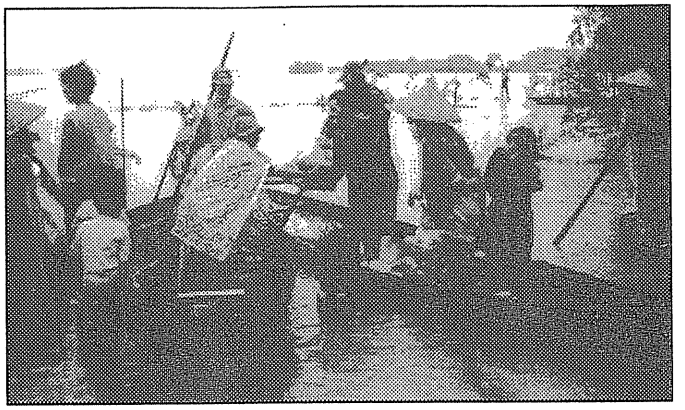

I. Tản mạn:

Chỉ còn gần hai tháng nữa là nhân loại sẽ đón chào năm 2000 với những lễ hội tưng bừng nhất mà bao nhiêu người đang rộn rịp chuẩn bị tổ chức quy mô to lớn chưa từng thấy. Thế mà ở Việt Nam quê tôi lại chìm trong bão lụt lớn nhất thế kỷ với những mất mát ngày càng tăng lên cho người dân nghèo ở miền Trung Việt Nam. Mới hai năm trước đây, vào đêm 2 rạng sáng 3/11/97, cơn bão số 5 (còn mang tên Linda) đã ập vào tàn phá các tỉnh ven biển Nam Việt và cực Nam Trung Việt, khiến 445 người chết, 3,406 người mất tích, 857 người bị thương, thiệt hại vật chất lên trên 5569 tỉ đồng Việt Nam (theo thống kê chính thức của Nhà Nước). Bão lụt năm nay (tính đến ngày 7/11/99) đã gây thiệt hại trên 718 tỷ đồng Việt Nam, 522 người chết, 95 người mất tích, 18 người bị thương, 604.204 nhà đổ trôi, 5723 lớp học và 1746 bệnh xá hư sập, 63.226 ha ruộng lúa ngập úng, 115 cầu cống sập trôi, v.v... (báo Thanh Niên, 7/11/99).

Mọi người, trong lẫn ngoài nước, đổ xô quyên góp cứu trợ trong tinh thần "Lá lành đùm lá rách" khẩn cấp thật đáng khen và cảm động. Một bạn trẻ chợt hỏi tôi: "Tại sao năm nào nước mình cũng bị bão lụt vậy hả anh? Có cách nào ngăn ngừa hay hạn chế tác hại về người và tài sản do bão lụt gây ra không?" Câu hỏi của bạn đó khiến tôi suy nghĩ thật nhiều. Tôi cũng muốn cầu Trời Phật sao cho người Việt Nam chúng tôi tìm ra lời giải để thay vì cứ đi quyên góp cứu trợ thì chúng tôi có thể làm cách nào đó để dự phòng và hạn chế tối đa tác hại của những thiên tai này. Việt Nam đã có biết bao chuyên viên tài giỏi, lừng danh, tốt nghiệp từ nhiều trường đại học nổi tiếng của thế giới nhưng sao không có ai nghĩ đến vấn đề này nhỉ? Có lẽ vì không đem lại nhiều tiền bạc, danh lợi... nên chưa có ai chịu quan tâm nghiên cứu chăng? Có lẽ vì có nhiều đề tài "vĩ đại" hơn nên các nhà bác học Việt Nam không thèm đoái hoài đến vấn đề này chăng? Hay vì Việt Nam không có khả năng chuyên môn trong lãnh vực này, không đủ khả năng tài chánh, phương tiện lẫn kinh nghiệm xử lý (?) trên phạm vi vi mô lẫn vĩ mô? Thế là đồng bào của chúng ta cứ phải ngậm ngùi hát mãi điệp khúc: "Trời hành cơn lụt mỗi năm..."

Trong phạm vi hiểu biết rất hạn hẹp của mình, tôi xin phép được trình bày đôi điều với người bạn trẻ về chuyện bão lụt ở nước ta.

Xét về vị trí địa lý thì Việt Nam nằm trong vùng áp thấp nhiệt đới nên bên cạnh lượng

mưa lớn hàng năm, nước ta còn nhận thêm rất nhiều nước từ những cơn bão nhiệt đới mà trung tâm bão (còn gọi là"mắt bão") thường nằm trong vùng biển Phi Luật Tân. Hình thể nước ta tuy trải dài trên nhiều vĩ độ nhưng rất hẹp về bề ngang (nhất là vùng Trung Việt) với đồi núi có độ dốc cao nên nước sẽ trút thẳng xuống vùng đồng bằng ven biển, dễ tạo ra lũ lụt lớn với những trận cuồng lưu khủng khiếp tàn phá dữ dội hơn nếu như đồi núi trơ trụi, không còn rừng cây kềm hãm sức nước, hay không có kênh đào thoát lũ. Chính nạn phá rừng bừa bãi đã góp phần tăng thêm tác hại của bão lụt. Bao nhiêu kênh đào từ những công tác thủy lợi không được nghiên cứu kỹ lưỡng, tùy tiện, vô tổ chức trong những năm đầu sau 30/4/75 cũng góp phần hỗ trợ thêm cho lũ lụt, ngập mặn và phá hoại môi sinh. Là một nước nghèo, dân đông mà lãnh đạo lại thiếu sáng suốt thì hậu quả của thiên tai không những không được dự phòng nhằm hạn chế tác hại mà còn gia trọng thêm nhiều hơn khi các quan chức địa phương lẫn trung ương hết sức vô trách nhiệm, coi thường mạng sống nhân dân và tài sản của họ, thậm chí "thừa nước đục thả câu" nhằm tự tư tự lợi chứ không tận tâm tận sức cứu dân.

Tháng 11/97, tôi có mặt tại Việt Nam sau cơn bão số 5. Những nhóm cứu trợ tự nguyện của bà con trong nước đã tỏ ra hết sức sốt sắng, năng động, có hiệu quả hơn là những tổ chức chính quyền hay quốc tế (cụ thể là Hội Hồng Thập Tự). Họ là những thanh niên, sinh viên, học sinh, công nhân, giáo chức...; già, trẻ, nam, nữ...; thuộc nhiều tôn giáo khác nhau nhưng cùng cật lực làm việc từ thiện, có mặt tức thời, bất kể gian nan, nguy hiểm, đến với nạn nhân bằng tấm lòng và chỉ có "cho" chứ không đòi hỏi hay mưu đồ gì cả. Tôi thật sự khâm phục họ từ những ngày tháng đó. Tôi cũng đã nghe một anh bạn kiến trúc sư thao thao về những mô hình trường học và nhà dân dụng thiết kế nhằm hạn chế tác hại của bão từ kinh nghiệm một vài nước Á Châu khác và cả miền Nam Việt Nam trước đây. Tôi có hỏi anh: Tại sao anh không viết và trình bày lại cho chính quyền biết để dân được nhờ? Anh cười mà lắc đầu nguầy nguậy. Từ đó, tôi trở về tìm tài liệu tham khảo trong các thư viện, tìm tài liệu trên mạng (search trên net) và hình thành một số khái niệm bước đầu cho đề tài này. Tuy nhiên tôi cần được góp ý, sửa chữa, bổ túc thêm từ những người có kinh nghiệm và hiểu biết hơn trong lãnh vực này. Xin được trình bày hôm nay như là phác thảo cho việc thiết kế nhà và trường học ở vùng thường bị bão như Việt Nam chúng ta.

Trước hết phải tìm hiểu nguyên nhân và tầm hoạt động của bão vì có hiểu rõ bão thì mới có thể dự phòng hữu hiệu và có thể giảm tối đa tác hại do bão gây ra. Trách nhiệm nghiên cứu đó thuộc về Trung tâm Khí Tượng và Thủy Văn nhưng rõ ràng là khả năng thông tin về việc phòng bão của Việt Nam hãy còn quá kém hiệu quả, nếu không muốn nói là từ trên xuống dưới đều coi thường công tác thông tin và dự báo khí tượng thủy văn - phòng bão lụt. Đây là vấn đề cần cải thiện trước nhất. Dân Việt Nam sống trong bão lụt bấy lâu nay nhưng kinh nghiệm đã không được rút tỉa thành bài học để ứng dụng trong công tác phòng bão lụt và cấp cứu sao cho kịp thời, hiệu quả và cũng không hề thấy ai nghiên cứu để đề ra biện pháp nào khả dĩ khá hơn nhằm tránh bớt đi việc lập đi lập lại mãi một thảm kịch bi đát diễn ra hàng năm như vậy.

Ngay như các nhà địa lý địa chất đã vẽ được watershed và đường nước tràn (kể cả cuồng lưu) từ trên núi đổ xuống nhưng không thấy ứng dụng vào việc quy hoạch sao cho cư dân những địa phương đó tránh được lũ lụt. Lý thuyết đã không được ứng dụng hữu hiệu vào đời sống dù nhà trường luôn kêu gọi học sinh rằng "học phải đi đôi với hành!" Không thể đổ thừa cho việc thiếu hụt ngân sách mãi được khi mà số tiền dùng vào cứu trợ và những thiệt hại nhân mạng lẫn tài sản hàng năm đã lên quá cao. Đã đến lúc nghiêm chỉnh rút tỉa kinh nghiệm, nghiên cứu thật khoa học vấn đề đề phòng bão lụt như một quốc sách và kịp thời phổ biến rộng rãi để giáo dục dân chúng. Chuyện dung túng cho bọn phá rừng buôn gỗ lậu đã quá rõ ràng nên chính những người lãnh đạo cấp cao nhất phải có câu trả lời ổn thỏa cho những gia đình nạn nhân bão lụt, cụ thể là những chính sách triệt để và nhất quán trong việc bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng nguyên sinh, bảo vệ môi sinh và thảm thực vật hiện hữu. Không thể vì dân nghèo đói mà làm ngơ cho những kẻ làm bậy cứ tái phạm chính sách về rừng. Việc phủ xanh kín mặt đất nhằm chống xói mòn (erosion control) vẫn chưa được quan tâm đúng mức, nhất là vùng đồi núi, ven biển, dọc theo các quốc lộ nên nhiều địa phương vẫn coi chuyện đất chuồi (land slides), đất lở, đất sụp... vẫn là "chuyện không có gì ầm ĩ" để phải trồng cây cỏ phủ xanh mặt đất, nhất là những nơi dốc đứng (2:1 hay 1:1); chỉ

đến khi nước chảy tràn cuồn cuộn gây ra thảm họa thì lại la làng để xin cứu trợ!

Từ đó phải nêu câu hỏi: vai trò và trách nhiệm của trí thức, các chuyên viên KHKT Việt Nam trong vấn đề này. Họ đã làm gì ? đã nghiên cứu và rút ra kinh nghiệm gì để cứu dân ? Họ không thể cứ khoanh tay đổ tội cho

Thiên Tai hay nước nghèo, không phương tiện và kinh nghiệm xử lý đúng mức. Chính quyền nên chấm dứt ngay lối "quản lý" hết sức ôm đồm, bao biện trong việc thu gom, phân phát các phẩm vật cứu trợ, nhất là phải xử lý kỷ luật nghiêm khắc việc một số "sâu mọt" cố tình "ăn bẩn" và cả một số quan chức địa phương cố tình cản trở, gây khó khăn cho các đoàn cứu trợ trong thời điểm khẩn cấp. Hãy huy động sức dân để cứu dân!

Vấn đề phòng bão lụt và cứu cấp phải là chuyện chung của nhiều cơ quan kết hợp đồng bộ thì khả năng hoạt động mới có thể hữu hiệu. Cho nên cần có Ban Chỉ Đạo Trung Ương hoạt động có kế hoạch, tổ chức chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng, theo dõi sát sao mọi diễn biến phức tạp chứ không thể để mặc địa phương tùy tiện, linh động ứng phó. Chính từ sự kiện bão số 5/ Linda năm 97, tôi cứ nghĩ Việt Nam đã rút được những bài học quý giá nhưng trong cơn "hồng thủy thế kỷ" năm nay, dường như vẫn chưa khá hơn là bao! Với thiên tai như bão lụt, cái approach thích hợp nhất là đề ra những biện pháp để "đối phó" và "dự phòng" kịp thời, không phải là "chống" vì không có cách nào để chống lại thiên tai cả! (dù cho là Mỹ, Nga, Nhật, Tàu... cũng đành bó tay chịu trận thôi!) Mục đích của các biện pháp nầy chính là để giảm thiểu thiệt hại về sinh mạng và tài sản, dự phòng những biện pháp cứu trợ sau đó cho hữu hiệu, cấp thời. Có nhiều biện pháp từ dễ đến khó, từ ít tốn kém đến tốn kém rất nhiều nhưng với miền Trung Việt thì ít ra cũng phải bao gồm những điểm như sau:

a. Thiết lập một Trung Tâm Tiên Đoán Bão Lụt (nơi thích hợp nhất có lẽ là Đà Nẵng) với dụng cụ thích hợp để có thể tối thiểu theo dõi và thông báo kịp thời đường đi chuyển, cường độ bão, và ước tính lượng nước mưa(Nếu ước tính được mực nước lụt thì càng hay). Đòi hỏi phương tiện, trang thiết bị hiện đại và chuyên viên được tu nghiệp hàng năm.

b. Thiết lập những Trung Tâm Tạm Trú An Toàn, nhất là ở các tỉnh miền Trung, đương nhiên là ở chỗ cao và chắc chắn, để khi được thông báo, đồng bào có thể tập trung đến những địa điểm đó. Những Trung Tâm nầy phải có đủ phương tiện (thực phẩm, nước uống, thuốc men, vệ sinh,...) để phục vụ cho đồng bào trong một thời gian ấn định. Đòi hỏi khả năng tài chánh, phương tiện và quản lý tốt (tổ chức chặt chẽ, cán bộ không tham nhũng, có lòng vì dân).

c. Thiết lập một kế hoạch khẩn cấp (emergency plan) để có thể kịp thời thông báo cho đồng bào vùng bị bão lụt đe dọa, cung cấp phương tiện chuyên chở đồng bào đến các Trung Tâm Tạm Trú An Toàn, và cấp cứu đồng bào còn kẹt lại trong các vùng bị thiên tai. Đòi hỏi sự kết hợp với quân đội, công an và bộ giao thông vận tải cùng nhiều cơ quan khác hổ trợ.

d. Thúc đẩy việc xây cất nhà trong vùng thường bị bão lụt có sức chịu đựng cao qua việc khuyến khích hoặc ấn định các quy cách về xây cất (building codes) và dùng vật liệu nặng như bê tông, ngói móc, v.v... (xin xem phần 2: quy hoạch và xây dựng vùng bão).

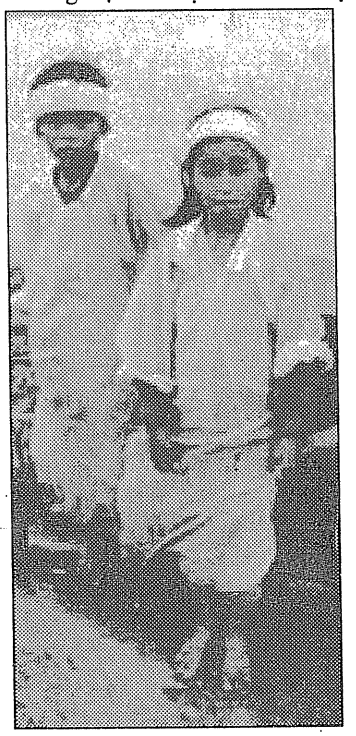

e. Quy hoạch việc sử dụng đất đai (land uses), ấn định các vùng lụt (floodplains) và giảm thiểu việc xây cất khu gia cư và

những khu kỹ nghệ có giá trị cao trong những vùng dễ bị lụt lội. (xin xem phần 2: quy hoạch và xây dựng vùng bão).

f. Nghiên cứu thủy học của lưu vực (Công việc nầy là của chuyên viên thủy học (hydrologist) chứ không phải của các nhà địa lý địa chất). Ban hành các biện pháp căn bản như bảo vệ rừng và phủ xanh mặt đất. Nếu có thể được, xây đập đa dụng mà kiểm soát và điều hòa lụt là mục đích chính. Nếu cần, xây các hệ thống đê và đường thoát nước.

II. Về Quy Hoạch và Xây Dựng cho vùng bị bão thường xuyên:

Tựu trung vào ba điểm chính là :

* Phải lưu ý đến vị trí địa lý, địa hình và các yếu tố thực địa (site analysis), chẳng hạn: nhận dạng đầy đủ địa hình địa phương (độ cao, độ dốc của đồi núi, khoảng cách tới biển / sông, nơi nào có thể trú bão tránh lụt khi hữu sự v.v...). Các nhà quy hoạch và xây dựng của chính quyền không thể không nghĩ đến việc phải chọn vị trí tránh bão lụt tốt nhất khi quy hoạch các khu dân cư (residential), khu hành chánh (civic center)... và lượng định khả năng ảnh hưởng tới công trình (địa hình ảnh hưởng như thế nào và ngược lại, độ cao ngập lụt/ mức nước tối đa có thể dâng lên, những cây cối quanh vùng sẽ tăng trưởng và ảnh hưởng ra sao đến công trình và ngược lại; không thể quên micro-turbulence với tác động của gió và lụt nếu gần sông hay đồng trống, v.v...) ra sao trước khi cấp phép xây dựng. Ngay cả kiến trúc cảnh quan (landscape architecture) cũng là yếu tố quan trọng: chọn lựa cây trồng có sức chịu đựng cao (không dễ gãy đổ), nên tỉa (trimming) cây lớn trước mùa mưa bão, nghiên cứu địa hình để có thể tạo dáng (xây ụ đất và tường chắn/ retaining wall hay soundwall, trồng cây cỏ, làm hệ thống thoát nước / drainage system...) sao cho vừa hạn chế xói lở mặt đất, vừa hạn chế gió bão, vừa thoát nước dễ dàng, vừa tạo thêm nơi tránh bão lụt lại vừa làm đẹp thêm cảnh quan.

* Phải thiết kế và kết cấu vật liệu xây cất sao cho phù hợp nhất, nhất là tường và mái chứ móng (footings và foundation) phụ thuộc vào cấu tạo địa chất (soil) của khu vực, chưa kể nhà nghèo thì lại càng đơn giản. Theo tôi, nên thiết kế và kết cấu đơn giản tối đa, vừa phù hợp tổng thể (integrity), vừa an toàn. Cần lưu ý bốn điểm chính sau đây:

1. Xem xét kỹ những kiểu dáng nhà nào có thể chấp nhận cho vùng bão lụt thường xuyên ? Thiết kế mặt cắt (section) sao cho lực phân bố đều trên toàn bộ mái, hạn chế ảnh hưởng của micro-turbulence hầu tránh gây tai nạn khi bão lụt, gió lớn. Tính cho kỹ các cột chống, các nhịp lớn và các phần conson, khoảng cách (span) giữa kèo, cột, xà trên mái (span càng gần nhau càng vững chắc). Vật liệu phải được chọn lựa kỹ để vừa chịu ẩm, chống thấm thấu, vừa chịu tác động của gạch vỡ, cây ngã... Mái và tường là phần đáng lưu ý nhất, nhất là những nơi chịu áp lực cao. Loại shear wall ở Mỹ có thể dùng cho Việt Nam. Chủ yếu là giằng sao cho tường, trần, mái và vách ngăn đủ chịu sức gió cao, nước đổ xối xả liên tục... là bài toán khó cho nhà nghèo !

2. Nền móng và cốt sàn (footing, foundation và framing) là việc khởi đầu cho xây cất nên phải bắt tay trước vào việc nghiên cứu địa hình và địa chất (soil test/ geotechnical services), xác định loại đất hiện hữu để nếu cần thì phải nén đất (compaction) và xử lý thích hợp qua erosion control chẳng hạn. Tìm hiểu lịch sử ngập lụt để chọn cốt (cốt 1,2,3 hay hơn nữa, tùy mức độ ngập lụt từng nơi để tính mức ngập cho cốt sàn, sức gióvà động đất sao cho phù hợp hơn với thiết kế và kết cấu). Không thể quên là đất sét dãn nở (expansive clay) sẽ gây họa khi lũ lụt nếu móng không làm đúng; hay như việc tính toán hệ thống kết cấu cột và dầm lưới để tạo độ cứng cần thiết cho các công trình vùng gió bão, lũ lụt. Đừng quên tay nghề thợ và lương tâm nhà thầu là những điều không thể coi thường khi thi công.

3. Tổng thể phải được sắp xếp hợp lý sao cho gió thông thoáng chứ không nhất thiết phải "gia cố kết cấu" (structural reinforcement)

nhưng cốt lõi là tăng an toàn nên mọi sắp xếp không gian (spaces) bên trong phải phù hợp kết cấu và ngược lại. Ví dụ, tường lửng (không lên tới trần/ ceiling, mái/ roof) nên đủ cứng để chịu lực chứ không chỉ để trang trí hay là vách ngăn mà thôi. Các khoảng mở (openings) như cửa sổ(window), cửa đi (door) phải được chọn lựa về kích thước, trọng tải và thiết kế (loại cửa, khung và mối liên kết với tường) sao cho phù hợp với từng vùng (gần biển hay trên núi cao có nhiều gió lớn, mưa nhiều), chẳng hạn: cửa sổ mở lớn để ngắm cảnh (view points) và lấy ánh sáng là tốt nhưng khi gió bão thì phải giải quyết thế nào cho an toàn? Có nên dùng cửa chớp hay lại cửa truyền thống xưa nay vẫn dùng? Thẩm mỹ nhưng phải an toàn. Đừng quên chi phí phải thật thấp vì Việt Nam là một nước nghèo, dân không đủ ăn thì đừng tính toán qua xa vời!

4. Quy cách (Building codes, specifications và standards, city ordinances, etc...): Chính quyền (Bộ xây dựng, công chánh và các hội kỹ sư, kiến trúc sư) phải cập nhật hóa (updating) tất cả quy cách xây dựng một cách chi tiết, cụ thể tất cả quy định, quy cách xây dựng cho dân dụng lẫn công cộng thật chặt chẽ để buộc tất cả mọi người (nhất là thầu và thợ xây) phải theo đúng quy cách, quy định nhằm bảo đảm an toàn tối thiểu cho mọi người. Tất cả văn bản, tài liệu hướng dẫn cần phổ biến rộng rãi (thư viện, trường học, hệ thống truyền thông báo chí...), giải thích rõ ràng, cặn kẽ để mọi người am tường và tuân hành triệt để. Xử lý nghiêm ngặt mọi sai phạm do cố tình nhưng cũng phải nghiêm chỉnh học hỏi kinh nghiệm từ những bài học quý giá này để tránh tái phạm. Kiểm tra xây cất là một công việc không thể qua loa, từ các mối nối (connection) với đủ loại đinh, vít, bù lon, keo dán..., sử dụng vật liệu nào là đúng, độ dày và độ dốc nào chấp nhận được? Danh mục kiểm tra phải được soạn thảo và in đầy đủ cho thanh tra (inspector) để bảo đảm việc thi công đúng những quy định cần thiết mà không phải Mỹ mới làm được mà nước nghèo như Việt Nam thì cứ... qua loa!

* Phải lưu ý đến erosion control ở những khu vực đồi núi, ven biển (nhất là khu dốc cao, dựng đứng, trơ trụi, đất sét dãn nở cao/ expansive clay); cố gắng phủ kín mặt đất bằng các loại thảm thực vật, thậm chí dùng bã thực vật (mulch-không phải compost), trải đá (rock blanket), hay cứ để hoa cỏ dại (wild flowers thì tốt hơn) phủ kín mặt đất. Cần khuyến khích việc đắp bờ bao, trồng dừa, phi lao, dương liễu... ven biển, cần khuyến khích việc xây tường chắn (retaining wall, soundwall...) khi khả năng tài chính cho phép. Tất cả phải được quy hoạch và thiết kế đúng quy cách, tiêu chuẩn (standards), phải giới thiệu rộng rãi cho dân biết các phương thức phòng bão lụt sao cho kịp thời và hữu hiệu bằng mọi hình thức thông tin tuyên truyền. Khó khăn nhất là quy hoạch sao cho dân tránh được phần nào tác hại của bão lụt mà không ảnh hưởng đến phát triển chung và sự ổn định của người dân địa phương chứ thiết kế không phải là khó. Do đó, không thể coi nhẹ công tác quy hoạch, nhất là những vùng bị bão lụt thường xuyên như miền Trung.

Việc giảm thiểu thiệt hại về nhà cửa và các kiến trúc khác do lụt gây ra thì không đơn giản như bão. Cho dù có xây cất kiên cố đến đâu thì sức nước cũng có thể tàn phá. Cho nên, cách tốt nhất là dùng quy hoạch sử dụng đất để hạn chế đến mức tối đa việc xây cất trong các vùng lụt (floodplains). Nếu không, thì cần phải có một hệ thống hồ chứa nước và đê điều thật kiên cố để bảo vệ. Ở đây, benefits/costs ratio là yếu tố quyết định, và đương nhiên phải tính cả tangible and intangible benefits.

Bài viết này chỉ có tính cách gợi ý, chưa hẳn là giải pháp tốt nhất hay khả thi nhất vì chính người địa phương mới am tường đầy đủ những điều kiện, yếu tố và nhân tố khách quan ảnh hưởng đến quy hoạch, kiến trúc, xây dựng... Ao ước lớn nhất của tôi là phổ thông hóa mọi phương thức xây cất, cấp cứu và các biện pháp phòng bão lụt căn bản nhất đến mọi người dân, nhất là vùng bị bão lụt thường xuyên để họ có thể tự cứu giúp chính họ khi nguy biến - như là những kiến thức khoa học thường thức cơ bản. Cứu trợ là giải pháp cấp thời nhằm xoa dịu những mất mát do thiên tai nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm biện pháp hạn chế tác hại, như cha ông ta đã khổ công đắp đê dọc sông Hồng chống lũ lụt khi xưa. Đó là chuyện mà chính quyền phải làm. Từ những kinh nghiệm đau thương bấy lâu nay dân ta vẫn chịu, hy vọng chúng ta sẽ tìm được biện pháp khắc phục có tính cách lâu dài hơn để đồng bào mình đỡ khổ và tránh được những mất mát to lớn. Trách nhiệm của chính quyền và trí thức Việt Nam là sớm có câu trả lời cho vấn đề phòng bão lụt sao cho hữu hiệu hơn chứ không chỉ là cứu trợ!●

(11/99)

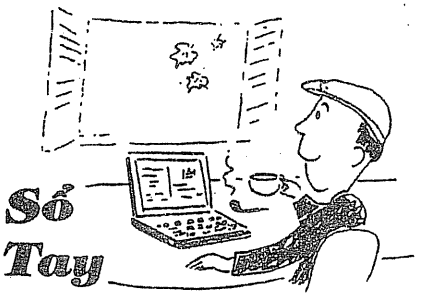

TƯỜNG TRÌNH VỀ CỨU LỤT

VĂN KHOA

LTS - Bài này được điểm lưới của nhóm VSA, Vietnamese Students Abroad phổ biến, và được tác giả Văn Khoa đang ở Việt Nam đồng ý. Chúng tôi xin lỗi không thể trực tiếp xin phép tác giả. Tòa soạn đã ghi chú để bài dễ hiểu hơn.

Sau đây là bài viết:

CỨU TRỢ BÃO LỤT NHÌN Ở GÓC CẠNH KHÁC

Chuyến công tác miền Trung của chúng tôi từ ngày 18/11 đến 22/11, ngoài một số công việc về kinh doanh, còn lại là tập trung giúp đỡ nạn nhân của thiên tai các tỉnh miền Trung. Riêng cá nhân tôi, tôi muốn được nhìn tận mắt, nghe tận tai những thảm cảnh đã xảy ra cho đồng bào mình và tôi cũng muốn nhìn xem tác động của việc cứu trợ nạn nhân đi đến đâu.

BÁO LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM

Trước ngày đi tôi có đọc mail (điện thư) của bác DX hỏi về bài báo của một phóng viên trên báo Lao Động nói về sự thiếu nhiệt tình của một số công chức trong công tác cứu trợ. Chưa nói bài báo đúng hay sai nhưng anh em làm báo ở Huế tranh luận về bài báo này khá nhiều. Hầu hết ý kiến cho bài báo nói đúng nhưng nói thật về con sâu trong nồi canh lũ lụt lúc này không có lợi, có thể gây ra sự giảm nhiệt tình đóng góp cứu trợ của đồng bào. Tôi có nói với anh em là sự thật cần phải được công khai - giống như ý của bác DX - nhưng hầu hết đều cho rằng sự yếu kém của bộ máy công chức là chuyện dài lâu nay rồi, bây giờ nói ra ích lợi gì mà công khai lên mặt báo làm giảm đóng góp đi thì cuối cùng chỉ có bà con nạn nhân là bị thiệt thòi.

Một quan điểm khác là việc tôi trực tiếp đi miền Trung chưa chắc có lợi mà dành kinh phí cho chuyến đi để giúp bà con qua những kênh phân phối như Mặt trận Tổ Quốc hay báo chí thì hiệu suất (cao) hơn. Tôi nói rằng thực ra tôi đi biz trip (việc kinh doanh), có một ít tiền của công ty tôi và bá tánh đóng góp thì tôi đem ra trao tận tay, vậy thôi. Có thể các bác trong chính quyền nhìn vấn đề rộng hơn, sử dụng hiệu quả hơn tôi nhưng tôi - và bao nhiêu đoàn cứu trợ khác - vẫn muốn đến tận nơi để trao quà, cũng có thể chỉ để thỏa mãn cái NGÃ của tôi mà thôi. Cái ngã đó là sự sung sướng khi đi làm việc tốt, cho dù có thể tôi làm không hiệu suất bằng chính quyền làm.

BÁO TUỔI TRẺ VÀ SỰ ƯU TƯ

Thử tưởng tượng là tự nhiên các bác được nhận 4 đến 5 tỷ đồng và phải đem giúp khẩn cấp cho một triệu người khốn khó thì bác sẽ làm sao? Các bác trong báo *Tuổi Trẻ* cũng nhìn thấy vấn đề này nên trong khi những chuyến hàng của báo TT lên được, họ đã thấy thiếu nhân sự phóng viên đi áp tải. Toà soạn TT phải sử dụng các đội ngũ học viên đang thực tập và dù đã cố gắng hết mức, họ vẫn lo âu rằng mình không hoàn thành hết nhiệm vụ của bà con hảo tâm giao phó. Chúng ta không có một tổ chức cứu trợ chuyên nghiệp thì các tổ chức không chuyên như báo chí phải vào cuộc

TÌNH NGƯỜI

Có thể nói rằng trong cơn đau khổ và hoảng loạn của miền Trung mấy tuần qua, cái mà tôi ghi nhận trước nhất là TÌNH NGƯỜI. Có thể tranh luận quan điểm cứu trợ thế nào đi nữa thì hầu hết các vị có liên quan đều đặt nặng tình người lên trên hết. Các bác trong bộ máy chính quyền, mặt trận, đoàn thể có thể còn chưa giỏi trong quản lý, phân phối hàng cứu trợ nhưng họ đã hết sức nhiệt tình vì đồng bào trong cơn hồng thủy. Họ đã hy sinh trên hết là vì tình người chứ không vì động cơ nào khác. Nếu cần có một niềm tin thì tôi sẽ tin tưởng vào hầu hết những con người miền Trung nghèo đói này và cả những đồng bào cả nước đang hết mình với miền Trung. Chuyến xe chúng tôi luôn được vẫy chào và không bị thu phí cầu, đường của bất kỳ trạm thu phí nào. Thuê xe đi cứu trợ chỉ tính tiền xăng dầu, các khoản khác được miễn phí. Mua sách tập chỉ tính tiền vật liệu. Người có của góp của, người không có của thì góp công. Đâu đâu cũng nhiệt tình và hy sinh.

QUÂN ĐỘI

Trong chuyến đi này, tôi đã nghe nói nhiều về hoạt động giúp dân của quân đội trong mùa lụt vừa qua. Kể cả trên media (phương tiện truyền thông) vẫn thường dùng những chữ

như "xuất quân," "hành quân," "chiến dịch" khi nói về hoạt động cứu trợ. Tôi vốn dị ứng với chiến tranh nên cũng không ưa lắm lối nói mang đầy dư vị chiến tranh trong chuyện cứu trợ. Tuy nhiên, sau chuyến khảo sát vừa qua, phải nhìn nhận rằng quân đội đã thật sự cứu giúp dân nghèo một cách hiệu quả nhất trong cơn khốn khó. Tôi nghe dân ở đây kể lại rằng bên dòng cuồng lưu tàn bạo làm một ngôi nhà đã ngập đến mái với mấy chục người dân đang kêu cứu tuyệt vọng, một người lính được lệnh dùng xuồng và dây thừng bơi qua cứu dân. Nước chảy xiết đến mức không xuồng ghe nào đi được. Đi là chết mà không đi thì nhìn mấy chục nhân mạng chết. Người lính đã quyết định bơi qua để còn may ra một phép màu nào đó. Trong tích tắc anh bị nước cuốn trôi... Mất xác.

NHỮNG NGƯỜI TÔI ĐÃ GẶP

Chúng tôi có một hệ thống partner (người cộng tác) làm ăn ở các tỉnh miền Trung nên tôi nhờ họ cố vấn nên mang thứ gì ra. Tất cả đều khuyên nên mang tiền mặt. Ngoài số tiền chính thức của công ty, tôi còn mang theo một số của bá tánh (bạn bè trong ngoài nước gần xa) ủy nhiệm tôi mang ra miền Trung. Tổng cộng khoảng 46 triệu đồng Việt Nam. Ngoài ra còn có hiện vật như mì tôm, áo quần của thiên hạ đóng góp. Trách nhiệm thật nặng nề đối với tôi vì nếu mình dùng không đúng đối tượng thì thật có lỗi với bá tánh. Có hai cách phân phối đối với đoàn cứu trợ trực tiếp như chúng tôi.

1. Đến gặp chính quyền từng huyện xã, nhờ họ mời nạn nhân lên (do họ chọn lọc những người cần thiết nhất) ủy ban để trao tận tay Hoặc lấy danh sách từ chính quyền và đến từng nhà để trao quà và tìm hiểu thiệt hại.

2. Không qua kênh chính quyền mà qua bạn bè hay partner của mình để chọn lọc đối tượng. Sau đó nhờ họ gom nạn nhân lại hoặc cùng đi với mình đến từng nhà nạn nhân. Ngoài ra nếu không có thời gian thì cứ trao tiền cho chính quyền xã nhờ họ gởi lại. Ít ra thì tiền của mình cũng đến xã. Ai nỡ ăn chặn nhau trong lúc này? Chọn lựa cách nào cũng là không đơn giản. Tôi được nghe dân ở đó kể lại có đoàn cứu trợ không thông qua chính quyền bị dân chúng chận xe gây áp lực, cuối cùng phải móc hết tiền mới được về, không cứu trợ chỗ khác được. Những người quá cùng khổ dễ làm bậy lắm. Hoặc một trường hợp khác bị các bác công an chất vấn tôi sẽ kể sau. Cũng may partner của chúng tôi hầu hết là dân có máu mặt ở địa phương nên tôi quyết định thông qua partner để phân phối.

HUẾ CÙNG KHỔ

Ở Huế, chúng tôi chia nhau ba nhóm thuê xe đến các địa phương khác nhau. Tôi chọn nhóm đi cùng trường Trung học Phú Vang, nơi thiệt hại nặng nhất ở Huế. Các thầy cô trường Phú Vang, cũng là chỗ quen biết tiếp chúng tôi rất nhiệt tình. Các thầy đưa ra một danh sách thiệt hại cần cứu trợ khoảng 400 trường hợp là gia đình học sinh bị nhà cửa cuốn trôi cần cứu giúp để các em tiếp tục học tập. Tôi nói kinh phí của chúng tôi dành cho học sinh trường này chỉ khoảng 6 triệu thôi, nhờ thầy phân loại cho những trường hợp thật sự khó khăn tiêu biểu. Danh sách được rút xuống 300 rồi chọn lần hai còn khoảng 100. Tôi nói tiền này chia ra chẳng giúp được ai. Lại rút xuống còn chỉ 22 gia đình quá kiệt quệ. Chúng tôi lên danh sách, cho tiền vào phong bì. Trường hợp quá thiệt hại nhân mạng nhà cửa thì 500.000$. Chỉ có mất nhà và đói thì 200.000$.

EM TRUNG

Tôi chú ý trong danh sách một em học sinh là Trần Hiếu Trung bản thân bị chết. Các thầy cho biết em này học lớp 11, sức khỏe tốt, bơi giỏi. Trong buổi sáng định mệnh đó, em Trung đã giúp được nhiều người và cả gia đình di chuyển người và tài sản lên mái nhà. Sau khi chuyển xong mấy bao lúa, xui xẻo một con heo - là tài sản lớn - bị vuột mất nước cuốn đi. Em Trung nhoài người theo chụp lại nhưng nước chảy xiết quá (một tảng đá 20kg có thể bị cuốn đi cả 100m) nước cuốn em quăng đi xa. Vừa may cách nhà chừng 30m là mặt đường cao nên nước chỉ ngang bụng, em gượng đứng lại được. Sức khỏe tuổi 17 của em đã ghì người lại và kêu cứu với mực nước đang tăng dần ngang ngực. Cả gia đình ngồi trên mái nhà thấy em ghì người và kêu cứu liên tục trong cơn sóng dữ. Lúc đó là 12g30 buổi trưa. Không ai dám cứu. Đến 4g30 chiều, bố mẹ em tận mắt chứng kiến con mình đuối dần... và em đã buông tay. Nước cuốn mất xác đến nay 20 ngày chưa tìm được. Tôi hỏi tại sao em này bản thân chết mà mấy thầy đề nghị chỉ có 200.000 đồng trong danh sách. Mấy thầy cho biết trường hợp này bi thảm quá nên học sinh và thầy cô đã giúp nhiều quà tặng và tiền. Tôi hỏi đã giúp bao nhiêu tiền. Đáp 50.000$ rồi. Nhiều trường hợp quá làm sao cho nhiều hơn. Phải ưu tiên cho các em còn sống để các em còn đi học tiếp. Chúng tôi ứa nước mắt, sửa lại tăng từ 200.000 lên 500.000 và thành viên

trong đoàn phải móc túi bù thêm.

EM KHÁNH HIỀN

Em là học sinh lớp 12. Các thầy cho biết mẹ là giáo viên bị bão đánh sập đổ làm liệt cột sống nằm một chỗ. Cha là giáo viên dạy học ở Quảng Ngãi phải thôi dạy về chăm sóc vợ. Nơi em ở không đáng gọi là nhà. Gọi là lều cũng không đúng. Em là học sinh giỏi. Cơn lụt cuốn trôi cả mái che tạm bợ "căn nhà" của em. Khi tôi và các thầy đến chỉ thấy một người đàn bà nằm liệt giường và một người đàn ông như cây củi khô dưới mấy miếng tranh, nylong. Hàng xóm đẩy ra một con bé đen nhẻm chừng 12 tuổi và nói đây là Khánh Hiền. Không thể tưởng tượng nổi cô nữ sinh lớp 12 trong cơ thể gầy gò thê thảm kia. Có thể với cơn lụt khủng khiếp vừa qua, em phải nghỉ học thôi. Các thầy nói đã 11 năm đi học rồi, nghỉ uổng lắm, uổng công các thầy dạy dỗ.

EM HÀ

Trường hợp của em Hà bố vừa mất nay mẹ bệnh ung thư chừng ba tháng nữa thì sẽ mất. Mái nhà tranh nghèo nàn, đồ đạc bị cuốn trôi và người mẹ sắp qua đời nằm trên giường bệnh. Em khóc ngon lành khi tôi trao chiếc phong bì. Với công việc "chằm nón" em vừa đi học vừa nuôi mẹ và đứa em gái. Em cần phải học. Phải tiếp tục học và học thật giỏi để giúp cho quê em bớt đói nghèo. Tôi đang liên hệ các công ty bạn bè để giúp em hàng tháng chừng 200.000 cho có cái ăn để học sau khi mẹ em qua đời.

CÁC EM Ở HÒA DUÂN

Dù sao các trường hợp đó còn nhẹ. Các em ở Hòa Duân (hay Dung?) khổ hơn nhiều lắm. Một cửa biển mới phá cắt đứt giao thông. Các thầy trường Phú Vang nói các em hoàn toàn cùng quẫn và không còn phương cách nào cứu vãng với hoàn cảnh mồ côi bố hoặc mẹ hoặc cả hai. Các thầy hỏi tôi có muốn đến trực tiếp thăm thì sẽ đi bằng phà hoặc xuồng. Một tiếng đồng hồ mới đến nơi. Tuy nhiên sóng to lắm, không an toàn. Các thầy sẵn sàng đưa đi. Tôi vốn không biết bơi lại sợ nước nên gởi phong bì nhờ các thầy chuyển lại giùm. Mất công danh sách thiệt hại nhân mạng do nước lũ lại cộng thêm một người.

EM SỬ

Em là đội tuyển điền kinh của trường. Nhà sập hết ở tạm trong chuồng heo. Trường hợp em được truyền hình VTV đưa tin, nghĩa là sẽ được cứu trợ đặc biệt. Tôi hỏi bố mẹ em đã nhận bao nhiêu. Đáp là nghe nói được khoảng một triệu đồng nhưng tiền chưa về. Đến giờ chỉ nhận khoảng 10 gói mì tôm. Các trường hợp học sinh vừa kể trên cũng chỉ được khoảng vài chục ngàn đồng. Nếu có thiệt hại nhân mạng thì có khá hơn. Chúng tôi, thành viên trong đoàn hỏi nhau vậy tiền cứu trợ, hàng vài chục tỷ đến vài trăm tỷ đi đâu, nằm ở đâu? Tôi gọi điện thoại bạn bè báo Tuổi Trẻ kể sơ tình hình và chất vấn. Tôi gặp các bác có vai trò ở Huế chất vấn. Kết quả nhận được là: Những trường hợp tôi gặp chỉ là trong hàng trăm ngàn trường hợp bi thảm. Với số tiền cứu trợ thì cứu đói là quan trọng nhất, rồi bao nhiêu công việc phúc lợi dân sinh phải làm, đâu phải chỉ để đem tiền cho người nghèo. Mà cho bao nhiêu cho đủ. Quả thật như vậy, ở Ngã ba sông Hương trên thượng nguồn nhà ngập đến 12m nước, áo quần chăn màn còn mắc trên dây điện. Và sắp tới là dịch bệnh, lạnh, đói v.v...Bao nhiêu việc phải làm. Thuốc xức ghẻ hiệu DEP là món quý ở đây. Mấy ngày ở miền Trung mà đoàn tôi người nào cũng nổi nhọt và ngứa chắc bị ghẻ quá. Đoàn chúng tôi đi về xã Phú An và cảm giác thê lương khi gần 400 ngôi nhà bị nước cuốn trôi. Chúng tôi đi theo trường học nên chỉ đến được những gia đình có học sinh để các em đi học tiếp. Chúng tôi phải đi giữa vòng bảo vệ của học sinh và ông hội trưởng hội phụ huynh đến nhà chừng 10 em học sinh trong cái thôn mất trắng nhà cửa 100%. Hai bên đường người ta cứ đổ xô ra van xin nhưng làm sao đáp ứng vì danh sách đã thông qua với các thầy. Cảm giác chịu đựng khi bị người lớn van xin không khó bằng cảm giác phải nhìn những đôi mắt trẻ thơ ngước lên trông đợi. Các em chừng năm, sáu tuổi không nói gì cả nhưng tôi không chịu đựng nổi ánh mắt khao khát kia. Hai ba em đang tranh nhau ngậm một gói gia vị nhỏ xíu từ một gói mì tôm đã ăn hết. Các em có biết kẹo bánh không? Ông hội trưởng hội phụ huynh vừa đi vừa la to lên: "Chúng tôi chỉ cứu trợ học sinh mà thôi!!" Đám đông dạt ra khi có bóng của công an đến. Chúng tôi ra về lòng như muối xát. Nắng chiều vẫn một màu tươi vàng trên lũy tre sau cơn lũ.

QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI

Ở Huế tôi chỉ đi theo nhánh trường học nên ít tiếp xúc với thân nhân người chết. Ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi chúng tôi đi dọc được số 1 và tiếp xúc nhiều trường hợp bi đát hơn. Tôi chỉ dám kể ra một số trường hợp.

Ở Vĩnh Điện, Quảng Nam, tay partner của

tôi gom khoảng 10 người có hoàn cảnh thê thảm. Chúng tôi không dám hỏi thăm nhiều mà chỉ an ủi qua loa rồi lên xe đi tiếp để kịp giờ họp.

Ở Duy Xuyên, Quảng Nam, tôi rất bất mãn với thái độ của chính quyền không hợp tác với chúng tôi. Họ nói cứ đưa tiền cho họ họ sẽ cân đối và phân phối lại. Họ không chịu dẫn đi. Tay partner của tôi ở đây, nói có đi cũng không đi được vài chục cây số đường đất. Tôi đành giao tiền lại cho nhân viên thường trú của mình và anh này sẽ đi bằng xe Honda sau đó khi trời nắng ráo.

Chúng tôi đến Tam Kỳ, thị xã của Quảng Nam, chị partner ở đây cho biết đã cho người đi nhắn 10 trường hợp thiệt hại nặng nhất chiều nay 1g30 sẽ có mặt tại nhà chị để chúng tôi gặp. Tôi đến đó lúc 1g thì được biết đã có người đến chờ từ sáng.

NGƯỜI HAY MA?

Người đầu tiên tôi gặp ở đây có lẽ không còn hình dạng con người nữa. Ông ở Tiên Phước cách điểm tập kết của chúng tôi 9km. Tôi chưa từng thấy người nào rách nát và tiều tụy như vậy. Vợ ông và ba đứa con đã bị núi lở đè sập dưới ba, bốn thước đất. Cho đến giờ này, chỉ mới tìm được xác ba đứa con còn xác bà vợ vẫn không kiếm được. Ông ta đi làm mướn tận Bình Thuận. Nỗi đau quá lớn khiến ông ta không khóc được nữa. Đây là trường hợp đã được VTV đưa tin nên partner của tôi nói cứu trợ vừa phải thôi, đã có người khác giúp rồi. Tôi hỏi ông đã được bao nhiêu thì nghe trả lời khoảng tám, chín triệu. Phong bì của chúng tôi chỉ 500.000. Đội mưa lạnh đi 9km, chờ mấy tiếng đồng hồ để nhận 500.000. Chúng tôi ái ngại móc ví ra bỏ thêm 200.000 nữa. Vấn đề lớn nhất là tìm cho ra xác người vợ để tẩm liệm. Mà thuê người bới móc đã hai tuần qua chẳng được bao nhiêu đất. Có thể ăn rau cháo nhưng cái nghĩa đối với người chết vẫn quá nặng tình của người miền Trung.

MỘT BÉ GÁI Ở BÌNH AN

Thật ra cũng 20 tuổi rồi nhưng em còn nhỏ quá. Em là con lớn trong một gia đình 5 chị em. Em cùng mẹ ngồi trên mái nhà chứng kiến người cha mình vẫy vùng trong nước lũ để làm cái bè chuối. Cũng tại mấy bao lúa mà cha em đã kiệt sức lo cứu lúa trước đó. Đến khi thấy cha em đã gần tàn sức, tay nắm cái bè chuối để cố mà sống còn, em và mẹ đã gào thét trong tuyệt vọng dưới màn mưa để cầu xin người đến cứu. Một chiếc xuồng đi ngang qua. Em gào lên "mấy chú ơi cứu ba con. Nếu không con sẽ nhảy xuống cứu." Không ai dám vào khu vực nước xoáy dữ dội. Hai tiếng đồng hồ trôi qua, người cha đã buông tay và chìm trong dòng nước điên cuồng. Những bao lúa sau đó cũng bị nước cuốn trôi đi. Trường hợp của em đã được cứu trợ một triệu đồng là chi phí mai táng.

Em chở mẹ trên chiếc xe đạp tồi tàn đến điểm tập kết của chúng tôi cách 13km. Người mẹ bây giờ phải cưu mang năm đứa con chỉ biết khóc từ đầu đến cuối. Do nhầm lẫn mà phần của em chỉ 200.000. Lại móc ví ra thêm. Mọi người trong đoàn đều ứa nước mắt. Hầu hết khi cầm phong bì của chúng tôi họ đều khóc. Cả chúng tôi khi chịu không nổi, khi phải bỏ thêm tiền, cũng phải sụt sùi. Tại sao tiền lại đi với nước mắt!!! Người nhân viên của tôi khi chạy theo dúi 100.000 vào tay bé với lời nhắn "hãy gắng đi học lại" đã kêu lên, "Không ngồi ở đây nữa, ngồi thêm thì sẽ không còn tiền quay về."

MỘT ÔNG BỐ khóc đứa con trai duy nhất vì lo cứu người đã bị nước nhận chìm. Chuyến đi cuối cùng đó, con ông đã cãi lời ngăn cản cha mẹ vì cho rằng không cứu người là ích kỷ. Ông đã được cứu trợ trước đó là 1,3 triệu.

VÀ QUÁ NHIỀU TRƯỜNG HỢP KHÁC chỉ vì bao lúa, con heo, con trâu mà những mạng người bỏ mình dưới dòng nước. Chúng tôi cứ liên tục phải hội ý, bỏ thêm tiền.

Chiều hôm đó, tôi hỏi các anh em ở Quảng Nam "thế tiền cứu trợ đi đâu?" thì họ cũng trả lời như ở Huế: có quá nhiều việc phải làm và những người này thật ra lúc bình thường đã rất khó kiếm cái ăn. Bây giờ có bao lúa và con trâu con bò thì phải giữ đến mức hy sinh cả tính mạng. Tôi hỏi chính quyền có biết không, đáp là biết nhưng ông chủ tịch tỉnh...

Tôi rất không thích nêu tên người làm quan mà tôi cần phê phán trên diễn đàn này nhưng trường hợp ông L.T.T mà tôi nhắc đến thì tôi không chịu đựng được nữa. Trước đó ông đã làm Biên Tập viên Thanh Lâm của VTV. Bực mình khi hỏi ông có nắm tình hình thiệt hại của bà con trong tỉnh không thì ông chỉ nói là ông đã chỉ đạo thế này, thế kia. Đó là phỏng vấn qua điện thoại trực tiếp trên truyền hình. Bây giờ thì nghe anh em ở Quảng Nam nói ông không tiếp tục ra ứng cử đợt này. Đủ rồi. Căn nhà thứ hai của ông ở Đà Nẵng thuộc hàng lớn nhất nhì thành phố...

VUI BUỒN CHUYỆN CỨU TRỢ

Thành phố Huế những ngày nắng ngập chìm trong bụi mù của bùn non. Dọc đường Lê Lợi bùn ngập cả mấy tấc. Quán xá đóng

cửa. Mọi hoạt động giải trí như Karaoke đều bị cấm cho đến hết tháng 11. Nghe nói nếu là bộ đội hay công an mà uống bia thì sẽ bị bắt ngay tại chỗ.

XUÔI NGƯỢC NHỮNG CHUYẾN XE CỨU TRỢ

Đến bây giờ 20 ngày sau cơn lũ vẫn còn những chuyến xe xuôi ngược mang hàng cứu trợ trên nẻo đường miền Trung. Dù đường bộ rất xấu mà gặp nhau cứ vẫy tay chào mừng thân thiết. Tôi gặp cả xe của competitor (công ty cạnh tranh) của chúng tôi, vẫn cứ mời nhau điếu thuốc thân thiện như người nhà. Khách sạn giảm giá cho đoàn người cứu trợ. Các cuộc họp business (về kinh doanh) của chúng tôi mọi người tự giác cắt phần ăn uống tiệc tùng để dành kinh phí cho cứu trợ. Xe cứu trợ đậu sai vị trí vẫn được cảnh sát thông cảm không phạt. Cái tình người có ở khắp mọi nơi. Các thầy giáo quên cả ngày 20/11 lội bùn đi cùng chúng tôi...

Không thể kể hết...

CÔNG NGHỆ XÁC NHẬN (biên nhận đã phân phát)

Hầu hết các đoàn cứu trợ trực tiếp đều cần được xác nhận đã chuyển tiền cho nạn nhân để về còn có cái báo cáo lại cho cấp trên hay cho bá tánh đã đóng góp. Đó là nhu cầu có thật và trường hợp chúng tôi cũng vậy. Nếu không có chứng từ chi tiền ra thì sau này gặp rắc rối với cơ quan thuế vụ. Nếu đem đóng cho chính quyền đoàn thể thì sẽ được xác nhận. Còn mang tiền đưa trực tiếp cho bà con thì ai xác nhận?

Do đó mới có chuyện "công nghệ xác nhận" là đoàn đã chuyển tiền cho nạn nhân. Đơn giản nhất là mang máy chụp hình ghi hình lại. Có nơi như trường trung học Phú Vang, thầy cô cử hẳn một người đi theo chụp hình. Các bác có hình dung nổi cảnh lố bịch của người đi trao tiền cứu trợ khi mắt thì ngấn nước vì quá xúc động, miệng thì cười mếu máo vì muốn chứng tỏ ta đây không khóc, tay trao tiền mà bị chụp hình cái "cóc" một cái. Thật là bi hài kịch trong đời người. Dù khó chịu đến đâu vẫn cứ trân mình ra chụp hình, nếu không có thì lấy gì về báo cáo cho anh em bá tánh?

CHẶN ĐẦU XE

Có địa phương như xã Phú An huyện Phú Vang, xã hẹn dân đến nhận tiền cứu trợ. Hẹn sai chỗ làm người ta chờ từ sáng tới chiều chẳng thấy đâu. Khi đoàn chúng tôi tới thì một người thiếu phụ trẻ đầu quấn khăn tang nhào ra chặn xe để xin tiền. Cảnh giống như trong phim Bao Công. Cảm giác người đội khăn tang chặn đầu xe nó ám ảnh lắm.

Trường hợp sau đây làm tôi ân hận. Cũng ở huyện Phú Vang chúng tôi chỉ đi theo tuyến học sinh với trường nên từ nhà một em học sinh quay ra, bên một ngôi nhà rách nát khác có bà mẹ già chừng ngoài 70 tuổi chắp tay lạy chúng tôi với lời van xin khẩn thiết: "Lạy mấy chú làm ơn giúp cho gia đình chúng tôi, chẳng còn gì cả..." Chúng tôi chẳng có cách nào, vì chương trình đã định sẵn cả rồi. Ra tới xe, tôi ái ngại móc 20.000 nhờ một em học sinh quay lại đưa cho bà cụ. Nhưng đến bây giờ, trở về Sàigòn ngồi trong phòng máy lạnh, hình ảnh bà cụ trong bộ quần áo tả tơi chắp tay khẩn cầu vẫn cứ theo ám ảnh tôi. Chắc tôi phải gởi tiền ra Huế nhờ mấy thầy chuyển đến.

20.000 HAY 200.000

Một xã hẻo lánh ở Quảng Ngãi, chúng tôi tập trung lại chừng năm trường hợp bị thiệt hại nặng. Ai cũng khổ cả nhưng nếu có người chết thì được giúp nhiều hơn. Một bà cụ nhà bị sập sau khi nhận phong bì 200.000$ đã run run hỏi : "Các cháu cho mấy ri?" Chúng tôi ái ngại không muốn công bố số tiền, vì sợ có người nhận được nhiều hơn cụ vì có thiệt hại nhân mạng, nhưng đành phải trả lời số tiền thật là 200.000$. Cụ móm mém nói: "Các con cho chi mà nhiều rứa, 20.000$ là đủ rồi, chi mà tới 200.000$ lận?"

CỨU TRỢ CHỚP NHOÁNG

Chuyện nghe kể một đoàn cứu trợ không rõ tung tích - nghe đâu là Phật giáo hải ngoại - đã đến trường tiểu học Phú Thượng (hay Phú Lưu) nơi các em học sinh tiểu học đang ngồi dưới đất để học. Họ kêu tất cả học sinh ra xếp hàng và phát ngay cho mỗi em 100.000$, thầy cô 300.000$, nếu có thiệt hại nặng thì 500.000$. Trong vòng mười lăm phút sau họ biến mất. Sau đó công an có xuống hỏi "đoàn đó ở đâu, tiền đâu mà nhiều vậy?" Mà đối với tôi thì đoàn đó mang về nhiều tiền thật. Chuyện này tôi nghe thầy Vệ Văn Lắm, hiệu phó trường Phú Vang kể lại.

Trở về Sài Gòn, tôi check mail (đọc thư trong máy vi tính) thấy bác Dao Van và các bác khác đang kêu gọi đóng góp đợt hai cho lũ lụt miền Trung. Tôi cảm động đến cay cay trong mắt. Tôi đã tự hứa là trước Tết sẽ quay lại. Mùa xuân sang và những em bé ở Huế sẽ cần cái ăn, cái mặc trong những ngày đầu xuân. Tôi còn nợ Huế quá nhiều. Còn nhiều chuyện phải làm lắm nhưng tôi cũng muốn bình tâm lại để xem xét kỹ càng nên làm gì. Có lẽ đầu tư cho giáo dục là cần thiết nhất.●

ĐỨC TIN ĐỐI VỚI LÝ TRÍ

Hay

Thêm Vài Ý Kiến Về Hai Bài Viết Của LM Trần Cao Tường & Ông Nguyễn Hùng Vũ

TRẦN CHUNG NGỌC

Khi tôi nhận được *Thế Kỷ 21*, trong khoảng 25-30 mỗi tháng, thì số báo *Thế Kỷ 21* tới đang sửa soạn ra mắt bạn đọc ở Cali rồi. Lỗi tại tôi mọi đàng: vừa ở xa Cali, vừa ở xa thành phố lớn, vừa ở nơi mà nha bưu điện cầm tinh con rùa, chứ không phải là *Thế Kỷ 21* gửi báo chậm. Hi vọng bài viết này chưa mất thời gian tính về một vài đề tài nóng bỏng trên *Thế Kỷ 21*.

Đọc *Thế Kỷ 21* số 125, tôi đã định viết một bài góp ý về hai quan điểm cách nhau khoảng 3000 năm trong đó: thuyết "Adam và Eva cãi lời Chúa nên loài người chúng ta ngày nay vẫn còn phải gánh chịu sự trừng phạt của Chúa" trong bài *"Một Chút Tâm Tư"* của Savi Nguyễn Tiến Cảnh, và những thuyết khoa học về *"The Elegant Universe"* của Ông Nguyễn Hùng Vũ. Thuyết Adam và Eva của Nguyễn Tiến Cảnh phản ánh đức tin của người Do Thái cách đây khoảng 3000 năm, khi Cựu Ước được viết ra, còn "The Elegant Universe" của Nguyễn Hùng Vũ phản ánh sự tiến bộ của khoa học ngày nay trong việc tìm hiểu vũ trụ. Chưa kịp viết thì số 126 đã tới tay, gây cảm hứng cho tôi viết bài này sau khi đọc bài *"Một Vài Trao Đổi Với LM. Trần Cao Tường"* của Ông Nguyễn Hùng Vũ, một bài mà theo tôi, rất đặc sắc vì tác giả đã cho độc giả *Thế Kỷ 21* thấy một kiến thức vững chắc về truyền thống, văn hóa dân tộc, ngoài kiến thức khoa học của tác giả trong những bài trước đây. Bài viết này chỉ có mục đích góp thêm vài ý kiến, hi vọng chúng ta có thể hiểu rõ hơn về một vài vấn đề trong bài viết của LM Trần Cao Tường cũng như trong bài nêu trên của Ông Nguyễn Hùng Vũ.

Hiển nhiên là LM Trần Cao Tường có ý định truyền đạo Ki Tô trong bài *"Đạo Kính Tổ Tiên,"* đăng trong *Thế Kỷ 21*, số 125. Điều này cũng dễ hiểu, vì nhiệm vụ chính yếu của một Linh Mục là truyền đạo, người Ki Tô Giáo thường gọi là đi kiếm linh hồn cho Chúa. "Cứu cánh biện minh cho phương tiện": đó là châm ngôn của các nhà truyền giáo Ki Tô trong suốt 2000 năm nay, cho nên họ có thể sử dụng bất cứ phương tiện nào để truyền bá Ki Tô Giáo, điều mà họ thường gọi là "để vinh danh Thiên Chúa trên Trời."

Linh Mục Trần Cao Tường viết bài "Đạo Kính Tổ Tiên," dựa trên đức tin trong tôn giáo của ông, và ông Nguyễn Hùng Vũ viết bài "Trao Đổi...", dựa trên lý trí và tinh thần khoa học trong bộ kiến thức ngày càng tiến bộ của

nhân loại. Đức Tin và Lý Trí thường có tính cách bất khả tương hợp (incompatible). Chúng ta không thể trách LM Trần Cao Tường được, vì theo một luật của Thiên Chúa, đúng ra là luật của dân Do Thái cách đây mấy ngàn năm, sau này chuyển thành luật của Ki Tô Giáo, tín đồ không được "thờ" bất cứ ai khác ngoài Chúa, cho nên ông không thể viết "Đạo Thờ Tổ Tiên," viết như vậy ông sợ có tội với Chúa. Hơn nữa, trở lại lịch sử truyền đạo ở Việt Nam, Đạo Gia Tô bắt đầu truyền vào Việt Nam từ năm 1533 và cấm giáo dân không được thờ, cúng giỗ tổ tiên. 431 năm sau, 1964, trước sự tiến bộ trí thức của nhân loại, Tòa Thánh mới giải tỏa lệnh cấm trên và "cho phép" giáo dân được thờ cúng tổ tiên trở lại. Mục đích của sự giải tỏa này chẳng phải là tôn trọng truyền thống văn hóa Việt Nam mà chỉ là một sách lược để kiếm thêm linh hồn cho Chúa. Trong vòng 431 năm, trải qua nhiều thế hệ, giáo dân Việt Nam tuyệt đối tuân theo lệnh cấm thờ cúng tổ tiên của Tòa Thánh, không một lời phản đối. Tuy ngày nay có một số giáo dân, vì đã được phép của Tòa Thánh, trở lại truyền thống thờ cúng Tổ Tiên của dân tộc, nhưng tôi nghĩ thay đổi đầu óc quả thật là một điều khó khăn đối với những người còn chưa thoát ra được "cái lưới vô hình xiềng xích trí tuệ" (từ của Nguyễn Hùng Vũ).

Để cho vấn đề được rõ ràng hơn, có lẽ chúng ta cũng nên tìm hiểu thêm về sự khác biệt giữa Đức Tin và Lý Trí. Theo nhiều học giả và chuyên gia nghiên cứu tôn giáo và xã hội thì Đức Tin (Faith) và Lý Trí (Reason) tượng trưng cho hai con đường đối ngược: *"con đường đi tới mê tín đối với con đường đi tới hiểu biết"* (Joseph L. Daleiden trong *The Final Superstition:* Faith versus Reason, The path to superstition versus the path to knowledge).

Theo định nghĩa của H. L. Mencken thì Faith hay Đức Tin là *"một kiểu tin phi-lôgic vào sự xảy ra của những gì không chắc có thực"* (an illogical belief in the occurrence of the improbable). Theo định nghĩa trong tự điển thì Faith hay Đức Tin là *"sự tin chắc vào một cái gì đó mà không chứng minh được cái đó có thực"* (Firm belief in something for which there is no proof.) Định nghĩa của Reason hay Lý Trí trong tự điển là *"khả năng có những tư tưởng hợp lý, suy lý, hoặc phân biệt"* (The capacity of rational thought, inference, or discrimination) hay *"suy xét đúng, phán đoán hợp lý "* (good judgment, sound sense). Theo những định nghĩa trên thì hiển nhiên là Đức Tin và Lý Trí là hai từ có nghĩa loại trừ hỗ tương (mutual exclusive), có cái này thì không có cái kia.

Hiểu như vậy rồi chúng ta mới thấy thương LM Trần Cao Tường vì ông chỉ theo đúng sách lược của Giáo hội hoàn vũ: đi kèm với sự phổ biến những tài liệu xuyên tạc, mạ lỵ v.v... các tín ngưỡng địa phương là sự khai thác, tìm cách quy những tín ngưỡng này vào tín ngưỡng Ki Tô. Sách lược này đang được thi hành ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Thái Lan và ở Ấn Độ, gây nên nhiều xáo trộn xã hội và những phản ứng đi tới bạo lực. Đối với người Việt Nam thì chúng ta cũng đã thấy nhiều bài viết, tác phẩm v.v... gượng gạo kết hợp quan niệm về Ông Trời của người dân Việt Nam với Chúa Trời của Ki Tô Giáo, LM Trần Cao Tường không phải là nhân vật duy nhất làm công việc này. Chúng ta có thể kể Phan Thiết trong cuốn *"Đất Việt, Người Việt, Đạo Việt,"* hoặc ông Lê Hữu Mục trong cuốn *"Truyện Kiều và Tuổi Trẻ."* Trong cuốn này ông Mục cho rằng Cụ Nguyễn Du phải đã đọc Thánh Kinh mới có thể viết nổi một đoạn trong truyện Kiều, và thông điệp của Cụ Nguyễn Du cho giới trẻ là phải tin vào một quyền lực siêu nhiên. Chúng ta cũng nên để ý, LM Tường còn sử dụng vài lý luận Thần học quen thuộc để bài bác khoa học và tôn vinh Thượng đế. Nhưng trước hết, có lẽ chúng ta nên duyệt qua tình hình hiện nay giữa tôn giáo độc Thần Tây phương và khoa học.

Trong thế giới Tây phương, cuộc chiến giữa nền Thần học Ki Tô Giáo, một bộ môn đặt căn bản trên đức tin, và khoa học, một bộ môn đặt căn bản trên lý trí và óc suy luận của con người, đã kéo dài trong nhiều thế kỷ. Từ thất bại này tới thất bại khác, trước công luận cũng như trước pháp lý, nền Thần học Ki Tô Giáo nay đã không còn trực diện tranh luận với khoa học nữa, mà rút về những ốc đảo tôn giáo, sử dụng những phương tiện kinh tế và truyền thông để lạc dẫn và nuôi dưỡng đức tin trong đám tín đồ. (Xin đọc cuốn *Lịch Sử Cuộc Chiến Giữa Khoa Học Và Nền Thần Học Trong Ki Tô Giáo* (A History of Warfare of Science with Theology in Christendom, Prometheus Books, New York, 1993), của **White, Andrew D.**, một bộ sách hai tập dày 1000 trang, và cuốn *Nhưng Đó Có Phải là Khoa Học Không?* (But Is It Science?, Prometheus Books, New York, 1996), của **Michael Ruse** viết về cuộc tranh luận giữa thuyết sáng Tạo (Creation)

trong Ki Tô Giáo và thuyết Tiến Hóa (Evolution) trong Khoa Học). Nhưng không phải là các nhà bảo thủ tôn giáo (fundamentalist) không còn ảnh hưởng trên xã hội. Gần đây, ở Kansas, ủy ban giáo dục tiểu bang, dưới áp lực của thế lực Ki Tô Giáo địa phương, đã quyết định bỏ từ Tiến Hóa (evolution) trong chương trình học của học sinh và thay vào đó bằng "Sự thay đổi theo thời gian," vì Tiến Hóa hàm ý bác bỏ Sáng Tạo. Quyết định này đã gây nên phản ứng mạnh mẽ trong mọi giới trên toàn quốc. Một phản ứng rõ rệt nhất là ở tiểu bang New Mexico. Để đề phòng tôn giáo "thừa thắng xông lên," lại chen vào giáo dục đại chúng, ngăn chận sự mở mang trí óc của giới trẻ, tiểu bang New Mexico, với số phiếu 14 - 1, ra quyết nghị cấm không cho dạy thuyết sáng tạo (creation) trong các trường học vì thuyết này thuộc về đức tin, không dựa trên dữ kiện (data) và sự kiện (facts), những tiêu chuẩn lập thuyết của khoa học, cùng khẳng định duy trì thuyết tiến hóa trong học trình của học sinh. Tiểu bang Illinois cũng xác định lại: quyền dùng từ Tiến Hóa là thuộc quyền của các giáo sư trong các trung tâm giáo dục địa phương.

Trên thế giới, cuộc chiến giữa "sáng tạo" và "tiến hóa" thực ra đã ngã ngũ từ lâu, nhưng những nhà bảo thủ tôn giáo vẫn cố gắng dựa vào ưu thế kinh tế và đám đông tín đồ để toan tính dẹp bỏ lý trí, chống đối khoa học, giữ tín đồ trong vòng "càng biết ít càng tốt," với những lý luận Thần học đã mất đi tính cách thuyết phục từ lâu, ít ra là đối với giới trí thức, nhất là các khoa học gia. Cho nên, tôi không lấy gì làm lạ khi đọc thấy LM Tường viết: *"... nhưng đã đến lúc ai cũng thấy khoa học bó tay trước những vấn đề then chốt của cuộc đời..."* Tội cho Ông Nguyễn Hùng Vũ đã phải mất công khai sáng cho LM Tường về những sắc thái và đặc tính đúng của khoa học.

Thực ra, tuy không viết rõ, nhưng chủ đích của LM Tường là đưa ra một lý luận mà các nhà Thần học Thiên Chúa Giáo thường dùng: *"khoa học đã thất bại trong việc chứng minh rằng Thượng đế không hiện hữu, không giải thích được vì sao có sự sống, nên lời giải thích duy nhất và đúng nhất phải là sự hiện hữu của một Thượng đế toàn năng, toàn trí v.v..."*

Lý luận này xuyên tạc những đặc tính của khoa học, khai thác sự thiếu hiểu biết của quần chúng về khoa học cũng như về nền Thần học Ki Tô, và cũng không cần để ý đến chuyện trong dân gian có cả hàng trăm huyền thoại về sáng tạo với hàng trăm Thần Sáng Tạo (God Creator) khác nhau (Xin đọc *A History of Gods* của Karen Armstrong và *Mythology, An Illustrated Encyclopedia* của Richard Cavendish), và chính nền Thần học Ki Tô cũng đã phải thay đổi rất nhiều qua thời gian để giải thích lại quan niệm về Thần trong Ki Tô Giáo.

Thật vậy, khoa học không có mục đích chứng minh sự bất khả hiện hữu của Thượng đế . Những thực tế hiển nhiên về vũ trụ, về con người, và trăm ngàn biến cố trong xã hội loài người cũng như trong xã hội các sinh vật khác đã khiến cho con người không thể chấp nhận sự hiện hữu của một Thượng đế toàn năng, toàn trí... Mục đích của khoa học là tìm hiểu sự vận hành của những định luật trong vũ trụ. Khoa học là sự khao khát của con người trong việc tìm hiểu cặn kẽ những vấn đề trong vũ trụ. Khoa học cũng không có mục đích tìm hiểu *tại sao* (why) lại có vũ trụ, sự sống, và mọi sự vật trong vũ trụ. Cứu cánh của khoa học là tìm hiểu vũ trụ từ đâu sinh ra, sự sống bắt đầu như thế nào (how), và những sự vật trong vũ trụ vận hành theo những định luật nào. Nếu những khám phá của khoa học không phù hợp với những niềm tin trong tôn giáo thì đó không phải là mục đích của khoa học, vì những khám phá khoa học này chỉ phản ánh sự tiến bộ trí tuệ của con người nằm trong định luật tiến hóa. Khoa học chỉ trình bày những kết quả khoa học dựa trên sự thu thập các dữ kiện và suy lý của con người. Khoa học không bắt buộc ai phải chấp nhận những kết quả mà khoa học tìm ra. Do đó, khoa học không quan tâm đến sự hiện hữu hay không hiện hữu của Thượng đế. Bổn phận của tôn giáo là phải thuyết phục con người là Thượng đế hiện hữu. Điều này tôn giáo chưa làm được, vì cho tới nay, không có một lý luận Thần học hay bằng chứng nào đủ sức thuyết phục con người là Thượng đế hiện hữu. Tất cả những lý luận Thần học với mục đích chứng minh sự hiện hữu của một Thượng đế như của Thomas Aquinas, Augustine và các nhà Thần học Ki Tô Giáo trải qua nhiều thế kỷ, nay đã bị bẻ gãy trong ánh sáng của lôgic, của lý trí và khoa học (Xin đọc *Critiques of God*, Edited by Peter A. Angeles). Thực tế là, khoa học đã văn minh hóa tôn giáo rất nhiều và sử sách đã ghi lại nhiều sự thay đổi trong đức tin tôn giáo, phù hợp với sự tiến bộ trí thức của nhân loại.

Tòa Thánh Vatican đã công nhận sự sai lầm Thần học trong vụ án Galilei (1992), công nhận thuyết Big Bang (1981), thuyết Tiến Hóa (1998), phủ nhận sự hiện hữu của Thiên đường và Địa ngục (1999) như giáo hội thường rao giảng trong gần 2000 năm nay v.v... đã chứng minh thực tế trên. Tôi xin lấy thêm hai thí dụ.

Thứ nhất, một cuộc thăm dò ý kiến của viện Gallup năm 1993 cho biết, 45% dân Mỹ tin ở thuyết Sáng Tạo, nghĩa là tin rằng Thiên Chúa đã sáng tạo ra thế giới này cách đây mới có từ 6 tới 10000 năm, như được viết trong Thánh Kinh. Điều này không có nghĩa là chúng ta đối diện với 45% thuyết Sáng Tạo đúng, và 55% khoa học đúng. Không, chúng ta đối diện với 100% khoa học đúng và 0% cho Sáng Tạo, nếu chúng ta dùng lý trí để xét đến tổng hợp những kết quả nghiên cứu, đo lường trong vũ trụ học, địa chất học, hóa học, vật lý học, cổ sinh vật học, sinh học, sinh hóa học v.v... về nguồn gốc vũ trụ và con người. Trước những bằng chứng tràn ngập trong khoa học, chúng ta phải chấp nhận rằng vũ trụ đã thành hình từ một Big Bang cách đây trên 15 tỷ năm, trái đất đã có tuổi khoảng 4 tỷ rưỡi năm, và con người, do sự tiến hóa của các sinh thể ban khai tạo thành, đã xuất hiện trên trái đất cả triệu năm rồi. 100% là kết quả của lý trí, và 0% là sản phẩm của đức tin. Thật là thú vị khi chúng ta so sánh hai con số trên: nếu chúng ta biểu diễn tuổi thực của trái đất, thí dụ 4 tỷ rưỡi năm, bằng một đoạn giây dài 150 thước (m), thì tuổi của trái đất trong Thánh Kinh, 10000 năm, chỉ mỏng bằng một tờ giấy. Trong đức tin, phạm vi hiểu biết chỉ bằng bề dày của một tờ giấy; ngoài đức tin, kiến thức con người trải dài 150 m.

Thứ nhì, chúng ta hãy lấy một thí dụ trong Thánh Kinh. Thánh Kinh, Matthew 17: 14-21, viết:

"Khi Đức Chúa Giê su và môn đồ đã trở lại cùng đoàn dân, thì có một người đến gần, quỳ trước mặt Ngài, mà thưa rằng: "Lạy Chúa, xin Chúa thương đến đứa con trai tôi! Vì nó mắc bệnh phong điên (Kinh Thánh tiếng Việt dịch sai, Epilepsy là bệnh "động kinh" chứ không phải là phong điên), phải chịu đau đớn quá, thường bị té vào lửa, và té xuống nước. Tôi đã đem nó đến cho môn đệ Chúa, nhưng chữa không được." Đức Chúa đáp rằng: "Hỡi dòng dõi không tin và gian tà kia (chỉ các môn đồ của Chúa.TCN), *ta sẽ ở với các ngươi cho đến chừng nào? Ta sẽ nhịn nhục các ngươi cho đến khi nào? Hãy đem con đến đây cho ta." Rồi Đức Chúa Giê su quở trách Quỷ, Quỷ liền ra khỏi đứa trẻ, và từ giờ đó đứa trẻ được lành."*

Đọc đoạn trên trong Thánh Kinh các tín đồ Ki Tô chỉ thấy một điều: Chúa Giê-su có khả năng làm phép lạ đuổi quỷ ra khỏi thân người. Chỉ có điều, y học ngày nay đã xác định và chứng minh rằng bệnh động kinh tuyệt đối không phải là do quỷ ám, mà là do sự nhiễu loạn của hệ thống thần kinh làm cho con người mất đi một phần hoặc toàn bộ ý thức kiểm soát những cử động của thân thể vì trong óc thiếu chất acid glutamic, gây nên sự run rẩy hoặc co quắp thân thể, chân tay. Cho nên, chuyện Chúa chữa khỏi bệnh động kinh bằng cách đuổi quỷ ám ra khỏi thân thể con người là một chuyện phản ánh trí tuệ của Matthew, người viết Phúc Âm Matthew trong Tân Ước, trong lãnh vực y học ở một thời đại cách đây 2000 năm, cho rằng bệnh động kinh là do quỷ ám. Chúng ta không thể trách Matthew được, vì nguyên nhân của bệnh động kinh, con người mới biết rõ gần đây, trong thế kỷ 20, và ngày nay các bác sĩ thường chữa bệnh động kinh bằng thuốc hoặc châm cứu để cho hệ thống thần kinh được ổn định và tìm cách gia tăng lượng acid glutamic trong óc.

Với những công nhận và phủ nhận của Tòa Thánh, và qua hai thí dụ trên, chúng ta thấy rằng khoa học đã văn minh hóa tôn giáo rất nhiều, qua nhận định rất đúng của ông Nguyễn Hùng Vũ: *"Những thành quả của những khám phá khoa học trong thế kỷ 20 (và trong các thế kỷ trước. TCN) đã chinh phục được thiên*

Tìm đọc những tác phẩm của
TRẦN DOÃN NHO
Cây bút đa dạng, tài hoa với *truyện*,
sâu sắc trong *tiểu luận*,
dày dạn trong thể loại *ký*
- **Vết xước đầu đời** *(truyện)*
- **Căn phòng thao thức** *(truyện)*
- **Viết và Đọc** *(khảo luận)*
- **Loanh quanh những nẻo đường** *(ký)*
VĂN NGHỆ tổng phát hành
Tel: (714) 527- 5761

nhiên, thắng được bệnh tật, đói khát, chận đứng nạn nhân mãn," những điều mà các nhà truyền giáo đều cho đó là ý Chúa.

Điều đáng nói là, trong thế giới ngày nay, những người tìm sự cứu rỗi trong đức tin (salvation by faith) vẫn còn cho rằng hai chữ Thượng đế có thể giải thích tất cả mọi sự ở trên đời. Năm 1930, trong một bữa tiệc, khi nâng ly chúc tụng Albert Einstein, cha đẻ của thuyết Tương Đối, đại văn hào George Bernard Shaw đã phát biểu một câu rất ý nhị như sau:

"Niềm tin vào Thượng đế giải thích được mọi sự trong vũ trụ vật chất, do đó chẳng giải thích gì cả... Tôn giáo (độc Thần) bao giờ cũng đúng. Tôn giáo giải đáp mọi vấn đề và như vậy hủy bỏ mọi vấn đề trong vũ trụ... Khoa học đối ngược hẳn lại. Khoa học bao giờ cũng sai. Khoa học không bao giờ giải đáp một vấn đề mà không tạo ra thêm mười vấn đề."

(Belief in God explains everything about the material universe, therefore it explains nothing...Religion is always right, Religion solves every problem and thereby abolishes problems from the universe.... Science is the very opposite. Science is always wrong. It never solves a problem without raising ten more problems.

(George Bernard Shaw in a toast to Einstein at a black- tie banquet in 1930))

Để thay cho lời kết, tôi cho nhận định sau đây của nhà Vật Lý học Paul Davies có lẽ thích hợp hơn cả:

"Phải viện tới Thượng đế như là một sự giải thích bao trùm những điều không giải thích được là làm cho Thượng đế trở thành thân hữu của vô minh. Nếu có thể tìm thấy Thượng đế, thì đó là phải qua những gì mà chúng ta khám phá ra về thế giới, chứ không phải nơi những gì chúng ta chưa khám phá ra nổi."

(To invoke God as a blanket explanation of the unexplained is to make God the friend of ignorance. If God is to be found, it must be through what we discover about the world, not what we fail to discover).

Nhận định này có nghĩa: Thượng đế chính là trí tuệ con người nằm trong định luật tiến hóa.●

SÁCH MỚI

Hãy tìm đọc

PHẢN TỈNH, PHẢN KHÁNG, THỰC HAY HƯ

của **MINH VÕ**

phát hành cuối tháng Mười 1999

để xem tác giả trả lời các câu hỏi sau đây:

- **Trần Độ chống đảng hay muốn cứu đảng?**
- **Trần Đức Thảo có bị đầu độc không?**
- **Bùi Tín Thành Tín hay Bội Tín Thất Tín?**
- **Linh mục Chân Tín có sám hối không?**
- **Dương Thu Hương vướng lưới tình hay sa bẫy điệp viên?**

Và nhiều câu hỏi khác về ông Hồ Chí Minh, về xã hội chủ nghĩa của Mác, về cuộc chiến tranh quốc cộng trong ba thập kỷ... Sách dầy 650 trang, nói về 60 nhà trí thức, văn nghệ sĩ và cán bộ cộng sản thất sủng, bất mãn, phản tỉnh, phản kháng. Giá 28 MK. Ngoài châu Mỹ giá 35 MK.

Liên lạc với THÔNG VŨ

qua E-mail: thonghvu@netzero.net * **Fax: (858) 509-7263**

KHÓC ĐI EM, KHÓC NỮA ĐI EM...

NGUYỄN VĂN TUẤN*

Nói đến khóc làm tôi nhớ tới một "kỷ niệm" lúc mới sang Úc định cư vào năm 1982. Lúc bấy giờ, ông Malcolm Fraser, đương kim thủ tướng, bị thất cử; ông xuất hiện trên ti vi để tuyên bố từ chức và cám ơn những cảm tình viên, những người đã ủng hộ ông. Nói một lúc, đột nhiên, ông ta vừa khóc [ra nước mắt hẳn hoi], vừa than một câu mà sau này thành mẩu quảng cáo của nhiều công ty, "Life isn't meant to be easy." (Tất nhiên, lúc đó thì tôi chẳng hiểu câu đó có nghĩa là gì cả). Tuy nhiên, vì đã quen với quan niệm "nam nhi chi trí," nên hình ảnh của một vị nguyên thủ quốc gia khóc trên ti vi quả là quá mới lạ đối với tôi. Từ đó, tôi đã có chủ tâm tìm hiểu tại sao một "người hùng" như thế mà lại rơi nước mắt.

Và vì thế tôi rất thích tìm hiểu những gì có liên quan tới tâm lý - y học. Thành ra, cách đây vài tuần, khi được hỏi có muốn làm "trọng tài" cho một bài báo có tựa đề là "Human tears and psycho-physiological therapeutic values," tôi không thể nào từ chối được. Qua việc làm này, tôi mới biết được khóc và nước mắt là một đề tài nghiên cứu khá qui mô trong giới chuyên về tâm lý học và dĩ nhiên là giới nhãn khoa. Nhưng theo tôi, giới tâm lý học có nhiều ý tưởng hấp dẫn, hay và lạ hơn giới nhãn khoa. Vả lại, những gì giới tâm lý học nghiên cứu và suy nghĩ có vẻ gần gũi và tình cảm hơn giới làm khoa học thuần túy. Đọc xong những bài nghiên cứu về khóc và nước mắt, tôi có ý định tóm gọn vài ý chính để nhớ, và bài tản mạn này là cái tóm lược đó.

Nói đến khóc là phải đề cập đến sản phẩm của nó, tức là nước mắt. Nhưng cần phải phân biệt hai loại nước mắt mà tôi tạm đặt tên là "trần lệ" và "cảm lệ." Trần lệ là loại nước mắt tiết ra do sự khuấy nhiễu của bụi bặm hay các vi vật (tiếng Anh gọi là reflective tears). Cảm lệ là loại nước mắt tiết ra do tác động bởi cảm tính (emotional tears). Giới nhãn khoa thường nghiên cứu trần lệ, trong khi đó cảm lệ là đối tượng nghiên cứu của giới tâm lý học. Trong bài này, tôi chỉ bàn về cảm lệ.

Nhưng nói nước mắt là đề tài riêng biệt của hai giới khoa học trên thì cũng không hẳn đúng. Đã từ lâu, nước mắt là một đối tượng và thậm chí một công cụ của các nghệ sĩ. Đối với phần đông giới văn nghệ sĩ, khóc là một biểu hiện của phiền muộn, đau khổ, cho nên dùng nước mắt để thêm mắm thêm muối vào văn chương là một biệt tài của các văn sĩ. Hầu như trong bất cứ cuốn tiểu thuyết nào, nhà văn luôn luôn cho một nhân vật (thường là nữ) khóc để làm cho câu chuyện thêm lâm ly bi đát. Muốn cho câu chuyện tăng tính cải lương, tác giả còn thêm vào cái môi trường chung quanh cho u sầu chút, chẳng hạn như cho nhân vật đó phải khóc trong một đêm mưa gió bão bùng (kiểu "một đêm vừa gió lại vừa mưa"), hay vào mùa thu, làm như trời đất cũng thống khổ với nỗi niềm của nhân vật. Nói đến khóc và nước mắt mà không đề cập tới thi thơ là một thiếu sót lớn. Mặc dù quan niệm khóc là biểu hiện của buồn bã, các thi sĩ lại thấy nước mắt là những "giọt châu lã chã," là "nước mắt ngà." Có lẽ do nhận thấy được cái hư ảo, cảm được cái vô lương và nghe được sự yên lặng của vô thủy, vô chung, cho nên các thi sĩ có vẻ mộng mơ hơn các văn sĩ nhiều, họ ví von [và phong phú hóa] nước mắt bằng đủ thứ mỹ từ cao sang, đẹp đẽ để cho người đọc cảm thấy khóc và nước mắt không hẳn là biểu hiện của buồn khổ, mà là một biểu tượng lãng mạn, là một phương tiện giải tỏa những bức xúc của

tâm hồn.

Nhiều khi chữ nghĩa không có tác động mạnh mẽ bằng hình ảnh. Thành ra, để cho bức họa thêm phần mỹ cảm, các anh chị họa sĩ bèn chấm phết cho người trong những bức họa (thường là một cô gái gầy gò một cách bệnh hoạn) một giọt lệ hay làm cho mắt nàng ngấn lệ. Người xem tranh cũng thấy ít nhiều xốn xang. Để sinh động hóa những bức họa này, các nhà đạo diễn phim tận dụng cái khóc và nước mắt còn hơn các họa sĩ để làm cho tác phẩm của họ gần gũi với quần chúng hơn. Tôi đã chứng kiến nhiều khán giả, nhất là phái nữ, khóc sướt mướt theo diễn viên khi xem những phim tình cảm như Cuốn Theo Chiều Gió (Gone with the wind) và Con Chim Gai (The Thorn Bird.) Nước mắt có công hiệu làm cho người diễn viên và khán giả gần gũi và cảm thông nhau hơn. Và một trong những phương tiện cảm thông là qua âm thanh. Do đó, trong nhạc cũng có vô số những bài ca nói về khóc và nước mắt. Từ đơn giản "Nước mắt rơi," ông Phạm Duy còn tả "Nước mắt mùa thu" (lại mùa thu!). Có lẽ vì "thương quá Việt Nam" như ông Phạm Thế Mỹ, nên ông Trịnh Công Sơn viết bài "Nước mắt cho quê hương"; nhạc sĩ Từ Công Phụng cũng để lại cho đời những "Giọt lệ cho ngàn sau"; anh Đức Huy thì nhớ nhà đến nỗi phải "Khóc một giòng sông" khi xa quê, xa Sài Gòn, v.v. Kể không hết được. Nhưng hình như giới nhạc sĩ có cái nhìn về nước mắt thực tiễn hơn các đồng nghiệp nghệ sĩ khác. Với họ, khóc là một biểu hiện của một sự buồn đau, nhưng khóc và nước mắt cũng là một phương cách giải tỏa những nỗi đau buồn thầm kín, những mất mát của một cuộc tình. Trong một bài không tên, ông Vũ Thành An viết "Khóc cho quên đi những nhục hình." Và cũng trong ý nghĩ đó, một bài nhạc xưa lắm rồi [mà tôi đã quên tên] có đoạn:

Khóc đi em, khóc nữa đi em
Khóc để rồi quên một cuộc tình buồn.

Đại khái như thế. Nhưng ngày xưa, lúc chưa biết gì, tôi ngạc nhiên lắm, và nghĩ là ông nhạc sĩ này thật là kỳ lạ, đã không chịu vỗ về "nàng" đang khóc mà còn bảo là cứ khóc, khóc nữa đi! Ngày nay, đã lớn lên chút và có dịp học hỏi vài điều về nước mắt tôi mới thấy lời nhạc trên đây cũng có lý lắm. Khóc có giá trị trị liệu tâm sinh lý, chứ không hẳn chỉ để vơi nỗi buồn hay thất tình.

Tiếng khóc là âm thanh đầu tiên khi ta mới chào đời. Có lẽ vì hiện tượng này mà có nhà thơ đã ám chỉ đau khổ bắt đầu ngay từ lúc ta mới sinh ra:

Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra!

Thực ra, trong đầu thế kỷ này, có nhiều ý kiến trong giới y khoa cho rằng trẻ em sơ sinh có khóc nhưng nước tiết ra ở mắt không phải là cảm lệ. Tuy nhiên, trong một bài báo nghiên cứu quan trọng công bố trên tờ Journal of the American Medical Association (JAMA) năm 1964, hai tác giả Apt và Cullen đã chứng minh rằng trẻ em khóc ra nước mắt ngay từ lúc mới sinh. Thực vậy, khóc còn là một ngôn ngữ của trẻ em chưa biết nói. Đối với trẻ em, trong khi chưa nói được, khóc luôn luôn là một phương tiện liên lạc và thông tin có tác động mạnh mẽ nhất. Cha mẹ nào mà chẳng phải khốn đốn, lo chạy có cờ mỗi khi nghe con mình khóc. Theo các nhà nghiên cứu tâm lý, những thay đổi về cường độ, tiết tấu, thời gian khóc, lưu lượng nước mắt, và âm thanh khi trẻ em khóc đều mang nhiều ý nghĩa và yêu cầu khác nhau. Theo một nhà sinh lý học, trẻ em khóc vì đói khát có cường độ khóc khác với trẻ em khóc vì đau đớn cơ thể.

Đối với phụ nữ, nước mắt vẫn là một vũ khí cực kỳ lợi hại, vừa bảo vệ mình vừa có tính thuyết phục giới đàn ông vô cùng công hiệu. Đấng trượng phu nào mà chẳng xiêu lòng, và có khi còn quì gối ôm tay nàng như thần dân trước công chúa mỗi khi mỹ nhân rơi lệ. Mà, thực vậy, ngay cả những đàn ông có quyền thế, ngay cả các anh hùng hảo hán hét ra lửa, mửa ra khói, có trái tim sắt đá cỡ nào đi nữa, cũng phải cuối đầu trước nước mắt của đàn bà phụ nữ, cho dù là nước mắt của kẻ thù! Nhiều câu truyện cổ tích lịch sử đã cho thấy nước mắt phụ nữ có thể làm đảo điên chế độ, thay đổi vận mệnh quốc gia như bỡn!

Về khóc, xã hội Đông Tây nói chung có "thành kiến" với đàn ông con trai, và cảm tình với phái yếu. Cái khóc của đàn bà con gái thường được đề cập tới bằng những ngôn từ có tính hoa mỹ, thông cảm, nhẹ nhàng như "nhỏng nhẻo," "tội nghiệp," "nũng nịu," "dễ thương," v.v. Nhưng đàn ông con trai mà rơi lệ thì lại mang những nhãn hiệu có tính cách chê bai, mỉa mai như "mít ướt," "yếu lòng," "đàn bà tính"... làm như khóc là một đặc tính của giới nữ không bằng! Thực ra, đàn ông cũng thỉnh thoảng khóc như mưa, nhưng rất ít. Tôi cho rằng cái thành kiến này đã cướp đi cái nguồn an ủi lớn nhất của đàn ông con trai, và

biết đâu cũng là một trong những nguyên nhân làm cho họ, vốn được coi là phái mạnh, chết sớm hơn phái nữ, luôn được coi là phái yếu.

Ai cũng biết khóc là một đặc tính của con người. Thực ra, khóc là một trong những đặc điểm làm cho con người khác với thú vật vốn không biết khóc. Nhưng câu hỏi đầu tiên mà tôi nghĩ ai cũng muốn được trả lời là tại sao người ta khóc, và cái gì trong cơ thể con người sản xuất ra nước mắt. Các nhà tâm lý học giải thích rằng mỗi khi bị kích thích bởi nỗi sầu khổ, buồn nản, chán chường, tuyệt vọng, giận dỗi, hay nỗi vui mừng, hân hoan cực độ, quá khả năng chịu đựng của cơ năng, cơ thể con người bèn đáp ứng với những tình thế căng thẳng này bằng cách giải thoát sinh lực (energy). Khóc là một hình thức giải thoát này. Nguyễn Bính chẳng từng viết "Đêm qua nàng đã chết rồi; nghẹn ngào tôi khóc... Quả tôi yêu nàng" là gì? Một giải thích khác có vẻ trừu tượng hơn rằng khi hệ thống hằng định nội môi (homeostasis) trong cơ thể bị mất cân bằng do xúc động, và trong lúc quá độ này, cơ năng không đáp ứng kịp thời bằng lời nói hay suy nghĩ, khóc làm cho hệ thống này cân bằng lại. Nói tóm lại, sự phiền muộn, vui mừng hay căng thẳng là một tín hiệu của cơ thể báo cho con người biết rằng "Hey, có vấn đề," và con người cần phải giải quyết vấn đề này. Khóc là một trong những phương cách giải quyết vấn đề. Thật là kỳ diệu khi cơ thể con người có một bộ máy giải mã tự động như thế!

Quá trình khóc chảy nước mắt (tiếng Anh gọi là lacrimation) cũng rất ư là lý thú. Hệ thần kinh chi phối quá trình chảy nước mắt. Như ai cũng biết, thần kinh sọ của con người có 12 đôi thần kinh phát xuất từ não (đôi số I kiểm soát khứu giác; II thị giác; III vận động nhãn; IV cảm động; V sinh ba; VI vận nhãn; VII mặt; VIII sọ não; IX thiệt hầu; X phế vị; XI tủy sống; và XII hạ thiệt). Đôi dây số V và VII là bộ máy điều khiển lưu lượng và thời gian khóc của con người. Sợi thần kinh (nerve fibre) của đôi dây thần kinh số VII được cấu tạo từ nhân lệ (lacrimal nucleus). Do đó, khi được "lệnh" từ hệ thần kinh, cùng một lúc, dây thần kinh số VII liền sản xuất nước mắt, và dây số V làm ra lệnh tiếp cho các cơ bắp trên khuôn mặt vận động làm thay đổi một cách rất ư là nhanh chóng và thê thảm. Sau khi tuyến lệ tiết ra nước mắt, nước mắt chảy đi qua các lỗ nhỏ (điểm lệ) ở góc mắt phía trong vào hai ống lệ. Từ đó, nước mắt sẽ chảy vào xoang mũi qua túi lệ (lacrimal) và ống mũi lệ (nasolacrimal duct). Và cuối cùng là... khóc.

Tiếng Việt ta có thành ngữ "nước mắt cá sấu" để chỉ những kẻ lòng dạ thiếu thành thật. Nhưng tôi thì lại chú ý cái hiện tượng lạ là con cá sấu, sau khi nuốt chửng con mồi, khóe mắt nó lại tuôn chảy nước mắt. Nó khóc cho số phận con mồi không may mắn hay là sung sướng vì đã no bụng? Chưa ai biết được lý do sinh học đằng sau cái hiện tượng kỳ lạ này, nhưng có nghiên cứu cho thấy quá trình "khóc" của cá sấu khác với con người. Theo một nghiên cứu duy nhất công bố cách đây 27 năm thì nước mắt cá sấu là do kích thích từ nước dãi (saliva), chứ không phải do kích thích của cảm tính (emotion). Nhưng nước mắt cá sấu thường là nước mắt "đơn phương," tức là chỉ chủ yếu "khóc" có một mắt. Ngoài ra, cái đáng kể khác là nước mắt cá sấu được điều khiển bởi hai đôi dây thần kinh số VII và số IX. Tuy nhiên, cũng như con người, trước khi khóc, cá sấu cũng bị dây thần kinh số V làm thay đổi nét mặt.

Người ta thường hay nghĩ rằng phái nữ khóc nhiều hơn phái nam, nhưng ý nghĩ này

không hoàn toàn đúng với thực tế. Theo một nghiên cứu năm 1972, ở độ tuổi còn bú sữa, trẻ em nam khóc nhiều hơn trẻ em nữ, và động cơ khóc cũng khác nhau. Trong độ tuổi này, trẻ em nam khóc thường do cảm thấy không an toàn, sợ sệt, trong khi đó động cơ làm cho trẻ em nữ khóc là đau đớn cơ thể. Nhưng khi ở độ tuổi trung và đại học thì các nàng khóc nhiều hơn, lâu hơn và cường độ mạnh hơn các chàng tới ba lần. Khi về già, phụ nữ cũng khóc nhiều và lâu hơn đàn ông, nhưng cường độ thì không khác nhau bao nhiêu. Để giải thích cho sự khác biệt này, các nhà tâm sinh lý học đo độ oestradiol và so sánh với số lần khóc và dung lượng nước mắt. Họ tìm ra rằng độ tương quan giữa oestradiol và dung lượng nước mắt cao hơn giữa oestradiol và số lần khóc. Nói cách khác, phụ nữ có nhiều hormone nữ tính này khóc nhiều hơn, và mỗi lần khóc, nước mắt cũng nhiều hơn phụ nữ có ít oestradiol. Vì oestradiol là một hormone chính của oestrogen, nên sự khám phá trên cho thấy rằng ở mức độ lâm sàng và tâm lý, oestrogen có thể chi phối đến khóc.

Thế thì câu hỏi được đặt ra là trong nước mắt có gì, có oestrogen không? Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du có nhắc đến "khóc" ít nhất là 12 lần, nhưng "nước mắt" và "lệ" chỉ bảy lần. Trong các câu có những chữ này, tôi để ý nhất câu:

Thẩn thờ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao

Nếu hiểu "máu" là tập hợp hormones, enzymes và hoá chất, tôi cho rằng câu thơ trên cũng thể hiện khá chính xác về sinh lý của nước mắt. Mặc dù vậy, tôi vẫn nghĩ khi viết câu "Máu theo nước mắt," chắc Tiên Điền tiên sinh không có ý tưởng khoa học khoa hiếc gì đâu.

Khoa học cho biết trong nước mắt có chứa lysozyme, một enzymes cũng được thấy trong nước miếng và trứng gà. Nhưng gần đây, theo phân tích của các nhà nghiên cứu y khoa, nước mắt có vài enzymes khác và nhiều thành phần hóa học nữa. Trong các enzymes, nước mắt có chứa peroxidase và amylase, những enzymes trợ giúp bộ phận tiêu hóa của cơ thể. Trong các proteins, nước mắt có immunoglobin A, lactoferrin, và albumin. Nước cũng có chứa những khoáng chất như calcium và magnesium. Quan trọng hơn là hormones; nước mắt có khá nhiều: IL-1 alpha (khoảng 11 pg/ml), IL-1 beta (13 pg/ml), IL-6 (226 pg/ml), IL-8 (731 pg/ml). Nhưng điều lý thú là thành tố hóa chất trong "trần lệ" khác với thành tố hóa chất trong "cảm lệ." Trong cảm lệ, tức nước mắt khóc vì cảm động, có số lượng proteins cao hơn "trần lệ" (nước mắt do bụi bặm làm ngứa mắt gây ra) tới 24%. Nhưng trong trần lệ thì không thấy có hormones IL-1 beta, mà có rất ít các hormones khác như IL-1 alpha (9.3 pg/ml), IL-6 (12 pg/ml) và IL-8 (276 pg/ml.)

Những hóa chất này có ảnh hưởng gì đếm tâm sinh lý? Lysozyme là một loại "dao" (enzyme) có khả năng phá vỡ bức tường tế bào và tiêu diệt vi khuẩn. Còn Lactoferrin thì có nhiệm vụ ngăn ngừa không cho vi khuẩn tăng trưởng và phòng chống nhiễm trùng. Albumin, một protein thông dụng và có nhiều nhiệm vụ khác nhau, trong đó có chức năng kiểm soát điều tiết nước, chuyên chở các chất bổ vào tế bào và chở các chất thải ra khỏi tế bào. Phần đông các hormones interleukin (tức IL) có chức năng chính trong việc phòng chống phỏng (inflammation). Nhưng gần đây, một nhóm nghiên cứu y khoa ở trường Penn State đã phân tích lại khoảng 10 hormones thuộc nhóm IL và họ kết luận rằng những hormones này cũng là những "markers" cho sự xúc động căng thẳng (emotional stress) và mầm mống của nhiều bệnh tật khác.

Nếu thuyết trên đây đúng thì nói một cách khác, trong khi khóc, cơ thể con người tự đào thải những hóa chất phiền muộn! Mà thực vậy, theo các nhà tâm lý học, về mặt tâm lý, sau khi khóc, người ta cảm thấy thoải mái hơn và có năng lực hơn để đối phó với những căng thẳng đã làm cho người ta khóc. Về hiệu quả sinh lý, khóc làm giảm nhịp tim, giảm mức độ tiêu hao oxygen, và giảm sự căng thẳng của cơ bắp. Thành ra, khóc có hiệu quả hết sức thiết thực là đem lại sự bình thường hóa của tâm sinh lý. Trong thực tế, ngày xưa trong y học cổ truyền, nước mắt được coi là một loại *popular anaesthetic* hay là một loại thuốc gây mê dân dã. Có lẽ nhận ra giá trị trị liệu này, nên trong những năm đầu thế kỷ này và ngay cả ngày nay, giới y tá thường khuyến khích bệnh nhân khóc mỗi khi đương đầu với những căn bệnh ngặt nghèo hay cần giải phẫu.

Nước mắt còn có thể là liều thuốc chữa những vết thương ngoại nữa. Hơn 50 năm về trước, có người đã chứng minh sự liên quan

giữa số lần khóc và tốc độ phục hồi cơn bệnh; người hay khóc có thời gian lành bệnh thường nhanh hơn người không hay khóc. Hiệu quả này cũng được ghi nhận trong các chú chuột. Trong một thí nghiệm được công bố trên một tạp san nghiên cứu về sinh học thần kinh, một nhóm nghiên cứu bên Úc đã phát hiện ra nước mắt còn là một phương thuốc chữa những vết thương. Họ cắt một vết nhỏ trên da một nhóm chuột; sau đó trong số phân nửa nhóm chuột này, họ nhỏ vào mắt chúng một chất kích thích làm cho chúng khóc ra nước mắt, trong khi phân nửa nhóm kia không được kích thích. Kết quả cho thấy vết thương của các chú chuột "mít ướt" được lành mau hơn các chú chuột không khóc tới 12 ngày. Nhóm nghiên cứu này bèn thử nghiệm một giả thuyết đảo ngược: họ cho chất kích thích để làm cho các chú chuột khóc hết nước mắt, sau đó làm cho chúng bị chút thương ngoài da. Kết quả hoàn toàn ngược lại, tức là vết thương dễ bị nhiễm trùng. Họ suy luận rằng trong nước mắt có một hormone "huyền bí" nào đó có tác dụng trị liệu các vết thương ngoài da.

Như vậy, khóc rất có lợi cho sức khỏe. Và nếu thuyết này đúng thì những ai không khóc hay cố tình ngăn giòng nước mắt phải có nhiều "vấn đề" sức khỏe. Quả vậy, theo nghiên cứu lâm sàng trong thập niên 70, những người không khóc có nguy cơ bị những bệnh như loét (ulcers), viêm kết tràng (colitis), nhức đầu (migraine headaches), và những bệnh có tính psychosomatic (tâm thần cơ thể) cao hơn những người hay khóc. Về mặt tâm lý, người không khóc cũng thường gặp trở ngại khi đối phó với các tình huống căng thẳng. Những quan sát này cũng phù hợp với nhiều nghiên cứu cho thấy những phụ nữ cố kiềm hãm lại sự giận hờn có tỷ lệ bị bệnh tim cao hơn những phụ nữ cùng tuổi nhưng chịu thổ lộ ra một cách xây dựng. Một giả thuyết đáng tin cậy để giải thích cho hiện tượng này là khi người ta nằm trong một môi trường gây cấn, căng thẳng, và trong khi chưa hay không hóa giải được, trung tâm thần kinh liên quan tới cảm tính dần dần bị "hư hỏng." Và khi trung tâm này bị hỏng, nó bèn gửi đi những tín hiệu sai lầm cho các cơ quan vận hành điều tiết trong cơ thể, và gây ra rối loạn trong cơ thể, tức là bệnh tật. Nếu xem khóc và nước mắt là một "marker" của sự căng thẳng tâm thần, thì có thể nói một cách khác rằng bệnh tật không những là hậu quả của những rối loạn hệ thống nội tiết trong cơ thể, mà còn bị chi phối bởi sự hệ thống tâm thần.

Nhưng trong nhiều thập niên qua, có thể nói thế giới y khoa chính thống (mainstream medical science), đặc biệt là ở phương Tây, đã tập trung quá nhiều năng lực vào việc nghiên cứu phần thể (hay "soma"), mà bỏ qua một phần khác cũng không kém phần quan trọng là phần tâm (hay "psycho") của con người. Ngày nay, với tiến bộ và giao lưu giữa các bộ môn nghiên cứu như nội tiết, di truyền học, tâm lý học, và cơ thể học đã làm thay đổi nhiều quan niệm về y khoa và cách chữa trị một cách có hệ thống. Sự thành công của chữa trị ngày nay không chỉ đơn thuần phản ảnh qua vài con số thống kê về tỷ lệ lành bệnh, mà còn là chất lượng cuộc sống (quality of life) của bệnh nhân. Sứ mệnh của người thầy thuốc hiện đại, do vậy, không những chỉ đơn thuần chinh phục con bệnh mà còn nâng cao sự an lành (inner peace) của bệnh nhân.

Có người đã cho rằng ở các nước phương Tây, những nơi mà nhà ai nấy ở và cửa đóng kín mít, con người sống trong một môi trường tương đối cô lập và thiếu cái mà tôi gọi là "human interaction," tức là sự liên đới, có qua có lại giữa con người. Mặt khác, trong mỗi con người bình thường (không phải siêu nhân - superman) đều có một mức độ giới hạn trong sự chịu đựng những gì con người có thể cảm và nhận. Đi quá hay cố gắng đi quá mức độ giới hạn này cũng là đồng nghĩa với tự chuốc lấy đau khổ, phiền muộn. Do đó, thiếu sự "có qua có lại" không những dẫn đến tình trạng bị đè nén, bế tắc những xúc cảm mà còn gây ra bệnh tật.

Thành thử, ngược lại với những quan niệm cổ xưa ở Á Đông ta cho nước mắt là biểu hiện của sự yếu đuối, ngày nay nước mắt được xem có nhiều công dụng hết sức thực tiễn và thiết thực. Vậy thì, mỗi khi thất tình, có chuyện buồn, hay đau đớn [cả về tâm thần lẫn thể xác] quá sức chịu đựng thì quí độc giả hãy bỏ ngoài tai bài nhạc "Đừng khóc nghe em," mà cứ khóc, khóc thoải mái. Và nếu một ngày nào đó, "người tình trên đồi cỏ non" của quí vị có điều gì đó cần phải khóc, thì nhân danh sức khỏe và tình thương nhân loại, quí vị cứ thản nhiên nói:

Khóc đi em, khóc nữa đi em...
À quên, cũng có thể nói rằng:
Khóc đi anh, khóc nữa đi anh...

* Tiến sĩ Nguyễn Văn Tuấn, Đại học Wright, Ohio.

"BUÔNG MẠ RA!"

TIỂU QUYÊN

Đó là ba tiếng thì thào bà mẹ quê năn nỉ con dâu trước khi cắn vào tay cô để cho dòng nước lũ cuốn mình đi, hầu mong con cứu được cháu nội. Chị Viêng tức tưởi khóc, kể chuyện cho một nhà báo khi anh ta tình cờ bị kẹt tại miền Trung trong mấy ngày bão lụt khủng khiếp vừa qua.

Theo bài báo của ký giả Nguyễn Quang Vinh (Sài Gòn), chị Viêng cho biết gia đình chị có căn nhà nhỏ tại xã Cảnh Hòa, (huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình)... TQ mấy ngày nay bị cuốn vào những tin tức của cơn đại hồng thủy đầu tháng 11 tại Trung Việt, thường tưởng tượng ra cảnh cái đêm 1/11 hãi hùng đó: Khi cơn mưa xối xả bắt đầu đổ xuống và nước sông bắt đầu dâng lên, thì anh Viêng phải đi lo giữ mấy cái lưới cá, chắc ở ngoài ruộng. Trong nhà chỉ còn bà mẹ chồng, gần 80 tuổi, chị Viêng và đứa con bốn tháng. Mưa sầm sập và nước lũ dâng lên thật nhanh, nhanh chưa từng có. Trên mưa dưới lũ, cái đập của xã bị bể, nước ào ạt, xông xáo vào mọi góc nhà. Căn nhà rung chuyển rồi bị nước lũ nhấc bổng lên. Chị Viêng cùng bà mẹ chồng và đứa con bốn tháng bị nước lũ phăng phăng lôi theo cùng bao vật dụng trong nhà. Một tay nắm lấy mẹ chồng, một tay bồng con, chị Viêng cố ngoi ra khỏi các chướng ngại vật, lội ngược dòng tới chỗ an toàn. Nhưng "cơn hồng thủy" vô tình vẫn xô đẩy, cuốn phăng ba người ra phía sông. Bà mẹ chị sau nhiều phút quần thảo với nước lũ thì kiệt lực.

Tình cảnh ba bà cháu cũng giống như trong truyện "Anh phải sống" của Nhất Linh và Khái Hưng, khi hai vợ chồng quê vớt củi bị đắm thuyền, phải cố sức bơi vào bờ. Bà vợ bị kiệt sức và thấy chồng cũng bắt đầu đuối vì phải vừa bơi vừa dìu mình thì đã năn nỉ chồng "Anh phải sống, anh ráng sống nuôi con" rồi buông tay, trôi theo dòng nước để ông chồng còn đủ sức bơi vào bờ mà tiếp tục chăm sóc đàn con...

Bà mẹ quê nghèo miền Trung Việt Nam ngày nay cũng đã năn nỉ con dâu buông tay ra để cứu lấy cháu dại: "Buông mạ ra, buông ra!"... Chị Viêng càng nắm mẹ chồng chặt hơn. Nhưng bà cụ nhanh trí, ghé miệng xuống cắn tay chị Viêng. Bị đau bất ngờ, chị nới lỏng tay ra, và bà cụ bị cuốn ngay vào dòng nước đang cuồn cuộn xô tới. Chị Viêng kể lể và khóc lớn hơn "Nhưng mà, sau đó, tôi nào có giữ được con đâu! Nó cũng bị cuốn vô dòng nước luôn rồi! Thật là tội nghiệp cho hai bà cháu, trời ơi là trời!" Nhà báo cho biết, xác của mẹ anh Viêng tấp vào mé sông của làng kế bên, dân làng đã vớt lên được. Nhưng không thấy bài báo nhắc gì tới anh Viêng!

Đọc những tin tức về lũ lụt ngày càng nhiều kể từ ngày 2/11 tới nay (giữa tháng 11/99), tôi thật đau lòng mỗi khi thò tay vặn sưởi cho đỡ lạnh. Khí hậu miền nam California mùa này bắt đầu giá lạnh vào buổi tối, nhưng thấm tháp gì với cái lạnh của những nạn nhân lũ lụt miền Trung Việt Nam? Bỗng chốc mất hết nhà cửa, nồi niêu, bàn ghế, dự trữ, mùa màng, cho tới manh quần tấm áo, chắc họ cũng chỉ còn vài cái mặc trên người. Đói và lạnh! Không biết các em bé của trường mẫu giáo Gia Môn mà chúng tôi mới thăm hôm nào nay sống ở đâu? Hơn một trăm em từ ba tới sáu tuổi đang khoẻ mạnh, vui sống bên gia đình và được tới trường bán trú ăn học cùng các cô giáo, các bạn ở nơi xa xôi ấy, ngày nay ra sao? Tình cảnh có tệ hại tới độ làm cho các em bị đói lả, bị rét quá sức chịu đựng chăng? Tin về Quảng Trị chỉ có ít dòng: nước sông Thạch Hãn dâng cao, 20 ngàn nhà dân bị ngập trong lũ, 23 người chết...

Trong bảng thống kê của chính phủ đưa ra, tôi chỉ thấy những con số vô hồn. Nhưng trường Gia Môn (thuộc huyện Gio Linh) là nơi ăn học của hơn một trăm em nhỏ dễ thương và linh hoạt, ngôi trường nhỏ bé của xứ quê nghèo nhất nhì tỉnh Qaủng Trị này, liệu có bị nước trùm lấp tới mái không? Các em bé lúc đó có đang ở trường hay chăng? Liệu tất cả các em có tới được nơi an toàn? Mong sao cho các em đã được cha mẹ bồng bế

chạy kịp vì chỉ mới dăm tuổi nhỏ như các em, làm sao từ trường nhanh chân chạy thoát được về nhà? Các em và bố mẹ, gia đình em có chút gì để đỡ đói lòng vào bữa trưa, bữa tối, suốt mấy ngày cả vùng bị chìm trong nước lụt? Liệu bà ngoại các em có phải tự trói mình vào cột nhà, để rồi bị chết ngập trong lũ, như bà cụ ở xã Lương Quán - Thừa Thiên? Liệu bà nội các em có phải cắn vào tay con dâu để buông trôi chết theo dòng nước hầu cho con đưa được cháu vô bờ, như bà cụ mẹ anh Viêng?

Hình ảnh Huế chụp từ máy bay cho thấy một cánh đồng nước trắng xoá, hình nước ngập ngang nóc nhà của Quảng Nam, Quảng Ngãi đăng dài dài trên báo chí khiến cho tôi ăn ngủ chẳng yên. Khúc đường gần Giốc Miếu ấy, nơi tôi đã ngồi trên chiếc xe lọc cọc tới lui vài buổi để vô trường Gia Môn, nơi tôi đã chuyện trò với các cô giáo cùng các anh em làm việc xã hội vài lần, chơi và hát với các em mới hè vừa qua... bỗng nhiên trở thành một chỗ thân thương. Tôi nghĩ tới Gia Môn bằng trái tim của một người dân xứ Quảng, tâm bất an khi tưởng tới những bất hạnh có thể xảy ra cho các em bé quê. Những sợi dây vô hình, từ nụ cười ngây thơ vô tội của các em, mái lá êm đềm cùng dàn hoa bầu bí vàng tươi của một gia đình hàng xóm, tới những sàng hạt tiêu xanh đang phơi nắng hè... Gia Môn vô hình chung trở thành một quê hương hiện thực của tôi lúc nào, tôi cũng chẳng hay!

Trường mẫu giáo Gia Môn chỉ có một lớp xây gạch, là nhà kho cũ của xã sửa sang lại. Còn hai lớp kia vách đất, mái tranh, thì làm sao tồn tại khi bị ngập nước nhiều ngày? Chúng tôi ký góp quyên tiền vật liệu, cha mẹ các em thì góp sức lao độạng tạo dựng ra ngôi trường ba lớp cho hơn 100 trẻ nghèo từ ba năm nay. Mỗi tháng, ngoài gạo do cha mẹ đóng góp, các em được ân nhân từ ngoại quốc tặng cho bốn mỹ kim (giá một tô phở nhỏ ở California) là đủ thực phẩm ăn trưa trong một tháng. Những mạnh thường quân từ Làng Cây Phong (Canada), nhóm Nụ Hồng (California), và nhiều cá nhân khắp nơi, cũng tặng lương cho ba cô giáo và hai cô bảo mẫu (người nấu ăn và chăm sóc các em giờ ngủ nghỉ).

Gia Môn nằm trong huyện Gio Linh, có lẽ đó cũng là huyện nghèo nhất Việt Nam thời hậu chiến. Từ thời chiến tranh Việt Pháp (1945-1954), nhạc sĩ Phạm Duy đã làm cho "Bà mẹ Gio Linh" nổi tiếng khắp nước. Bà mẹ quê tần tảo nuôi con đi kháng chiến chống Pháp, rồi con bị giặc bắt... Bài hát đã làm cho bao thế hệ phụ nữ phải rơi lệ khi nghe tiếng hát bất hủ của Thái Thanh:

"Mẹ già cuốc đất trồng khoai
Nuôi con đan1h giặc đêm ngày
Cho dù áo rách sớn vai
Cơm ăn bát vơi bát đầy...
...
Mẹ già tưới nước trồng rau
Nghe tin xóm làng kêu gào
Quân thù đã bắt được con
Đem ra giữa chợ cắt đầu
Mẹ già không nói một câu
Đem khăn gói đi lấy đầu
Đường về thôn xóm buồn teo
Xa xa tiếng chuông chùa gieo..."

Thời chiến đã khổ, nay thời bình, dân nghèo Gia Môn, nói chung là dân các xứ Quảng vẫn khổ cực trăm bề. Đói kém vì thiên tai, lũ lụt, một số dân Quảng di cư vô Nam hay ra Bắc kiếm sống. Một người bạn mới gửi điện thư cho TQ, trích một đoạn văn ngắn của bạn cô (tên Lê V.), viết như sau:

"Khi về thăm gia đình ở VN hè vừa qua, một buổi tối chúng tôi đi ăn tiệm. Ngoài cửa, tôi thấy một em bé gái chừng 9-10 tuổi, tay bồng đứa em nhỏ chừng hai tuổi, và bên cạnh là một chú em khác khoảng 5- 6 tuổi gì đó. Ba chị em đứng co ro vì lạnh ngoài hiên... Cứ mỗi lần nhìn ra, thì tôi lại thấy đôi mắt cô bé vội hướng ra phía khác, hoặc em quay mặt đi, tỏ vẻ rất bối rối... Trời mưa, ba đứa nhỏ co quíu ẩn vô hiên sâu hơn nhưng vẫn bị ướt. Chúng tôi đã mời ba đứa trẻ vô tiệm, gọi cho chúng hai phần ăn. Em gái lớn nhất đút cho hai em ăn no, rồi nó ăn chỗ còn dư. Em để nguyên một phần không đụng tới. Tôi hỏi, thì em oà khóc: 'Con xin cô phần này đem về cho mẹ con đang bị đau nặng ở nhà!' Em cũng cho biết, gia đình từ Quảng Trị vô Sài Gòn kiếm sống, bất ngờ bố bị bệnh chết, nay mẹ lại đau nặng..."

Cô Lê V. viết tiếp: "Một bữa chúng tôi dẫn các con đi ăn MacDonald ở gần nhà (bên Mỹ này). Thằng con tôi 10 tuổi, vì ăn vặt trước nên tới tiệm gọi đồ ra rồi bỏ bứa. Nhìn nó, tôi lại nghĩ tới em bé đói rét ở quê nhà, tôi ngồi lặng đi một lúc lâu. Con tôi nó không thể hiểu tại sao tôi lại cầu nguyện giữa bữa ăn 'Xin Trời Phật gia hộ cho những em nhỏ đang đói lạnh ở VN sớm có một tương lai no ấm hơn... Tôi cũng xin sám hối với quý ngài: trước cảnh khốn cùng của đồng bào, tôi chỉ đóng góp được một phần rất nhỏ bé, lòng muốn giúp thêm mà không thể làm hơn!'"●

LÊ TAM CA VỚI PHÁCH CƯỜI

THẾ GIANG

Gửi chị Dung,
Nhất Lang,
Y Sa,
Thứ Lang.

Anh Tam Ca Lê Đình Điểu khi viết thư cho vợ chồng tôi thì gọi là Minh Hưng, còn lúc trò chuyện, hay điện thoại thì gọi là cậu. "Bao giờ thì cậu xong?" (cái bài viết) "Cậu bỏ thuốc lá chưa? Cậu bia rượu vừa vừa thôi..." Còn vợ chồng tôi lúc nói chuyện về anh thì gọi là bác Điểu, rồi khi bị anh hối thúc, cự nự, tôi buột miệng "Bác Cả nôn nóng quá, đời còn dài mà..." Bác là gọi thay cho con, lối gọi trong gia đình người Bắc. Thế còn "Cậu"? Chúng tôi không có họ hàng. Anh gọi cậu, xưng tôi, không xưng tớ (anh hơn tôi 19 tuổi) vậy "cậu" ở đây chỉ có thể là cậu em của vợ.

Với cậu em vợ, người ta chiều chuộng và chế tài. Tối nay cậu hẹn với đào đi xi nê, cần cái xe bảnh, này chìa khóa đây, xăng đổ đầy rồi đấy; cậu xây nhà dở chừng, hụt một món tiền, thôi thì tặc lưỡi; hay chuyện khổ nhọc nhất đời là viết lá thư cho thằng bạn cũ đang lên nhờ vả một việc. Người ta thường chở cậu em vợ đi xin việc, mà ít khi chở thằng em trai của mình. Thế rồi cậu bị bùa mê thuốc lú, phải lòng một đứa chả ra gì, nằng nặc đòi cưới, biết rõ mười mươi, ông anh rể cũng kệ. "Tự do riêng của người ta, tôi quyền gì can dự." Cậu buồn tình muốn nhảy núi, ông anh không khuyên bảo; cậu trên núi xuống, có chức, có quyền, ông anh không dựa hơi; cậu tham nhũng ngồi tù, kinh nghiệm bản thân, ông nhắc nhở vợ những món cần cho chuyến thăm nuôi... Như thế, thứ tình "yêu cho roi cho vọt..." cậu không được hưởng từ ông anh rể.

Tôi là cái cục nửa "cậu" nửa "chú" nằm lọt trong thung lũng xanh mát mẻ của quan hệ, hai đầu là chị Dung với anh Điểu. Chúng tôi thân nhau , quí nhau, và từ phía tôi, tôi tin cậy anh hơn chính mình. Tất cả khởi đầu từ những tràng cười của anh.

Mùa đông năm 84 các anh Từ nguyên, Lê Đình Điểu từ Paris sang thăm vợ chồng tôi. Chân ướt chân ráo, tôi vừa từ Việt Nam qua, làm cơm đãi khách. Các anh hàn huyên với vợ tôi về vận đổi sao dời, những cuộc đời Việt Tấn Xã, nơi cả ba đã từng làm việc trước 75. Tiếng được tiếng mất, tôi ra vào dẹt cửi bếp với phòng khách, lòng phấp phỏng, tò mò. Xong việc cơm nước, vạt áo lau mồ hôi trán, tôi sà vào bàn.

Anh Từ Nguyên dí dỏm, thân tình và khéo tay. Chuyện về mỗi người, dẫu cao thấp, buồn vui bề bộn khác nhau của cuộc đời, anh đều gói bọc vuông vức trong lời kể, và lúc chấm hết, thay cho cánh nơ hồng là nụ cười có hậu, đính nhẹ lên. Xong một người rồi mới tới một người, thân tình mà cẩn trọng, nhắm mắt lại, cơ hồ như thấy anh đang di chuyển giữa rừng ly tách pha lê, tay phòng hờ chiếc kéo, lâu lâu lại xén tỉa một đường tự kiểm duyệt mình. Nhà báo chuyên nghiệp, cao ngạch đầu tiên trong đời tôi được gặp.

Anh Lê Đình Điểu khoan thai, đĩnh đạc, mà không tại vị. Thoạt nhìn, tôi thoáng nhột: Mặt vuông chữ điền, vai rộng, trán cao; cao nhất của điểm hiện hữu là trần nhà: Nếu có con thạch sùng bò trên đó, giá nhờ, anh sẽ nhổm người, khoát cánh tay dài búng nhẹ. Vóc của những người không quen ngồi ghế đẩu, chỉ ghế bành, chân vắt chữ ngũ, ngoài đời hiếm

khi gặp, thường trực chỉ xuất hiện trên trang nhất báo Nhân Dân.

Tôi sống sót, rồi trồi ra từ môi sinh không bình thường. Kiến thức một chút về lũ lụt, hạn hán, hay bất đồ sấm sét, tôi thành kiến rằng hạnh hay bất hạnh, thưởng phạt đời sống không ban ra từ trời xanh, mà ngẫu hứng ghế bành búng tay cái tróc.

Tôi thận trọng, anh Điểu chuyện tà tà. Chuyện về chuyến vượt biển ly kỳ của ông Phan Thanh Tâm, chuyện chị Trần Thị Duyên phải mưu sinh ngoài chợ trời, chuyện Lam Thiên Hương độ nhật, rồi chuyện anh em các ông Nguyễn Ngọc Linh, Nguyễn Ngọc Bích bên Mỹ. Người tôi quen, người tôi không biết, có những chi tiết đơn lẻ của số phận, có những cập nhật mẫu số chung của cuộc đời, cái tôi chú mục là phong thái chuyện của anh. Anh vào chuyện thong dong, không ồn ào tay bắt mặt mừng; trước hết là mở cái lò sưởi cho ấm phòng, sửa lại lưng ghế, mời khách ngồi, rồi đi pha bình trà. Chuyện anh rảo bước qua những chi tiết nhỏ (nếu không được gọn gàng đẹp mắt thì quơ tay tự dọn "Tôi cũng vậy, con người cả") mà gạch đầu giòng những nét lớn của cái vui, cái đẹp. Gặp phải cái đau của người, anh không nhăn mặt (rằng sớt qua đây cho tôi một nửa) nghe điều chướng tai, anh không sắc chữ cắt phập một đường. Tất cả là bình hoà, tốt lẫn xấu, Âm kèm Dương một toa thuốc Bắc của muôn đời. Cố gắng lên, buồn rồi sẽ qua, bệnh rồi sẽ khỏi, nụ cười đôn hậu tự tin của anh khi tiễn khách ra khỏi chuyện dường như nhắn nhủ. Tôi có cảm giác, nếu là nhà giáo, anh sẽ là ông thầy giỏi mà không bền nghề. Đậu Bình, đậu Thứ, đậu Thứ Nữa... anh sẽ không đánh trượt một ai trong trò chơi quyền lực.

Quay qua chuyện mình, những năm tháng tù đày ở Việt Nam, chuyện khổ sai lao động, đói khát, cùm kẹp, triệt hạ nhân phẩm, anh kể vẫn một giọng hồn nhiên ngon lành, đôi chỗ loé lên ánh thích thú, nghe như ông chú tình cờ được một chuyến tham quan Nữu Ước, về lại làng kể cho con cháu nghe. Rằng lúc này, nhiều năm sau khi ra tù, sang tới Paris, đi dạo công viên, hay kỳ quan Lục Xâm Bảo, hễ nhác thấy bông hoa nở là con mắt anh lần ngay xuống dưới gốc kiếm xem có thứ lá gì ăn được... Dứt lời, là một tràng cười. Tiếng cười trong như Khánh, âm vang như tiếng Cồng, lồng lộng dội trong phòng.

Anh cười mình. Trước thảm kịch nhân sinh. Cười tự tại khoan thai, như từ kẽ đá non cao triệu năm tuổi trời suối nguồn chảy xuống. Tôi sững sờ. Trầm trọng hơn cái chết, chỉ một bước là sa xuống vực mà anh chao cánh bay vọt lên thoát hiểm lang sói, bằng cách cười riêng.

Tôi tám tuổi từng ở tù.. Trên đường đi cung về, xẩm tối, từng quơ tay ngắt nắm lá ớt rừng cải thiện, để được một báng súng, giộng thẳng. Tôi đóng tiền học triết từ đó. Nhân sinh tính bản thiện, rồi nguồn gốc, môi sinh, địa chỉ đến của bạo lực... đầu vào, đầu nào ra, cho đến giờ này vẫn chưa thuộc, vẫn lẫn lộn. Tôi không hiểu được môn phái triết học của anh.

Đắn đo ngần ngại, rồi tôi liều hỏi: "Anh Điểu theo đạo Tin lành hay đạo Phật?" "Đạo à...?" "Anh nhíu mày lục lọi, rồi cười xoà: "Bà cụ nhà mình hay đi lễ chùa, Đạo Ông Bà thôi." "Đạo Ông Bà thôi." Tôi chợt ngộ. Bỗng dưng rò rỉ chảy ra từ trong tôi những lời kể. Lan man gẫy vụn ngày xửa ngày xưa những chuyện trẻ thơ vớ vẩn. Giống anh, tôi cũng từng mê mẩn chuyện gặt hái. Thành quả nhiều, rồi gãy cành lộn cổ, bị đuổi đánh mắng chửi cũng nhiều, mà cũng không chừa. Tính tôi thích cho (có thằng leo cây trộm quả nào lại mạo hiểm chăm chăm kiếm miếng cho mình?) Vườn nhà không có, thôi thì...

Cái trái nan nguy khốn khó cuối cùng trong đời, tôi đã hái hụt. Một trái bồ quân lớn bằng đầu ngón chân cái. Tôi mai phục nó, chăm bẵm, từ giữa xuân hoa nở đầu cành, xuyên qua hè se lạnh vào thu. Ngay từ lúc còn xanh ương, rung rinh trong nắng, nhún nhảy theo gió, ẩn hiện cút bắt với đám lá, tôi đã ước lượng cân đo rồi đề ra nhiều phương án săn bắt. Bốn mét cách mặt đất, nằm ở đầu cành, chìa má ra phía đông, uống trọn dải sữa mẹ thanh khiết chảy ra từ mặt trời buổi sớm mai, nó dậy thì sớm hơn đám anh chị em đồng cội. Nếu đánh từ dưới lên, phải nối hai tầm sào, với người qua con lạch cạn, hố sâu, sẽ hụt hơi. Nếu bổ từ trên xuống, phải trăn cuốn cành mẹ, thòng người , sào móc, tay rút cành, tay hái. Còn một cách dễ hơn, thủ pháp cờ tướng, là mượn tính trung gian của con pháo, cưỡi hiền với người hàng xóm, leo cây thông nằm bên kia bờ lạch, cành chìa, ngồi xổm hái hoa... Cái khó, là độ cong cành trĩu, phải đo được trọng lượng của chính mình. Giá thử nhẹ thân kẻ sỹ, hay bậc thánh hiền, sẽ mãi mãi non cao "thành tình nhân đứng giữa trời không khóc mộng thiên đường," hoặc giả tràn đầy tinh thần lạc quan,

lố đi một ly khách quan trọng lượng, dân nổi can qua một tiếng rắc: Bốn mét chiều cao, cộng thiên nhiên đào sẵn một con lạch, lúc có nước lúc không... Tôi chọn giải pháp một cộng một bằng hai, ôm gốc cây leo lên, thân mình là cành, trườn bò, vừa bò vừa nghe.

Đêm đêm, lúc gió lộng trở trời, tôi đã nghe răng rắc nhiều tiếng. Những tiếng răng rắc dây chuyền xoáy vòng theo thung lũng, thảng thốt kêu oan, thống thiết trăn trối, gợi trí tưởng về những vụ hành quyết tập thể trong đêm. Sáng dậy, cành lớn cành nhỏ nằm ngổn ngang, phủ kín lối nhìn. Tạo vật đã làm công việc dọn vệ sinh thường lệ. Đứa nào già cỗi, đứa ấy đi, nhường chỗ cho thế hệ sau. Rừng vẫn mãi trẻ. Tươi trẻ và nhẫn tâm. Tôi lại ngỏng cổ nhìn trái bồ quân, mưu tính chuyện gặt hái. Chín mọng căng tròn như nó, cùng đám chị em sum xuê bên cạnh, thời gian, chúng đã hút cạn sữa, khô tủy cành mẹ. "Cẩn thận!" Trên đường dài trườn bò, vừa nhích được gang tay, tôi cảnh tỉnh mình về những tiếng răng rắc.

Tôi đã nản chí thối lui nhiều lần. Hay sòng phẳng với mình ở tính thành thật, trên đường vươn tới nó, tôi đã nhớn nhác nhìn quanh, hễ vừa gặp một trái còi kẹ ương dở, là chụp liền, cứu cánh "có rồi nhé, tính gặt hái!" rồi thụt về. Vừa thụt vừa gầm gừ xỉa ngón với trái hoa hậu đầu cành "mai sẽ nói chuyện lại."

Tháng chín, trời lập thu, những trái còi kẹ lần lượt nối nhau ra đi. Đám lá xanh ải màu sang vàng, chị em lỡ lứa đêm về đóng cửa chiêm nghiệm với nhau những tiếng xào xạc cõi đời. Sáng sớm, sương giăng lập lờ , đất độn lên thêm, lớp lớp, những giấc mơ không thành. Trái bồ quân hoa hậu của tôi vẫn treo đó, kiêu sa, cô độc. Hương sắc đã chuyển màu, từ rạng rỡ ráng đỏ hội chợ, tím bầm sang huyết đông.

Tôi vẫn ngửa mặt nhìn, mỗi ngày, mỗi giờ, toan tính. Con mắt toan tính của tôi cũng khô rồi, những rạo rực huênh hoang, chiếm đoạt. Nó bầm máu một cục, hoặc nàng hoặc ta, tay đôi đấu súng định mệnh.

Tôi bò, đầu gối lổng, chợt cơn gió thoảng là âm dương nguồn điện toé lửa từng đốt sống lưng. Nó từng ngậm trọn một báng súng. Chuyện đó đã kể lể, trình bày hoàn cảnh với tội nhiều lần trong giấc mộng. Thông cảm.

THẢO CHI

LỆ RƠI THÀNH BIỂN MẶN

Tôi có người Cha
vừa chết trôi sông!
khi bão từ xa...
bão kéo về gần!

Tôi có người Anh
thoi thóp đợi chờ...
trên nóc nhà tranh
nước cuốn xa bờ!

Tôi có người Em
mất tích hôm qua!
khi thủy triều dâng
lũ lụt quê nhà!

Tôi có Bà Con
Đồng Bào tôi đó
kẻ mất, người còn
ơi dòng nước đỏ!

Tôi có người Thương
chìm trong biển lạnh!
Tôi có Quê Hương
mưa gào chưa tạnh!

Quê Hương tôi ơi
Huế và Đà Nẵng!
dòng lệ tôi rơi...
trôi thành biển mặn!

Anh bạn cành khô, trung gian bất trắc vai trò trọng tài: Đấu súng nên chú mục vào đồng tử đối phương.

Tôi trườn êm, lạnh như con rắn. Công quả của cuộc dọn mình gọn ghẽ thinh nhẹ đến cõi KHÔNG . Lợn cợn có chăng, chỉ nỗi cay đắng nhỏ, là sức hút của mật ngọt, rồi niềm kiêu hãnh chinh phạt trong tôi đã chết, mà tôi vẫn trườn. Tôi linh cảm mồn một, nếu chậm tay, đất sẽ động, núi lửa sẽ phun, rừng cháy, tận hủy.

Cái phải đến, đã đến. Tôi không nghe tiếng "rắc," chỉ một thoáng xây xẩm, nhảo người trên không trung, rồi bay. Tôi bay trong một luồng ánh sáng tím mát, lúc thấy mình thượng tọa chót vót ngọn đỉnh trời, chốn vi phân vòi vọi mộng tháo cũi sổ lồng, chợt thần tình lạng cánh sát rạt thung lũng. Con thung lũng uốn mình ma trận, đêm đêm pháp đình những vụ hành quyết tập thể bỗng trỗi dậy, rợp cờ dâng hoa. Tôi đằng vân trên vùng Hoa quả sơn, lãnh địa của bà ngoại. Bà ngoại tôi, con đại bàng nhiều tuổi, quyền lực tuyệt đối với sơn lâm, còn tôi tên độc tài nhỏ của bà. Tôi bay dưới cánh bà, luồng ánh sáng tím, lắc đầu quầy quậy với mâm cao cỗ đầy, những lời khôn ngoan chỉ bảo, rồi công khó kể lể. Thèm nhiều, ăn chả được bao nhiêu, đừng làm phiền tôi, lặng yên cho tôi đi tìm cái đẹp. Bay ngang một dải đào tiên xôn xao mời mọc, tôi hạ mình vớt một trái. Ròn, ngọt, rồi thanh nhuyễn đấy - sắc thơm - mà sao giống hôm qua, cái tôi đã phủ mình. Chộp choạp nhai, nhổ, tôi nhợm cánh sang hữu ngạn thung lũng, nơi tạo vật đang giật giây vở bi hài kịch màu sắc. Từ trên cao, xuôi theo ánh mặt trời, núi non khép đùi ngủ, đôi giải bồng đào sương còn ngậm, hầm hập hả ra hơi nóng sắc nâu tươi. Sắc nâu dậy thì trong chảo nhuộm, xôn xao oanh yến, chỉ chực nhảy ra ngoài chảo, thoát khỏi lửa, bung lụa lên khoe với trời. Tôi bứt mình khỏi luồng ánh sáng tím (nghe thoáng tiếng cười khẩy của bà ngoại) đâm bổ xuống: Không lụa là, chả có nâu tươi, với tốc độ thần phong, tôi đã phóng mình vào một bể thịt. Thứ thịt bầm sẫm, nhuồn nhuột nhớt, càng xuống sâu, càng sẫm, và độ sâu thì thăm thẳm ngày về. Tôi chạm đáy lặng lờ như hiện tượng rơi rụng vật lý khách quan. Ngó sang trái, tôi gặp ông vua danh tiếng họ Lê của tôi đang ngồi róc mía trên đầu sư. Ông quần đùi, ở trần, chân khoanh vòng tròn, cần mẫn như người nông dân sau vụ gặt ngồi đan rổ rá trong đêm trăng. Quay sang phải, lổn nhổn, lố nhố những vị hoàng đế thừa tự của Trung Hoa. Các ông cưỡi xe dê, người phe phẩy cánh hạc quạt, kẻ nhồm nhoàm đùi bê thui, xé, cắn. Vừa nhai vừa nói. Tương đắc, họ bá vai nhau, mớm cho nhau miếng thịt, bất đồng, Võ Tòng đả hổ, họ vung đùi bê lên... Hàng đàn, sao sa, bủa lưới quanh họ là những con cá ngựa. Chúng bơi theo bang tộc, tả hữu cánh cung dàn đội hình đối đầu. Thủ tấn , gầm ghè vẫy vây khoe nội lực, chín đủ một khoảnh mềm nắn rắn buông thời con đầu đàn rẽ cờ đổi hướng. Đám binh mã nhảo đội hình, ống đồng nối đuôi bơi theo. Đông chu liệt quốc, hết đàn nọ đến bang tộc kia, lớp lớp những con cá ngựa đối đầu nhau , thay phiên nhau làm lịch sử. Thứ lịch sử khổng lồ chuyển vận theo quỹ đạo xoáy trôn ốc, đáy hẹn, là chốn lổn nhổn đứng ngồi của các đấng quân vương. Vừa chạm vào long bào của họ, đàn cá chạm điện, rúng mình bung nở ra hình bông hoa hướng dương. Chúng bao lấy đám nhụy - Các vị hoàng đế - vẫy vây bơi đứng. Tiếng hát véo von vẳng tới. Thứ dung dịch nhờ nhợ trắng như sữa tiết ra từ mình mẩy chúng, nhểu nhảo bơi, rồi thẩm thấu vào đám nhụy. Lịch sử rùng mình. Một sợi sữa sẩy đàn trôi lạc tới chỗ tôi đứng. Cánh mũi tôi phập phồng. Bể thịt nâu chợt nhão loãng. Cuống họng rồi buồng phổi tôi cơ hồ như bị đàn bướm trắng triệu con thiêu thân hoá lỏng vào mao mạch. Người tôi nóng rần rật. Từ đầu ngón chân, râm ran khơi lửa, những lớp sóng điện rần rật tràn qua đầu gối, xoáy bão trong vùng bụng, ập lên não. Tôi ngật ngừ hôn mê trong bể chưng cất hoa nhài. Vạn vật chung quanh bay. Tôi bay trong vạn vật. Lững lờ, tỉnh cờ, tôi cận mục lịch sử : Các ông cho cá ăn. Rồi cá cho các ông ăn. Nhá cơm, bú mẫm, đánh bi đánh đáo rồi đánh cù... những chuyện coi vậy mà không phải vậy, chưa kịp ngộ hành động của lịch sử thì vũ trụ chợt tối sầm: Một đàn cá ngựa mới tràn tới.

Chúng đâm phóng vào nhau, xáp lá cà, toé lửa. Pháo hoa vãi lên trời lân tinh, hài cốt các anh hùng liệt nữ.

Tôi độn mặt nhìn. Sân khấu nổi, tiểu bão bốn phương trời quần tụ góp thành đại, bức hoành tráng đánh ghen bảy màu, bốn mươi chín sắc.

Đẹp.

Tro tàn đang lả tả rụng, tất bật, khẩn trương, lại vua, lại chúa, lại quần thần, những con cá ngựa mới làm kỷ nguyên mới. Nhạc véo

von. Hoa nhài nhả mùi. Những con cá ngựa vẫy vây bơi đứng. Khác chăng, chúng múa may tạo hình, không chỉ hoa hướng dương, mà hồng, mà thược dược, mà vạn thọ, vạn tuế...

Cái đẹp kỳ sự lập lại. Tôi thấy nhớ nhà. Vừa ngóc cổ tìm đường về, bất đồ một cơn sóng thần ập tới nuốt chửng tôi, thuôn thuốt kéo vào ruột. Tôi nhào lộn, nôn mửa trong cõi âm u, tai nghe vẳng vặc lời mẹ dặn, lồng trong những tiếng mắng chửi thằng leo cây trộm quả của hàng xóm. Ngoại trừ mình, tôi bỗng yêu hết thảy con người, yêu đến tận con giun con dế, cỏ cây hoa lá. Tôi tự hứa, nếu gặp lại, tôi sẽ có quà cho mỗi người, rằng tôi sẽ thành đứa trẻ ngoan ngoãn, biết vâng lời... Tạo vật dường như thấu tâm can tôi, ngưng cuộc súc ruột. Bể thịt nâu hừng sáng. Một bàn tay khổng lồ nựng tôi trong lòng, phăng phăng rẽ nước, đẩy tôi tới vùng sáng loá phía trên. Một thoáng hụt hẫng, thón ruột, mở mắt, tôi đã ngồi co ro bó gối trên ngọn Hoa quả sơn. Bà ngoại tôi, con đại bàng nhiều tuổi xoè cánh phủ, lấy mỏ rỉa rong rêu, xác cua xác ốc nhằng nhện bám quanh mình tôi. Bà rỉa không được khéo, tiếng trì tiếng bấc, miếng quẹt mỏ mơn nựng, nhát cào đa xát muối vào chuyện cũ. Tôi nhìn xa xăm, buồn diệu vợi. Sóng yên biển lặng đáy lộ hình, cái nâu tươi lụa là mời gọi thật ra là rừng mận chín nẫu hoá mật. Ông vua họ Lê của tôi vẫn ngồi róc mía. Ông róc ngàn năm tuổi nghề, thạo tay, nhẫn lực đầu tư trọn vào vở kinh kịch cá ngựa.

Cái Ác nó lên đường ra trận từ cái Ngu. Buồn tay tôi quơ viên sỏi ném cái tõm vào bể thịt.

Bà ngoại tôi vẫn ngồi lặt rau. Tiếng trì nghe ra đã mau hơn bấc. Tôi gặp lại cha, chú, các cậu các bác tôi qua mỗi cú rỉa. Bản chất của sự sống là thế, nhẹ dạ và lỗi lầm. Đứng cạnh nó, những giá trị đóng vai trò dạy dỗ luôn luôn đúng, dẫu cái đúng đoạn thì, và tính hiệu quả, xét cho cùng, thật ra là cuộc tương khí bịa đặt có môn bài, đặng một thiểu số nào đó (chừng 1/ 80 sỹ số) có công ăn việc làm. Thật đau lòng cho những bậc thành tâm và ngây thơ.

Bà ngoại tôi vẫn miệt mài công cuộc dọn vệ sinh. Trì bấc giai điệu biến tấu lên giao hưởng. Có tiếng tiêu tiếng sáo yêu đương mơ mộng đợi chờ; có nỉ non kể lể, ngờ vực ướm hỏi, rồi đay nghiến xiết móc của vĩ cầm; tản bộ bên cạnh, lưng phừng nhát một, đại hồ cầm gõ búa cảnh tỉnh. Tôi dỏng nghe, ngờ ngợ. Nhạc chuyển sang vũ khúc. Vĩ cầm xắn tay áo, bới ngược tóc, chống nạnh nhảy ào vào sân khấu. Tiêu sáo tán hồn bạt vía chạy. Đại hồ cầm lếch thếch xống áo đồ nghề bỏ chạy theo. Xếp hàng một, giàn kèn đồng lừng lững tiến vào khạc lửa. Trống nổi lên sấm sét từng hồi. Vĩ cầm, cây thiền trượng nhạc trưởng khi vần vũ trên cao soi đường, lúc bọc hậu đốc thúc đám trống kèn, rồi bất đồ, lành lạnh, rờn rợn, túa ra từ mười đầu ngón tay. Rắn rết cả đàn trườn bò trên lưng tôi. Chúng âm thầm đào hang, tìm đường rúc vào tủy sống. Súc ruột nhẹ hơn tẩy não. Sợ đau chớ bén mảng gần sự thật. Muốn chạm vào cái đẹp, phải trả giá... Tôi bầu cua cá cọp, xóc tới xóc lui chừng đó câu trong đầu, tụng niệm. Loáng một ánh sét, vĩ cầm xé rách rừng lửa kèn, xách tai bầy trống, vỗ cánh. Lửa cháy mây đen xoắn lấy nhau, bão lốc cuộc hành quân không gian sáu chiều dựng cột đứng tung giận dữ lên trời...

Xuân hạ thu đông ái ố hỉ nộ cả tính khí lẫn tiết thời bản giao hưởng vẽ nên chân dung một người. Tôi biết bà ngoại đang hồi tưởng về ông tôi.

Cõi sống nó thế, như bà kết luận, nhưng ý nghĩ đời sống không phải thế, nó nằm đâu đó, hình như kia kìa, phía đằng trước.

Tôi nhìn xa xăm, buồn diệu vợi. Một bà, một cháu, chúng tôi đậu choi voi trên ngọn Hoa quả sơn. Không gian tráng mỏng một lớp chì. Và mưa. Tàn nhạc giao hưởng địu mưa lã chã nhểu xuống đầu tôi từng giọt dương cầm. Tôi cô đơn. Bà tôi cô độc. Tình thương của bà, hai cánh sải che mưa, mà không xoè phủ nỗi buồn. Vuốt bà kẹp chặt, chỉ bớt một miếng mồi cho dã thú, mà không dinh dưỡng sức mạnh, mạnh hơn dã thú. Họ tộc tính đến nay dẫu nhiều tuổi mà chưa từng trưởng thành, tự lập. Tôi linh cảm sắp có cuộc chia ly, biền biệt.

Mưa mỗi lúc mau hơn. Tôi nghe rát trong mắt, ấm ở má, mằn mặn trong miệng. Mưa đổ xuống từ mắt bà. Tôi đoán chừng vậy, mà không ngước mắt. Ông tôi, cha tôi, các bác tôi từng nhẹ dạ sa chân, để mỗi người đường đi nửa vời, không thành công, cũng chẳng thành nhân, một thứ vật liệu, nhạc cụ cho bản giao hưởng tan cửa nát nhà goá phụ cô thân là bà tôi.

Nước mắt, người ta nên uống, mà tránh nhìn. Đừng cơm nắm muối vừng. Cũng đừng sụt sùi dò dặn. Cháu sẽ trở về. Tôi cắn đứt lưỡi lời nguyền, bung cánh.

(Còn tiếp)

LỤT LỘI

PHẠM XUÂN ĐÀI

Nhớ lại trời đất trong thời thơ ấu của mình thì tôi thấy càng lớn lên mình chứng kiến càng nhiều những cái dữ dằn của thiên nhiên. Hình như thời thơ ấu nào cũng êm đềm, kể cả những gì khiến người lớn lo âu đối với trẻ nhỏ cũng có thể là nguồn vui, là niềm thích thú. Nhưng quả thật thuở nhỏ tôi không thấy thiên tai, mặc dầu làng tôi nằm trong Gò Nổi được bao bọc bởi hai nhánh sông, và nhà tôi nằm ngay trên bờ con sông Thu Bồn. Bắt đầu ôm vở đi học trường làng trong khoảng năm bảy năm đầu của thập niên 40, tôi nhớ trời đất thuở ấy luôn luôn tươi đẹp, dù là nắng hay mưa, khô cháy hay lụt lội.

Lụt thuở ấy như là một dịp tắm gội cho vườn tược, đường sá, ruộng đồng, một dịp làm mới lại cuộc sống suốt một năm bụi bặm khô cằn, đem lại cho lòng con người một chút cảm giác lênh đênh, giang hồ xa lạ ngay trong lũy tre làng, trên chính mảnh đất bao đời tổ tiên vẫn sinh sống. Trong ký ức của tôi, lụt bao giờ cũng bắt đầu vào buổi sáng sớm, khi thằng bé giúp việc trong nhà đến khều thức tôi dậy: "Nè, nè, lụt rồi, ra coi nước lụt mau!" Chỉ cần nghe thế là tôi lập tức phóng xuống giường và chạy vội ra sân. Vì gần bờ sông, nhà trong làng tôi thường đắp nền khá cao, tôi chưa bao giờ thấy nước lụt vào đến sân nhà tôi cả, một ngôi nhà ngói cổ của ông bà để lại. Chúng tôi quan sát mức nước ở ngoài vườn, hoặc lụt nhỏ thì ở ngoài cổng, và bắt đầu hoạch định những trò chơi mê man với một thế giới đang đổi mới: trên là trời, dưới là nước. Anh em chúng tôi cùng thằng Kề — thằng bé giúp việc, gọi là thằng nhưng Kề lớn hơn tôi ít nhất là năm tuổi — kiếm vật liệu để làm những cái xe nước đặt ở những nơi nước chảy xiết trong vườn, làm thuyền bằng giấy để thả, hoặc lội nước đi quanh vườn quan sát những biến đổi ở những nơi thường ngày rất quen thuộc, những cây ổi, cây khế, cây mít giờ này ngâm một nửa mình trong nước, chúng tôi cho là một sự lạ lùng thú vị lắm, cùng nhau cười như nắc nẻ.

Lụt là dịp dân làng tôi đổ ra sông cái để vớt củi. Miền Trung vốn hẹp, miệt nguồn và miệt dưới cách nhau chỉ mấy chục cây số, cây ngã, cành khô trên rừng, trên núi theo dòng nước lũ đua nhau trôi về đồng, phân phát nguồn củi (mà bây giờ người ta kêu là "chất đốt") một cách hào phóng cho các làng mạc ở dưới đồng bằng. Củi nước lụt là một món quà trời cho, ai có sức và có phương tiện — là chiếc ghe, làng tôi hầu như nhà nào cũng có một chiếc ghe đan bằng nan tre quét dầu rái — thì tha hồ muốn vớt bao nhiêu cũng được. Nhưng thực ra củi đúng nghĩa thì cũng không nhiều, vì trên đường đi từ nguồn về xuôi củi tốt đã được các làng phía trên chiếu cố vớt trước, càng xuống phía dưới củi càng ít đi. Dân làng tôi thường vớt một loại gọi là "củi rều" tức là tất cả những mảnh nhỏ thảo mộc đã khô mục lâu năm trên rừng trôi thành từng về lớn, đem về phơi khô trông như một đống xà bần, cũng là một loại "chất đốt" rất tốt. Hồi nhỏ tôi rất sợ những đống củi rều còn ướt vớt về để ở góc sân, vì trời tối là từ đó sáng lên chất lân tinh rất là ma quái.

Có một năm làng tôi vớt được một cây gỗ thật lớn, có lẽ do thợ rừng hạ xuống mà chưa kịp khai thác hoặc đóng bè chở đi thì bị nước lũ cuốn trôi. Từ khi nó xuất hiện ngoài sông cái, tin tức loan truyền đi khắp làng rất nhanh, và có một gia đình gồm nhiều tráng đinh mạnh mẽ đã quyết định đoạt lấy nó. Phải phản ứng thật nhanh trước khi nó trôi đi mất hút, họ hè nhau đem theo dây chão, dây xích sắt, chèo cật lực đuổi theo, lừa để lái dần nó vào chỗ nước cạn rồi quàng dây đắt nó về như bắt một con thú rừng. Nhà nào cũng ra đứng ở cổng để nhìn cái vật lạ khổng lồ khi nó được dắt về trên đường làng, quả là một cây gỗ lớn mà một làng ở đồng bằng chẳng mấy khi được thấy, tôi nhớ phải một thời gian rất lâu nó mới trôi qua khỏi cổng nhà tôi. Và suốt mấy tháng

sau ngày nào cũng có một toán thợ cưa rộn rịp xẻ ván, chắc chắn chủ nhân của món quà bất ngờ ấy có được một món tiền rất khá.

Nhà tôi cũng có một chiếc ghe nan nhưng trong nhà chẳng ai biết chèo cả. Chiếc ghe ấy ít khi được hạ thủy trong các vụ lụt, mà dùng như một chiếc xe nhà cho những lần cần đi Vĩnh Điện hoặc về quê ngoại tôi trên Đại Lộc. Cần đi thì kêu một trai bạn trong làng chèo giúp, xong việc thì hong khô rồi lại gác lên trần nhà. Nhưng thỉnh thoảng có lụt lớn ngâm lâu thì nó cũng được đem ra sử dụng khi có việc cần thiết đi lại trong làng. Được đi ghe dạo chơi trong làng khi nước lụt là một cái thú thần tiên mà tôi chắc rằng một khi đã qua khỏi thời thơ ấu thì tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại nữa. Cũng như bao làng Việt Nam khác, "làng tôi xanh bóng tre," tre trồng hai bên tất cả con đường trong làng, những con đường khá rộng, thế mà tre hầu như chỗ nào cũng giao ngọn nhau khiến đường luôn luôn có bóng mát. Khi có lụt, nước ngập tất cả các con đường, vì đường tuy có cao hơn mặt ruộng chút ít nhưng so với các nền nhà hai bên thì vẫn còn rất thấp. Phần dưới của các bụi tre gồm một khối những nhánh gai dày đặc đan nhau bây giờ biến mất trong làn nước, chỉ còn phần trên là thân cây suông sẻ với cành lá xanh tốt, và mặt nước kéo một đường phẳng lì giữa hai bức tường cây ấy đi sâu mãi hun hút về phía trước, đi thuyền trong lòng đường mà giống như đi trong một loại hang động, lạ lùng, kỳ thú. Mọi cái thường ngày biến mất. Không còn những chỗ mấp mô, những đoạn bùn lầy, những bãi phân trâu... nước lụt bỗng chốc xóa hết, nâng con đường lên giữa lưng chừng cây tre, bằng phẳng và sạch sẽ tuyệt đối, con thuyền nhẹ cứ thế mà ngao du... Tâm hồn trẻ thơ trên ghe trở nên hớn hở không cùng, khám phá cái thế giới vừa quen vừa lạ quanh mình. Vẫn là con đường ấy, những cái ngõ và những cái nhà ấy, nhà bác Bảo Điểu, chú Phó Xuyến, chú Trùm Chanh... mình biết rất rõ vì đã lui tới không biết bao nhiêu lần, nhưng bây giờ trong thế giới mới này hình như không còn phải như thế nữa. Mọi thứ trở nên lênh đênh, sóng sánh, đầy ảo giác, con chó đang đứng sủa trong sân, con gà đang đậu trên cây rơm không còn là con chó con gà của ngày thường, chúng như vừa đến từ một thế giới khác, đầy cả nước với ánh phản quang loang loáng liên hồi trên cây cối, trên vách nhà. Ngay cả người tôi cũng ngờ ngờ, tôi chào chú, chào bác mà như vẫn nơm nớp chờ một phản ứng bất ngờ lạ lùng từ họ. Họ có vẻ không thật nữa, không còn là họ hàng ngày. Con thuyền tiến mãi giữa vòm tre, càng đi thế giới càng lung linh huyền ảo và càng xa thực tại của ngày thường.

Ít khi thuyền chúng tôi đi ra những chỗ trống, bỏ xóm này băng qua một quãng đồng để đến xóm khác, vì như thế sẽ phải qua những chỗ nước chảy xiết, nguy hiểm cho bọn trẻ con chúng tôi. Ở bìa xóm nhìn xuyên cánh đồng sẽ thấy đình làng xa xa, và cách đó không xa là chiếc cầu đá xây lối vòm tròn kiểu các cầu xưa bên Tàu, nổi cao hẳn trên mặt nước lụt. Cây cầu đó có tên là Nhị Nguyên Kiều, theo như chữ khắc trên cái bia đá cẩm thạch dựng trong cái nhà nhỏ ở đầu cầu. Tương truyền con đường dẫn đến đình làng ngày xưa khi chưa có cầu, bộ hành phải lội qua một cái khe nhỏ hiền lành vào mùa nắng, như rất nguy hiểm vào mùa mưa lụt. Học trò ra đình nghe giảng sách, khi có nước lớn chảy xiết, nếu sẩy chân có thể bị nước cuốn đi mất tăm. Vào giữa thế kỷ thứ 19, một người học trò làng tôi đã đứng bên khe ấy khấn nguyện rằng, nếu sau này thi đỗ thì sẽ xây một cây cầu thật vững chắc ngang qua cái khe này, để đỡ nguy hiểm cho bộ hành qua lại. Người học trò ấy tên là Phạm Phú Thứ, đã thực hiện được mơ ước nho nhỏ ấy của mình tại một chỗ nước chảy xiết ở làng quê, nhưng lại không thực hiện được nhiều mơ ước thực tiễn khác lớn lao hơn cho quốc gia.

Trong những ngày lụt lội, các bữa ăn hình như cũng đổi khác, thường là đơn sơ hơn, nhưng có khi đặc biệt hơn ngày thường, trong điều kiện không có hoạt động chợ búa. Nhưng tôi luôn luôn thấy những bữa ăn ấy đầy mới lạ và ngon miệng, có khi chỉ có cơm với mắm kho, hoặc với muối mè, có khi thì với rất nhiều tôm cá tươi, mua của những người bắt cá nước lụt. Trong những trận lụt nhỏ, người làng tôi thường bắt cá bằng vó. Vó có hai loại: loại lớn có giàn làm bằng gỗ, trên đó có một cần vó dài đưa một khung lưới vó rộng nhô hẳn ra ngoài sông; loại nhỏ là vó tay, người ta cầm cây sào tre một đầu có gắn tấm lưới, lội nước ra đứng gần bờ sông hoặc ao đìa mà thả vó. Cá nước lụt cũng là một món quà thiên nhiên tặng cho những người biết nắm lấy thời cơ, giống như việc đi vớt củi vậy, nhiều khi bắt được những mẻ cá rất lớn.

Thời thanh bình thì lụt cũng thanh bình, đem đến lợi lộc rất nhiều cho con người,

không thể gọi là thiên tai. Nước sông dâng cao tràn bờ một cách vừa phải, chảy réo rắt qua bao lũy tre, đường làng, mang món quà mộc mạc của phía nguồn là củi phân phối đều cho các làng mạc bên dưới, mang lại từng bầy tôm cá tươi ngon, và quan trọng hơn cả, biếu cho ruộng đồng một lớp phù sa để lúa bắp và cây cối mùa sau thêm tươi tốt. Đều đều mỗi năm như vậy, lụt như một yếu tố bồi bổ và làm mới cuộc sống, thuở nhỏ tôi chưa hề nghe lụt làm trôi nhà cửa và làm chết người bao giờ. Mỗi lần nước lụt tràn về tôi lại sung sướng mê man trong một thế giới thần tiên, tôi được đi du lịch gặp gỡ bao điều mới lạ ngay trên quê hương cũ kỹ của tôi, ngay trên những con đường làng tôi đã đi lại không biết bao nhiêu lần. Tâm hồn và cuộc sống của dân làng tôi đã được nước lụt nuôi sống như vậy suốt bao thế hệ. Tôi từ đó ra đi đã mang theo suốt đời hình ảnh hai nhánh sông Thu Bồn dâng lên cao tràn vào mảnh đất Gò Nổi, tiếng róc rách của nước lụt như lời vỗ về âu yếm, như tiếng thì thầm hằng năm nhắc nhở rằng bà mẹ sông không quên những đứa con sống trong lưu vực của bà, luôn nhớ mang đến những món quà mộc mạc nhưng quý giá vô ngần cho đời sống.

Nhưng ngày nay bà mẹ thiên nhiên chung của chúng ta đã bị thương tích quá nhiều, khiến không đủ sức duy trì các chức năng nuôi nấng bảo vệ đàn con của bà nữa. Ai gây ra thương tích? Chính đám con cháu của bà. Vỏ trái đất đã bị tơi tả, từ trong lòng sâu cho đến tuốt trên trời nơi có một vòng đai bảo vệ thượng tầng gọi là lớp ozone. Một dòng sông, như dòng Thu Bồn, cũng chới với khi nước từ trời đổ xuống nhiều. Xưa kia cây rừng dày nghịt, mỗi gốc cây với đám rễ chằng chịt trong lòng đất là một hệ thống hãm nước lại rất hữu hiệu, dòng sông tự điều tiết được tốc độ và lượng nước xuôi nguồn. Nhưng thời xa xưa đẹp đẽ ấy nay không còn nữa: rừng Việt Nam bây giờ trống hoang, làm dòng sông mất đi tính nhân hậu cố hữu mà trở thành một con thú dữ với những cơn lũ tuôn trào, gầm thét, phá phách như là dấu hiệu cáo chung của sự hòa hợp vốn có từ ngàn xưa. Ngày xưa thiên nhiên là một cơ thể mạnh khỏe, các bộ phận đều hoàn hảo để chuyển vận đều hòa mọi chức năng. Bây giờ sự hủy hoại nhiều và nhanh đến nỗi các vết thương hầu như không bao giờ có thì giờ để trở nên lành lặn.

Khi nhớ lại thời thơ ấu với những trận lụt nên thơ đầy lợi lạc trên quê hương, tôi ý thức rằng đó là những hồi ức của một thế hệ sắp qua đi, những gì họ chứng kiến sẽ mãi mãi thuộc về quá khứ. Nửa thế kỷ qua là thời gian của tàn phá, tàn phá trong chiến tranh, tàn phá trong hòa bình, tàn phá ngoài thiên nhiên, tàn phá ở lòng người. Trận lụt khủng khiếp ở miền Trung Việt Nam vào đầu tháng 11 năm 1999 vừa qua chỉ là một nét trong toàn cảnh bức tranh băng hoại mà càng ngày người ta càng làm cho băng hoại hơn. Thái độ thế thiên hành đạo một cách độc quyền là mầm mống phá hỏng những gì tươi tốt, vì cái tươi tốt là cái chỉ có trong sự phát triển tự do, thoải mái, hợp tự nhiên. Nạn phá rừng để bán lấy tiền suốt hơn hai mươi năm qua không ai được quyền lên tiếng can gián. Quỹ quốc tế viện trợ để trồng rừng là thứ tiền rất dễ chia nhau bỏ túi để chẳng có một cánh rừng nào mọc lên cả. Nguồn nước lũ tràn về không gì kiểm soát được là hình ảnh sự băng hoại không còn lương tri, không còn trách nhiệm, không nghĩ gì đến tương lai. Trận lụt như một chứng cứ. Như một lời lên án. Và như một cảnh tỉnh.●

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

YẾU TỐ CHỦ ĐỘNG TRONG Y TẾ

QUỲNH ANH

Một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu trong kế hoạch phát triển quốc gia là yếu tố con người. Mà ưu tiên đầu tiên về con người sẽ là sức khỏe. Làm sao để toàn dân khỏe mạnh? Các nghiên cứu khoa học mới nhất trong ngành y tế công cộng đã có những khám phá nào? Xin mời quý vị cùng chúng tôi đi một cuộc hành trình dài với giáo sư Len Syme, cựu giáo sư về ngành Truyền Nhiễm Học tại Viện Đại Học Mỹ California, Berkeley để trả lời câu hỏi này.

Khi nói đến sức khỏe, chúng ta thường nghĩ tới những yếu tố thể lý như áp huyết cao, lượng mỡ cholesterol cao, việc nghiện thuốc lá và rượu v.v... Nhưng ngày nay, khoa học hiểu rằng những yếu tố thể lý chỉ giải thích được một phần nào sự khỏe mạnh hay bệnh tật của con người. Những yếu tố quan trọng khác ảnh hưởng đến sức khỏe xác thân của chúng ta lại liên quan đến yếu tố tâm lý và tinh thần của chúng ta cũng như nếp sống của chúng ta trong xã hội.

Người tiên phong những cuộc nghiên cứu trong lãnh vực này là giáo sư Len Syme. Những cuộc nghiên cứu đầu tiên của GS Syme xảy ra ở North Dakota và cho thấy rằng khi người ta thay đổi việc làm và chỗ ở, ví dụ như dọn từ quê lên tỉnh thì tỷ lệ bị bệnh tim tăng gấp hai hay ba lần. Tiếp sau đó, trong một cuộc nghiên cứu với những người Nhật Bản di dân từ Nhật sang Hawaii và từ Hawaii sang California, GS Syme nhận xét thấy rằng nửa số người di dân này có mức bệnh tim gia tăng gấp năm lần và nửa còn lại thì không có sự gia tăng nào. Những người tiếp tục nếp sống truyền thống Nhật Bản là những người không bị gia tăng bệnh tim trong khi những người nhập theo lối sống Mỹ là những người có mức bệnh tim gia tăng gấp năm lần. Những người có nếp sống Nhật Bản là những người sống trong khu phố có đông người Nhật, có hàng xóm và bạn bè người Nhật, cho con cái học tiếng Nhật và tham gia những tổ chức hội đoàn người Nhật. Từ đó GS Syme cùng với bà Lisa Berkman, hiện nay là một nữ giáo sư tại Harvard, khám phá ra rằng yếu tố tương trợ xã hội, có nhiều sự gắn bó liên hệ với người chung quanh giúp giảm thiểu bệnh tật và sự tử vong.

Tiếp sau đó, một cuộc nghiên cứu sâu rộng và quy mô khác của GS Michael Marmot, đã khiến GS Syme nghi ngờ rằng đằng sau yếu tố tương trợ xã hội còn có một yếu tố khác căn bản hơn, chính yếu hơn. GS Marmot nghiên cứu 10 ngàn người công chức làm cho chính phủ Anh và khám phá thấy rằng những người công chức thấp nhất có mức bệnh tật cao gấp bốn lần so với những người công chức cao cấp nhất. Điều này không mới lạ. Tất cả các nhà nghiên cứu đều biết rằng từ ngàn xưa đến nay một trong những yếu tố chính giúp tiên đoán được tình trạng sức khỏe thể xác và tinh thần của con người là yếu tố giai cấp xã hội. Trừ hai căn bệnh ung thư tiền liệt tuyến và ung thư nhũ hoa, những người thuộc về giai cấp xã hội thấp có nhiều bệnh hơn những người thuộc về giai cấp xã hội cao. Điều đáng ngạc nhiên ở đây là nấc thang bệnh tật đi theo nấc thang cấp bậc trong nghề nghiệp. Những người công chức ở cấp hai của hệ thống công chức tức là những người bác sĩ, luật sư có mức bệnh tật cao gấp đôi so với những người công

chức ở cấp cao nhất. Người ta không thể nào nói rằng những vị bác sĩ luật sư trên nghèo đói, thiếu kiến thức y tế hay ở nhà thiếu tiện nghi vệ sinh. Vậy thì yếu tố nào đã khiến họ có gấp đôi mức bệnh tật so với các công chức cấp cao nhất? Sau 15 năm loay hoay nghiên cứu, tháng 7 năm 1997 trong một bài viết trên tờ Lancet, GS Marmot cuối cùng đã khám phá ra yếu tố giúp giải thích nấc thang khác biệt về bệnh tật này. Yếu tố đó được ông gọi là sự chủ động trong đời sống. Trong lời phê bình, GS Syme cho rằng đây là khám phá quan trọng nhất của nhiều thập niên qua. Những người càng ở tầng lớp dưới trong xã hội càng có ít cơ hội, ít khả năng và ít sự giáo dục huấn luyện để chuẩn bị và giúp cho họ có thể ảnh hưởng đến những gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ bị bó tay trong đời sống. Họ là những người bị cấp trên ra lệnh phải làm những việc gì, phải làm xong trong khoảng thời gian nào và họ cũng có ít phương tiện và ít tự do hành động. Tệ hơn nữa, họ cũng có cùng cảm giác bị bó tay như thế trong đời sống gia đình. Đó là nguyên nhân chính khiến họ có tỷ lệ bệnh tật cao hơn so với những người ở giai đẳng cao trong xã hội. Ngược lại, một người chủ động trong đời sống của mình là một người có sự tự tin và có khả năng, phương tiện để đối phó với những biến cố và khó khăn trong đời sống của mình. Những người chủ động như thế là những người khỏe mạnh về thể xác lẫn tinh thần. Theo sự giải thích của GS Syme, yếu tố tương trợ xã hội nằm trong khuôn khổ của sự chủ động về đời sống. Nếu chúng ta phải đối phó với một vấn đề khó khăn lớn trong cuộc sống, sự kiện chúng ta tìm sự giúp đỡ của người thân hay bạn bè là một trong nhiều cách chúng ta dùng để chủ động trong đời sống của chúng ta.

Nếu lấy ví dụ của bệnh đau tim, GS Syme thấy rằng có khoảng từ 20 đến 30 yếu tố dễ gây ra bệnh tim như áp huyết cao, mập phì, hút thuốc lá, thiếu thể dục, chất mỡ cholesterol cao v.v... Nhưng những yếu tố này chỉ giải thích được 40% trường hợp những người đau tim. Có những trường hợp khác mang bệnh tim mà không hề có những yếu tố nguy cơ về thể lý kể trên. Hoặc vẫn có những người mập phì, hút thuốc, áp huyết cao v.v... mà không hề bị bệnh tim. Thêm vào đó, sự kiện con người sống cô độc, thiếu sự tương trợ xã hội hay thuộc về thành phần thấp trong xã hội lại liên hệ đến đủ mọi trường hợp tử vong. GS Syme đưa ra giả thuyết rằng những yếu tố tâm lý và xã hội như sự cô đơn, thuộc về thành phần thấp trong xã hội, sự thiếu chủ động trong đời sống đã ảnh hưởng đến hệ thống miễn nhiễm của con người khiến xác thân yếu đuối hơn và dễ bị gục ngã trước sự tấn công của siêu vi trùng, thuốc lá hay chất mỡ cholesterol v.v... Hiện nay đang có cả một thế hệ nghiên cứu mới trong lãnh vực tâm lý, hệ thống thần kinh và miễn nhiễm này. Mc Ewan và những nhà nghiên cứu khác đã cho thấy rằng sự mất chủ động trong đời sống đã ảnh hưởng đến mức cortisone và cách làm việc của các chất kích thích tố trong cơ thể. Khoa học đang mở ra cả một lãnh vực nghiên cứu mới về ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý xã hội đến hệ thống chống đỡ bệnh tật của con người.

Các nhà nghiên cứu nhận xét rằng từ ngàn xưa đến nay những người thuộc thành phần xã hội thấp luôn luôn có mức bệnh tật cao hơn những người thuộc thành phần xã hội cao. Ngoài lý do có đủ tiền để chữa bệnh, ăn uống đầy đủ, ở nhà tiện nghi, không bị ô nhiễm, được giáo dục tốt và có kiến thức về y tế, những người thuộc thành phần xã hội cao còn có ưu thế tâm lý là họ có nhiều quyền và nhiều khả năng để chủ động trong cuộc sống cuả mình. Các nhà nghiên cứu lý luận rằng nếu người ta không thể nào san bằng sự khác biệt xã hội, người ta có thể giúp cho người nghèo chủ động hơn trong đời sống của họ. Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ, đã in ra một cuốn sách nhan đề là Chỉ Nam Sống An Khang. Lần đầu tiên một cuốn sách ra đời với mục đích đem lại đời sống khỏe mạnh về thể xác và tinh thần cho phụ nữ mà lại không nói đến những chuyện uống nước cam, tập thể dục, bỏ hút thuốc v.v... Cuốn Chỉ Nam bắt đầu với sự thai nghén, sinh con cho đến giai đoạn về già. Người phụ nữ trong suốt quãng đời này phải trải qua rất nhiều thử thách trong cuộc sống. Cuốn Chỉ Nam giúp họ vượt qua những khó khăn đó, cho họ biết những giải pháp khác nhau và chỉ họ đến những cơ quan nào có thể giúp đỡ họ. Chẳng hạn như khi họ mang thai, họ có thể chọn lựa sinh con tại nhà hay trong bệnh viện. Nếu sinh con trong bệnh viện họ có chọn lựa cho con nằm chung phòng với mình hay nằm riêng. Cuốn sách chỉ cho họ những cách phải làm để đạt được nguyện vọng của họ. Cuốn sách giúp họ tìm ra những giải pháp cho các vấn đề như: em bé của họ bị trọng bệnh mà họ không đủ tiền trả chi phí y

khoa thì phải làm sao? Nếu họ tiêu nhiều hơn số tiền họ kiếm được thì có thể làm gì? Nếu họ phải liên lạc với một cơ quan nhà nước và nhân viên nhà nước khó tánh thì họ phải chuẩn bị câu hỏi như thế nào và nói chuyện ra sao để thành công. Tựu chung cuốn Chỉ Nam giúp cho người phụ nữ chủ động hơn trong cuộc sống của họ và không cảm thấy bị bó tay trong cuộc đời.

Với những khám phá như kể trên trong các ngành nghiên cứu về y tế, tâm lý và xã hội, công tác y tế cộng đồng tại các nước tân tiến càng ngày càng đặt trọng tâm vào sự gia tăng quyền lực và chủ động của người dân. Các hội đồng quản trị của các bệnh viện và cơ quan y tế công cộng tiến bộ cố gắng khuyến khích sự tham gia của người dân và mọi chương trình hoạt động đều được đề ra để phục vụ nhu cầu của người dân. Thẩm định thành quả cũng phải hỏi ý kiến dân và cơ quan nào cũng có một thể thức hành chánh nghiêm túc để người dân khiếu nại.

Nếu yếu tố chủ động trong đời sống là một trong những yếu tố quan trọng đem lại sức khỏe thể xác và tinh thần thì vấn đề y tế trở thành một vấn đề có liên quan đến chính trị, kinh tế, xã hội,văn hóa và giáo dục. Người dân cần được sống trong một thể chế chính trị tôn trọng quyền làm người, không độc tài, không áp bức thì mới có thể cảm thấy mình làm chủ đời sống mình. Về mặt kinh tế, người dân phải có việc làm và mức lương tương đối đầy đủ để có tiền mua thuốc, có nhà ở vệ sinh, không bị ô nhiễm thì mới có phương tiện vật chất để đối phó với những khó khăn trong đời sống. Về mặt thông tin văn hóa, người dạn cần phải có tự do tư tưởng thì mới thực sự có sự chủ động trong đời sống. Về mặt giáo dục, người dân cần được giáo dục để có đủ sự tự tin và khả năng để giải quyết những bài toán của cuộc sống. Lối giáo dục độc tài, thiếu tôn trọng học sinh, không tạo cho học sinh sự độc lập và cơ hội hành động sáng tạo đã không giúp người dân trở thành những công dân chủ động trong đời sống. Về xã hội, sự công bằng xã hội, giảm thiểu càng nhiều càng tốt hố sâu cách biệt giàu nghèo sẽ giảm thiểu sự bóc lột giữa người và người, gia tăng nhân vị con người và sự chủ động trong đời sống của họ. Khi nhìn nhận rằng yếu tố chủ động trong cuộc sống quan trọng cho sức khỏe thể xác và tinh thần của người dân thì đồng lúc chúng ta sẽ phải nhìn nhận rằng không có dân chủ thì không thể có phát triển quy mô và hài hòa.●

HỒ THANH NGẠN

THƯ CHO BẠN

Bạn tôi nơi chân trời
Cách xa tầm mắt mỏi
Quê tôi
Hay quê người?
Cách xa hai bờ, biển nối lại.

Trời vẫn tròn
Ngửa trông lên
Hàng ngàn đôi mắt đợi
Đất vẫn vuông
Đất chứa cả trời cao
Nên cúi xuống
Nghe lòng thầm khắc khoải.

Bạn tôi vui
Hay chỉ nụ cười gượng gạo?
Tầm mắt nào
Hay chân trời nào
Đất vẫn chứa cả trời cao.

Tôi hỏi bạn
Mình vui hay buồn nhỉ?

ĐƯỜNG VỀ

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Gửi những bạn cũ ở Khải Định - Quốc Học, Huế.

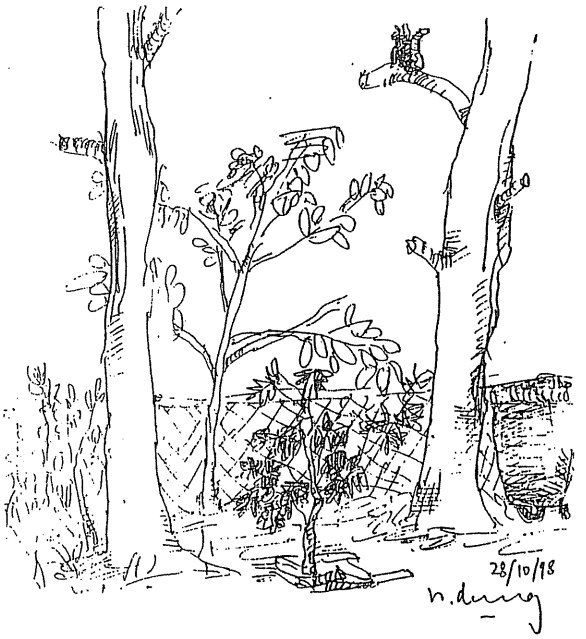

Rồi đến rồi đi từ kinh nội
Những người con gái đẹp như ri...

I

Tuấn lật đi lật lại tờ thư nhỏ dùng để đánh dấu cuốn tập san. Đó là một bức thư ngắn gọn, vỏn vẹn vài giòng chữ: "Bạn còn nhớ moa không? Moa học cùng lớp với bạn cách đây đã bốn mươi năm tại Huế..." Bức thư giản dị có hiệu lực của một tiếng gọi hữu cơ, huyền bí đã ám ảnh tâm thức anh từ mấy năm nay. Người bạn viết tiếp rủ anh về họp mặt và mời viết bài cho tập san xuất bản hàng năm.

Đã nhiều năm Tuấn sống tương đối thanh thản, độc lập, không thấy thiếu thốn về mặt tinh thần mặc dù có khi cả năm liền không nói một câu tiếng Việt hoặc gặp mặt một người Việt. Anh cảm thấy lạ nhưng rất hài lòng nghĩ đến những người bạn Huế. Huế là một cái làng lớn ở chỗ hình như hầu hết mọi người đều biết nhau, nếu không phải là họ hàng với nhau, và một mẩu tin nhỏ từ đầu tỉnh sẽ được truyền đến cuối tỉnh nội trong một ngày. Đó là một xã hội khép kín.

Tuấn đã từng sống trong những xã hội khép kín. Sống giữa những bạn người Do Thái, khi đã được chấp nhận đôi khi Tuấn cảm thấy "bị" săn sóc đến nghẹt thở. Hay như khi nghe bạn anh than phiền một cách rất tự nhiên về một vài nghi lễ vô nghĩa trong đám cưới người em họ lấy cô gái theo đạo Thiên Chúa, như thể anh là người Do Thái đã bao nhiêu đời.

Trái lại sống trong tỉnh bang Québec, tuy con người tử tế lịch sự với nhau nhưng Tuấn chưa bao giờ cảm thấy, và có lẽ sẽ không bao giờ cảm thấy, mình là "len thuần chất" - pure laine, tiếng Québec. Ông bạn hàng xóm của Tuấn, mặc dầu là một công chức cao cấp trong

chính phủ liên bang, ông không thiếu hào khí của một người Québec "quốc gia" chân chính. Gần đến ngày trưng cầu dân ý để tách Québec ra khỏi Gia Nã Đại, có lẽ ông nghĩ chuyến này sẽ thành công, ông nói với Tuấn một cách rất chân thành, "bạn sẽ rất được hoan nghênh ở đây." Tuấn nghĩ bụng, "nhưng tại sao tôi cần được hoan nghênh ở đây? Tôi sống ở đây đã quá nửa đời người, hiểu biết về nước này nhiều hơn đa số dân sinh đẻ ở nước này, nếu tôi còn cần được hoan nghênh, chắc phải có một sai lầm lớn."

Còn Huế, Tuấn không chờ đợi nhiều ở nơi chốn và bè bạn. Cùng chung một tiếng nói, tất nhiên sự hội nhập dễ dàng. Đó là khía cạnh tốt của cuộc di dân vĩ đại vì nếu nó không xóa bỏ hết được những dị biệt Trung Nam Bắc, ít nhất nó cũng giúp con người hiểu nhau hay chịu đựng nổi nhau dễ dàng hơn. Nhưng cần có thời giờ. Tuấn đến và đi nhanh như bóng ma, anh chưa có đủ thì giờ để bén rễ như những người bạn khác. Vì vậy Tuấn rất cám ơn những người bạn đã nhớ đến và tìm lại anh. Nhưng Tuấn đã được nhận là dân Huế "pure laine" chưa? Chưa! Đó là duyên dáng nơi con người, vì tuy chìa bàn tay cho nắm bạn anh vẫn để ý phòng xa khi cần rụt lại. Chẳng hạn như chưa bao giờ Tuấn nhận được thư quyên tiền giúp đỡ người bạn này hay ông thầy cũ khác, điều mà anh biết được làm khá thường xuyên. Thể diện là bức tường thành cuối cùng của sự chấp nhận. Thôi, cũng được!

Tuấn sắp xếp lại cho ngay ngắn mấy cuốn tập san dầy mà các bạn anh đã phụ trách xuất bản. Đó là sản phẩm của một nhóm người con của đất nước, một tập thể có thể gọi là chọn lọc, ít người không xứng đáng. Ở vào thời đại khác, hoàn cảnh khác có lẽ những tập san này chẳng bao giờ ra đời; hay nếu có, nội dung của chúng sẽ trong sáng, thanh thản, nhẹ nhàng hơn. Như đã xẩy ra, những tập san này phác họa lại một thời đại, hay đúng hơn, cho thêm một ít chi tiết khá tiêu biểu của một thời đại đã kéo dài non nửa thế kỷ. Cũng có những nụ cười, nhưng phần lớn đó là những nụ cười để che đậy, xoa dịu những thử thách, cam go của cuộc sống.

Tuấn tìm lại tên những người bạn thân sơ cũ trong tập san. Họ làm đủ mọi nghề nhưng đều chung nhau một điểm, ấy là người nào cũng ngổn ngang những mối tình, tình người hay tình sông núi, rất phức tạp. Này đây anh chàng thủy thủ hay ăn quà vặt, chẳng may ăn phải quà của bà bán hàng rong mà theo lời các bạn sinh viên y khoa là một người mang bệnh cùi ở dạng hay lây nhất. Anh đến tận một viện nghiên cứu danh tiếng ở Paris thử để tự trấn an. Nhưng triển vọng 50-50 là anh đem bệnh phong... cùi đi reo khắp chốn.

Rồi đến anh chàng kiến trúc sư có nụ cười lành như trái đất, chỉ vì một sự trùng tên mà bị oan, nổi tiếng về việc ngừng xe mô by lét giữa đường để "cua" gái. Có kẻ nói chuyện đó không thể xẩy ra vì anh ta hiền như bụt thì một tên bạn Bắc Kỳ độc miệng chêm vào: "Chớ tin cái mã ngoài, có khi nó là con bìm bịp mà bắt gà sống thiến đấy!" Từ đó anh chàng có thêm mỹ hiệu "con bìm bịp."

Đó là vài chuyện không buồn, chuyện của những người nhiều may mắn hơn. Phần còn lại, ngoài một số chuyện chết chóc, chuyện của những người sống đa số là những tiếng thở dài bị đè nén. Ngay cả chuyện của những người đàn bà: Tuấn tưởng tượng cô em này ngày xưa chắc cũng "starry-eyed," suốt ngày mắt ngước nhìn phương trời xa xăm, mơ màng lướt thướt; nhưng số mệnh sẽ không buông tha cô. Số mệnh viết rằng bóng tối sẽ không thay mầu, cô sẽ tiễn chồng ra khơi đến bốn bận và nuôi tù đến ba lần, rồi thêm vào đó là mười năm một mình nuôi con vò võ.

Tuấn đọc, Tuấn đọc. "Tôi đến đây để tìm thăm người bạn. Đồi cỏ nghiêng nghiêng, chập chùng, nối tiếp nhau đến tận chân mây. Nhìn về hướng Đông, nóc một giáo đường vươn lên sau mấy ngọn đồi và xuyên qua mây trời lãng đãng. Có lẽ ở cuối chân mây bên ấy có một địa đàng và sau chín tầng mây có một Thiên Đàng..." (1) Tuấn mải mê đi theo anh bạn cho đến khi anh tìm được một hang động. A ha, chuyến này ta sẽ có bí kíp để tập luyện một môn phái mới như trong truyện kiếm hiệp. Nhưng không, phần thưởng chỉ là một hang động mát mẻ, chỗ nghỉ ngơi thoát tục cho người tù.

Vâng, bạn học cũ của Tuấn, một tên tù giữa những tên tù, đi tù năm năm, mười năm, mười lăm năm, mười bẩy năm... Nếu anh phồng má, trợn mắt, la lối um xùm như những ông tướng Quảng Lạc thì rõ ràng anh đang đánh nhau, rất có thể vì tư lợi; việc anh làm không dính dáng đến người thứ ba không bị trực tiếp ảnh hưởng. Đằng này với một giọng bình thản, anh điềm đạm kể câu chuyện thường ngày dưới con mắt một người quan sát, cũng có chết chóc nhưng đó chỉ là một sự việc

ngẫu nhiên, một phần của câu chuyện. Tuấn rùng mình nghĩ đến người quan sát trên thân mình đầy thương tích đau đớn, xử sự như một fakir Ấn Độ mà không có tài của người fakir Ấn Độ. Anh đã quên? Không, Tuấn không nghĩ anh đã quên, vết thương sâu quá để mà quên! Cố ý hay vô tình, anh đã trở thành một nhân chứng lịch sử đáng tin cậy, ghi nhận những tàn nhẫn giữa người với người mà lịch sử chính thống ít khi có đủ chỗ để ghi chép.

Đột nhiên Tuấn nhìn thấy giá trị con người nơi người bạn đã siêu thoát khỏi giá trị thường ngày và cảm thấy xót xa. Một mặc cảm tội lỗi xâm chiếm anh, tội lỗi ở chỗ chưa đi tù một ngày nào. Việc gần nhà tù nhất của Tuấn là một hôm có người cảnh sát liên bang đưa trát tòa án đến nhà cho Tuấn, bắt anh phải trả tiền phạt về tội đậu xe trái phép. Tuấn hỏi đùa người cảnh sát nếu anh không trả tiền phạt thì sẽ có gì xảy ra. Người cảnh sát cười hiền lành, trả lời, "thì anh sẽ đi tù một ngày, nhưng tôi khuyên anh không nên."

"Vì sao?"

"Vì trước hết người ta lăn tay anh," người cảnh sát trả lời, "rồi người ta cho anh thay quần áo tù, rồi người ta cho anh đứng trước bức tường có thước để đo và chụp cho anh hai kiểu ảnh, một kiểu nghiêng, một kiểu thẳng, rồi..."

Người cảnh sát xòe bàn tay, đếm kể phương thức nhận tù rành rọt từng điểm một trên đầu ngón tay, tương tự như hát bài "Ta Ra Thăm Đồng Đêm Tối Không Trăng Sao" mà Hướng Đạo - Sói Con thường hát theo điệu "Il était un petit navire," trong đó có đoạn đếm kể những việc phải làm sau khi bắt được con cò:

Ta đem mi về ta nướng ta thui mi,
Ta đem mi về ta nướng ta thui mi,
Xong ta moi gan, gan, gan móc tim mi đi,
Rồi ta đem nấu cà-ri...

Nghe mà ghê! "Thôi, thôi, để tôi đi trả tiền phạt!"

Huế và những người bạn Huế đem Tuấn lại một quãng đời cũ rất dài. Bắt đầu từ những ngày chạy Tây ở đồng ruộng tỉnh Thái Bình, chạy suốt đêm ngồi xuống là ngủ. Trong trí nhớ và suy nghĩ non nớt của một cậu bé mười một, mười hai tuổi đó là những biến cố trọng đại làm cho đời cậu phong phú. Tuấn trưởng thành cũng hãy còn giữ mãi những kỷ niệm đó. Anh đeo nó như một huy hiệu danh dự trên tay áo, anh kiêu hãnh kể đi, kể lại nếu có ai muốn nghe, cho đến một hôm có một chuyện nhỏ xẩy ra trong đời đi dậy học.

Thường thường hàng tuần Tuấn hay kể một chuyện vui trước khi giảng bài. Anh kể cùng một câu chuyện ở nhiều lớp, sinh viên bao giờ cũng cười. Một hôm bước vào lớp học cuối cùng, khi sắp sửa bắt đầu Tuấn nhìn thấy cô gái ngồi bàn đầu đang ngóng đợi câu chuyện hàng tuần của cô và sửa soạn... cười, tự nhiên Tuấn thấy ngượng với chính mình và ngừng khi bắt đầu định kể. Trong lúc viết bảng anh để ý nhìn vẻ mặt hoang mang khó tả của cô học trò, không hiểu tại sao công việc thường ngày tự nhiên bị đổi. Nhân chuyện này, Tuấn nhận ra rằng mình kể chuyện chạy Tây đã nhiều hơn chuyện khôi hài. Từ đó Tuấn ít kể chuyện chạy Tây và ngừng hẳn khi đọc chuyện bạn Huế của anh. Chuyện chạy Tây - picnic của anh so với chuyện của những người đi tù năm năm, mười năm, mười lăm năm, mười bẩy năm..., ngay cả với chuyện của cô bạn trẻ bốn lần tiễn chồng, ba lần nuôi tù, thật không có căn bản gì để so sánh.

Huế còn đem lại cho anh nhiều nhiều nữa. Vì đến Huế mà Tuấn có mối tình chua xót đầu tiên, và những luyến tiếc khó nguôi. Rồi cũng Huế là nơi đã cho Tuấn người đàn bà đầu tiên, người đàn bà tươi sáng, có hai đuôi con mắt biết cười mà anh không biết đường giữ. Nhưng đời sống không là một chuỗi dài hai chữ "giá mà." Riêng đời sống trưởng thành của Tuấn bắt đầu vào buổi trưa hè xa xăm ấy, khi con tầu Ville de Haiphong rời bến Hải Phòng vào Đà Nẵng, rồi từ đó anh vào ở Huế...

II

Tầu Ville de Haiphong hú còi một lần cuối cùng rồi từ từ chuyển bến. Đây là lần đầu tiên trong đời Tuấn được đi trên một con tầu xuyên đại dương. Đứng trên boong tầu Tuấn rất xúc động, tâm hồn xáo trộn bởi những gì chưa đến, đầy thử thách và bất trắc, và những gì thân thương, quen thuộc đã bỏ lại đằng sau. Anh nhìn bến tầu đang lùi xa dần, bến tầu mà ở đây chiều chiều anh cùng bạn thường ra hóng mát, nói chuyện gẫu. Anh đưa mắt tìm chỗ đứng thường ngày của mấy xe bán đồ giải khát hay xe bán thịt bò khô của anh Năm. Nghĩ đến anh Năm và nước ớt cay thịt bò khô của anh, Tuấn thấy mồ hôi chảy râm rấp trên trán. Những bộ mặt phong sương, chất phác này không còn ở đây nữa; ngày hôm nay, chỗ đứng của họ đầy rác rưởi, người vội vã đi lại tấp nập. Tuấn bất giác đưa tay lên lau mắt, kín

đáo chùi mấy giọt nước mắt đang chực trào ra. Vĩnh biệt tất cả!

Vĩnh biệt những buổi chiều chủ nhật đi xe đạp dọc đường Quán Thánh, mải nói chuyện bánh xe lọt vào đường xe điện ngã nổ đom đóm mắt, hay Gò Đống Đa, hay Nghi Tàm, hay Cổ Ngư. Vĩnh biệt phố Cầu Đất, đường Cát Dài, vườn hoa Con Cóc, những bãi đá bóng của thành phố hải cảng này. Vĩnh biệt những bạn bè còn ở lại. Vĩnh biệt những mối tình đầu, vĩnh biệt Hiền Đen, Minh Trắng, rồi Hồng, rồi Phụng, rồi Phi...

Cái số đào hoa vỏ này đã bao đêm làm Tuấn mất ngủ. Học trên các cô này hai lớp mà quen được với các cô là một thành công lớn, "succès fou" như bạn bè thường nói. Nhưng có lẽ những thành công này hoặc quá lớn hoặc chưa đủ lớn, liên hệ giữa các cô và anh quá "bình đẳng," Tuấn chưa bao giờ "anh anh, em em" với một cô gái nào hết. "Giá mà mình học trên các cô thêm một lớp nữa..." Tuấn nghĩ thầm tiếc rẻ, rồi cười tự chế nhạo cái "giá mà" trẻ con rất khiêm tốn của mình. "Giá mà cái mũi của Cleopatra dài ra hay ngắn đi một chút nữa..."

Một câu thơ của Xuân Diệu chợt hiện trong đầu: "Rồi một ngày mai, tôi sẽ đi..." Trong giấc mộng ban ngày Tuấn mường tượng một chàng trai phong sương, từng trải đang dầm mưa dãi nắng ở một vùng đất xa xôi, trời đánh nào đó. Tuy điều đó không đem lại một kết quả nào cụ thể, nó ích lợi ở chỗ đó là một hình ảnh lãng mạn thật đẹp, thật chua xót, sẵn có và vô hại. Cho các cô biết thân!

Trong nhiều tháng trời, đối với Tuấn, Hiền là chỗ bắt đầu và cũng là chỗ cuối cùng của cuộc sống. Cô có tên tục Hiền Đen chỉ vì lý do giản dị là ở cuối phố có Minh Trắng, hay ngược lại. Thật ra Minh Trắng không trắng đến như vậy cũng như Hiền Đen không đen đến như vậy. Đó là tên bọn con trai gọi sau lưng các cô, lâu ngày thành thói quen, tên dính với người, không xấu hơn mà cũng không đẹp hơn, nhưng chắc chắn là không thể lầm với những Hiền hay Minh khác. Hiền có nước da bánh mật, khỏe mạnh, người dạn dĩ với chiếc răng khểnh duyên dáng. Mỗi khi cô nói hay cười, nó mới mẻ như buổi bình minh với những tia nắng mát trong lành chan hòa trên cỏ ướt. Nhưng những tia nắng sớm ấy cũng là những mũi dao trích sâu trong tim anh, khi cô vui vẻ kể chuyện mấy chàng học trên cô ba lớp, hoặc người này theo cô hoặc người kia bắt em gái dúi thư cho cô. Vì Tuấn đã trở thành ông anh bất đắc dĩ tự lúc nào! Anh là người để Hiền sai vặt, để hỏi Toán Lý Hóa, để than phiền, để khoe cái này cái nọ, để trăm thứ bà rằn khác... Chỉ trừ câu chuyện yêu đương, về chuyện này - tiếng Việt nói làm sao - Hiền "strictly business." Dần dà hai người ngầm

NGUYỄN VĂN THỰC

NGƯỜI YÊU TÔI NẰM NGỦ

Người yêu tôi nằm ngủ
Mùa xuân cỏ chưa về
Người tôi yêu: cầu thủ
Ôm banh chờ trận huề

Người yêu tôi mở mắt
Mùa xuân lá quên cành
Tuyết Bắc phương nhẹ hạt
Hát màu trắng Vô Minh

Người yêu tôi tắm mát
Suối lưng đèo chưa reo
Người yêu sờ môi nhạt
Sao vầng trăng chưa treo

Người yêu vừa mặc áo
Khoác mùa xuân lên người
Hương xuân nồng nhân tạo
Thôi, Sắc Không lẽ trời!

đồng ý với nhau, nó như một thứ phản ứng hóa học, mọi nguyên liệu đầy đủ sẵn sàng ở đó, chỉ thiếu chút ít chất xúc tác vô duyên chưa ai tìm ra. Để được gần cô, Tuấn an phận yêu cô một cách âm thầm. Còn Hiền, Hiền không hề quay quắt lợi dụng anh. Cô quý anh như một người thân, chăm nom, săn sóc anh nhỏ nhỏ.

Đã ra đến cửa bể, sóng nước mênh mông, con tầu trở nên thật bé nhỏ, vô nghĩa. Tuấn thấy mình còn bé nhỏ, vô nghĩa hơn. Anh nhớ Hiền da diết. Cảm nghĩ cô đơn và bất an khiến anh không còn muốn đóng kịch làm anh hờ nữa. Hoàng hôn đang dần xuống. Xa xa, mặt biển nối mây trời rực rỡ như bức màn sân khấu nhà Hát Lớn thành phố. Hiền thường đứng trước bức màn sân khấu ấy trong những buổi dạ hội Tết hay cuối năm của nhà trường. Trước mắt anh, Hiền kiều diễm hiện ra, tay cầm micro, một bàn chân đi giầy đỏ nghiêng nghiêng, đầu ngón chân ấn xuống sàn gỗ. Cô đưa mắt nhìn anh, rồi cất giọng trầm ấm hát Khúc Nhạc Ly Hương của Lâm Tuyền:

... Rồi một hoàng hôn ta sẽ hồi hương,
Trở về quê xưa thêm bao tình thương,
Bao con buồm xưa đến đón cố nhân,
Với bóng thân yêu ngàn đời chờ mong,
Mây trời bao la...

"Mây trời bao la... Hiền ơi!" Tuấn nghe lòng mình thổn thức. Vì đấy là hình ảnh đầu tiên về Hiền mà Tuấn còn giữ được, vì đấy là lý do đầu tiên khiến anh quấn quít bên cạnh cô em hờ tài hoa như sắt vụn với nam châm. Sóng vỗ cạnh tầu, nước bể trong xanh đã đổi sang mầu đen thẫm. Tuấn sẽ không bao giờ gặp lại Hiền nữa.

Đêm đã khuya, mảnh trăng lưỡi liềm treo heo hút trên trời biển, thỉnh thoảng một đàn cá bạc nhẩy loang loáng trên mặt nước. Sóng biển mạnh làm nước bắn lên ướt hết boong tàu. Tuấn tìm chỗ ngồi kín hơn cho ấm và cho đỡ ướt. Anh ngồi lặng im như vậy thật lâu, nghe nỗi thống khổ, tuyệt vọng tràn lan, xâm chiếm tâm hồn và thể xác mình. Nhưng không ai có thể chịu đựng được thứ tình cảm vô cùng ấy được lâu nếu không tự hủy diệt. Nó như một thứ ma túy dần dần làm tê liệt mọi cảm quan; Tuấn nhận ra chân lý đầu tiên: nếu ta vẫn sống, ta sẽ có thể quen với mọi nỗi thống khổ.

Tuấn quên đêm đã lạnh và gió thổi mạnh. Trong cái cô liêu hoang sơ của biển đêm anh lan man ngẫm nghĩ về đời sống và chết chóc, về tình yêu và ly biệt. Anh nhìn anh trong một bối cảnh rộng lớn hơn. Tuổi chưa đầy mười tám, đây là lần thứ bao nhiêu gia đình Tuấn đã bỏ hết nhà cửa để ra đi, tài sản là những gì mang được trên lưng. Rồi anh nghĩ rộng, ngạc nhiên và thán phục tính kiên trì, nhẫn nhục, cái bản năng sinh tồn rất mãnh liệt của cả một dân tộc mà gia đình anh hay chính anh chỉ là một thành phần có lẽ rất trung bình. Đã nhiều thế hệ, hình như lúc nào họ cũng ở vào thời điểm bắt đầu, lúc nào cũng làm một công việc bề ngoài trông thật vô vọng, như những con dã tràng cố vê những tường thành bằng cát; vậy mà, cách này hay cách khác, luôn luôn tìm được một niềm hy vọng, một niềm tin mới. Mối tình chua xót manh nha của anh dần dần siêu thoát; trong cái điêu tàn suy sụp ấy anh không thể tìm thấy hạnh phúc nhưng dần dà anh cũng nhìn thấy những đẹp đẽ, tốt lành; những giờ phút êm dịu mà anh đã sống, mà anh đã có là những kho tàng dự trữ, những niềm an ủi, khả dĩ xoa dịu bớt được những vết thương. Từ đấy, trong anh bắt đầu nẩy nầm những niềm hy vọng mới.

Từ mười mấy tháng nay, lần đầu tiên Tuấn thấy tâm hồn thanh thản, anh ngồi bình tĩnh nhìn lại những thay đổi của đời mình. Hiền vô tình với anh đến thế kia ư? Không phải, Hiền không vô tình với anh mà có lẽ vì anh tham lam, vội vàng quá. Hiền là một cô gái mới lớn, thành công, có nhiều chàng trai chạy theo mà Tuấn là một. Do đấy cô không phải vội vã có một mối tình như anh mong muốn, có vậy thôi. Hiền chấp nhận anh vì anh chấp nhận Hiền trong điều kiện đó. Nhưng tất nhiên mối liên hệ đó không đứng một chỗ, cả hai cùng đang lớn, dần dà chính anh cũng biết Hiền chỉ hững hờ với anh ngoài mặt. Hiền không muốn làm ngắn cái thời gian mà cô gọi là "thời gian ấp trứng" này. Một lần nhân một câu chuyện nào đó cô cười đùa: "Nhưng anh không thể bắt con gà ấp quả trứng nhanh lên được!" Hơn nữa cách dàn xếp này thật tiện cho cô vì Tuấn được ra vào nhà cô khá tự do và tự nhiên, mẹ cô đỡ phải bận tâm.

Những tháng trước mùa thi là những tháng "cỏ vê" êm dịu của đời Tuấn. Đó là những tháng hình như lúc nào anh cũng đứng bên bờ vực thẳm. Vì trên thực tế Tuấn đang sửa soạn thi cả hai bằng Trung Học Phổ Thông và Tú Tài cùng một lúc: anh phải chỉ cho Hiền cả Toán lẫn Lý Hóa. "Tại sao anh không đi thi hộ Hiền, có phải như vậy đỡ mất thì giờ cho cả

anh lẫn Hiền không?" Cô bé đôi khi nói rồi. Hay khi anh nói xẳng không nhớ được hằng đẳng thức đáng nhớ (2) thì làm sao hiểu được phương trình bậc hai, cô gái dấn mắt hỏi lại một cách ngây thơ: "Nhưng Hiền không thấy có cái hằng đẳng thức nào đáng nhớ hết!" Không bực mình lâu được, anh đành cười: "Sau này tôi viết sách giáo khoa tôi sẽ không gọi nó là hằng đẳng thức đáng nhớ mà là hằng đẳng thức phải nhớ." Cô gái đáo để không buông tha anh, quay đi để dấu một nụ cười tinh quái cô xát thêm muối, "nhưng khi ấy thì Hiền đâu còn phải nhớ những hằng đẳng thức phải nhớ của anh nữa." Cuối cùng Tuấn cũng thành công nhét vào trong cái đầu xinh đẹp ấy những hằng đẳng thức đáng nhớ và vô khối thứ "đáng nhớ" khác. Trong những ngày tàn của cuộc chiến Hiền thi đỗ bằng Trung Học Phổ Thông, còn Tuấn thi không trượt bằng Tú Tài. Mẹ Hiền rất cám ơn Tuấn, bà sung sướng nói: "thật là lưỡng thủ khôi nguyên!" Hú vía!

Rồi những ngày thật buồn phải đến. Gia đình Hiền quyết định ở lại, không đi vào Nam. Một buổi chiều đầu hạ không gắt nắng, Tuấn đến chào từ biệt. Đứng trong sân trong nhà Hiền, dưới bóng mấy cây hoa ngọc lan và hoa đại mà ông thân sinh Hiền đã chăm chút từ mấy chục năm, hai người im lặng theo đuổi những ý nghĩ của riêng mình. Mãi mãi Tuấn mới nói, không mấy tin tưởng ở chính mình, "chắc phải hai năm mình mới có dịp gặp nhau lại." Tuy còn nhỏ tuổi Hiền đã tỏ ra hiểu biết rất chín chắn về thời cuộc: "Hiền không nghĩ chuyện đó sẽ xẩy ra đâu, anh."

Rồi cô bỏ lửng câu chuyện. Một làn gió nhẹ, giữa hương thơm ngào ngạt của hoa lan, hoa đại Tuấn ngây ngất ngửi thoang thoảng mùi tóc, mùi ngai ngái gây gây của cô gái dậy thì, mối tình đầu của anh. Tuấn yêu Hiền có lẽ còn hơn chính bản thân mình. Anh chưa bao giờ dám chạm vào da thịt Hiền như sợ sẽ làm ô uế một thứ gì thiêng liêng, thần thánh. Sau cùng Hiền lên tiếng: "Hiền nghe nói gia đình Minh đã đi rồi, vào trong đó anh nên liên lạc lại với Minh." Cô không nói thêm, hai giọt nước mắt đang từ từ lăn trên gò má. Tuấn lấy ngón tay khẽ di di mấy giọt nước mắt trên má Hiền. Cô đứng im để anh lau khô nước mắt. Đó là chất xúc tác, đó là giờ phút Tuấn chờ đợi từ bao nhiêu tháng nay, anh biết chỉ cần đưa tay nâng cằm Hiền... Tưởng tượng hình ảnh miệng Hiền hé mở chờ anh làm anh ngạt thở, Tuấn cảm thấy máu chẩy mạnh trên thái dương.

Lau khô ngấn nước mắt cho Hiền xong, Tuấn thở ra thật dài, nói chuyện Minh là chuyện về sau, đến đâu hay đến đó. Mấy giọt nước mắt cùng giọng nói nhẫn nhục của Hiền là bằng chứng của một mối tình chân thành, đã âm ỷ cháy từ lâu; chúng cũng có ý nghĩa chấp nhận sự thất bại và là tấm giấy phóng thích Tuấn. Hai người còn trẻ quá. Những ngày mới quen, như để nhấn mạnh liên hệ giữa hai người không khác gì hơn là tình bạn Hiền hay nói giới thiệu cô này cô nọ cho Tuấn. Nào là Hồng, là Phụng, là Phi, nhưng không bao giờ có Minh Trắng.

"Thôi, để Hiền giới thiệu anh cho Hồng, hay Phụng. Hay anh thích Phi hơn?"

"Tôi không thích cô nào hết, không phải vì tôi chê gì các cô ấy. Nhưng tại sao không là Minh Trắng?"

"A, Minh thì anh phải làm ăn lấy một mình!"

Nhưng khi thấy Tuấn "làm ăn lấy một mình" hơi quá nhiều thì Hiền hay hờn mát; cô chỉ yên tâm, vui vẻ trở lại khi thấy địa vị của mình không bị đe dọa. Tội nghiệp Hiền quá lo xa, ngày nào cô còn ở đó thì không chuyện gì có thể xẩy ra được.

*

Bốn năm sau Tuấn gặp lại Minh ở Sài Gòn. Hai người vẫn thân nhau như xưa, nhưng bây giờ đã có nhiều thay đổi lớn trong hoàn cảnh: một là Hiền không ở đây, hai là hai người đã đã trưởng thành vì lớn thêm bốn tuổi, và ba là Minh mới đính hôn. Một phần vì hiền thục, một phần vì không có gì hấp dẫn hơn trong tương lai gần trước mắt nên khi có người dạm hỏi và bà Phán, mẹ Minh, ưng ý, bà không gặp mấy khó khăn thuyết phục cô con gái. Bà Phán hài lòng vì cậu rể tương lai "cũng" là một kỹ sư. Bà là người tốt bụng, bà vẫn chăm đón niềm nở với Tuấn. Bà ân cần hỏi thăm anh đi đâu trong bao nhiêu năm mà bây giờ mới gặp lại. Tuấn kể cho bà nghe gia đình anh vào ở trong Trung và anh học ở Huế.

"À, thế bây giờ cậu học gì, đến đâu rồi?"

"Dạ, thưa cháu đang học Cơ Học Thuần Lý," (3) Tuấn kiêu hãnh trả lời.

"Ừ, cũng được. Nghề nào chẳng là nghề, nhất nghệ tinh nhất thân vinh. Tôi có quen một cơ sở dậy về cơ khí và sửa chữa máy móc ở dưới phố, nếu cần tôi có thể giới thiệu cậu được. Mình bà con di cư với nhau ở trong này,

nếu không giúp đỡ lẫn nhau thì ai giúp đỡ mình bây giờ."

Minh ngồi sau lưng mẹ định lên tiếng giải thích nhưng thấy Tuấn đưa mắt ra hiệu nên cô thôi, ngồi im bụm miệng cười đồng lõa. Là người nhận những ân huệ như vậy, thuần lý hay nghịch lý không là điều quan trọng, Tuấn nghĩ cơ sự này anh chỉ còn một con đường để chọn, ấy là con đường bỏ nước mà đi. Anh bỏ nước anh đi. Vừa tránh được một sì căng đan đang đợi để xẩy ra, nhưng đó là chuyện về sau. Trong khi chờ đợi, mặc dầu rất ghét bài bạc, để làm vui lòng các bà Tuấn bao giờ cũng sẵn sàng thành chân dự khuyết khi các bà cần đến. Trên đường đến hầu bài (vì tuy chắn là trò chơi may rủi, nếu chú ý một chút cũng rất có ích) Tuấn thường vừa đi vừa lẩm bẩm tụng kinh cho thuộc bài, "Tam vạn, tam sách, thất văn; cửu vạn, bát sách, chi chi. Tam vạn..." (4) Trong sự nghiệp hầu bài các bà, Tuấn chưa bao giờ thua. Vì vậy càng về sau anh càng ít được mời chơi; Minh cho biết là bần cùng lắm các bà mới cho đi kiếm anh.

Số Minh không may. Tuấn là cậu trai đầu tiên đến với Minh khi cô bắt đầu biết thích con trai. Nhưng tai ác thay trong bao nhiêu tháng trước khi di cư, Minh phải "chơi vĩ cầm, phần hai" cho Hiền. Minh biết ngày nào còn Hiền thì đối với cô Tuấn chỉ là một người bạn khác phái. Tiếp đến cuộc di cư, gia đình Minh cần mấy năm để ổn định và để Minh học cho xong trung học. Bây giờ Minh đang học PCB, một chứng chỉ ở Đại Học Khoa Học để chuẩn bị vào Y Khoa.

Một buổi sáng đi ngang cửa phòng thí nghiệm thực hành sinh vật học Tuấn trông thấy đám tóc quăn quăn buộc đuôi ngựa bằng nơ đỏ trên cái gáy trắng quen thuộc, chủ nhân của chúng đang lúi húi mổ con nhái. Đúng là Minh, Tuấn bước đến sau lưng cô khẽ nói vào tai: "Người đẹp gì mà độc ác quá vậy!" Nhận ra Tuấn, Minh suýt nữa kêu rú lên trong phòng thí nghiệm. Buổi chiều hôm đó hai người "cúp cours," ngồi ôn lại chuyện ngắn dài của bao nhiêu năm. Từ đó họ không rời nhau nửa bước, suốt ngày những khi không có cours hai người thường ngồi học chung với nhau ở một góc thư viện.

Gặp lại Tuấn, đời sống của Minh tươi vui hẳn lên. Tươi vui vì hai người đã có chung với nhau những chuyện riêng tư vui buồn, đứng đắn hay hài hước đến nay đã ngót chục năm; do đấy nhiều khi ở ngay giữa đám đông họ cũng chỉ cần một hai tiếng là đủ để hiểu nhau. Ôi, làm sao Tuấn quên được Tết năm ấy, ngồi bên cạnh Minh đánh tam cúc, khi mối kinh nghiệm trong đời sống của anh hãy còn là một kinh nghiệm đầu đời!

Nhưng lúc này, khi Tuấn thật là của riêng cô thì Minh lại phải sống dưới cái bóng rất dài của một người chồng chưa cưới. Là một cặp thanh niên lành mạnh họ không được tự do yêu nhau một cách lành mạnh. Nhiều lần áy náy, Minh nói với Tuấn rằng cô có ý định từ hôn; hơn nữa cô đã tới điểm không chịu đựng nổi mỗi chiều chủ nhật phải ngồi tiếp chuyện người chồng chưa cưới một cách bất đắc dĩ. Rồi đối với bà Phán nữa. Tự nhiên ngày ngày trang điểm, náo nức chăm chăm đi học thì "đến chó nó cũng biết." Minh rất gần với mẹ, cô không quen nói dối, nhất là với mẹ; vả lại, người dưng khác họ chẳng nọ thì kia, cô cũng chỉ biết ngần ấy cách giải thích làm sao "gió thổi bay mất áo!"

Tuấn cũng có nhiều khó khăn không kém. Chỉ còn không đầy hai tháng nữa Tuấn sẽ xuất ngoại du học. Đó là cái đích không thể thay đổi mà Tuấn đã nhắm từ ngày còn rất bé. Ở thời điểm đó, đó là một bài toán mà Tuấn không tìm ra bài giải. Bỏ Minh hay bỏ học, cả hai đều không đáng gọi là bài giải. Ở lại cưới Minh bà Phán chắc cũng không quá phiền sau khi hiểu Tuấn không đến nỗi phải kiếm ăn bằng nghề sửa xe, nhưng đó không là vấn đề. Vấn đề là hạnh phúc, nếu có, có lẽ sẽ là một thứ hạnh phúc không toàn vẹn. Minh cũng nghĩ thế, cô không hề làm áp lực giữ anh ở lại. Cuối cùng chính Minh giúp Tuấn làm quyết định nên đi học, với một lý do thật hèn, kém phần sáng tạo và thẩm mỹ là Tuấn đi để cho gia đình Minh đỡ "tai tiếng."

Hôn nhân của Minh vì vậy không phải là kết quả tự nhiên của một mối tình, mà là một hôn nhân có đầy đủ tính chất của một hôn nhân cổ điển. Nói như thế không có nghĩa đó là một hôn nhân không hạnh phúc. Vả chăng, hạnh phúc là một quan niệm hết sức co rãn, tương đối; miễn là ta đừng khó tính hay tham lam quá có lẽ ta có thể tìm thấy hạnh phúc ở bất cứ xó xỉnh nào. Tuấn nhớ lại chuyện ông già và con chó cùng sống trong một apartment, mà anh đã đọc. Sống cạnh nhau lâu năm, quen nhau quá, ông già thì hay ủng oẳng, còn con chó thì hay càu nhàu. Người và chó cãi nhau cả ngày nhưng nếu không có nhau thì cùng thấy khốn khổ. Vậy thì không khốn khổ cũng

đã là một thứ hạnh phúc!

Trong trường hợp của Minh, cô sẽ phải bớt tươi vui đi để mà có hạnh phúc. Tuấn rất thán phục cách xử sự "thật đàn ông" (real man, whatever that means!) của Minh khi cô đi lấy chồng. Không hẳn là một chọn lựa tự do, nhưng dù sao thì cũng là một chọn lựa mà cô không phải là kẻ bàng quan. Trước ngày cưới Tuấn nhận được thư của người yêu cũ, kể rằng cô rất ngạc nhiên thấy mình sửa soạn đám cưới một cách thật vui vẻ, hào hứng. Để kết luận, cô viết: "Bạn hỡi, hai tuần nữa Minh sẽ đi. Anh hãy mừng cho Minh đi! Minh chỉ ân hận một điều là từ nay mình không còn tự do thư từ như trước nữa. Nếu số mệnh đã an bài rằng Minh chỉ có cây dâm bụt thì Minh sẽ chăm nom, săn sóc cho cây dâm bụt đó. Chắc Minh sẽ không có nhiều thì giờ mơ mộng, ngồi nghĩ vơ vẩn hay nhìn ngắm mây trời đâu. Anh có còn nhớ bờ rào dâm bụt nhà Minh ngày xưa ở ngoài Bắc không? Bờ rào đầy hoa dâm bụt đỏ thắm ở đấy mấy con chim khuyên thường nhẩy vào nhẩy ra tíu tít, trông thật vui mắt, đúng không anh?" Tuấn còn nhớ rõ bờ rào dâm bụt đó lắm vì Minh và anh thường hay đứng đó nói chuyện. "Tôi xin lỗi Minh..." Tuấn thở dài, thầm nói một mình.

*

Tiếng hú dài của còi tầu làm Tuấn thức giấc; trong vài tiếng đồng hồ nữa tầu Ville de Haiphong sẽ cập bến Đà Nẵng. *Boong tầu trở thành một thứ chợ Bến Thành hay chợ Đồng Xuân thu nhỏ, tiếng mẹ hối hả tìm con, tiếng con khóc, tiếng chân người chạy đi chạy lại.* Xe cam nhông nhà binh sẽ trở đám người hỗn độn ấy về những trại tạm trú, về những trường học hãy còn đang nghỉ hè. Rồi sẽ còn thêm nhiều tầu đi biển, nhiều xe cam nhông nữa, trong năm ngày, mười ngày, như lá về rừng, đoàn người sẽ tản mát, thu nạp bởi giải đất hẹp, dài, đầy cát nóng bỏng này của đất nước. Họ sẽ bắt đầu lại từ đầu - lần thứ bao nhiêu và liệu có phải là lần cuối cùng không? Họ sẽ bắt đầu lại ở những vùng như Quảng Trị, mùa này gió Lào quái quỷ đang thổi qua khiến ta muốn trút bỏ hết quần áo, rồi thấy vẫn chưa đủ, muốn kiếm cách chui ra khỏi cái vỏ bọc bằng da của thân thể mình nữa. Hay như Huế, trong ít tháng sẽ mưa tầm tã liên miên không ngừng, không bao giờ ngừng, không gian, thời gian, thân xác ta, tâm hồn ta, chỗ nào cũng lũng bũng những nước.

Nhưng không sao! Nếu hơn bốn trăm năm trước chúa Nguyễn Hoàng, không tầu đi biển, không xe cam nhông mà còn đến sống nổi ở đất này, không có lẽ hậu sinh của Chúa lại quá bết, không kham nổi sao? Tuy tất cả những cái đó là có thực, con mắt nhìn có khuynh hướng bi thảm hóa sự vật của Tuấn biến chúng thành một thứ phòng thí nghiệm khổng lồ thử sức chịu đựng của con người của Đức Quốc Xã, nghe mà phát khiếp. Rồi ta sẽ quen hết, sự thực không khốn khổ - hạnh phúc (?) - tối tăm đến như vậy.

Hơn một tháng sau Tuấn đã yên vị ở Huế, chờ ngày đi học lại. Ngôi trường oai nghiêm, tọa lạc trên bờ sông Hương rất thơ mộng, cho anh một niềm kiêu hãnh thầm lặng. Dấu vết chiến tranh hãy còn đó, bãi cỏ đằng sau còn đầy dây thép gai, bạn anh nói phải cẩn thận, có khi hãy còn mìn. Bởi vì lính Tây mới dọn đi; trong những căn nhà dùng làm nơi ngủ, trên tường còn đầy chữ viết của những người lính trẻ, đọc nghe rất tội nghiệp. Trong những tháng tiếp đó báo chí thường đăng tin những vụ phá hoại tại Sài Gòn, như cho nổ nhà máy biến điện. Không có cách gì dậy bảo mấy người này! Hiệp ước Vịnh Hạ Long đã được ký từ hơn bốn năm trước, long trọng tuyên bố công nhận một nước Việt Nam thống nhất, độc lập. Nhưng độc lập không có sẵn nhiều trong túi những kẻ biển lận, cứ phải đợi mỗi lần bị một quả thụi mạnh thì độc lập mới lại thò thêm ra một xăng ti mét. Cứ như vậy cho đến những ngày này. Đánh nhau để cố bám lấy miếng đất là một hành động có thể hiểu được, nhưng cho nổ một nhà máy biến điện vào giờ thứ hai mươi nhăm? Tuấn phải làm một cố gắng tinh thần, phân biệt những chữ viết trên tường thuộc những người bình thường như anh, cũng yêu, cũng ghét, cũng đầy hy vọng và lo sợ, mặc dầu họ là thành viên của hệ thống thối tha, xuẩn động kia.

Ôi, thời đại hoàng kim, khi mỗi ngày tựu trường là một ngày trọng đại, vui mừng, náo nức, và mặc dù không còn là một em bé, Tuấn vẫn để ý nhìn tìm "trên không có những đám mây bàng bạc". Trường này không có sân khấu Côn Sơn để ngâm nga Côn Sơn Ca: (5)

Côn Sơn có suối nước trong,
Ta nghe suối chẩy như cung đàn cầm...

Nhưng có vô khối thứ khác! A, có phải tác giả Lửa Thiêng cũng đã từng mài đũng quần ở trường này đấy không?

Những chàng trai mười lăm tuổi vào trường,

Rương nho nhỏ với linh hồn bằng ngọc.

Xếp hạnh phúc như chương trình lớp học,

Buổi học đầu họ tìm bạn kết duyên...

Tuấn nhẩy vào với cả hai chân (jumped in with both feet.) Theo gót những bậc đàn anh lẫy lừng không là chuyện dễ. Tuấn vất vả đi tìm bạn kết duyên trong cái trường gái thiếu trai thừa này. Bị nghiệp cầm ca ám ảnh - Ai hay hát mà ai hay nghe hát! - anh chọn đúng Diễm Phương, cô ca sĩ số một của nhà trường. Chỉ cần nghe cô hát mấy nhịp đầu của bài Hướng Về Hà Nội Tuấn biết mình đã bị trúng độc tình hoa - tình ca (?) - như trong truyện kiếm hiệp, rất trầm trọng. *"Hà Nội ơi! Mắt huyền ngây ngất đê mê, Tóc thề thả gió lê thê, Hãy xin ngày ấy anh về..."* Tiếng hát Diễm Phương trầm bổng, uyển chuyển từ âm giai trường qua âm giai thứ, vang vang bất tuyệt trong nhà hát. Tuấn ngồi nghe, chờ đón từng chữ từ miệng Diễm Phương để ăn ngấu nghiến cho tan biến nhanh trong tì phế. *"Hà Nội ơi..."*, đó là tiếng cây cung vĩ cầm xiết mạnh trên dây sol trầm, trần mộc, không sảo thuật, gợi tình; nó lắng chìm sâu trong tim ta, nó có tác dụng trà vào đầu dây thần kinh không được che trở của ta... Tuấn ở vào trạng thái rơi tự do.

Diễm Phương có vẻ đẹp thật kiêu sa, hát hay, hay hát. Bình thường, Tuấn sẽ không dám đòi với cao những cô như Diễm Phương. Làm sao được, đối với mấy cô học dưới hai lớp anh cũng chưa đủ là người lớn thì đối với Diễm Phương, không những chỉ học dưới có một lớp mà lại còn là ca sĩ số một nữa, Tuấn là... "con nít." Nhưng thời đại này không bình thường! Hỏi bạn anh vòng quanh mãi đường đến nhà Diễm Phương nhưng không chịu nói tên, cuối cùng bạn cũng tra hỏi ra:

"Trời đất quỷ thần ơi! Tên ni hoang quá! Bộ mi mà đòi cua Diễm Phương? Diễm Phương không phải để cho mi. Mà muốn nhà

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

ĐÔI ĐƯỜNG

Gửi NMH

Tôi đã gặp em bên kia đường
Hay là đó chỉ một giòng sông
Em nghiêng mình hát, "đừng say đắm"
Và bên này đường tôi ngóng trông.

Từ ấy, ra về tôi yêu em,
Lòng tôi rạo rực, chép em xem
Những vần thơ lạc, vần thơ rụng
Đem cuộn cho tròn trong bóng đêm.

Tôi đi dạo phố giữa Paris
Váy màu sặc sỡ tuổi xuân thì
Tôi nhìn giòng nước sông Seine cũ
Nào thấy gì đâu, chỉ bóng em.

Tôi đứng nơi đây, bờ sa mạc
Hiu quạnh ghê người, cổ cháy khô
Nhìn ra xa tít, em đang vẫy
Thôi chớ trêu người, anh xin cô!

Hôm nay con tầu đứng sân ga
Nhìn qua cửa sổ mắt tôi hoa
Trên con tầu ngược em đang đứng
Dỗ một đàn con, ơi sót sa!

Hành lý của tôi mất hết rồi
Còn em hành lý vẫn lôi thôi
Em cần người giúp, người em nhỏ?
Xin tầu mở cửa để cho tôi...

Nov 10, 1999

Diễm Phương tại sao lại hỏi đường đi An Cựu? Mi không đi An Cựu, mi đi về ngả chợ Đông Ba." Anh bạn vừa nói vừa lấy ngón tay chặt chặt trong không để chấm mỗi đoạn câu, "An Kịu! *An Kịu!* Chi lạ! Ai mà hiểu được?" Rồi anh chỉ phải đi thế này, thế này...

"..., thảo nào!" Tuấn nhìn thẳng mặt bạn một cách có ý nghĩa nói thay câu cám ơn; bạn ngượng, mặt đỏ ửng đến tận chân tóc, cả hai cùng phá lên cười.

Tuấn không "hoang" nhiều hơn hay ít hơn các bạn anh. Anh bạn này không biết điều, riễu dân Bắc Kỳ phát âm một cách kỳ cục hai chữ "An Cựu". Nhưng mới bữa trước anh bạn nói chuyện với "o" học trò gái Bắc sống ở phía bờ sông An Cựu, o đã làm "cho trời đất cuồng quay" với câu trả lời lơ lửng, "thảo nào!" Anh tập dùng mấy chữ đó từ mấy ngày nay.

Thật lâu về sau, sau khi mọi việc đã an bài, Tuấn vẫn không hiểu mình làm thế nào mà quen được Diễm Phương và được cô cho đến chơi nhà, tán chuyện trời đất. Với Hiền, mặc dù mất nhiều thì giờ đậy cô học, Tuấn không cảm thấy bản thân bị đe dọa và vẫn giữ được phần chủ động. Với Diễm Phương, Tuấn thấy lúc nào mình cũng như sắp chết đuối. Làm sao được? *"Chàng trai đi học nghe chim giảng," đến khi về nhà cũng vẫn hãy còn "nghe chim giảng!"* Tương lai mung lung mịt mùng, chân không điểm tựa, Tuấn không đứng bên bờ vực thẳm, anh đang rơi nhanh trong vực thẳm.

Trong truyện kiếm hiệp, nếu còn được tiếp tục đọc truyện thì ta có thể tin chắc dù ở trong tình thế hiểm nghèo thế nào chăng nữa, sớm muộn "kẻ tốt" rồi cũng được cứu. Tuấn thuộc loại kẻ tốt, yêu đời sống trước khi yêu ý nghĩa của đời sống, có bản năng tự tồn rất mạnh. Trong khi rơi gia tốc có lẽ đã tăng đến 10g (6), anh luôn luôn nghe thấy tiếng gọi xa xăm, yếu ớt để anh khỏi ngủ luôn: "Thức dậy, Tuấn ơi!" Những tiếng gọi đó mãi mãi là tiếng gọi xa xăm, yếu ớt cho đến một buổi sáng kia, đang đi dọc trong hành lang của nhà trường Tuấn nghe tiếng ríu rít và tiếng cười khúc khích của mấy cô gái sau một bụi cây. Hình như các cô đang mải nói chuyện nhảm nên không biết có người đi đến. Khi đến gần, Tuấn chỉ kịp nghe thấy: "... *như ri.*" Cô tác giả của hai tiếng "như ri" má lúm đồng tiền, đang cười tít mắt. Ôi, những đuôi con mắt biết cười, đẹp như ri... Với Tuấn, thần trí đang lênh đênh, âm nhạc của hai chữ "như ri" và hình ảnh đuôi con mắt biết cười là chìa khóa mở cửa thiên đường, là bí kíp của một đại môn phái trong truyện kiếm hiệp, là antidote, là, là... Tuấn hết mất chữ.

Hương Quyên, cô gái "như ri", không hổ danh những cô gái Huế, cắn cơm không bể cắn tiền bể tư, là người đôn hậu dịu dàng nhưng không dễ qua mặt. Cô từ từ cho Tuấn thấy lại những lý lẽ của đời sống, Tuấn dần dần trở lại bình thường. Huế đẹp, Huế thơ, Huế không xô bồ vội vã. Dọc bờ sông Hương những súng thần công của các triều đại cũ vẫn thanh bình chĩa sang bên kia sông. Bên cạnh súng là những viên đạn tròn bằng sắt trông giống những quả tạ để ném ở Thế Vận Hội ngày nay. Ngày mới đến Huế Tuấn quyết định rằng chỉ những người thù nào thất đức lắm lắm, để đạn rơi trúng đầu mới vỡ đầu ra mà chết, và nếu có bắn những viên đạn đó cũng không qua nổi bờ sông bên kia. Vào những ngày đen tối đôi khi Tuấn nghĩ mình chẳng khác gì những viên đạn kia, không bao giờ sang sông. Xét lại lượng ước này, Tuấn sửa lại theo quy luật xác xuất có lẽ một vài viên đạn có thể sang sông.

Đường vào thành quen thuộc, trên đường đến nhà Hương Quyên, Tuấn nhớ từng lùm cây, từng viên gạch vỡ ở cổng thành cổ kính. Về sau này tuy đi nhiều nơi nhưng không có nơi nào cho Tuấn cái cảm giác thương yêu, thư thái, an bình như con đường vào Thành Nội.●

(Còn tiếp)

Chú thích:

(1) Võ Tứ Cầu, Phía Tây Địa Đàng, Tập San 48-55 Khải Định số 4 (1999).

(2) Trong sách toán ở Trung Học, những hằng đẳng thức đáng nhớ dịch từ tiếng Pháp "les identités remarquables."

(3) Cơ Học Thuần Lý, tên một chứng chỉ của Cử Nhân Khoa Học, dịch từ tên Pháp Mécanique Rationnelle. Có dùng tiếng Pháp cũng không khá hơn, vì thường được gọi tắt là "Méca Rat," loài chuột cống cơ động.

(4) Đánh chắn mà chỉ "ù xuông" thì không mấy hứng thú và không được nhiều. Nếu khi ù mà trong tay có những bộ ba quân như "tam vạn, tam sách, thất văn" (tôm) hay "cửu vạn, bát sách, chi chi" (lèo) thì đời... lên hương nhiều lắm.

(5) Côn Sơn, tên nơi nhà dưỡng lão của Nguyễn Trãi, hình như ở vùng Đông Triều, Hải Dương. Qua Côn Sơn Ca, Côn Sơn hẳn là một nơi thật đẹp, thanh bình và thoát tục.

(6) g: đơn vị gia tốc của trọng trường; nếu bay lên trời mà giữ được gia tốc 10g trong ít phút Tuấn sẽ bay lên... mặt trăng.

KHÚC NHẠC CÔN TRÙNG

TÂM THANH

Tiếng ngáy ro ro của người y tá nằm chung lều xen lẫn tiếng côn trùng rả rích và chim kêu vượn hú ngoài rừng, khiến tôi mất ngủ. Cũng có thể tôi mất ngủ vì đây là đêm đầu tiên tôi ngủ trong rừng, và vì cảm giác bàng hoàng sau hai ba giờ ngắm trăng sao vằng vặc trên ngàn. Người y tá giục đi ngủ tôi mới chui vô lều. Khung cảnh cô liêu tịch mịch của rừng và vẻ hoành tráng của trăng làm tôi nhớ quay quắt người đó. Vì người mà tôi lạc đến chốn này. Nói dại, bây giờ một trái hỏa tiễn rớt xuống đây, linh hồn tôi chắc sẽ biến thành một loài côn trùng nhỏ nhít nằm dưới lớp lá mục, khe khẽ ngâm câu thơ của Arvers:

"Lòng ta chôn một khối tình
Tình trong giây phút mà thành thiên thu
Tình tuyệt vọng nỗi thảm sầu
Mà người gieo thảm như hầu không hay." *

Nhưng ngay khi hóa kiếp thành côn trùng, chắc tôi sẽ thành một loài côn trùng... cậm. Bởi vì chính sự câm nín của tôi đã gây ra nông nỗi.

Buổi khai giảng năm đó... Nàng mặc áo lụa xanh nhạt, tóc chấm ngang vai. Từ giáo sư tới sinh viên, người kín đáo, kẻ sỗ sàng, dường như ai cũng liếc nhìn nàng một cái. Mấy anh con trai háo hức là vì trước đó đã có tin đồn một nữ sinh viên thuộc loại đẹp nhất nhì từ Đà Lạt xuống. Quả thật, cô ta xuất hiện ở cửa giảng đường như một làn gió tươi mát từ cao nguyên thổi xuống thủ đô bụi bặm. Không hiểu mắc mớ gì mà khi đứng ngây người nhìn cô gái, tôi tự nhủ "chả đến lần mình." Nhưng may mắn đầu tiên là, vì người ta chia nhóm theo vần, tôi tên Bình, được vào nhóm với nàng, tên Châu. Một thằng bạn tới bắt tay, nửa đùa nửa thật, chúc mừng "Sướng nhá!" Thế là có cớ để tôi có thể nói "biết đâu đấy..." Đi học chung trong nhóm tôi mới thấy mình có phước thật. Bởi vì trong nhóm bao nhiêu thằng đẹp trai, lanh lợi, hoạt bát, nàng không chú ý, cứ nhè tôi mà hỏi việc nọ, nhờ việc kia. Mỗi lần đều gọi tên "Bình" ngọt ngào. Nàng con nhà giầu mà bình dị, lúc nào cũng dịu dàng, vui vẻ. Lúc đầu tôi nghĩ cái cảm tưởng nàng đặc biệt tử tế với tôi, là một cảm tưởng chủ quan. Nhưng một hôm có thằng nào tinh nghịch cắt cái móng tay người chết bỏ vào bóp nàng, nàng vừa sợ vừa giận, la ầm lên. Đứa nọ đổ cho đứa kia. Có thằng cắc cớ nói "Thằng Bình ra sau cùng." Nàng bênh tôi: "Bình không bao giờ làm như vậy". Trước đó đã có lần nàng khen "Bình đứng đắn." Tôi càng trau dồi thêm cái "ưu điểm" đứng đắn của mình - ít nói, ít đùa nghịch. Tôi chỉ túc trực sẵn, hễ nàng cần lấy chai lọ, bưng sách, chép bài, cắt cặp, tôi làm ráo. Như một người cận vệ câm.

Bị bao vây tứ bề, nàng khôn khéo không kết thân hẳn với ai, cũng không ruồng rẫy ai. Trừ hai anh ngố ngáo quá. Chàng Lộc năm thứ tư, nhằm đúng cái tuần lễ xe hơi nhà Châu bỏ ga-ra, nó ranh mãnh mượn cái Simca màu vàng của bố nó, lau bóng lên như một cục mỡ gà, túc trực ở cổng trường, chờ Châu tan học, gạ "đưa em về," nhưng chưa bao giờ Châu bước lên xe hắn. Tuần lễ không có xe hơi, nàng toàn đi xích-lô đạp. Khi cái Peugeot 404 sửa xong, nàng lại ung dung bước lên, bước xuống. Gần như ngày nào mẹ nàng cũng đưa đón con đi học, mẹ con hôn hít nhau, cứ như Châu là đứa bé đi vườn trẻ. Nghe nói bà cụ thương cô con gái út này đến độ, bỏ ông và mấy con lớn trên Đà Lạt, về Sài Gòn. Phụ giảng Quang khá đẹp trai, tặng nàng cái ống nghe hiệu Harwey Tycos, hồi đó ai cũng mơ ước. Nàng đang chờ dịp kín đáo trả lại thì Quang khoe với một thằng bà con đang học trong trường rằng nàng đã chịu hắn. Thằng em cắc cớ này (cũng đang âm thầm đeo đuổi Châu) lại tung tin "Ông Quang nói Châu là

của ổng." Châu giận, tránh mặt Quang, và treo ngay cái ống nghe lên bảng yết thị với mảnh giấy đề "Vô thừa nhận." Tôi sung sướng một cách ích kỷ về vụ này.

Xong, nàng lại vui vẻ, nhã nhặn với mọi người, khiến ai cũng muốn thử thời vận. Số nạn nhân rớt đài nhiều quá, đủ để lập thành một cái hội tương tế, nên không ai phải mắc cỡ nữa. Trong cuộc chiến tranh lạnh đó, tôi cảm thấy mình đứng ngoài, đứng... trên, mà lại khỏe.

Tuy nhiên, có lúc tôi nhận ra không phải mình đứng trên. Mà đứng ngoài. Châu có một thế giới giao tiếp riêng mà tôi không bén mảng tới được. Mỗi sáng tôi vào giảng đường sớm để khỏi nhìn cảnh Châu đài các bước ra khỏi xe hơi, bật dù che nắng đi vào dưới ánh mắt ngưỡng mộ của mấy thằng đứng trong hành lang. Tiếng cười nói bắt đầu tíu tít. Ở một thế giới thật xa xôi đối với tôi. Cụ thể nhất là lần tôi tình cờ nghe Châu đứng ở hành lang bàn với Lộc Simca và mấy tên khác về buổi dạ vũ gia đình. Họ nói với nhau bằng tiếng Pháp, thứ ngôn ngữ phân cách những sinh viên gốc trường Tây với gốc trường Việt. Và họ gọi nàng là Natalie. Tối dạ hội, tôi thấy Châu trong áo đầm tím diễm lệ ngồi xe hơi của một bác sĩ đã ra trường từ lâu. Tôi đau nhói trong tim. Lại một hôm ở bệnh viện Chợ Rẫy, tôi nghe to tiếng trong phòng hội chẩn. Không có bệnh nhân. Quang và Lộc đang đỏ mặt tía tai cãi nhau, nghe qua tôi đã biết là chuyện ghen tương, mà đương nhiên Châu là nguyên nhân. Thấy tôi vào, Quang hầm hầm đi ra, trong khi Lộc kể lể để kéo đồng minh: "Thằng chả cậy là phụ giảng phá đám tao. Tao đếch sợ thằng nào. Ăn thua Châu chứ." Tôi định hỏi ý Châu thế nào, nhưng chưa nói ra, hắn đã oang oang: "Châu chịu tao rồi mà."

Lộc phân bua nhiều lắm. Tôi chỉ lắng nghe. Cứ theo những điều Lộc kể thì trái tim nàng trao cho hắn. Vậy còn gì cho tôi? Tôi vào phòng mổ, cầm cái ruột người kéo ra, co lại, thắt một nút. Rồi hai nút. Ba nút. Thắt thật chặt muốn đứt khúc ruột dài hai thước, xám ngoét. Lòng tôi quặn đau như đó là ruột mình. Một chiều thứ bảy, tôi lên thư viện Đắc Lộ học, tới đường Phan Đình Phùng, thì cái xe Mobilette thổ tả của tôi nằm vạ. Tôi tháo bu-gi, nạo, gõ, thổi phù phù, lắp lại, dựng xe lên đạp lấy đạp để, máy vẫn trơ ra. Mẹ tôi hứa sẽ hốt hụi để đổi cho tôi cái Honda. Chẳng may có người bỏ cao hơn có 50 đồng mà hốt được. Tôi đang ỳ ạch giắt xe tìm tiệm sửa thì nghe tiếng gọi: "Bình!"

Chỉ có Châu mới có giọng trong trẻo đó. Nàng đang đứng bên kia đường rối rít vẫy. Người đứng cạnh nàng thoáng nhìn đã biết là chị ruột, chắc từ Đà Lạt về thăm mẹ và em. Chị ta nhìn em rồi nhìn tôi bằng một con mắt nghi ngờ. Nhưng tôi không màng, tôi chỉ cần biết giọng ngọt ngào Châu gọi tên tôi. Lần đầu tiên nàng gọi tôi vào thế giới của nàng bên ngoài trường học. Trong phút chốc lòng tôi nhẹ như mây. Quên cơn nắng hạ. Nhưng khi qua đường thì tôi nhớ cái cục nợ đang giắt. Có lẽ một người đàn ông đang vi vút tán gái mà gặp hai ba đứa con loắt choắt tới níu áo đòi đi tè, cũng chỉ có thể bẽ bàng như tôi lúc này. Nhưng Châu vẫn hồn nhiên:

"Bình ăn chè hỉ?"

Lúc đó tôi mới để ý hiệu chè Hiển Khánh ngay bên cạnh. Tôi tính nhẩm trong đầu: một ngàn bạc mẹ đưa cho tiêu vặt tháng này, ba người ăn chè có đủ không? Tôi lôi cái xe thổ tả lên lề đường, ghệ vào cột đèn, lau mồ hôi mặt, nói:

"Còn gì bằng nữa. Mời Châu và chị..."

"Chị Nhiên của Châu. Anh Bình." Nàng giới thiệu.

Trong lúc ăn chè, Châu nói thêm:

"Chị Nhiên là người cùng thấy ma với Châu đó."

Chị Nhiên nguýt em một cái âu yếm, không phủ nhận việc "có ma thật" của cô em. Câu chuyện ma nàng kể trước đây với một số người cùng nhóm trong một đêm trực ở nhà thương. Nàng kể là hai chị em nàng đi trên cầu Xuân Hương một buổi chiều chạng vạng, bỗng thấy một người con gái mặc áo dài tím đi cùng chiều phía trước. Cô gái có thân hình uyển chuyển và mái tóc mượt, dài, đẹp tuyệt vời, đến độ cả hai chị em cùng trầm trồ, và Châu nổi tính tò mò đề nghị chị làm quen. Chị Nhiên đồng ý. Hai chị em rảo bước đi lên, vừa bắt kịp thì cô gái biến mất, không ai kịp nhìn. Hai người nhìn quanh, dòm xuống cả gầm cầu, mà không thấy cô gái đâu. Nghe nàng nhắc lại truyện này, tôi không chú ý tới cô gái là ma hay người, tôi chỉ nghĩ thầm mái tóc kia đẹp tới đâu cũng không bằng mái tóc Châu đang chảy trên vai bây giờ. Tôi cũng yêu cái tính huyền hoặc thơ mộng của nàng. Tôi bàn:

"Có thể hôm đó là một cô gái tự tử?"

"Ừ nhỉ, có thể không, chị Nhiên?" Châu tròn xoe mắt, nghi ngờ.

"Không thể nào. Mình không nghe tiếng ùm." Chị Nhiên khẳng định.

"Mà nếu tự tử thì chắc lại vì thất tình." Tôi nói, ráng cho giọng tự nhiên.

"Dầu sao, chắc không phải cô ấy tự tử đâu. Nếu người ta tự tử mà mình đứng đó không cứu thì bao nhiêu năm nay mang tội mà không biết." Châu nói, giọng buồn.

Không biết tôi uống phải thứ nước gì mà sau câu truyện ma, tự nhiên đâm nói nhiều trước mặt hai cô gái. Khác hẳn bản tính của tôi, và nhất là khác hẳn chủ trương của tôi - câm lặng trước mặt Châu, tỏ ra "đàng hoàng." Kỳ dị nhất là tôi tự nhiên mọi ở đâu ra nhiều thơ và ca dao thế... tôi không biết. Châu vừa chu cái môi hồng nho nhỏ hút nước chè lỏng, vừa ngước đôi mắt to ngây thơ nhìn tôi một cách thích thú, ngưỡng mộ. Chắc cô gái trường đầm này chưa có dịp nghe về văn chương Việt Nam, tôi nghĩ như vậy. Nhưng chị Nhiên lơ đãng nhìn mấy bức tranh trên tường. Khi tôi thấy bắp thịt quai hàm của chị cử động như nhai và nuốt vào một cái ngáp, tôi sực tỉnh - từ nãy tới giờ tôi nói như một thằng điên. Tôi ngưng nói đột ngột, mà không kịp, chị Nhiên đã nói:

"Cậu Bình có học thêm văn khoa hỉ?"

Đó là lần đầu tiên tôi nói nhiều trước mặt Châu. Và nói ba hoa. Tôi ân hận và từ đó về sau, càng im lặng hơn. Tôi giành một cách hơi quá hăng trong việc trả tiền chè (khi chị em họ đi, tôi mới nghiệm ra điều này). Số tiền còn lại không đủ sửa xe, tôi phải đón xe lam về nhà xin tiền mẹ để trở lại lấy xe. Mẹ tôi thấy tôi hay thở dài:

"Con phải lòng con nào rồi, chứ gì?"

Bà nói trúng tim đen tôi, nhưng tôi vẫn cãi:

"Mẹ nói lạ. Có ai đâu."

"Mẹ đã chọn nơi đàng hoàng cho con rồi. Con đừng có lộn xộn, nghe!"

"Con chưa ưng ai hết."

Dầu sao, buổi ăn chè tình cờ hôm đó châm thêm dầu vào ngọn đèn hy vọng của tôi. Châu bình dị hơn tôi tưởng. Với tôi, cô có phần ân cần. Từ đó tôi cảm thấy một chút tự nhiên hơn trong giao tiếp với Châu. Đồng thời những giấc mộng bay xa hơn. Đêm nào tôi cũng mơ thấy nàng với mái tóc thề xõa ngang vai, cười tươi với tôi. Chỉ có một lần tôi mơ thấy bà mẹ Châu sai chị Nhiên ký cho tôi cái séc 25.000 đồng đi mua cái Honda và nhắn khéo "đi chỗ khác chơi." Chị ký séc ngay trong tiệm chè Hiển Khánh. Tôi uất ức quá, thức giấc. Trong mơ Châu ngồi đó mà không một lời bênh vực tôi.

Một hôm chúng tôi quan sát một bà giáo sư mổ một người đàn bà mang thai. Châu đăm đăm nhìn vào bụng người đàn bà. Tôi kín đáo ngắm Châu. Tôi thích ngắm nàng trong lúc nàng chăm chú vào một cái gì khác. Lúc đó đôi mắt đẹp toát ra vẻ tinh anh. Những bắp thịt trên cái cằm hơi vuông vuông dãn ra, như để dễ tiếp nhận những tín hiệu bên ngoài. Một gương mặt không che đậy, không làm duyên, nhưng vẫn thoang thoảng một giấc mộng xa. Cái cổ tròn nuột nà vươn ra phía trước. Khi bà giáo sư người Pháp lôi từ trong bụng bà mẹ ra cái bào thai đã chết, tôi thấy một giọt nước mắt long lanh trong mắt Châu. Giọt nước mắt phản ảnh một con người khác của Châu, con người mà tôi có thể tới gần được. Thường ngày, những tiếng cười hồn nhiên của nàng có thể làm tôi ghen tức, và dáng vẻ đài các của nàng, ngay những lúc nàng tử tế với tôi, vẫn làm tôi cảm thấy xa cách. Giờ đây, giọt nước mắt kéo nàng lại gần tôi. Tôi muốn được đưa tay hứng giọt nước mắt đó. Nhưng nó không rơi xuống. Nó tan mau trở lại vào đôi mắt to, vô tư. Khi thay áo ngoài phòng mổ, tôi lại gần nàng hỏi:

"Hồi nãy có người khóc."

"Sao Bình biết?" Nàng đỏ mặt bẽn lẽn.

Tình cờ một tiếng cười rộ bên cạnh. Quay lại, tôi biết tiếng cười không nhắm vào tôi. Tôi muốn nhân dịp bằng vàng này nói một câu cho nàng hiểu lòng tôi. Mới nghĩ tới đó, trống ngực tôi đã đập dồn dập. Không, không thể nói thẳng được. Tôi gói vào một câu ca dao (lại văn vẻ): "Người ta mới bốn tháng mà Châu đã thương tới nhỏ lệ. Đúng là: Yêu anh từ thuở trong nôi, anh nằm anh khóc em ngồi em ru."

Nàng đấm thùm thụp vào vai tôi mà cười dòn dã, đỏ bừng hai má. Buổi chiều hôm đó, tôi mang gương vào phòng tắm, xoi mói trên vai, xem có vết tích gì không, định nếu có, sẽ cào cấu thêm cho thành vết thương vĩnh viễn. Chả thấy vết tích gì trên da thịt. Nhưng tôi biết vết tích đã in ở một nơi thâm sâu hơn.

Lên năm thứ năm tôi đi thực tập tại Bệnh viện Nguyễn Văn Học. Châu xin đặc cách về thực tập tại bệnh viện Đà Lạt cho gần nhà. Châu lên Đà Lạt, tôi thấy cả Sài Gòn hoang vu. Nhìn cảnh vật nào cũng thấy hình bóng nàng. Đêm nằm mơ, tôi thường thấy nàng tíu tít với mấy ông bác sĩ trưởng và giáo sư độc

thân. Tôi nhớ Châu điên cuồng đến độ tôi muốn liều một phen. Tôi viết một lá thư thăm hỏi, rồi lại xé đi. Thăm suông thì viết làm chi. Bức thư thứ nhì có một lời bóng gió, nhưng tôi cũng xé đi, vì sợ bóng gió, lỡ nàng... hiểu. Bức thư thứ ba tôi kể với Châu về kinh nghiệm thực tập và một số thắc mắc nhờ Châu hỏi mấy ông thầy, nhân tiện quá giang vào mấy câu duyên dáng cho nàng cười, tôi cũng xé đi. Muốn hỏi thầy thì tôi hỏi ở Sài Gòn, tiện hơn, tại sao lại nhờ Châu? Thật là ngớ ngẩn. Tôi xin nghỉ phép một tuần, lên thẳng Đà Lạt. Tới nơi thì tôi lóng ngóng, chẳng biết làm gì. Nhớ lại câu truyện ma hôm trước nàng kể, tôi đi bộ lên cầu Xuân Hương, để mong gặp bóng ma. Chính lúc đứng trên cầu gió lạnh, tôi mới cảm thấy trên da thịt mình sự lôi cuốn rờn rợn kỳ ảo. Sức thu hút ma quái này có lẽ đã đẩy nhiều thanh niên nam nữ thất tình vào cái chết. Cô gái áo tím mà Châu thấy có lẽ chỉ là một khối oan tình chưa tan. Hay là một linh hồn cô đơn ở cõi âm muốn tìm bạn trên cõi dương? Tôi bi thảm hóa truyện mình: Nếu tôi nhảy xuống đây tự tử, ngày mai đài phát thanh Đà Lạt loan tin, rồi Châu có biết tôi chết vì ai không? Nàng có đến nhỏ cho tôi một giọt nước mắt không? Khi vành trăng non lộ ra bên kia hồ, tôi trở nên cương quyết - phải nói ra, phải nói ra. Tôi quay về cà phê Tùng ngồi tới nửa đêm mới về khách sạn. Sáng hôm sau, tôi lang thang khu Yersin, Nhà Ga, suối Cam Ly... mong tình cờ gặp nàng. Hôm sau nữa, tôi ra khu Hòa Bình, thấy một quầy bán đồ kỷ niệm treo những phiến gỗ thông khắc tên, khắc chữ, bèn đặt khắc câu "Un seul être vous manque, et le monde est dépeuplé" (Một người vắng bóng mà thôi, cớ sao như cả một trời hoang vu), và gởi cho Châu. Nhưng không đề tên người gởi. Rồi trở lại Sài Gòn.

Qua thời gian thực tập, mọi người trở về trường. Tôi thấy nàng hồng hào xinh đẹp hơn, không một dấu hiệu nào chứng tỏ nàng có một giây héo hon vì xa cách... Sài Gòn. Tôi ngóng mãi mà không thấy nàng đề cập tới tuyên ngôn tình yêu của tôi. Toàn líu lo về những cuộc giải trí vui vẻ, những cuộc gặp gỡ người quen, người lạ, và buổi dạ vũ trên trường Võ Bị. Thế ra nàng không biết người gởi câu thơ là tôi? Phải rồi, nàng có quá nhiều người theo, làm sao đoán là ai được? Tôi lại quên rằng cái câu thơ trên (mà chúng nó cứ nói của Lamartine, còn tôi chẳng nhớ của ai), anh con trai nào chả thuộc, để... hộ thân. Ôi! Nàng thông minh mọi truyện, sao riêng lòng tôi nàng chẳng hiểu gì cả? Thế ra, từ mấy năm nay, Châu chỉ tử tế với tôi, chứ không có một chút tình cảm nào. Hay là nhân dịp này, tôi nói thẳng lòng mình, như thiếu gì đứa đã làm? Nhưng không như tụi nó - chúng nó theo nàng vì bóng sắc, hào quang; nếu bị từ chối, có thể nhe răng ra cười rồi quên đi. Còn tôi, tôi yêu nàng chân thành, tha thiết, tôi không chịu đựng được sự từ chối. Nhưng trên hết, tôi tin rằng hai người yêu nhau tha thiết, sẽ có sự giao cảm âm thầm, chẳng cần ồn ào lớn tiếng. Nếu nàng không tự cảm thấy thì chẳng còn gì để nói.

Mặc kệ tôi âm thầm rầu rĩ, cuộc đời cứ rầm rập chạy qua. Chúng tôi ra trường với những buổi lễ và liên hoan tưng bừng. Châu lấy một người do hai gia đình quen biết thu xếp. Đã biết trước, mà khi nghe tin đám hỏi của nàng với bác sĩ S., tôi chết điếng cả hồn. Những thằng khác từng si tình nàng cũng buồn. Nhưng chúng nó buồn một cách ồn ào, như lúc tán tỉnh. Còn tôi, nỗi tuyệt vọng thẩm thấu vào tim gan. Sau thời gian trưng tập, và để tránh những thúc giục của mẹ tôi về việc hôn nhân, tôi tình nguyện ở lại phục vụ trong quân y. Tôi biết như thế là làm mẹ tôi buồn lòng, thất vọng, nhưng tôi không còn con đường nào hơn để lảng tránh nỗi tuyệt vọng. Nếu không thương người mẹ suốt đời hy sinh và kỳ vọng vào con, tôi đã lên hồ Xuân Hương. Tin tôi ở lại quân đội làm cả khóa giật mình, không ai ngờ kẻ âm thầm nhất lại yêu si mê nhất. Họ bàn tán, đồn thổi khắp nước. Nhưng chính Châu có biết không? "Em có hay không?" Tôi áp tai vào cái radio đang phát chương trình nhạc yêu cầu. Gần cuối chương trình, tôi đã thiu thiu ngủ, bỗng bàng hoàng vì lời giới thiệu: "Sau đây mời quí vị thưởng thức tiếng hát Thái Thanh qua bài dân ca Trèo Lên Cây Bưởi, thể theo lời yêu cầu của "Một người vắng bóng" để tặng "Một thế giới hoang vu."

"Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh không hỏi những ngày còn không?"

Trong khi Thái Thanh hát, tôi khóc. Vẫn như thói quen - không thành tiếng. Khi tiếng hát ngưng, tôi ngơ ngác tỉnh dậy. Cứ mong bài hát này không phải là một giấc mơ. Vâng, bởi vì tôi còn nghe tiếng côn trùng ngoài kia, mà sau một đêm than vãn mệt nhọc, đang từ từ lịm dần. Những tiếng nỉ non sắp chui xuống dưới những lớp lá khô khi bình minh đến.

* Khái Hưng dịch

TÂN CẢNH, MÙA HÈ

TRẦN HOÀI THƯ

Hôm ấy, thiếu úy Thanh trở về thành phố, gọi chiếc xích lô, ngồi trên xe, bắn M16 loạn xạ trên không. Hắn như một kẻ điên khùng. Từng loạt đạn nổ chát chúa làm kinh động cả thị xã trong một buổi trưa hè nắng lửa. Thiên hạ chạy tứ tán. Những quán đang tấp nập bỗng nhiên hoảng hốt đóng cửa gài then. Những bước chân cuống cuồng chạy như thể tránh một tai họa hung hiểm đang vồ chụp lấy thành phố. Ông phu xích lô co rúm người không thể đạp thêm, trong khi thiếu úy Thanh tiếp tục gào thét: "Sao lại không đạp, bác. Đạp chở dùm tôi đi khắp cả thành phố này, bác. Để tôi báo cho tất cả mọi người, cho thành phố vô tâm này biết hết. Cả trăm cả ngàn người bị giết, bác biết không. Cả ông sư đoàn trưởng của tôi cũng bị giết, máu chảy như sông như biển, bác biết không. VC không tha một mạng nào, bác biết không?" Rồi hắn khóc. "Bác ơi, những bạn bè của tôi, tà lọt của tôi, đại bàng của tôi đều đi hết rồi. Đi có nghĩa là chết, bác hiểu chưa, là hy sinh đền nợ nước, bác hiểu chưa?"

"Thôi bình tĩnh lại thiếu úy. Thiếu úy nghe lời tôi. Thiếu úy làm vậy, quân cảnh sẽ bắt thiếu úy, khổ lắm."

"Bác lại kêu quân cảnh mà hù tôi à." Hắn lại bóp cò. Cả tràng 16 viên kêu dòn dã. "Bác làm sao biết cái nhục, cái uất hận của một người lính. Bác có bao giờ chứng kiến một thằng sĩ quan giả chết..."

"Cậu như con tôi, tôi khuyên cậu. Cậu không biết khi cậu khổ một lần thì tôi phải khổ cả ngàn lần. Cậu không biết cuộc chiến tranh ai cũng khổ, cũng đau. Đứa con tôi xa nhà đến hai năm, chưa một lần về thăm mẹ nó. Tối nào mẹ nó cũng khấn vái Trời Phật cầu cho nó bình yên. Cậu nghe lời tôi. Hãy bình tĩnh lại. Cậu phải chấp nhận. Không ai có thể thoát. Cậu có nghe bác sĩ Hà Thúc Nhơn cùng các thương bệnh binh nổi dậy không. Cuối cùng ông ta cũng không thoát..."

Những lời của ông phu xe đã làm Thanh bàng hoàng. Hắn muốn rưng rưng nước mắt. Vâng, trong cuộc chiến tranh này, ai cũng khổ cũng đau. Hắn úp hai tay vào mặt, rồi nói ràn rụa:

"Thưa bác, cám ơn bác lời khuyên."

"Tôi cũng phải cám ơn cậu đã chịu nghe tôi. Bây giờ cậu phải về nhà."

"Tôi không có nhà."

"Bạn bè cậu chẳng hạn."

"Lâu lắm, tôi không về thăm chúng. Không biết chúng còn ở trên căn gác cũ không?"

Khi hắn ló mặt vào cửa, chúng tôi ngỡ hắn như một người rừng. Tóc râu hắn tua tủa. Chiếc áo chiếc quần rách, và chiếc mũ rừng bạc mốc. Chúng tôi nhìn hắn mà ngỡ như một kẻ nào vừa trở về từ địa ngục. Hắn nói trước:

"Bộ tao là Từ Thức sao mà bọn mày nhìn như nổ cả tròng mắt?"

"Trời ơi, thằng Thanh" Định la lên. Chúng tôi ôm choàng lấy thằng bạn cũ. Thằng Định bắt đầu pha cà phê trong khi chúng tôi ngồi trên sàn, hỏi han thằng vừa trở lại. Thanh ngồi dựa vào vách, nỗi buồn bã như bật khóc theo từng lời nói. Vầng trán hắn nhăn lại, đôi mắt thất thần, hắn kể lại trận đánh với hàng chục, có lẽ cả trăm, người chết nằm phơi đầy căn cứ và những chiếc xe tăng T54 nghiến trên người chết lẫn bị thương. Hắn lại nói về những toán lính Bắc quân cuồng tín, vừa chạy vừa ném lựu đạn vào các hầm phòng thủ. Và hắn đã giả chết, nằm chịu trận dưới hàng trăm bước giày rầm rập. Giọng hắn u trầm làm sao:

"Tao không ngờ còn sống đến bây giờ. Tao nghe bọn nó la gào như quỷ đòi nợ máu: Giết, giết hết không chừa một tên ngụy nào sống

sót. Lúc ấy tao chỉ biết nhắm mắt, nín thở và chờ đợi. Chợt có tiếng rên bên cạnh tao. Trời ơi, tao muốn bóp cổ thằng bị thương, bịt câm miệng nó lại. Nhưng mày thấy đó. Giọng Bắc đầy ngập. Bắc quân đang ở trên tận cùng cái cuồng nhiệt của kẻ chiến thắng. Chúng đâm lưỡi lê, bắn loạn xạ, rồi chia người đi tìm các ông sĩ quan cao cấp hay cố vấn Mỹ còn sống sót đâu đó. Giữa lúc ấy thì tiếng rên lại tiếp tục. Chắc thằng thương binh này vẫn còn tin đến tình nhân đạo, tình người của kẻ thù. Các ông ơi, cứu tôi. Má ơi, con đau quá má ơi. Rõ ràng nó vẫn chưa có kinh nghiệm. Nó nghĩ rằng ai cũng đều có lòng từ tâm. Tao thì cố gắng không thở, nằm ngửa duỗi cả tay chân như thể một xác chết. Rồi tiếng giày của đám lính Bắc di chuyển lại gần. Rồi một tên reo lên vui mừng khi phát giác ra tiếng rên. Thằng ngụy này còn sống. Ông cho con về với quan thầy Mỹ của con nhé! Rồi tao nghe tiếng la thét ghê rợn kéo dài như tiếng con heo bị thọc huyết.

Bây giờ đôi mắt của hắn như bầu trời u ám mùa đông.

"Cả đơn vị tao bị tàn sát. Ông sư đoàn trưởng cũng vậy. Chúng nó tấn công bằng xe tăng. Xe tăng của chúng âm thầm vượt con suối rồi lù lù đậu ngay bên hông bộ tư lệnh mà không một ai biết. Không hiểu sao chúng lại chạy trót lọt qua bao nhiêu tiền đồn, nút chặn của quân đội mình đóng dọc từ Dakto, BenHet xuống đến Eo Gió. Cả một đơn vị nặng xuất hiện như vậy mà không ai biết."

Định nói:

"Người ta nói ngay cả ông Vann vẫn không tin T54. Ông cứ nghĩ là loại chiến xa nhẹ lội nước PT76."

"Chúng tao đã báo cáo biết bao nhiêu lần về Sư đoàn nhưng chẳng có ai tin. Ngay cả ông tư lệnh sư đoàn, ông là một sĩ quan thiết giáp, nhưng ông cũng thụ động, không biết phải làm gì để đối đầu với xe tăng của địch."

Cả căn cứ không một trái mìn chống chiến xa, trong khi mìn cất đầy kho. Ngay cả M72 cũng chẳng phát cho lính, hay huấn luyện họ làm quen với chiến xa để họ bớt sợ.

Để cuối cùng, cả một sư đoàn gần như tan tác. Những người lính chưa kịp bắn một phát, chết có lẽ mắt còn mở trừng vì uất nghẹn. Họ đâu có hèn như vậy. Họ cũng đã vào sinh ra tử bao nhiêu lần. Ai có thể trả lại mạng sống của cả ngàn người bị chết thảm như vậy ?

... Sau đó, địch rút đi. Mày thử tưởng tượng cái quang cảnh của một bãi chiến trong đêm trăng tự nhiên những thây ma cục cựa, rồi một người đứng dậy, hai người đứng dậy, hàng chục người đứng dậy, những kẻ trốn ẩn ở đâu đó bỗng nhiên xuất hiện, thất thanh hốt hoảng gọi nhau. Mày hãy tưởng tượng cảnh bọn tao dẫm trên những xác bạn bè. Người ta chết chồng nhau hàng hàng lớp lớp. Có giao thông hào nằm chen nhau cả chục người mà chết. Rồi mạnh ai nấy mà thoát. Mạnh ai nấy nhắm hướng mà đi. Đi tìm lại nhà, hàng đội. Ai cũng tin rằng, cấp trên sẽ không bỏ rơi họ. Cấp trên sẽ cho L19 quan sát, hướng dẫn."

Đến đây, mắt hắn đỏ ngầu. "Mấy ngày trong rừng, tao cứ nhìn lên trời để chờ chiếc máy bay cứu độ. Nhưng có chiếc nào đâu. Rồi tao lại lạc vào vùng địch. Tao ẩn trong lùm bụi chờ đến tối mới trốn thoát. Thì buổi xế trưa, từng đoàn B52 bỗng xuất hiện. Rồi mưa bom dập xuống. Mỗi máy bay thả cả trăm trái bom. Bom 500 cân lẫn 750 cân. Một đoàn cả chục chiếc nhắm vào vùng tao đang trú ẩn mà thả. Tao nghĩ ngay cả con kiến cũng không thể thoát. Chắc là cả một đơn vị địch bị nướng trong lò lửa. Càng lúc bom càng thả gần tao hơn. Đầu óc muốn bưng ra từng mảnh. Cả một biển lửa trước mặt. Và tao chỉ biết nhắm mắt chờ đợi. Lần đầu tiên tao mới hiểu thế nào là sức tàn phá khủng khiếp của bom B52. Mỗi hố bom cả 15 thước đường kính, sâu như cái hồ. Hố này cách hố kia chừng trên dưới chục thước. Chưa kể là sức nóng như cả triệu độ. Tai tao như bị bưng vỡ cả màn nhĩ. Tao nhìn lên trời, nhìn mây trắng, than trời ơi, cái số của thằng thanh niên tên Lê Văn Thanh này lại chấm dứt rồi sao. Rồi tao nhớ đến ba mẹ tao. Tao nói trong tuyệt vọng tột cùng. Ba mẹ ơi, vĩnh biệt ba mẹ. Nhưng như một phép lạ, khi trái bom đánh cách chỗ tao chừng hai, ba trăm thước thì đoàn B52 lại không đánh nữa. Chúng bay thẳng về hướng Đông. Có lẽ, nhờ trận đánh bom tàn khốc này mà địch đã hoảng sợ rút xa vùng, và tao mới làm một kẻ sống sót."

Thanh ngừng kể, đốt thêm điếu thuốc mới. Chúng tôi không ai nói một lời. Chúng tôi bùi ngùi nhìn thằng bạn cũ. Rõ ràng, hắn vẫn chưa lấy lại trạng thái bình thường. Hắn như một kẻ về từ địa ngục. Cái địa ngục mà suốt cả hai tuần nay không ngày nào đêm nào các báo chí và đài ngoại quốc lại không nhắc nhở. Cái địa ngục chỉ toàn là đồi núi và rừng già, buổi sáng thì sương mù đầy ngập, không thấy

mặt trời mãi đến trưa. Sự sống chỉ là con đường 14 vẫn còn tráng nhựa từ thời Pháp thuộc, với những đoàn xe tiếp tế qua Võ Định, Ben Het, Dakto. Cái địa ngục mà người ta xì xào là ngay cả ông tướng Ngô Du vẫn phải đau tim xin ông Thiệu từ chức nhiều lần. Tôi đã từng có mặt ở đấy. Tôi đã hoảng hồn. Và bây giờ đến phiên Thanh. Tôi rưng rưng nói với thằng bạn cũ:

"Thanh ơi, mày là một người may mắn nhất. Mày không biết, suốt cả nửa tháng nay, người ta đều nhắc nhở đến cái nơi mày vừa có mặt. Người ta đều nói đến ông đại tá Đạt, ông Vann, ông đại tá cố vấn Kaplan, ông trung tướng Ngô Du, và bây giờ người ta đang nhắc đến ông tướng Toàn, người hùng Lý Tòng Bá. Người ta đang đổ tội cho nhau ai chịu trách nhiệm về việc một sư đoàn tan hàng thê thảm như vậy. Nếu có dịp đọc lại báo chí ngoại quốc, mày sẽ hiểu rõ về cái thân phận của một người lính như mày. Mày sẽ hiểu thế nào là nỗi nhục của một người cầm súng khi đọc những lời kể của các cố vấn Mỹ về một ông Tư lệnh sư đoàn bất tài, thụ động, về một ông Tư lệnh quân đoàn vua trùm ma túy, nhiều lần xin ông tổng thống quân phiệt từ chức vì bệnh đau tim. Nếu quả thật như vậy, thì trời ơi, còn gì mà đánh đấm nữa. Lúc này là lúc ngôi sao John Vann chiếu sáng, ai cũng khiếp sợ, kể cả đại tướng nhà mình. Nhục, nhục lắm. Cả một quân đoàn bây giờ nằm trong tay của ông Vann. Thanh, mày nghe tao nói không. Kể hết đi. Kể để tao viết. Bọn nó không cho tao xuất bản thì tao cất, để dành cho con cháu mình. Tiếng nói của mày, của những thằng đứng ở tuyến đầu, chết trước hơn ai hết, hy sinh hơn ai hết, cô đơn hơn ai hết. Mày phải bênh vực mày, anh em mày, những người lính thấp hèn."

Thanh nói:

"Vâng, mày nói về ông đại tá Đạt, thì tao xin có ý kiến mặc dù tao chỉ là thằng thiếu úy quèn. Ông Đạt là một sĩ quan có khí phách và yêu thương lính. Trước ngày Tân Cảnh bị chiếm, trong khi chiếc trực thăng đặc biệt của ông Vann đáp xuống bãi đáp của Bộ Tư Lệnh để cứu những cố vấn Mỹ, ông đã không chịu rời. Tao nghe người ta kể lại là ông nói với ông Vann là ông tin tối nay địch sẽ tràn ngập, và ông Vann muốn ông bỏ căn cứ nhưng ông

HỒNG KHẮC KIM MAI

CHO TRÒN GIẤC NGỦ

Dỗ em đi anh
Dỗ cho kiếp sống vụn dày này an nghỉ
Dỗ cho trời cao xanh phải khóc
Em hôm nay như con trâu cày bừng đông
mệt mỏi
Em như đá cổ sơ xôn xao ngày nhật thực
Có nghĩa lý gì một trăm năm đàng sau lưng
hay đàng trước mặt
Quả bóng vỡ đi rồi và xà bong tan trong nước
Em chán chường quá trời ơi làm sao anh
biết được?

Dỗ em đi anh
Bàn tay ân cần ve vuốt
Em bán linh hồn từ muôn kiếp trước
Không còn chi để lại cho anh

Dỗ em đi anh
Mộ dài xanh cầm canh tóc cỏ
Nửa đời em thuyền ngửa nước bơ vơ
Có ai nghe tiếng gọi sông hồ
Có ai nghe cá bạc đang chờ con sao sũng ái
Em chắp tay mà khấn mà lạy mà cầu
Cho nắng dãi ngàn dâu
Em dâng khay trầm mặc
Miễng đèn phù du thâm quầng trên bốn phía
Xin ai đừng xẻ rộng vết thương

Dỗ em đi anh
Ngựa hồng té bên kia sông
Vòng đai đã thắt
Oán hờn xây tên dày khuôn mặt...

từ chối. Nhưng bên cạnh cái khí phách và lòng nhân ấy người ta kể là ông phạm những lỗi lầm rất lớn, đưa đơn vị và cả ông vào cái huyệt như ông đã ra lệnh đào cho ổng. Ông vẫn lạc quan không tin ở những lời báo cáo. Ông không bung các đứa con ra ngoài để tuần thám, không dự phòng kế hoạch phản pháo, hoặc máy bay yểm trợ khi cần thiết. Tao còn nghe thêm là ông bác bỏ kế hoạch để thí một đơn vị thám kích nhảy vào lòng B3 để giết tướng Hoàng Minh Thảo hay gây xáo trộn cả Bộ Tư Lệnh địch. Ông luôn luôn nghĩ rằng xe tăng địch sẽ không bao giờ xuất hiện. Bằng cớ là gần đến ngày chót ông mới sai lính đào hầm để ông trú ẩn."

Mấy ổng tốt nghiệp toàn là những trường quân sự danh tiếng, nhưng cái học chỉ dành cho chiến trường Normandy chứ không phải chiến trường chó má này. Mày thấy không, Mỹ đã đổ vào đây bao nhiêu lực lượng, xử dụng bao những phương tiện khí giới tối tân nhất, nhưng cuối cùng cũng phải bó tay..."

Bấy giờ thằng Định nói :

"Đất nước như thế, xã hội như thế, quân phiệt như thế, một con én như bác sĩ Hà Thúc Nhơn, như mày làm sao đủ làm cả mùa xuân. Mày phải đào ngũ, đừng về lại trên ấy nữa. Chúng ta không thể để những kẻ ngu xuẩn, hèn nhát quyết định mạng sống..."

Thanh cười, nụ cười như mếu:

"Tao đã thoát chết hai lần. Một lần từ những chiếc tăng T54. Và một lần từ trận bom Mỹ. Có nghĩa là Ơn Trên muốn tao sống. Vâng, tao nghe lời bọn mày. Kể từ nay, kẻ mất tích sẽ về cùng căn gác gió này để chờ đợi hòa bình."

*

Căn gác gió. Một căn gác lẻ loi nhất, nghèo nàn nhất nổi lên giữa một con phố giàu sang. Nó như một tên hành khất, với những tấm ván vá víu, trống trải, với mái tôn hư dột. Bốn cột gỗ yếu ớt dựng lên chống đỡ cái thế giới mà chúng tôi đang nương nhờ tuổi trẻ một cách tội nghiệp. Trong gác, trên sàn ván, bề bộn sách vở chiếu chăn, và những gạt tàn thuốc đầy tro bụi. Hình như chúng tôi không một tên nào buồn cầm lấy chiếc chổi... Những điếu thuốc cơ hàn được chuyền nhau. Những buổi đói no được chia xẻ. Những ngày những đêm sợ hãi, hồi hộp, nhìn trước nhìn sau khi ra đường, hay khi thấy cảnh sát hay quân cảnh thấp thoáng từ xa. Chúng tôi đã phải chấp nhận cái nhục cái hèn trong lúc tuổi chúng tôi đang là mùa xuân của kiếp đời. Có điều, liệu chúng tôi có đủ can đảm và kiên nhẫn để chịu đựng mãi như thế này trong khi bóng hòa bình thì biệt mù tăm cánh.

Trời bỗng nổi mưa lớn. Hôm qua, đài phát thanh đã loan báo một trận bão khủng khiếp vừa thổi qua những tỉnh miền Trung với sức gió 200 km/giờ. Đài phát thanh cũng tiên đoán trận bão sẽ rớt trên thành phố này trong ngày hôm nay. Và bây giờ, nó đã thật sự đến bằng những trận mưa như trút nước, bằng những cơn gió gào thét tung hoành. Và căn gác của chúng tôi như một con bệnh đang động kinh, rung chuyển ghê rợn trước mỗi cơn cuồng phong.

Cơn mưa đã làm căn gác như sắp bật gốc. Những mảnh tôn đập vào nhau kêu loạn xạ. Gió thốc mạnh vào khung cửa gió, quất ngã chúng tôi. Thinh không thì tiếp tục vần vũ bởi những tiếng gầm thét của gió, của mưa, của sấm sét, như một bản hoan ca cuồng nộ của đất trời. Rồi mái tôn bị thốc. Chúng tôi không ai bảo ai hối hả nhào xuống thang gác. Ai nấy đều ướt như chuột lột. Thành phố bỗng dưng tối sầm lại, tựa như một thị thành chết. Chúng tôi không ai bảo ai đều lao vào cơn mưa bão. Mỗi đứa lại tìm một con đường mà đi, giữa tiếng sấm sét ầm ầm, và dưới những cơn mưa như thác lũ.

*

Từ ấy, tôi không còn nghe được tin tức của các thằng bạn của thời gác gió nữa. Nghe nói thằng Thanh đã trở lại trình diện, bị thương, mắt mù chân cụt sống nương vào xó chợ gầm cầu. Còn thằng Định tham gia bí mật vào tổ chức sau 1975, để bị kết án chung thân. Nhớ đến chúng, tôi chỉ còn ngòi viết, để có thể thay chúng nói về tuổi trẻ của chúng tôi. Trải qua một cuộc biển dâu, ai là anh hùng, ai là kẻ đào tẩu, ai sợ chết, ai hèn, ai là đồ tể, đều đã phơi bầy. Chính những kẻ đã kết án chúng tôi là những người bỏ chạy trước hết.

Thanh ơi, ngày trước, bộ máy chính quyền kiểm duyệt bài viết của tao về một người trở về từ Tân Cảnh, nhưng bây giờ khi tao có thể viết được, thì không thể gửi bài về mày. Như vậy tao viết cho ai.

Thời nào cũng vậy, bão cứ tiếp tục thổi qua thềm lục địa chữ S.

(trích trong Mặc Niệm Chiến Tranh)

MÓN QUÀ GIÁNG SINH

TÔN NỮ THU NGA

Lisa lặng lẽ nhìn quanh căn phòng trống, một căn phòng tối tăm ủ dột. Mùi mốc meo thoang thoảng xông lên làm nàng cảm thấy ngột ngạt. Trên tấm thảm nâu cũ, chiếc ghế bành sờn rách dựa bên bức tường loang lổ; cái bàn gỗ ọp ẹp đầy những dấu cháy đen ghi khắc bởi sự bất cẩn của một kẻ nghiện thuốc lá nào đó làm nàng chợt rùng mình. Trái tim nàng cũng đầy những vết thẹo, ghi khắc bởi một chàng trai bất cẩn, dù nước mắt nàng có tràn trề như những dòng suối đầu xuân, nàng không thể nào dập tắt những đốm lửa oan nghiệt đang đốt cháy đời mình.

Rón rén bước vào hành lang tối, ánh sáng qua ô cửa kính soi lờ mờ căn phòng tắm nho nhỏ, nàng bước vào, kéo tấm màn nhựa, nhìn trân trối vào bức vách đối diện, sơn tróc nham nhở trên bức tranh hoa lá, một thời tươi mát trang hoàng căn phòng tắm khiêm tốn.

Chợt cảm thấy choáng váng, Lisa chống hai bàn tay bên chậu rửa mặt, cúi đầu, nhắm mắt vài giây. Khi ngẩng đầu lên, khuôn mặt cô phản chiếu trong tấm gương như một bóng hình xa lạ. Đôi mắt thâm quầng, đôi gò má hốc hác chứ không còn bầu bĩnh nữa, từ đôi mắt nhìn ra trong tấm kính ấy, nỗi đau buồn như những giọt mưa đầu xuân thấm thía và lạnh lẽo.

Người quản lý nãy giờ đứng khoanh tay, lưng dựa cửa, phì phèo điếu thuốc lá dường như đã sốt ruột vì chờ đợi. Quăng điếu thuốc dang dở ra sân, gã ngoái đầu vào phòng gọi lớn:

"Sao đây cô nhỏ? Hôm nay tôi còn vài người đến xem nhà nữa đấy . Căn phòng này chỉ có ba trăm một tháng, thế nào tí nữa cũng có người mướn..."

Gã ngưng lời, lục túi lôi ra cái bao thuốc nhăn nheo, tìm bật lửa mồi thêm điếu thuốc mới. Mùi khói khét nghẹt làm Lisa ngứa cổ, cô ho mấy tiếng khô khan. Gã quản lý nheo mắt:

"Bệnh hả? Có phải ho lao không?"

Lisa lườm hắn:

"Tôi không chịu được mùi thuốc lá. Bộ ông tưởng ai ho cũng là lao phổi sao?"

Thấy Lisa bực tức, gã dụi tắt điếu thuốc :

"Xin lỗi nhé, tuần trước có ông già Mễ bị cơ quan y tế đến bắt đi vì ổng bị ho lao lại lây cho mấy đứa cháu nên tôi còn bị ám ảnh."

Lisa liếc mắt nhìn căn phòng đen tối ảm đạm sau lưng, hình dung ông già bạc phước, run rẩy ho hen... Gã quản lý phân bua:

"Ông già kia ở dãy nhà phía sau chứ không phải căn này..."

"Để tôi suy nghĩ vài hôm rồi gọi lại cho ông biết..."

Lisa đi như chạy ra phía lề đường, chiếc xe bus hôi mùi khói nồng nặc cũng vừa ngừng lại. Chờ cho người đàn bà Mỹ đen già, chống cây gậy sắt lạng quạng trèo lên. Lisa nối gót bước

theo, thả mấy đồng bạc cắt lanh canh rơi xuống hộp đựng tiền. Chiếc xe bus rồ máy chạy một cách vội vã trước khi hành khách yên vị làm Lisa lảo đảo bám vào cây cột sắt, tiếng chưởi thề của mấy vị khách khó tính vang lên văng vẳng. Gã tài xế thản nhiên liếc mắt nhìn tấm kính chiếu hậu và phóng nhanh vào dòng xe cộ. Lisa ngồi xuống băng ghế trống, lơ đãng ngó ra cửa xe, những bức tường phủ đầy các dòng chữ sơn nham nhở của bọn du đãng làm lòng cô thêm ảm đạm. Ngoài kia nắng California bắt đầu ửng sáng, báo tin mùa xuân đã tràn lan khắp chốn bằng những đóa hoa anh túc vàng rực.

*

Bây giờ là mùa thu, nàng ngồi co ro sau cửa sổ, bức màn hé mở chừng vài gang tay, Lisa nhìn lá khô bay rào rạt trên sân xi măng nứt nẻ. Nỗi cô đơn len lỏi vào hồn theo cơn heo may lạnh, nàng đặt bàn tay lên bụng, thăm dò chứng tích của cái mầm sống đang cưu mang, thở dài, liên tưởng đến đời sống mong manh, những hạnh phúc nhỏ nhoi mà nàng chỉ có trong giấc mơ.

Những ngày đầu dọn về căn phòng nhỏ này, Lisa cứ tưởng rằng thế nào mình cũng điên lên hoặc chết vì đơn độc. Nàng nhớ ba mẹ nhưng sự hổ thẹn và hối hận khiến nàng cắn răng lìa gia đình để tự tạo dựng cho mình một đời sống mới. Một đời sống mà chung quanh đầy những kẻ xa lạ, cô đơn và cũng bần hàn như chính mình. Đôi khi Lisa nhói cả tim khi nhớ đôi mắt buồn của ba và những dòng lệ âm thầm tràn trề trên đôi má của mẹ những ngày cô còn ở nhà. Những ngày trái tim cô rất dửng dưng với tình gia đình vì trái tim ấy đã tràn ngập một tình yêu nồng cháy khác. Cô chán chường nhắm đôi mắt lại, cố xua đuổi các hình ảnh buồn phiền ra khỏi tâm trí mình. Bà già Jenny láng giềng bên cạnh thỉnh thoảng qua thăm nàng, khi mang theo cho mấy cái bánh ngọt, khi mấy quả chanh bà bẻ trộm bên đường.

"Cười đi cô bé, phải vui lên cho baby vui vẻ dễ chịu, tôi mới thích giữ nó cho cô đi làm chứ."

Bà thường la cà kể cho nàng nghe những chuyện vui trong ngày, bày vẻ những kinh nghiệm nuôi con của mình cho cô. Bà thủ thỉ:

"Cô biết biệt danh cuả thằng Bobby là gì không?"

Bà mơ màng mỉm cười:

"Chúng tôi gọi nó là baby elephant tại nó nặng tới mười hai cân."

Lisa kinh hãi nhìn bà. Bà cười lớn, xua tay:

"Ô xin lỗi nhé, cô đừng sợ, Bobby là con út của tôi và hồi ấy tôi cũng nặng đến hai trăm cân, sanh xong kiêng cữ ăn uống mới sụt được hai mươi cân."

Lisa mỉm cười nhìn người bạn già nua, đôi má nhăn nheo, lòng bàn tay bà láng trơn mủm mỉm, vuốt ve đôi bàn tay cô những lần bà bắt gặp cô ngồi bó gối cô đơn với những dòng nước mắt âm thầm.

"Bobby kể rằng nó có bồ người Viet Nem nhưng rủi thay nó bị mất tích bên ấy nên tôi chẳng thấy mặt người con gái này, biết đâu tôi đã làm bà nội mà không hay!"

"Jenny, Viet Nam chứ không phải Viet Nem đâu."

"Okay, okay, Viet Nam, già cả rồi nên tôi chả nhớ gì hết."

Đôi mắt bà Jenny mơ màng:

"Người yêu của Bobby chắc cũng đẹp như cô."

Lisa phì cười:

"Jenny ơi, có thấy cái bụng này không mà khen đẹp?"

"Đàn bà có mang cũng đẹp lắm chứ, tôi thấy trên bìa báo hôm qua trong phòng mạch bác sĩ có hình cô tài tử cái bụng còn lớn hơn cô mà dám ở trần để chụp hình. Đẹp thì mới được đăng lên báo chứ."

Jenny tuy lớn tuổi nhưng trí óc còn rất sáng suốt, lúc nào bà cũng làm những ngày buồn của Lisa được sáng tươi đôi chút. Dường như trời cho những kẻ cô đơn và bất hạnh như bà, như Lisa tìm đến với nhau để dắt dìu nhau trong những chuỗi ngày lê thê tăm tối. Jenny dẫn nàng đi thăm thai ở trung tâm y tế thành phố. Hai người một già, một trẻ; hai màu da khác biệt nhưng họ thương nhau như hai người bạn tâm đầu. Thấy Lisa nhút nhát e dè mỗi khi đi thăm thai, Jenny lẽo đẽo đi theo nàng. Nhờ bà bảo vệ, Lisa không còn phải tủi thân chảy nước mắt khi bị mấy mụ y tá chanh chua hất hủi. Đôi khi bà đưa cho Lisa vài tờ sách báo nói về thai nghén, cách nuôi con đã nhàu nát và bắt nàng đọc.

"Jenny, mấy tờ báo này ở đâu mà bà có?"

"Thiếu gì, các văn phòng bác sĩ để đầy cả bàn!"

"Báo để cho bệnh nhân đọc chung sao bà lấy trộm?"

"Đừng lo, tụi bệnh nhân Mễ đâu có đọc

được tiếng Anh."

Lisa lắc đầu, và Jenny thì cứ tánh nào tật đó, từ trong cái xắc tay quá khổ, sau những chuyến hành trình nho nhỏ, bà tiếp tục dúi vào tay cô những viên kẹo chanh, những trang báo cũ, những tấm hình trẻ con dễ thương trên các quảng cáo sữa và thức ăn cho em bé. Mắt bà rạng rỡ làm Lisa không muốn cằn nhằn nhiều nữa. Đôi khi thấy nàng nhướng mày, bà lật đật phân bua:

"Mấy cái này cô Dianna ở phòng mạch cho tôi đấy."

Trong cái vòng lẩn quẩn cuả đời sống, nhiều khi Lisa cũng tập cười những nụ rất đắng cay.

*

Đã ba hôm Jenny nằm bệnh viện vì chứng tiểu đường của bà bỗng dưng trở nặng. Cái giường sắt cũ, kêu cọt kẹt mỗi khi bà trở trăn qua lại, thấy Lisa ngồi mãi bên mình Jenny lo lắng:

"Về nhà nghỉ ngơi đi, tôi có y tá săn sóc rồi, cô cũng cần dưỡng sức chứ."

Nói vậy thôi, Jenny sung sướng lắm mỗi lần bà tỉnh giấc sau những cơn mê rũ rượi. Bà càu nhàu than thở đủ điều:

"Mấy mụ y tá làm biếng lắm, tụi nó nói chuyện cả buổi ngoài hành lang mà kêu xin miếng nước cũng phải chờ nửa giờ mới có!"

"Lisa biết tại sao cái phòng hôm nay thúi hoắc không? - Bà roomate kêu cái bô đi cầu mà không có đứa nào tới cho nên bả làm đại trên giường... hi hi... mấy y tá phải vô tắm rửa lau chùi cho bả, đáng đời bọn nó nhưng thật khổ cho cái lỗ mũi của mình."

"Lisa, tôi muốn về nhà..."

"Jenny, bác sĩ bảo phải chờ vài hôm nữa cho số lượng đường trong máu trở lại bình thường mới về được."

"Hồi xưa lúc sanh thằng 'Baby elephant,' tối nào y tá cũng đến xoa lưng, đấm bóp mà bây giờ thì khăn trải giường nó cũng không thay."

"Trời đất ơi, ba mươi năm rồi thì phải có điều thay đổi chứ, bệnh viện này thấy sạch sẽ, mình đâu có tiền nhiều mà đòi hỏi?"

Jenny còn bướng bỉnh:

"Tôi chỉ muốn về nhà sớm, ở đây không ngủ được, cứ vài ba giờ chúng nó bật đèn, đo áp suất, đếm tim, nghe phổi. Chưa sáng đã có ma tới hút máu, mâm đồ điểm tâm vừa dọn ra là có kẻ đến phá không cho ăn..."

Lisa lắc đầu nhìn bạn:

"Jenny nói nhiều thế chắc sắp sửa khoẻ lại rồi."

Thấy cô y tá bước vào, Jenny im lặng ngả người trên gối, mắt lim dim, hơi thở hụt hẫng mệt nhọc. Cô y tá nhìn Lisa mỉm cười:

"Chào cô Lisa, cô đến thật đúng lúc, bác sĩ cho Jenny xuất viện hôm nay, cô có thể chờ tôi làm giấy tờ rồi đưa bà ấy về."

Jenny nhổm dậy như có cái lò xo dưới mông làm Lisa cằn nhằn cản bà lại. Jenny chép miệng:

"Tôi thèm ăn chả giò..."

Lisa lắc đầu:

"Thôi, không ăn chả giò liền được, dầu mỡ khó tiêu, có sẵn cháo gà ở nhà rồi."

"Okay, Lisa nấu cháo gà ngon lắm, tôi không từ chối được."

Mắt bà rươm rướm, bà đưa tay ôm cô gái vào lòng, trái tim bà rung động mãnh liệt, bà cảm thấy niềm hạnh phúc rộng lớn tràn ngập trong hồn. Tình thương người con gái da vàng ốm o nhỏ nhắn trao cho bà, trong cuộc đời bà chưa hề một lần nào cảm nhận.

*

Tháng mười hai trời California đã trở lạnh, Lisa nhìn xuống bụng mình, bự không kém cái bụng ông già Noel đang lúc lắc cái chuông đồng leng keng ngoài cửa chợ. Jenny nhất định rằng thế nào cô cũng có một "Christmas baby." Cô buồn bã nghĩ đến những ngày Noel cũ, những cây thông xanh thơm ngát hai chị em cô giăng đèn kết hoa, những gói quà xinh xắn của cả gia đình nằm ngổn ngang dưới gốc. Không biết mẹ cô có còn đan những tấm áo len nhỏ xíu cho lũ trẻ em nghèo mới sinh trong bệnh viện... nếu mẹ biết... tim cô nghẹn ngào, nếu mẹ biết rằng cô đang cần những tấm áo nhỏ nhoi ấy cho đứa cháu ngoại của mẹ, nếu mẹ biết rằng cô đang thiếu thốn, lẻ loi và nhớ mẹ thì mẹ nghĩ sao?

Có lần cô leo lên chuyến xe bus, ngồi mãi hoài trên băng ghế cuối, xe chạy vòng vo, cô thẩn thờ hy vọng được thấy một khuôn mặt thân quen nào đó, không hiểu tại sao bỗng dưng cô muốn những bí mật của mình được tiết lộ một cách bất ngờ, ngoài ý muốn để cô không còn phải nghĩ ngợi và đối phó nữa. Cô ước ao được mẹ ôm vào lòng, hôn lên vầng trán, cô mong mỏi được ngồi trong bếp, nhìn trời mưa qua khung cửa kính rộng, hồn mơ theo những cành lá khuynh diệp rũ rượi đong đưa và thưởng thức những cái bánh bèo chén

mẹ vừa lấy từ nồi hấp ra nóng hổi. Cô muốn mình trở thành đứa con gái nhỏ, tóc cột đuôi gà, chạy theo trái banh đen trắng trên sân cỏ, tiếng bố cô vỗ tay vang dội, đôi mắt bố long lanh mừng rỡ khi đội banh cô thắng trận. Cô nhớ cả khuôn mặt chị Hai, cắm cúi học hành thật khuya, chị hay nổi giận càu nhàu khi cô xem Tivi khuya không chịu học bài... Những hình ảnh ấy cứ vấn vương, làm trái tim cô nặng trĩu, trái tim của một kẻ trốn chạy khỏi mái ấm gia đình vì cưu mang những mặc cảm tội lỗi.

Jenny mang về cho cô một cây thông nhỏ xíu, hai mái đầu kề nhau gắn lên cành thông mong manh những cái nơ đỏ nho nhỏ và những trái thủy tinh bạc. Jenny hỏi bạn:

"Lisa muốn quà gì của ông Santa Claus?"

Lisa chưa kịp trả lời thì Jenny thủ thỉ:

"Tôi lúc nào cũng mơ ước thằng Bobby mở cửa bước vào nhà trong buổi chiều Giáng Sinh, bộ quân phục thẳng nếp với mấy sợi dây đỏ vàng bên vai như những ngày xưa còn trong quân trường rồi tôi với nó sẽ cùng nhau đi xem lễ."

Mắt bà rươm rướm nước:

"Hai mươi lăm năm tôi chỉ mong ước có một điều."

Lisa cầm đôi tay người bạn, bàn tay già nua trơn láng, những sợi gân xanh dưới làn da mỏng đầy những chấm nâu, cô áp má vào bàn tay ấy, lòng ngậm ngùi, nghĩ đến những người mẹ già nua cô độc chỉ vì đứa con độc nhất của mình đã chết trong chiến trận.

Cơn đau đột ngột ùa đến làm Lisa gập người ôm bụng, mồ hôi lạnh lấm tấm trên vầng trán. Jenny trố mắt nhìn cô, mặt bà cũng tái nhợt, bà lắp bắp:

"Oh my god..."

Cơn đau qua đi, cũng đột ngột như lúc đến, Lisa nhìn bạn:

"Chắc tôi bắt đầu chuyển bụng, bác sĩ dặn khi nào đau cách nhau năm phút mới cần đến bệnh viện."

"Không chờ lâu như vậy được, tôi phải gọi Taxi bây giờ, có khi cả nửa giờ sau xe mới tới."

"Jenny, bình tĩnh lại đi, tôi có nhờ ông Jack, người quản lý, ông ta hứa nếu tôi cần, ông ta sẽ đưa đi bệnh viện dùm."

"À, thằng cha già dê ấy mà cũng tốt bụng, tôi phải qua dặn hắn ta không được đi đâu cả."

Vừa nhận được điện thoại cuả Jenny, Jack vội vã chạy qua, gã lăng xăng như gà mắc đẻ:

"Sao, cô đau bao lâu rồi... hồi xưa tôi làm medic ở Long Bình..."

Jenny lườm gã:

"Bây giờ thì ông chỉ được làm tài xế chở Lisa và tôi đi bệnh viện thôi chứ không có được sờ vào bệnh nhân đâu."

Dù cơn đau đang kéo đến một lần nữa, Lisa không nhịn được cười khi thấy Jack và Jenny cãi vã. Jack cuống quít chạy vào phòng tắm, hắn nhúng tấm khăn, xếp gọn gàng đặt lên trán Lisa. Thấy bàn tay bẩn với mấy cái móng tay đen dầu nhớt của hắn, Jenny đập cái bốp lên mu bàn tay hắn chê dơ, Jack cười khì khì:

"Đừng lo, tôi sửa xe, đính dầu nhớt nên trông đen thui chớ không dơ lắm đâu."

Hắn còn chọc ghẹo bà, đưa bàn tay cho bà ngắm nghía. Bà chỉ tay ra cửa:

"Đi dọn cái xe cho sạch một chút, tôi không

NGUYỄN HÒA TRƯỚC

5 KHÚC MỪNG SINH-NHẬT TÔI

1. Tháng 2 mùa xuân
có muôn lớp người xô nhau trẩy hội
sao không thấy bóng em về?

2. Tháng 2 mùa xuân
có chim khuyên dạo đàn thánh-thót
sao không nghe tiếng em cười?

3. Tháng 2 mùa xuân
có hoa tình-yêu dâng hương ngào-ngạt
sao không rộn-ràng hơi thở nóng trên vai?

4. Tháng 2 mùa xuân
có đèn giăng mờ phố cũ
sao không tìm được bàn tay em?

5. Tháng 2 mùa xuân
có trái ngọt cho hồn say ngây-dại
sao không là chiếc hôn em cho anh?

muốn ngồi trên mấy cái bao thức ăn hôi hám hoặc đạp lên mấy cái vỏ lon đâu... còn cái gạt tàn thuốc, xin ông đổ đi giùm..."

Jack đưa bàn tay lên ngang mày, chào Jenny theo kiểu nhà binh, nháy mắt với Lisa:

"Aye aye sir!"

Jack vừa đi khỏi Jenny tố khổ:

"Cái xe thằng chả để dơ dáy hết sức, lần trước gã chở tôi đi ngồi trong xe mà phải nhịn thở vì hôi quá sức, mở cửa kính thì lạnh cóng xương... có điều là hắn ta cũng tốt bụng, kẻ khác chắc gì giúp đỡ mình..."

Jenny lấy tấm khăn vào phòng chà xà bong, giặt thơm tho, nhẹ nhàng lau những giọt mồ hôi trên vầng trán mịn của Lisa, ngoài kia, đêm đông trải êm đềm như một tấm luạ mỏng, đèn giáng sinh xanh đỏ nhấp nháy bên hiên nhà hàng xóm, Jenny mở tủ kiếm cái áo choàng, dịu dàng phủ lên vai Lisa. Hai người bạn nắm tay nhau bước ra khỏi nhà, Lisa ngước mắt nhìn bầu trời đông, lạnh lẽo và trong sáng, một ngôi sao băng loé lên trong vạn ánh sao trời lấp lánh. Jenny cũng thấy ánh sao băng nên quay nhìn bạn, Lisa mỉm cười:

"Tôi có những người bạn như bà và Jack thì tôi đã toại nguyện rồi, chả cần phải mong ước chi hơn."

*

Đứa bé ngủ say sưa trong cái nôi nhỏ bên cạnh giường mẹ, chốc lát đôi môi hồng cuả nó chu hú, mút chùn chụt mấy ngón tay bụ bẫm. Vì sanh vào ngày giáng sinh, cô y tá đội cho nó cái mũ màu xanh lá cây, trước trán thêu chùm berry màu đỏ, Jenny vuốt nhè nhẹ trên đôi má bầu bĩnh có thoáng đôi đồng tiền xinh xắn khi nó nhoẻn miệng cười trong giấc ngủ. Người con gái trẻ cũng thiếp đi vì mỏi mệt, mặt cô tái, đôi mi cô rung động nhè nhẹ như cánh bướm, cô hé mắt nhìn người bạn già và cô bừng tỉnh:

"Jenny..."

Jenny mỉm cười:

"Merry Christmas, the baby is hungry, we got a big boy to feed now."

Lisa nhìn bạn:

"Jenny muốn tôi cho Bobby bú sữa bây giờ hả?"

Jenny giật mình, nhìn chăm vào người bạn nhỏ, bà ngớ ngẩn vài giây như không tin vào tai mình. Chợt hiểu ý Lisa, niềm vui đột ngột oà vỡ trong lòng Jenny, choáng ngợp và vũ bão như những ngọn sóng ngày xưa đập miệt mài trên triền đá xám của bờ biển Ireland, nơi bà trải qua một thời thơ ấu êm đềm. Nước mắt bà giọt lăn tăn trên gò má, bà cúi mặt hôn lên bàn tay người bạn trẻ, đứng dậy, thận trọng bế đứa bé con ra khỏi chiếc nôi, cảm nhận làn sinh khí mới tràn lan trong tâm hồn, bà đưa bàn tay lau những giọt nước mắt ấm, thì thào:

"Welcome home, Robert Stanton O' Connor."●

NHỮNG MƯƠI NĂM ẤY BIẾT BAO NHIÊU TÌNH

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

(Tiếp theo và hết)

Tại Pháp, sau Hiệp định sơ bộ và Tạm ước, tổ chức *Văn Hoá Liên Hiệp* và các nhóm lao động không phải công binh (nhóm Lao động thủy thủ, Việt Nam liên đoàn lao động), trí thức (*Đoàn trí thức Dân chủ* của luật sư Phan Nhuận do đảng Cộng sản Pháp đỡ đầu (52) và sau đó Phan Nhuận lập ban Việt kiều cứu quốc (53) *phụ nữ* (Liên đoàn Phụ nữ), với cơ quan ngôn luận là tờ báo Lao động và Thủy thủ, bắt đầu tấn công đoàn thể công binh với sự ủng hộ và khuyến khích của Phái đoàn Trần Ngọc Danh,

Riêng Văn hoá Liên hiệp, do một số *trí thức* vận động thành lập vào tháng 2 năm 1948 với cơ quan ngôn luận là nguyệt san Tạp chí Phụ trương Thông tin văn hoá Liên hiệp :

Các nhà văn hoá Việt Nam tại Pháp, thuộc khắp các giới, thuộc khắp các khuynh hướng chính trị, tôn giáo, tinh thần, tề tựu trong một tổ chức chung lấy tên là Văn hoá Liên hiệp, để bảo vệ quyền lợi nước Việt Nam (...) siết chặt hàng ngũ dưới một khẩu hiệu chung, một khẩu hiệu độc nhất ủng hộ triệt để phong trào kháng chiến do chính phủ Hồ Chí Minh lãnh đạo để tranh thủ :

- Độc lập

-Chính thể cộng hòa

-Nguyên tắc bình dân

Tổng thư ký là Phạm Huy Thông, trong số 12 cố vấn có các ông Bửu Hội, Hoàng Xuân Mãn, Trần Đức Thảo, đã từng có mặt trong Tổng Ủy ban đại diện vào tháng 12/1944.

Về phần Công binh, qua năm 1950 1952 đa số lính thợ (15 000) , lính chiến đã về nước Trung Ương công binh *tự giải thể*. Kế tục cho cơ quan này, *Hiệp đoàn thợ Việt Nam* ra đời năm 1950, 400 đoàn viên là công, chiến binh giải ngũ, lao động, thủy thủ, học sinh, trí thức và một cơ quan ngôn luận tờ báo Tiếng Thợ. Điều lệ tôn chỉ như sau :

Giúp đỡ nhau, chống đế quốc và tư bản, giành hoàn toàn độc lập cho Việt Nam, thân thiện và đoàn kết với thợ Pháp và thợ các nước để thực hiện tinh thần quốc tế vô sản (...) từ tổ chức đến hành động lấy nguyên tắc tập trung dân chủ làm căn bản, tôn trọng sự tự do và dân chủ (...) là một tổ chức thợ thuyền, nhưng trong những điều kiện hiện thời ở Pháp, mở rộng cho học sinh trí thức tranh đấu theo lập trường vô sản. *(NVOP 1940- 1954 tr253)*

Tờ Phụ trương Thông tin hay Tạp chí Văn hoá Liên hiệp của nhóm Văn hoá Liên hiệp, tấn công nhóm trốt kít bằng bài (dịch) của ông Trần Đức Thảo và sau đó gọi đích danh Hiệp đoàn thợ cùng các báo của họ là *"thực dân và Việt gian" âm mưu chia rẽ Việt kiều và chống Kháng chiến.*

Nhóm Văn hoá Liên hiệp này chính thức được Quốc Hội Việt Nam giao nhiệm vụ *tổ chức Chi hội Liên Việt tại Pháp,* thành viên của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, lập tại Hà Nội ngày 27 tháng 5 năm 1946. Ban Vận động Liên Việt (Phạm Huy Thông, Đỗ Đại Phước, Phạm Ngọc Thuần, Trần Đức Thảo, Bửu Hội, bà Trần Ngọc Danh (Thái Thị Liên), bà Lê Thị Lựu...) không liên lạc trực tiếp với đoàn thể Công binh (vốn dĩ đại diện cho 6 000 người vào thời điểm ấy!) Phái đoàn chính phủ Trần Ngọc Danh chỉ gửi thông cáo sau đó về

các cơ quan Đại diện Công binh :

Hiện giờ ở trong nước, sự đoàn kết dân tộc ngày càng khẳng khít. Hội Liên Hiệp Quốc dân đã gồm mười triệu hội viên; vậy kiều bào ở hải ngoại phải noi gương đoàn kết ấy: 1/ Chỗ nào chỉ có Công binh thì lập chi nhánh "Liên Việt" Công binh (...)

Tại Paris, Chi hội Liên Việt thành lập vào tháng 9/1949 với 60 đại biểu, đại diện cho *2500 người Việt*. Ban Chấp hành Trung Ương gồm có 15 người trong đó có Phạm Huy Thông, Nguyễn Thị Bình (54), Phạm Ngọc Thuần, v.v. Tờ báo của chi hội là Thông tin Liên Việt.

Năm 1950, trong báo Thông tin Liên Việt số 3 có bài Tiểu tư sản và cách mạng của Nguyễn Khắc Viện chỉ trích người troskistes :

Tờ Tiếng Thợ tự nhận là vô sản, mác xít, cách mạng. Trèo lên mấy pho sách của Trotski (...) kết án Liên Việt là trí thức tiểu tư sản, Staline, Mao Trạch Đông là phản cách mạng *này nọ. Họ nêu việc Đỗ Đại Phước lên để bôi xấu Liên Việt.*

(...) Lấy cái óc hẹp hòi của trí thức tiểu tư sản, chúng tôi cũng có thể hiểu được Liên Việt hiện nay là tổ chức mạnh nhất *ở quốc nội và* xứ ngoài *chống đế quốc thực dân, bên địch không dại gì mà không cho mật thám (55) chen vào tìm cách phá hoại (...) chúng tôi không có óc cách mạng sâu xa (...) trong giai đoạn lịch sử này* nhắm mắt *theo ông Mao Trạch Đông, ông Hồ Chí Minh (...)* người cứu nhân loại khỏi nạn phát xít (...) là Staline và "quan chế" ...) *Chúng tôi không được thụ truyền Trotski, cách mạng không hiểu bao nhiêu, chỉ ngây thơ theo con đường mà Hồ Chí Minh đã chỉ cho (...) ở Paris mà dám dạy cách mạng cho Hồ Chí Minh (...) Tuy là tiểu tư sản chúng tôi không khỏi thấy rằng từ năm 1917 đến năm 1950, khối chống đế quốc đã* lan rộng từ Nga cho đến Tiệp Khắc qua đến Quảng Châu, giáp giới Việt Nam, gồm đến 800 triệu người, nhờ Staline và các đảng theo Staline... *(Nguyễn Khắc Viện:* Tiểu tư sản và cách mạng *(NVOP 1940-1954, tr. 303 - tr. 314).*

Theo lời yêu cầu của Công binh, người Đệ Tứ Hoàng Khoa Khôi trả lời trong tờ Tiếng thợ :

(...) chính giữa lúc ông Nguyễn Khắc Viện và nhóm quốc gia Việt Nam chủ trương đem người sang Đức (56) thì những người trốtkít đã tranh đấu chống lại cái chủ trương ấy. (Nguyễn Khắc Viện hẳn chưa quên). Trotski lên án chủ nghĩa phát xít giữa lúc mà ông Viện tưởng nó bành trướng khắp xứ và là tương lai của nhân loại. Thử tượng hồi đó công binh hưởng ứng với chủ trương của ông thì kết quả sẽ tai hại như thế nào? Ngày nay ông Nguyễn Khắc Viện lại biết nhận định phát xít là một cái nạn. Đó là một tiến bộ đáng khen. Nhưng từ đó mà nói rằng Staline cứu nhân loại thì thật là ngây ngô. Chống và thắng phát xít Nhật-Đức chưa phải là cứu nhân loại, *(...) thì cũng có thể gọi Roosevelt Churchill là cứu nhân loại (...) Sự thật Staline chỉ cứu Staline và quan chế Nga (...) Roosevelt và Churchill chỉ cứu Roosevelt và Churchill và chế độ tư bản mà họ thay mặt. (...) Ngày nay quan chế Nga lợi dụng cuộc thắng trận Trung Hoa, Việt Nam tuyên truyền cho họ để che lấp những sự phản bội của họ ở Âu Châu (...) coi những thắng trận của những nước đó là công trình của Staline. Thật ra* Staline đang mang một trái phá chứa nặng chất nổ (...) *(NVOP 1940-1954 tr 307-311)*

Xin ghi nhớ bài viết năm 1950. (Khối Cộng sản Liên xô và Đông Âu xụp đổ từ cuối thập niên 80.)

Trong thời kỳ hội nghị thành lập cơ quan Tổng Ủy Ban Đại diện, tháng 12 năm 1944, tuy vắng mặt ở Paris (vì ông nghỉ dưỡng bệnh ở vùng núi) nhưng ông Viện có gửi thư ủng hộ và cộng tác với phong trào công binh bằng những bài báo, sách giáo khoa về Y học, nghiệp đoàn, địa lý. Phần cộng tác này ngưng vào năm 1948.

*

Chi hội Liên Việt bị Công binh chống đối vì *Liên Việt* chống đối Công binh. Trong cuộc tranh luận, công binh vạch ra rằng có vài người trong Liên Việt trước đó ở trong nhóm Cứu quốc (của Việt Minh) đã từng ủng hộ Bảo Đại hay làm mật thám cho Pháp (trường hợp Đỗ Đại Phước, chồng Nguyễn Thị Bình). (ct50)

Trong Hội nghị thành lập, dù phản đối phương pháp hồi hương cực kì dã man của thực dân, như phái đoàn Đại diện, *Chi hội Liên Việt vẫn khuyến khích Công, Chiến binh hồi hương:*

(...) đành rằng về đến VN, các anh em sẽ bị chúng giam cầm, áp chế, hăm dọa, hay dỗ dành ngon ngọt ít lâu. Nhưng những lẽ ấy không đủ khiến ta trốn tránh cái vui sướng được trông thấy lại cố hương. (NVOP 1940-1954 tr237)

Chi hội Liên Việt cũng vu cáo người Công binh :

Thấy một bọn cầm đầu Trung Ương công

binh tự xưng là đại biểu cho toàn thể, lợi dụng lòng yêu nước của đại đa số công binh, tuyên truyền láo xược chống hội "Liên Việt," chống kháng chiến, cố ý lôi cuốn một số anh em công binh chia rẽ với kiều bào ở Pháp, chia rẽ với hội Liên Việt ở quốc nội đã gồm mười một triệu chiến sĩ đang chiến đấu hăng hái dưới sự lãnh đạo của chủ tịch Hồ Chí Minh (...) nhóm người này đàn áp anh em (...) hành hạ , đánh đập đến nỗi có nhiều anh em thiệt mạng (...) cấm anh em không được hội họp, đọc sách (...) chẳng khác nào chính sách của bọn phát xít và thực dân Pháp. *(NVOP 1940-1954 tr 238)*

Nhất là từ giữa năm 1947, khi đại biểu Công binh viết thư hỏi về số tiền bốn triệu quan mà đoàn thể Công binh đã quyên góp (lần thứ nhì) cách đó ba tháng gửi cho Phái đoàn nhờ chuyển về ủng hộ kháng chiến, (57) Đại biểu Trần Ngọc Danh (dỗi):

Yêu cầu Công binh Chi đoàn đạo Hai Bergerac cử đại biểu lên (Paris) lấy tiền lại vì đã không tín nhiệm, dùng tiền để thúc ép Phái đoàn, vô lễ, bất nhã với Phái đoàn, trong đoàn thể Công binh có một số người ngoan cố thừa cơ hội khó khăn để làm mất uy tín Phái đoàn, để chống lại Chính phủ.

và doạ :

Từ rày về sau, ai phỉ báng Hồ Chủ Tịch, Chính phủ liên Hiệp Quốc gia do Quốc hội đề cử ra và Phái đoàn, sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật của Chính phủ VN DCCH. (Thông cáo ngày 22/9/1947, NVOP 1940-1954 tr 277-278)

Kể từ đó, trên các báo chống đoàn thể công binh ngoài những Thông cáo của Phái đoàn còn có những bài vu cáo, mạ lị Trốt kít và Công binh

bọn trốt kít Việt Nam là tôi tớ của thực dân *(...) chống chính phủ kháng chiến anh dũng của dân tộc Việt Nam do Hồ Chủ tịch lãnh đạo, thêm điều nói xấu Phái đoàn tại Pháp (...)* lợi dụng lòng ái quốc của anh em dụng tâm đắt anh em vào đường phản quốc *(...) Chúng lấy* thuyết Lê Nin ra ca tụng mà chúng lại chỉ trích Hồ Chí Minh thật là một sự ngông cuồng (...) phê bình những kẻ đã và đang gánh vác nhiệm vụ xây đắp nền độc lập thì phải là vô sản không? Không! *(NVOP 1940-1954 tr. 150) Bọn Tờ rốt kít* Việt gian *thường láo dối lừa gạt đồng bào (...) Kỳ sau "Lao động" sẽ đăng các hành động* phản gián của tụi trốt kýt Việt gian ở Việt Nam. *(NVOP 1940-1954 tr. 217)*

Những khác biệt về đường lối chính trị giữa đoàn thể Công binh và phái đoàn Trần Ngọc Danh, thể hiện qua những bài bút chiến hay những tin tức về tổ chức sinh hoạt. Thật vậy, trong khi người ta tưng bừng treo đèn kết hoa mừng sinh nhật "đại hiền sư yêu quí" Staline, được mệnh danh là *cha già nhỏ bé của các dân tộc* (le petit père des peuples), (*"Mỗi khi nghe thấy tên Staline là muôn triệu trái tim cùng đập mạnh một nhịp:* báo Công Nhân mừng thọ 70 tuổi Staline, NVOP 1940-1954. 497). Báo *Công nhân tương trợ* và *Lao động thủy thủ* kêu gọi anh chị em Việt kiều (...) lập một phái đoàn đông đảo gồm nhiều thành phần để kỷ niệm 50 tuổi của M. Thorez).(NVOP 1940-1954 tr. 500) đây là *người con của dân tộc Pháp* (le fils du peuple francais): và của Hồ Chí Minh, *cha già của dân tộc Việt Nam. (58)*

Những người Đệ Tứ đại biểu cho Công binh bị phái đoàn Trần Ngọc Danh trách cứ: không những công binh đã cử hành lễ mừng sinh nhật Hồ Chí Minh *không đúng ngày yêu cầu* của Phái đoàn và công binh còn đòi *chống tôn sùng cá nhân,* đòi *Việt Nam hoàn toàn độc lập,* đòi ủng hộ cuộc tranh đấu của gần trăm triệu nô lệ đang bị dày xéo dưới cái gót sắt dã man của cái Liên Hiệp Pháp bốc lột dã man kia.

Tóm lại, những gì mà người Đệ Tứ làm lúc đó không đúng nếu không nói là ngược hẳn chương trình của đảng Đệ Tam

Thật vậy, trong khi chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với báo chí ngoại quốc:

Chúng tôi không chủ trương giai cấp đấu tranh *vì rằng trong xã hội Việt Nam không có giai cấp tư bản (...) Chúng tôi chủ trương* làm cho tư bản Việt Nam phát triển, *mà chỉ có thống nhất và độc lập thì tư bản Việt Nam mới phát triển (...) Đồng thời chúng tôi* hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước khác thật thà cộng tác với chúng tôi, *một là để kiến thiết nước Việt Nam (...) hai là để điều hoà kinh tế thế giới và gìn giữ hoà bình.* (báo Thông tin của đoàn chính phủ Việt Nam Trần Ngọc Danh đăng ngày 20 tháng 8 năm 1947 (NVOP 1940-1954 tr. 432)

Người trotskistes phản bác từng điểm một trong tờ báo Vô Sản số tháng 9 năm 1947 :

1/ ...so với tư bản đế quốc hoàn cầu thì tư bản Việt Nam hầu như không có nhưng tranh đấu giai cấp vẫn có (...) Hạng bóc lột là thực dân Pháp, là điền chủ Việt Nam, là chủ xưởng Việt Nam. Hạng bị bóc lột là dân cày, là phu mỏ, phu đồn điền. Thực dân Pháp là tư bản,

công nông Việt Nam là vô sản. (...) Lúc lao động và dân cày nổi lên đánh chống thực dân Pháp, là một hình thức của tranh đấu giai cấp.

2/ Chỉ có thống nhất và độc lập thì tư bản Việt Nam mới phát triển. Đó là một sự thực. (...). Nhưng phải biết rằng: công nông vô sản Việt Nam hy sinh tranh thủ độc lập (ở ngoài đế quốc Pháp = ngoài Liên Hiệp Pháp) không phải vì mục đích ấy. *Mục đích của vô sản Việt Nam (...) lập một chính phủ Công Nông chuyển thành vô sản chuyên chính, gia nhập vào phong trào cách mạng quốc tế và thực hiện xã hội chủ nghĩa.*

3/ (...) "Kinh tế thực dân" với "tư bản Pháp" khác nhau những gì? Đã bảo kinh tế thực dân Pháp làm cho dân Việt khốn khổ rồi lại bảo rất hoan nghênh tư bản Pháp. Vậy đồn điền cao su, mỏ Hòn Gay, nhà máy sợi Nam Định, sở máy điện, máy nước (...) v.v... không phải là tư bản Pháp hay sao? *Nhưng Hồ Chí Minh có nêu ra một "điều kiện" (...) phải thật tâm cộng tác (...) Phải chăng vì muốn có "thứ tư bản thật tâm cộng tác" đó nên quần chúng Việt Nam phải huyết chiến hai năm nay?*

4/ Nhờ "tư bản Pháp và tư bản các nước khác để kiến thiết nước Việt Nam " (...) đó là ý muốn của tư bản đế quốc (...) không cần "hoan nghênh," không cần mời (...) nó cũng đến. (...) Nó đã đến trong 80 năm vừa qua. Nay nó tái chiếm để "chấn hưng Việt Nam."

5/ Tư bản đế quốc Pháp và các nước kinh doanh ở Việt Nam để "gìn giữ hoà bình"? Điều này ngược với lịch sử. Chính vì tư bản Pháp muốn kinh doanh ở Việt Nam nên mới có chiến tranh (...) chính vì các tư bản đế quốc tranh giành thị trường và nới rộng kinh doanh nên mới xảy ra chiến tranh. *Trận (...) 1914-1918 và trận đại chiến 1939- 1945 vừa qua là một bằng chứng. (NVOP 1940-1954 tr. 432-433)*

*

Trong thời gian 47-48, nhiều công binh sửa soạn về nước, tụ tập ở miền Nam, các trại tạm được xây thêm. Những tay côn đồ, lưu manh bị mất đất đứng từ ngày những căng trại không còn nạn mù chữ, cờ bạc, đĩ điếm nay được Phái đoàn đỡ đầu khuyến khích đã tụ tập gây sự, đả thương công binh. An ninh trật tự không hoàn toàn trong những trại dựng thêm này, nên nhiều hội họp biến thành hành hung phá rối. Ngoài những tranh luận chính trị còn có thêm những hành hung, khiêu khích đi đôi với những vu cáo mạ lị. Những kêu gọi, cố gắng tăng cường trật tự của những người đại diện địa phương không đủ ngăn chận những căm thù, công phẫn giữa đôi bên Công binh và bọn côn đồ.

Cực điểm là vụ xô xát xảy ra vào đêm 15 tháng 5 năm 1948 tại Marseille. Có năm người chết 70 bị thương 20 người bị bắt. Lính Pháp đến can thiệp bắn chết thêm một người. Dĩ nhiên, những người Đệ Tứ bị vu cáo là thủ phạm.

Dù hai năm trước khi xảy ra án mạng, sau Hội nghị thành lập, Hiệp đoàn thợ đã viết (*lá thư không niêm*) cho phái đoàn Trần Ngọc Danh:

...Phái đoàn là một cơ quan đại diện chính thức của chính phủ Việt Nam tại Pháp (...) chúng tôi (...) quyết nghị phải có một thái độ chính thức đối với vấn đề Việt Nam và đồng thời ở Pháp phải can thiệp đến các hành vi của phái đoàn đặng ngăn cản những ảnh hưởng tai hại do những công việc của phái đoàn chủ trương và sẽ còn chủ trương. *Về chính trị, chúng tôi hoàn toàn chống với chính sách của phái đoàn (...) khi chúng tôi phê bình, công kích chính sách cộng tác giai cấp, chính sách xu thời của Việt Minh là cố ý để đánh tan âm mưu phản động của bọn đế quốc... Từ bấy lâu nay, chúng tôi vẫn thường nêu lên chiến tuyến duy nhất với các giới, với các tổ chức Việt kiều, và* chúng tôi lập chiến tuyến duy nhất để ủng hộ cho phái đoàn mỗi khi chúng tôi thấy cần phải hoạt động chung theo một vài chuẩn đích rõ ràng nhất định chống lại bộ Thuộc địa , bọn thực dân và Chính phủ trưởng giả Pháp *(Lá thư không niêm NVOP 1940-1954 tr.193-194)*

Công binh sẵn sàng làm chiến tuyến duy nhất với Chi hội Liên Việt tại Pháp trên những điểm: tổ chức (...) mít tinh, biểu tình chống đế quốc, tố cáo Liên Hiệp Pháp là đế quốc trá hình, làm truyền đơn kêu gọi thợ thuyền Pháp tẩy chay sự chuyên chở khí giới , binh lính sang Việt Nam" *(Đại hội nghị Công binh. (NVOP 1940-1954 tr 486)* .

Hai năm sau ngày án mạng, toà Pháp tuyên án 86 năm tù và 2 triệu rưỡi quan tiền bồi thường và án phí cho các can phạm. Dù không hề có một người Đệ Tứ nào trong số những bị can, (59) Đệ Tứ cũng đã kêu gọi giúp đỡ những gia đình các nạn nhân cũng như bị can.

Phái đoàn Trần Ngọc Danh ra thông cáo:

hiện giờ tôi không muốn giao dịch với Trung Ương Công binh vì (..) đã kêu gọi anh em công binh giúp cho bọn sát nhân (...) đã tự tiện làm

trái với sắc lệnh của Chính phủ về ngày lễ độc lập là ngày 2 tháng 9 và ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8. (60)

Những người trí thức *Văn hoá liên hiệp* cũng qui tội cho người Đệ Tứ:

Tin rằng nguyên do đầu tiên của vụ cốt nhục tương tàn này ở Marseille, ấy chính là tinh thần bè đảng, là máu ham mê cãi cọ những lý thuyết chưa cần thiết trong lúc toàn dân đương đầu cùng một thực tế cấp bách: chống lại ách thực dân (NVOP 1940-1954 tr.163)

Cuối năm 1952, thêm hơn 1000 (cựu) công binh về nước, số đoàn viên của Hiệp đoàn thợ Việt Nam còn lại dưới 300 người.

5.

Tại Pháp, nói chung vào thời điểm này, trong cộng đồng người Việt, những người trí thức, sinh viên, thương gia không còn là thiểu số. Vì cường độ chiến tranh gia tăng, người Việt từ Đông dương đổ sang Pháp khá đông nên các thành phần thay đổi. Công nhân chỉ còn 4 000 người, 12 000 còn lại là thương gia, trí thức, sinh viên . Vào tháng 4/54 ,bốn nước Anh, Pháp, Mỹ và Nga quyết định mở Hội nghị Genève để thảo luận về vấn đề đình chiến ở Đông Dương. Pháp công khai thừa nhận và mở cuộc thương thuyết với chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh.

Những người công binh còn lại cùng chi hội Liên Việt ở vài địa phương đã có những cố gắng xích gần lại để thành lập Mặt trận Thống nhất Việt kiều phản đế. Nhưng dĩ nhiên, với lực lượng to lớn lúc ban đầu họ còn gặp những chống đối, vu cáo thì bây giờ, không ai ngạc nhiên khi lời kêu gọi thành lập chiến tuyến duy nhất này trong đại hội lần thứ ba của Hiệp đoàn chỉ "đem lại kết quả một chiều." *Văn Hoá Liên Hiệp* xem *Hiệp đoàn thợ* là một tổ chức "do thực dân đặt ra, làm tay sai cho Bảo Đại" (NVOP 1940-1954 tr 263). Từ 1948, những cuộc bút chiến, bàn luận thời cuộc, nhận định, quyết nghị (về vấn đề Nam Tư với Tito, vụ án Rosenberg v.v.) giữa đôi bên vẫn tiếp tục cho đến *hiệp định Genève.*

Thật vậy trong nhật lệnh của đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp:

Ngày 21 tháng 7 năm 1954, hội nghị Genève đã đi tới kết quả tốt đẹp *(...) Hội nghị đã công nhận độc lập và chủ quyền* hoàn toàn thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của nước Việt Nam chúng ta. *Hiệp định đình chiến ở Genève là một* thắng lợi to lớn của chúng ta (...)

Ông Phạm Văn Đồng cũng tuyên bố :

Đó là một thắng lợi to lớn *của nhân dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và nhân dân của các nước Đông Dương, của nhân dân Pháp, của (....) một thắng lợi của nhân dân yêu chuộng hoà bình. Đó là* một thắng lợi của hoà bình.

Những lời tuyên bố này không khác lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh :

Ngoại giao ta đã thắng lợi to. (....) Ở hội nghị Genève do sự đấu tranh của đoàn Đại biểu ta và sự giúp đỡ của Đại biểu Liên Xô và Trung Quốc, ta đã thâu được thắng lợi lớn : Chính phủ Pháp đã thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta, thừa nhận quân đội Pháp sẽ rút lui khỏi nước ta v.v... (NVOP 1940-1954 tr 601-604)

Ngay sau đó, qua Hội nghị lần thứ tư của Hiệp đoàn thợ ngày 22 tháng 7 1954, trong báo cáo Tinh thần và chính trị, chúng ta nghe một giọng khác, bình tĩnh và lo ngại hơn:

Nếu kháng chiến Việt Nam, Lào và Miên gặp những điều kiện bất lợi, một sự phân chia như thế là điều tạm thời và miễn cưỡng có thể chấp nhận. Nhưng (....) Pháp rất yếu thế và đang bí lối. Nhượng cho chúng kiểm soát, đầu là tạm thời, ba phần tư xứ Đông Dương, tức là để cho chúng dùng phương tiện ngoại giao chiếm được những cái mà chúng bất lực về binh bị (tr 269). ...sự phân chia nước Việt Nam (....) là tạm thời trong thời hạn hai năm. Nhưng kinh nghiệm đã cho ta thấy nhiều sự phân chia tạm thời (như Đức, Áo, Cao ly) đã kéo dài tới gần chục năm mà vẫn chưa giải quyết. *(tr 270)*

Trong tờ Tiếng Thợ, tháng 9 năm 54 có đoạn:

đó là một cuộc thất bại của đế quốc Pháp (...) trong cuộc thất bại, Pháp giành được một số vị trí lợi hại và có thể làm ngăn cản cuộc thống nhất của nước Việt. *Ấy là sự phân chia tạm thời nước Việt Nam trên ranh giới vĩ tuyến thứ 17. Ấy là sự quân đội Pháp còn chiếm đóng tới cuộc Tổng tuyển cử Ấy là thời hạn từ nay tới cuộc Tổng tuyển cử kéo dài hai năm (...) Chúng ta* nhận định sở dĩ Chính phủ Hồ Chí Minh nhân nhượng cho Pháp là vì sự thúc ép của Trung Hoa và Nga Xô *(...) Đứng trước Hiệp ước Genève, ai là người biết phán đoán tất* không thể không nhìn thấy mối họa mà bọn Pháp sẽ gây ra bằng cách biến đổi miền Nam thành một nước biệt lập *(...) Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp (...) kêu gọi quần chúng miền Nam xứ Việt cần phải đề phòng (...) chính sách ru ngủ, coi Hiệp ước Genève là hoàn toàn thắng lợi như*

anh em Liên Việt đang làm, là một điều có hại. (...) Không, Hiệp đoàn không thể che lấp mối họa phân chia nước Việt. *(NVOP 1940-1954 tr. 598)*

Vẫn là những tiếng nói khác với tiếng nói của đảng. Ai có lý? Nhưng đó không phải là chủ đề của bài này, tôi nghiệm ra được một điều: ngay từ buổi đầu hay đúng hơn khi không còn cần thiết cho sự sống còn hoặc phát triển của đảng, đảng Cộng Sản Việt Nam loại trừ, bằng mọi cách, tất cả những đảng phái, con người có những tiếng nói và ý nghĩ khác với họ

Hơn 20 năm sau, sự phân chia đất nước chấm dứt với hàng triệu người chết. Nếu cuộc tổng tuyển cử xảy ra vào 1956 và miền Bắc thắng như người ta phỏng đoán, thì mọi sự ra sao? Xây dựng xã hội chủ nghĩa trong một nước có dễ hơn trong... hai nước và càng dễ hơn cho cả thế giới? Vì từ lí thuyết sang thực hành có cả một vực thẳm-tham-sân-si bất khả vượt của con người? (61) Cho dân tộc, quốc gia dễ hơn cho quốc tế, nhân loại, dù ở quốc gia hay thế giới, những khát vọng về đời sống của con người đều như nhau? Một đảng dễ trị dân hơn đa đảng; chia sẻ uy quyền (lợi lộc) là chuyện khó chấp nhận cho kẻ độc tài. Và sau bốn mươi năm xây dựng xã hội chủ nghĩa trong một nước, dân Việt được hạnh phúc chưa? Về những bậc tiền bối đã qua đời hay còn tại vị, lòng yêu nước thuở ấy của tuyệt đại đa số không ai có thể nghi ngờ, nhưng nguy hiểm và tai hại đến từ hành động và thái độ ngạo mạn mù quáng xuất phát từ lòng tin tuyệt đối rằng chỉ mình mới nắm được sự thật cao cả, nhất là khi họ đã chiến thắng.

Trong nước Việt Nam hiện tại, Đệ Tứ quốc tế có vẻ như đã bị tiêu diệt ngay từ sau năm 1945. Ở Pháp, tuân lệnh chủ tịch Hồ Chí Minh, phái đoàn Trần Ngọc Danh cũng như nhiều trí trức trong Văn hoá liên hiệp đã dùng mọi cách tiêu diệt ảnh hưởng (62) của người Đệ Tứ như ta đã thấy.

Đảng, hay bất kì nhà độc tài nào cũng biết rằng nơi nào có độc tài bất công thì nơi đó có phản kháng. Bộ máy công an khổng lồ, dưới nhiều hình thức là bởi thế.

sự phản kháng của công binh đối với Phái đoàn Trần Ngọc Danh (đại diện cho chính phủ Hồ Chí Minh lúc bấy giờ) trong một chừng mực nào đó, cũng cùng một tính chất như sự phản kháng của công nhân Hungary năm 1956 và công nhân Tiệp khắc năm 1968 (tr.XXIV,lời giới thiệu NVOP 1940-1954)

Một chiến tuyến duy nhất chống đế quốc Pháp, ngay tại Pháp. Một phong trào đã được một đoàn thể người Việt xây dựng Một nền móng tổ chức đấu tranh học tập sinh hoạt đã thành hình trong một thời gian ngắn. Bắt đầu từ một hoàn cảnh nghiệt ngã khó khăn.

Đến cuối thập niên 50, phong trào cơ hồ tan rã, lí do chính là vì đại đa số công binh hồi hương (Le combat cesse, faute de combattants : trận chiến ngưng vì không còn chiến sĩ), một phần nhỏ vì thái độ của một số người trí thức theo (bị lôi cuốn bởi sức mạnh ?) trào lưu lịch sử, tư tưởng và chính trị thời bấy giờ.

Bằng đi một thời gian, từ cuối những năm 60, khối Văn hoá Liên Hiệp dần dà giữ một địa vị khá quan trọng, và hậu thân của nó Hội Người Việt Nam tại Pháp, đã vươn mình đạt được số hội viên kỷ lục ngay sau ngày 30 tháng Tư năm 75, với lời kêu gọi hoà giải, hoà hợp để xây dựng quê hương, nhưng rồi sự suy sụp đến cũng nhanh chóng, khi làn sóng người tị nạn tràn ra khắp nơi ngoài Việt Nam.

Ngày nay con số Việt kiều tại Pháp nói riêng lên đến hàng trăm nghìn và nói chung hàng triệu trên khắp thế giới mà dường như số phận của đất nước quê hương không có một tiếng gọi nào đủ để (tất cả các đảng phái, tất cả chúng ta) thành lập một tổ chức thống nhất, một chiến tuyến duy nhất chống lại độc tài toàn trị, lạc hậu và nghèo đói ở quê hương.

Có phải vì không ai, không phương cách nào có thể bảo đảm cho chúng ta rằng lịch sử sẽ không lập lại: bất kì đảng nào, nhóm nào khi chiến thắng sẽ loại trừ, sát hại những ai không còn đồng thuận với họ về những mục tiêu khác ? Vô số bàn tay và khối óc đã mất đi trong cuộc chiến dành tự do và độc lập vừa qua và cả bây giờ nữa, mất đi bởi kẻ địch và bởi chính bàn tay của đồng bào. Bao nhiêu là phí phạm!

Có phải vì chúng ta không ở trong hoàn cảnh bức bách của các công binh ngày xưa, những người nô lệ xa xứ với một tổ quốc mất tên, bị đô hộ ? Có phải vì dân tộc Việt đã bị "thương tích quá nặng" ?(Theo Nguyễn gia Kiểng- Thông luận), Vì những vết thương vẫn chưa lành. vì những oan trái, cặm hờn vẫn còn nguyên vẹn, vì hèn kém, vì bất lực, vì sợ hãi... nên đa số chán nản, thờ ơ trước tình hình đất nước?

*

Nói về Việt Nam, người Đệ Tứ Hoàng Khoa Khôi lạc quan:

ngăn cản tự do dân chủ , đảng Cộng Sản đang chứa chất nổ xung quanh mình. Sự sụp đổ của chế độ là điều khó tránh khỏi!

... Chúng ta ở hải ngoại, có thể đóng góp tích cực vào phong trào đấu tranh trong và ngoài nước, bằng cách tìm ra mục tiêu chung mà mọi người có thể đồng thuận. Mục tiêu ấy , theo ý tôi, là đòi dân chủ đa nguyên, đa đảng, bầu cử và ứng cử thật sự tự do, bầu cử Quốc Hội lập hiến, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo lối toàn dân đầu phiếu. (63)

Cả một chương trình !

Người Đệ Tứ làm việc không ngưng nghỉ từ 60 năm này cho chúng ta biết thời khoá biểu sắp tới của mình:

Dĩ nhiên chương trình tối đa và dài hạn của chúng tôi còn có nhiều điểm khác nữa và có thể khác với ý kiến anh em quốc gia. Nhưng đó là việc (...) tương lai. Trong hiện tại, đất nước đang đau khổ và bí tắc, chúng ta hãy cùng nhau tìm ra những mục tiêu chung, gây sức mạnh, đấu tranh cho một sự thay đổi ít tổn hại nhất (...) Chúng tôi không giấu giếm, chúng tôi là những người cộng sản trung thành với lý tưởng. (64)

9/1999

Chú thích:

52. Từ trước 45 cho đến thời De Gaulle, đảng Xã hội và đảng Cộng sản (Đệ Tam) Pháp, (trong đó có nhiều người cộng sản Việt Nam) có mặt trong chính phủ, luôn tán thành chủ trương duy trì thuộc địa Đông Dương. Mãi đến khi ra khỏi chính phủ, đảng CS Pháp mới bắt đầu ủng hộ Việt Nam.

53. Xem ct 41

54. Bà là con gái của Nguyễn An Ninh và là vợ Đỗ Đại Phước lúc đó, xin đừng nhầm với bà Nguyễn Thị Bình, trưởng phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng miền Nam trong hội nghị Paris đầu thập niên 70.

55. Để trả lời chuyện Đỗ Đại Phước bị lật mặt nạ: ông Phước là một gián điệp đôi (mật thám Pháp và hoạt động cho cộng sản).

56. Lúc Đức chiếm Pháp, ông Nguyễn Khắc Viện muốn dựa Đức để chống Pháp, như một số người Việt quốc gia yêu nước tại Pháp hoặc tại Việt Nam đã muốn dựa Nhật để chống Pháp khi Nhật đảo chính Pháp. Về sau ông Viện vào đảng CS Pháp, và trở thành thủ lãnh phong trào Liên Hiệp Việt Kiều ở Pháp, cho đến khi ông về Việt Nam.

57. Số tiền này không hề được trả lại cho Công binh và dường như cũng không về với kháng chiến tại Việt Nam

58. Xin để ý đến "tôn ti, trật tự"

59. Hoàng Khoa Khôi cũng "được" một người bên phe nguyên cáo khai hiện diện trong đêm án mạng dù ông ở Paris khi đó. 60. Xem tờ trình chính trị của Hội nghị lần thứ tư của *Hiệp đoàn thợ* (*Người Việt ở Pháp 1940-1954* tr 535- 563). Tuy không đồng quan điểm với phái đoàn đại diện, vào đầu tháng giêng năm 1947, khi bộ Nội vụ Pháp bắt Trần Ngọc Danh bỏ vào khám Santé, toàn thể Công binh khắp nơi tuyệt thực phản đối nhà cầm quyền Pháp. Bộ Nội vụ cho lính bao vây các trại, bắt đi 126 công binh, hơn một tháng sau họ áp giải những công binh này xuống tàu về Việt Nam.

61. (...) *những người sáng lập Liên Xô hy vọng một hệ thống mềm dẻo và sáng sủa của các xô viết sẽ cho phép Nhà nước chuyển biến hoà bình, và dần dần tiêu vong theo bước tiến kinh tế và văn hoá. Thực tế tỏ ra phức tạp hơn lý thuyết. Giai cấp công nhân lao động của nước hậu tiến đã làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên. Rất có thể nó phải trả giá cái đặc quyền lịch sử ấy bằng một cuộc cách mạng thứ hai, cuộc cách mạng chống bọn chuyên chế quan liêu. (...) Vấn đề không phải là thay một bè phái lãnh đạo này bằng một bè phái khác, mà là thay đổi những phương pháp lãnh đạo kinh tế và văn hoá. Sự độc tài quan liêu phải nhường chỗ cho nền dân chủ xô viết. Việc thiết lập lại quyền phê bình và tự do bầu cử thật sự là điều kiện cần thiết cho sự phát triển của đất nước.* (Trotski trong *Cuộc cách mạng bị phản bội*).

62. Vì hành hung, ám sát kẻ ngoại đạo hay người đối lập tại hải ngoại, chỉ dễ dàng (?) khi những người này ở tại các nước CS (cũ), hơi khó hơn khi họ cư ngụ tại các nước dân chủ, đảng chỉ còn cách chụp mũ, chia rẽ, phá hoại mọi tổ chức của "chúng." Ngày nay đảng cấm "chúng nó" về nước, hay cho về nhưng cứ bắt "chúng nó" lên A 25 làm việc liên miên hoặc không tự kềm chế nổi thì nói như ông Trần Bạch Đằng đã nhắn nhủ ông Phạm Duy mười mấy năm về trước: *cứ tự tử đi*. Tôi đã rợn người khi tình cờ đọc những dòng này trong tờ báo, hôm nọ giở ra xem lại, vẫn lạnh xương sống, tuy tự an ủi rằng từ chỗ phải tiêu diệt thân xác kẻ đối lập trong nước ngày xưa qua đến *những trò vu vạ rất nhà quê ngày nay* như: chèn xe, ném đá, ăn cắp máy móc, tài liệu, thư riêng, nghe trộm, cắt điện thoại... dân (*gian*) quốc nội, quả là đảng đã làm một bước thụt lùi quan trọng, vì đại nghĩa chính thống đang lung lay hay anh hùng đà thấm mệt? (*trò vu vạ nhà quê:* Chữ của Vũ Huy Cương, nhà báo kiêm nhà điện ảnh, ông anh kết nghĩa của chúng tôi: Theo bức thư mới nhất của ông tướng Trần Độ, ông anh vừa lại được công an mời lên làm việc).

63. *Về phong trào Đệ Tứ Việt Nam* tr.14

64. *Về phong trào Đệ Tứ Việt Nam* tr.14

THIỆU ĐÌNH THUYÊN

Nguyên tác: **Dạ Vũ Thu Đăng Lục**
Tác giả: **Hòa Bang Ngạch**
Bản dịch: **Phạm Xuân Hy**

Tại Giáp Giang huyện, thuộc hạ du sông Trường Giang, trên bến sông có một ngôi miếu thờ Chu Du, gọi là Chu Du miếu. Trên miếu có tấm biển đề bốn chữ đại tự: "Ba Khâu Cổ Tích". Bên trong có một cỗ quan tài, quàn tại đó không biết từ bao giờ, bụi bặm phủ kín đã lâu ngày bám dầy thành lớp.

Thiệu Thâm từng làm chức Kinh Lịch ở phủ Lâm Giang, sau ba năm thử thách về thành tích, Thiệu Thâm được triều đình bổ làm huyện lịnh huyện Giáp Giang. Chỉ trong vòng hai tháng, nhờ biết cai trị, thanh danh của Thiệu vang dậy như cồn.

Thiệu có người con út tên là Đình Thuyên, đang độ thanh xuân, diện mạo tuấn tú, lại thêm tính tình điềm đạm, không thích chốn phồn hoa đô hội. Những nơi nào có thắng cảnh đẹp, chàng thường đến du ngoạn cho thỏa tình toại ý.

Nhân thấy vùng giao ngoại huyện Giáp Giang, núi cao sông dài đẹp đẽ, Thuyên đem lòng yêu thích, bèn xin cha cho dựng mấy gian nhà ngói ở mé tây miếu Chu Du, để làm chỗ đọc sách. Bên ngoài đan phiên trúc làm tường. Bên trong, trồng toàn những danh hoa dị thảo.

Thuyên có hai người bạn thân, rất là tâm đầu ý hợp. Một người họ Biên, một người họ Ngụy. Cả hai đều là học trò trường huyện. Những lúc nhàn rỗi, họ thường đến gặp nhau, lai vãng bất kể sớm mai chiều tối.

Một hôm, nhân Biên đi thi hương đậu cử nhân về, Thuyên đến chúc mừng. Bạn bè vui vẻ tụ hội, rượu ngon quá chén. Mãi đến lúc nắng quái chiều tàn. Thuyên mới lảo đảo bước chân về nhà.

Về đến cổng nhà, Thuyên gặp một người con gái tư dung lộng lẫy, vóc dáng yêu kiều, không cao không thấp, quần áo the trắng, trông càng tăng thêm vẻ diễm lệ khác thường.

Thuyên thấy nàng đẹp, không cầm nổi lòng dao động, bèn tiến lại gần, trịnh trọng khom người vái chào nàng.

Người con gái đưa mắt nguýt nhìn Thuyên một cái, hai má ửng hồng, tỏ vẻ e thẹn.

Thuyên lấy tay chỉ ngôi nhà của chàng, bảo với người con gái:

"Đây là tệ xá của tiểu sinh, xin mời cô nương vào nghỉ chân, trời cũng sắp tối rồi, đường xá đêm hôm e khó tránh khỏi nguy hiểm."

Người con gái nghiêm sắc mặt nói:

"Cậu là trai chưa vợ, tôi là gái chưa chồng, họ hàng quen biết không phải. Học trò gì mà lắm điều. Nói năng sàm sỡ. Lần này tôi nhịn cậu, bằng không, tôi bảo bọn gia đinh chúng đến ghè cho một trận, cứ gọi là què giò lọi xương."

Nói xong, "hừ" một tiếng, phất tay áo bỏ đi mất.

Thuyên cảm thấy xấu hổ vì đã lỡ lời. Chàng vào ngồi trong thảo đường, hai tay ôm lấy đầu ảo não, chẳng khác gì một kẻ vừa chôn cất vợ xong.

Đứa thư đồng của chàng, cũng đã ngủ từ lúc nào. Trời mỗi lúc một tối. Bỗng bên ngoài cửa, Thuyên nghe có tiếng gõ "tốc! tốc! tốc." Sau đó lặng im một lúc. Rồi lại gõ tiếp.

Thuyên vừa kinh ngạc vừa lo sợ. Chàng rón rén bước xuống thềm, nấp sau một bụi chuối đổ, lén rình xem, thấy phảng phất như người chàng đã gặp lúc chiều. Bụng mừng vô hạn, bèn lại mở cửa cho người con gái ấy vào.

Người con gái khoan thai bước từng bước vào trong nhà, bảo Thuyên đóng cửa lại, rồi dắt tay chàng vào trong nội thất.

Thuyên chắp tay xá nàng, nói:

"Những tưởng khanh đã bỏ ta, như hạc vàng bay đi, nhất khứ bất phục phản mất rồi. Chẳng hay, vì lẽ gì gót ngọc lại quay hồi tệ xá vậy? Hoặc giả lập mưu cùng bọn gia đinh, tìm đến vấn tội ta chăng?"

Người con gái tủm tỉm, đáp:

"Giả sử thiếp là con người tàn nhẫn như chàng nói, lẽ nào thiếp chẳng rời khỏi nơi này ngay? Lúc nãy, sở dĩ có thái độ đường đột, chẳng qua là vì muốn đùa chàng một chút mà thôi. Hôm nay, thiếp tính vào trong huyện, nhưng đường xa, sợ không kịp lúc trở về. Vừa rồi, cảm ơn chàng có lòng chiếu cố. Nhưng lại e phận má hồng, mỏng manh yếu đuối, lộ thẳm dặm khuya, chẳng may rơi vào tay đứa tàn tặc thì nguy hiểm. Vạn bất đắc dĩ, nên mới quay lại gõ cửa nhà chàng, xin cho tá túc một đêm, dù là nằm đất, chẳng hay có được không?"

Thuyên nghe nàng nói, mừng quá, đáp:

"Giả như khanh không trở lại thì ta cũng tìm cách dò hỏi cho ra tung tích. Huống hồ nay khanh lại tự tìm đến, đối với ta, nào có khác chi tiên nữ giáng phàm, khanh muốn gì mà chẳng được."

Sau đó, bèn lên giường cùng nằm, mây mưa quấn quít, keo sơn hoan lạc, mãi cho đến lúc gà gáy canh tàn, người con gái mới đứng dậy, lấy quần áo mặc vào mình.

Lúc từ giã, nàng dặn bảo với Thuyên:

"Thiếp vốn là con gái họ Tào, ở thôn bên cạnh. Cha thiếp đi làm quan ở Quý Châu. Mẹ thiếp đi theo. Thiếp vì bệnh, nên phải ở lại. Trong nhà không còn ai, ngoài người nhũ mẫu vừa mù vừa điếc, lo việc cơm nước cho thiếp, nên thiếp chẳng bị ai ngăn trở câu thúc gì. Nếu chàng không chê mà có bụng thương nhau, thì từ nay thiếp xin tối nào cũng đến, sáng dậy thì đi, rồi sau sẽ tính chuyện ăn đời ở kiếp với nhau."

Thuyên hoan hỉ, gật đầu, ưng chịu ngay.

Rồi mở cửa đưa nàng ra ngoài, còn dặn dò đến ba bốn lần, chỉ sợ nàng quên lời hứa hẹn.

Người con gái phải lập lời thề với Thuyên xong mới được chàng cho đi.

Từ đó, chẳng có đêm nào nàng không đến với Thuyên.

Riêng Thuyên bị sắc dục mê cảm. Hình hài, thần khí thay đổi khác thường. Sách vở bút nghiên lười biếng. Việc giao du lai vãng với hai người bạn thân là Ngụy Sinh và Biên Sinh cũng lạt lẽo, mỗi ngày một thưa thớt.

Biên và Ngụy thấy vậy, mới hỏi riêng đứa thư đồng của Thuyên.

Nó thưa:

"Hai cậu không hỏi, thì con cũng có ý đem việc này bạch lại cho cụ lớn biết. Công tử từ nửa tháng nay, ăn uống giảm dần. Thân thể càng ngày càng gầy rạc sác sơ, không thiết tha gì đến học hành nữa. Cứ trời vừa chập tối thì công tử lại lấy cớ nghỉ ngơi để đóng kín cửa lại. Đến nay con vẫn chưa rảnh rỗi vào huyện."

Biên nói:

"Ngươi hãy để ý rình xem động tĩnh, hễ nghe thấy điều gì, phải báo cho ta. Cần nhất phải giữ bí mật, đừng để lậu ra ngoài đấy nhé."

Đứa thư đồng y kế.

Tối hôm ấy, nó ra gốc cây nằm vờ ngủ say. Khoảnh khắc nghe có tiếng cười từ trong nội thất của Thuyên phát ra. Nó đứng dậy, rón rén đến gần rình xem, thì thấy Thuyên đang ôm một bộ xương khô, mặc áo đỏ, âu yếm đùa cợt. Còn bộ xương áo đỏ ấy cũng tỏ ra lã lơi nũng nịu, thái độ trông thật khiếm nhã. Nó thấy thế sợ quá, rụt cả cổ, lè cả lưỡi, lùi lại, chuồn thẳng.

Ngày hôm sau, nó tìm đến thuật lại chuyện đã thấy cho hai người bạn của Thiệu là Ngụy Sinh và Biên Sinh biết.

Cả hai đều lấy làm sợ, nói:

"Trên đời này ăn nằm giao hoan với cốt khô tránh sao khỏi tai họa. Chúng ta đã là chỗ bằng hữu với chủ ngươi, biết bạn bị nguy mà không can gián, đó là điều phi nghĩa. Ngươi hãy tạm giữ bí mật, đừng để lậu ra ngoài cho ai biết, chúng ta sẽ có cách xử trí."

Vừa may, gặp dịp Lưu Sinh, cũng là người đồng huyện, khách cư lâu ngày ở Quảng Đông trở về. Ngụy và Biên bèn hẹn với Thuyên, cùng nhau chuẩn bị một bữa tiệc rượu để mời Lưu đến tẩy trần.

Ngụy và Biên muốn nhân bữa tiệc sẽ dùng lời khuyên bảo Thuyên, nên mua một con ba ba về làm thật ngon.

Lúc ăn, Ngụy Sinh vừa ăn, vừa dùng đũa lật đi lật lại cái đầu con ba ba mà đùa nghịch, một hồi lâu, cười trào phúng, bảo:

"Lạ lùng thật! Xương ba ba chẳng thuộc loài cầm, mà cũng chẳng thuộc loài thú, lại không đồng loại với các giống thủy tộc khác. Cho dù có đắp thịt và cho mặc áo quần đẹp vào, trông còn chẳng mỹ quan, huống hồ chỉ còn chừa lại cái cục xương trắng này thôi, thì có gì để mà luyến tiếc nữa, phải không Biên huynh?"

Biên cười đáp:

"Ngụy huynh nói đúng đấy. Sở dĩ điều mà người ta yêu chính là cái vẻ đẹp, cái vẻ mỹ quan. Nay cái vẻ đẹp đã bị mất đi rồi, thì còn gì để mà luyến tiếc nữa!

Thuyên nghe hai người nói, cũng bàn xen vào:

"Nhị vị niên huynh nói như vậy là không đúng. Đệ thường nghe nói "xương con tuấn mã đáng ngàn vàng." Vậy thì cái điều đáng giá ấy là ở đâu? Chính là vì người ta thấy bộ xương ngựa thì cũng như là đã thấy được tuấn mã. Cho nên Cửu Phương Cao mới được danh dự gọi là tay quốc thủ về thuật coi tướng ngựa, ngang hàng với Bá Nhạc. Đệ chẳng hiểu tại sao sở kiến của nhị vị niên huynh lại hẹp hòi và thiên lệch như vậy nhỉ."

Ngụy và Biên thấy không thể thuyết phục nổi Thuyên mặc dầu đã đem đủ sách vở để dẫn chứng, nhưng Thuyên vẫn khăng khăng bài bác, khăng khăng cãi lại. Rồi buồn buồn tan tiệc, không chú ý gì tới lòng thành của Ngụy và Biên cả.

Ngụy và Biên nghĩ đến mối giao hảo giữa hai người và Thuyên, không đành nhìn thấy bạn đi vào con đường sai lạc nguy hiểm mà không cứu, bèn đem chuyện mật báo với quan huyện họ Thiệu.

Thiệu Công nghe xong, lấy làm sợ hãi vô cùng, bảo với hai người:

"Em nó còn trẻ, khí huyết vị định, không thể ở lâu nơi ngoại ô hoang tịch này nữa. Hai cháu nên dục em nó về huyện ngay. May ra có thể dứt được tai họa."

Biên đáp:

"Đưa công tử vào trong thành cũng là điều tốt. Nhưng cháu sợ rằng con ma nữ ấy đã cùng công tử quấn quýt từ lâu hẳn không phải là cái chí hoan lạc một ngày, mà tất ở chỗ tính toán tương lai trường viễn sau này. Nếu vậy, dù có đem công tử vào trong thành thì nó cũng lại theo tông tích mà tìm đến. Chi bằng theo ý kiến của cháu, ta hãy chậm chậm lại ít hôm để cháu và Ngụy huynh dò xét xem xuất xứ của nó ở đâu mà trừ đi. Như vậy là công tư lưỡng lợi và đúng cái đạo 'nhất lao vĩnh dật' vậy."

Ngụy tỏ ra không đồng tình, nói:

"Ý Biên huynh như thế là không đúng, Thuyên hiện lâm vào cảnh nguy hiểm, một khắc không thể không cứu. Vì thế, nếu tính kế lâu dài là sai."

Biên vừa cười vừa đáp:

"Lời Ngụy huynh nói chẳng khác gì người mới tỉnh mộng, đi tìm đuốc lại sợ đêm đen. Công tử bị con ma nữ này ám đã nửa tháng rồi, mà chưa nguy gì đến tính mệnh. Lẽ nào chỉ vì chậm có một hôm mà xảy ra điều bất trắc sao?"

Thiệu công nói:

"Cháu Biên nói như vậy cũng là cao kiến, bác không còn phải lo gì nữa. Việc này, bác xin ủy thác cho cháu xử lý toàn bộ. Ngựa trắng, yên vàng cùng với mười người tráng đinh, bác giao cho cháu tùy ý chỉ huy. Riêng cháu Ngụy, bác cấp cho sáu người, làm phụ tá hành sự."

Biên khảng khái nhận lời.

Rồi cho bọn tráng đinh và ngựa ăn no, đợi cho đến khoảng trời chiều, đến phục kích ở một khu rừng. Lại hẹn với đứa thư đồng của Thuyên cho nó đi rình theo dõi khi ma nữ tới thì lập tức báo ngay.

Mãi đến lúc lậu đổ canh đầu, thì thấy đứa thư đồng hổn hển chạy đến:

"Đến rồi! Con ma nữ nó đến rồi."

Biên bố trí sẵn người của mình ai ở yên đó, còn bản thân Biên đi cùng với đứa thư đồng đến dòm vào song cửa của Thuyên. Chỉ thấy Thuyên cùng với ma nữ sửa soạn gối chăn để vào giường ngủ.

Biên lập tức quay trở lại gọi bọn tráng đinh đến phục ở ngoài cổng nhà Thuyên.

Cả bọn đợi mãi đến khi có tiếng gà gáy canh tàn, thì thấy thấp thoáng lờ mờ, cánh cửa nhà Thuyên nhè nhẹ mở ra. Thuyên từ bên trong đi ra tiễn một người con gái. Rồi trở vào đóng cửa lại.

Biên vội vã âm thầm đi theo sau người con gái ấy ngay, thì thấy người con gái ấy khoan thai bước vào trong miếu Chu Lang.

Chàng bèn quay lại bảo mọi người:

"Sào huyệt của con ma nữ này nhất định là ở trong miếu Chu Lang!"

Rồi lập tức ra lệnh cho đốt đuốc thật sáng, cầm khí giới mà đến. Chỉ thấy trong miếu hoàn toàn trống vắng. Duy có một cỗ quan tài sơn màu đen đặt ở dưới nhà giải vũ.

Biên phủi cho hết bụi phủ trên cỗ quan tài thì thấy lộ ra một tấm bảng, có đề hàng chữ: "Cố Khúc Giang Huyện Thừa Tào Công Chi Nữ Thu Hà Chi Cữu."

Chàng hỏi thăm dân cư trong vùng, thì được họ trả lời:

"Cỗ quan tài này quàn tại đây đã hai chục năm dư rồi, mà chẳng thấy gia chủ đến nhận. Chúng tôi chưa hề nghe nó hưng yêu tác quái

bao giờ."

Biên bèn cho người báo lại quan huyện họ Thiệu.

Ông đích thân đến mở quan tài ra để khám nghiệm. Mọi người nhìn xem. Chỉ thấy một bộ xương đàn bà đặt nằm trong đó. Trên mình còn mặc bộ y phục màu hồng, giống như mọi người đã gặp hồi sáng. Duy chỉ còn chiếc đầu lâu, không có thịt, trông trắng hếu thê thảm. Nhưng đôi mắt lại sáng quắc, như có thần, không khác gì người sống. Và nơi hốc má đã thấy dần dần có chút thịt non mọc ra. Bên cạnh gối đầu của xác chết có một tờ giấy thuộc loại "bạch ngọc chỉ," mà Thiệu huyện lịnh nhận ra chính là thuộc loại văn phòng tứ bảo của con trai mình.

Ông vừa sợ vừa kinh ngạc, khẽ khẽ than thầm:

"Người con gái này lúc sinh tiền, hẳn phải là một trang quốc sắc thiên hương chẳng cam chết yểu, nên chết mà muốn sống lại, cần phải có tinh huyết của đồng nam để sống, vì thế có trở thành ma cũng tất nhiên thôi. Nói tóm lại, tham sinh quý tử, cũng là chuyện thường tình của con người vậy. Chỉ tiếc con ta lại là nạn nhân cung cấp khí huyết cho cô ấy tự nuôi mình.

Bởi vậy, chính cái ngày cô ấy được sống lại sẽ là ngày con ta yểu tử. Ở đời, hại nhân lợi kỷ, đạo trời khó mà tha được. Cũng may, nhờ có cháu Biên một lòng trợ giúp, không thì con ta đã thành giai tế của yêu quái rồi."

Rồi ông ra lệnh đem củi chất lên cỗ quan tài mà đốt, khói lên nghi ngút mờ mịt hỏa quang sáng rực. Chỉ nghe tiếng ma nỉ non khóc lóc. Thanh âm yếu ớt rền rĩ. Mơ hồ nghe như tiếng gọi "Cộng sinh! Cộng sinh!" lờ mờ, vô lực. Mãi cho đến lúc mặt trời lên cao mới hết.

Riêng Thuyên được đưa về huyện. Lòng phập phồng buồn bã. Chừng nghe người nhà thuật lại mới thấy sợ, không còn dám mơ tưởng si dại như trước nữa.

Về sau Thuyên đi thi đậu, làm đến chức Quận thú. Còn Biên cũng làm đến chức Phương Bá.

Về tác giả

Hòa Bang Ngạch tự là Nhàn Trai, hiệu là Tể Viên Chủ Nhân, xuất thân trong một gia đình quan liêu Mãn Tộc, đời Thanh Càn Long.

Ông học rộng, biết nhiều, thích đi du lịch. Từ những vùng Thiểm Tây, Thanh Hải, Cam Túc, Triết Giang, Phúc Kiến và các vùng quanh kinh sư, chẳng chỗ nào là không có dấu chân ông. Đến đâu ông cũng nghe và thâu thập truyền kỳ quái dị được truyền tụng trong dân chúng, rồi viết thành đoản biên tiểu thuyết "Dạ Đàm Tùy Lục". Lời văn ưu mỹ, khôi hài, được người đời tán thưởng.

Trong văn học sử Trung Quốc và Mãn Tộc, Dạ Đàm Tùy Lục chiếm một địa vị trọng yếu và được coi như một loại "Liêu Trai" của người Mãn Châu.

"Dạ Đàm Tùy Lục" gồm 12 quyển và 160 truyện ngắn.

Truyện này chúng tôi đã dựa trên hai bản văn ngôn và bạch thoại để dịch. Nhưng chủ yếu là dùng bản văn ngôn nhiều hơn, vì đó mới là lối văn mà tác giả dùng viết tác phẩm này.●

MuaSáchNào? www.tuluc.com

Nhà Sách TỰ LỰC

Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video

trên Internet

e-mail: buybooks@tuluc.com

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc.
Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử ụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.

Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

QUẬN CAM

Đêm nghe nhạc thính phòng ra mắt CD Hình Như Là Tình Yêu của Nguyên Chương

Trong không khí se se lạnh của mùa thu ở miền Nam California, hơn 300 khách thưởng ngoạn đã đến nghe một chương trình nhạc thính phòng chọn lọc của nhạc sĩ Nguyên Chương trong dịp ra mắt trình làng CD mới Hình Như Là Tình Yêu, với sự hiện diện của khá đông thân hữu văn nghệ và các danh ca tại nhà hàng Emerald Bay vào tối ngày Chủ Nhật 14 tháng Mười Một năm 1999.

MC Mộng Lan đã giới thiệu nhà thơ Đỗ Quí Toàn nói về một số kỷ niệm với Nguyên Chương như là một nhạc sĩ sáng tác về tình yêu và Nguyên Chương cũng còn được biết là một thành viên của phong trào Du Ca.

Tiếp theo là một chương trình nhạc thính phòng với những sáng tác của Nguyên Chương qua giọng ca của các nghệ sĩ Lệ Thu, Xuân Sơn, Chung Tử Lưu, Nhật Hạ, Trọng Nghĩa, Mộng Lan... với ban nhạc Không Tên Số 1.

Một cô gái mắt xanh tóc vàng với dáng dấp mảnh mai e ấp trong chiếc áo dài màu xanh đậm đã hát một sáng tác mới của Nguyên Chương. Đó là nữ ca sĩ Gayle đã hát rất hay bản Lá Sầu Riêng, phát âm tiếng Việt rất rõ ràng. MC Mộng Lan giới thiệu Gayle biết bảy ngôn ngữ khác nhau, trong đó có tiếng Việt Nam. Cô đã học tiếng Việt từ lúc còn đi học ở trung học với những người bạn học Việt Nam. Khán giả tán thưởng Gayle nồng nhiệt.

Nhạc tình yêu của Nguyên Chương có những nét dịu dàng và nhẹ nhàng cho dù tình yêu ấy cũng chứa đầy những đam mê, tuyệt vọng và tan vỡ. Nguyên Chương nhìn về tình yêu với đôi mắt nghi ngờ tuy anh vẫn mang một niềm lạc quan với những người đã mang tình yêu đến cho anh. Với anh tình yêu lung linh như những bóng nắng, nhẹ nhàng như thấy đó nhưng không bắt lấy được.

Khách thưởng ngoạn sau đêm nhạc Nguyên Chương ra về với CD Hình Như Là Tình Yêu trên tay như mang một chút bâng khuâng với hơi lạnh nhè nhẹ của đêm thu nhớ đến những mối tình đẹp đã từng đi qua đời mình. CD Hình Như Là Tình Yêu mang 10 tình khúc mới của Nguyên Chương, với tiếng hát của ca sĩ Anh Dũng, người nghe sẽ có được những giây phút êm ả. Đây là CD thứ hai của Nguyên Chương sau CD Gọi Nắng ra mắt năm ngoái. Liên lạc với tác giả: (714) 346-4655.

Đoàn văn nghệ trẻ Hướng Dương ra mắt Bi hài kịch xã hội Mái Ấm Gia Đình

Khoảng một trăm thân hữu và phụ huynh đã đến dự buổi phúc khảo của một đoàn văn nghệ trẻ mới hình thành chừng được nửa năm nay: đó là buổi diễn kịch của đoàn Hướng Dương, được tổ chức tại Trung Tâm Nguyễn Bá Học vào chiều ngày Chủ Nhật 14 tháng 11 năm 1999.

Ông Nguyễn Hữu Hòa giới thiệu mục đích của Trung Tâm Hướng Dương là gìn giữ văn hóa Việt Nam qua các hình thức văn nghệ như nhạc, kịch với nội dung phản ảnh được tâm tình của người tỵ nạn qua sự hội nhập cái hay lẫn cái dở, cái hợp thời và cái không còn hợp thời trong khung cảnh một đất nước mới.

Nguyên Chương, Nhật Hạ, Mộng Lan

Mục tiêu của Hướng Dương là hướng dẫn và phát huy được những tinh hoa của dân tộc, đồng thời tạo cơ hội cho các em phát triển khả năng nghệ thuật bằng cách diễn tả những suy nghĩ, hành động của nhân vật trong các vở kịch sẽ được trình diễn thường xuyên tại Trung Tâm Nguyễn Bá Học.

Chương trình văn nghệ bắt đầu bằng một hoạt cảnh vui nhộn và rất "Mỹ" với một toán thanh thiếu niên

Từ trái: Thu Ba, Thanh Thảo

đang nhẩy múa bản nhạc rock hay rap qua một máy thu thanh xách tay của một thanh thiếu niên. Bỗng dưng tiếng nhạc ngừng, người xách máy thu thanh chỉ tay vào một em nào gần đấy nhất thì em này tự giới thiệu một tiết mục văn nghệ do em trình diễn. Nếu em nào không thuộc bản nào hay không có tiết mục nào thì tự giới thiệu tên tuổi mình đến với khán giả.

Có nhiều em chừng bốn, năm tuổi đã tỏ ra dạn dĩ với ánh đèn. Các em đã lần lượt trình diễn một số các tiết mục đơn ca, hợp ca đặc biệt là các em Thùy Vân, Đỗ Khánh Linh, Nguyễn Khánh Kim đã đã thu hút được cảm tình của khán giả. Vở kịch nòng cốt Mái Ấm Gia Đình đã được trình diễn sau giờ nghỉ giải lao.

Mái Ấm Gia Đình là một vở bi hài kịch nói về những xung đột trong một gia đình tỵ nạn gồm hai thành phần: thành phần tỵ nạn cũ đã hội nhập và thành phần tỵ nạn mới còn đang bỡ ngỡ trước mọi sinh hoạt tại Hoa Kỳ. Tác giả Hồng Phúc thể hiện những xung đột giữa cha mẹ với con cái, giữa vợ với chồng, giữa hoàn cảnh sống ở Hoa Kỳ với những thói quen Việt Nam không còn thích hợp ở đất nước mới. Các nhân vật đưa ra dù thay đổi theo hoàn cảnh hay không nhưng đều còn mang khá nhiều đức tánh rất Việt Nam. Và chính những đức tánh này đã là chìa khóa để giải quyết mối xung đột giữa các nhận vật trong gia đình.

Đây là một vở kịch mà mỗi khán giả sẽ thấy mình là một nhân vật nào đó trong vở. Các nghệ sĩ như Thu Ba, Thanh Thảo... đã xuất sắc trong vai trò của mình. Nữ kịch sĩ Thu Ba đã lột tả trọn vẹn vai người vợ của một người tù cải tạo bị giằng co giữa tình cảm gia đình với đời sống xã hội nhưng cũng đã không quên bổn phận của một người đàn bà Việt Nam trong một xã hội mới.

Trong giờ giải lao, chúng tôi được gặp phụ huynh của em Đỗ Khánh Linh, 15 tuổi, đoàn viên của Trung Tâm Hướng Dương. Em đã có những nét vũ khá điêu luyện trong vũ điệu Trống Cơm. Ông bà Đỗ Xuân Cảnh cho biết em Khánh Linh là học sinh lớp 10 trường Canyon High School, thành phố Anaheim Hills. Em Khánh Linh đã học vũ ballet từ lúc mới ba tuổi, học đàn piano với nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát, trau dồi Việt ngữ tại trường Vinh Sơn Liêm. Em Khánh Linh đã từng trình diễn ballet với các bạn đồng trường cũng như đã tham dự nhiều giải về ballet. Về sự hiện diện của em trong Trung Tâm Hướng Dương, ông Đỗ Xuân Cảnh cho biết em rất thích tham dự các buổi sinh hoạt văn nghệ trong cộng đồng Việt nam. Trong vũ điệu Trống Cơm chính em là người đã sáng tác ra những động tác múa dựa trên căn bản ballet mà em đã có được.

Trung Tâm Hướng Dương chánh thức trình diễn vở bi hài kịch Mái Ấm Gia Đình tại Trung Tâm Nguyễn Bá Học vào lúc ba giờ chiều ngày Chủ Nhật 28 tháng 11 và 05 tháng 12 1999. Trong tương lai gần Hướng Dương sẽ thường xuyên đem những món ăn tinh thần cho đồng bào tị nạn.

Ban nhạc Star Band mừng ba tuổi

Gần 300 văn nghệ sĩ và thân hữu đã quây quần tại Trung Tâm Nguyễn Bá Học vào tối ngày thứ Sáu Mồng 5 tháng Mười Một năm 1999 để mừng sinh nhật lần thứ ba của ban nhạc The Star Band.

Bác sĩ Phạm Gia Cổn cũng là một nhạc sĩ thổi kèn Saxo và điều hành ban nhạc The Star Band chào mừng thân hữu hiện diện. Ban The Star Band được hình thành từ tháng 11 năm 1997 với một số nghệ sĩ lão thành tên tuổi như các nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Ngọc Bích, Lữ Liên, Nguyễn Đăng Lưu, Nguyễn Mạnh Hùng. Bên cạnh đó là những nhạc sĩ bán chuyên nghiệp như Phạm Gia Cổn, Nguyễn Năng Tế cùng với những nghệ sĩ trẻ tốt nghiệp ở Hoa Kỳ như Nina, Nguyễn Trình... Ngoài ra còn có sự cộng tác của một số ca sĩ chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp. Nếu nhìn kỹ người ta thấy nhận thấy ban nhạc The Star Band có đủ ba thế hệ nhạc sĩ từ lão thành, trung niên cho đến giới trẻ.

The Star Band được thành lập với một mục đích vô vị lợi và tham dự nhiều chương trình văn nghệ với một số hội đoàn trong cộng đồng Việt Nam. The Star Band cũng đã nhiều lần đi trình diễn các tiểu bang xa và thường phải tự trang trải chi phí di chuyển của mình.

Trong đêm kỷ niệm ba năm thành lập, bác sĩ Phạm Gia Cổn đã ngỏ lời chào mừng quan khách và thân hữu hiện diện trước khi cắt bánh mừng sinh nhật. Trong đêm này ông cũng đã giới thiệu đến giới thưởng ngoạn một số sáng tác phẩm mới nhất do nghệ sĩ của The Star Band sáng tác. Ca sĩ Nguyễn Năng Tế đã được khán giả vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt với bản nhạc Mơ Về Hà Nội do chính ông sáng tác và trình diễn.

Nhà văn Trần Doãn Nho giới thiệu tác phẩm tại Little Saigon

Ba tạp chí *Văn Học, Văn* và *Thế Kỷ 21* đã cùng tổ chức một buổi sinh hoạt văn học ra mắt bốn tác phẩm của nhà văn Trần Doãn Nho lần đầu tiên tại Quận Cam. Tại phòng Sinh hoạt của nhật báo Người Việt ở Westminster vào lúc 10 giờ sáng thứ Bảy 20 tháng Mười Một 1999, khoảng một trăm văn nghệ sĩ và thân hữu, đặc biệt là đồng hương xứ Huế, đã đến để đón chào các tác phẩm cũng như tác giả Trần Doãn Nho từ miền Đông sang.

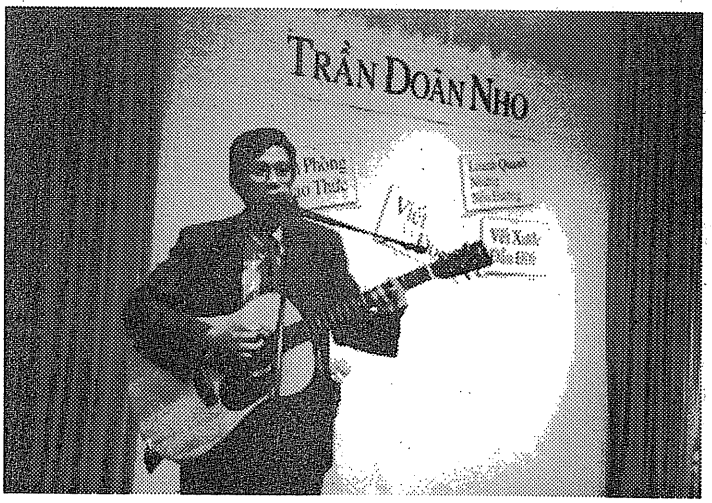

Nhà văn Trần Doãn Nho trình bày nhạc phẩm do chính ông sáng tác.

Đại diện tạp chí Thế Kỷ 21, ông Phạm Phú Minh đã giới thiệu "thân thế và sự nghiệp" của nhà giáo Trần Hữu Thục có bút hiệu Trần Doãn Nho: người Huế, tốt nghiệp ban Triết học Đại học Văn Khoa Huế năm 1968, Cao học Triết Đại học Văn Khoa Sài Gòn, từ 1970 làm Phụ khảo Triết học ĐHVK Huế. Từ 1975 đi tù cải tạo đến 1981, ra tù cho đến ngày đi Mỹ vào năm 1993, đã làm nhiều nghề, lăn lộn khắp nơi Huế, Sài Gòn, Trường Sơn, Hà Nội, Hải Phòng... Từ 1966 ông đã viết cho nhiều tạp chí ở Sài Gòn như Văn, Vấn Đề, Bách Khoa, Khởi Hành, Đối Diện, đến 1975 ngưng viết cho đến khi định cư tại Hoa Kỳ. Từ 1993 đến nay ông đã in bốn cuốn: hai cuốn truyện ngắn Vết Xước Đầu Đời và Căn Phòng Thao Thức, cuốn khảo luận Viết và Đọc, và mới nhất là cuốn ký Loanh Quanh Những Nẻo Đường. Cả bốn cuốn đều lần đầu tiên ra mắt tại Quận Cam hôm nay.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác của tạp chí Văn Học đã nhận xét về hai cuốn truyện ngắn Vết Xước Đầu Đời và Căn Phòng Thao Thức. Theo ông, văn của Trần Doãn Nho rất giản dị, mạch lạc và lôi cuốn người đọc. Nhân vật trong truyện của ông không phải là những người hùng mà là những người rất bình thường, sống trong những cảnh đời tầm thường, nhỏ nhoi nhưng đáng thương và đáng yêu. Nhưng những nhân vật ấy cũng gặp phải những cảnh huống phức tạp, giằng xé giữa các mâu thuẫn, giữa cái tốt và cái xấu, từ những điều rất người ấy tác giả đã hé cho thấy những gì rất lớn lao, trọng đại.

Cuốn khảo luận văn học Viết và Đọc đã được nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc giới thiệu với cử tọa như là những kinh nghiệm sống động của tác giả trong quá trình đọc sách và viết sách, trong đó phần viết quan trọng hơn với các dẫn chứng các tác giả cổ kim.

Nhà văn Phạm Xuân Đài giới thiệu cuốn ký Loanh Quanh Những Nẻo Đường, cho rằng đây là một thể loại khác mà Trần Doãn Nho đã viết một cách đặc sắc. Chính quãng đời kiếm sống xô bồ phức tạp của tác giả sau 1975 đã là chất liệu phong phú cho thể loại ký, và nhờ những bài ký này, người ta biết được nhiều thực trạng của đất nước trong khoảng thập niên 80.

Một chương trình văn nghệ nhẹ với tiếng đàn dương cầm của Lucie Hoàng và tiếng hát và ngâm thơ của các thân hữu. Đặc biệt trước khi phát biểu lời cảm tạ, nhà văn Trần Doãn Nho cho thấy một tài năng khác của ông: ông đã tự đệm đàn hát một ca khúc do chính ông sáng tác.

GEORGIA

Hồ Minh Dũng ra mắt truyện dài Cồn Mây

Tại xứ sở của tác giả "Cuốn Theo Chiều Gió," đông đả người Việt định cư tại Georgia đã đến với nhà văn Hồ Minh Dũng trong buổi ra mắt truyện dài Cồn Mây chiều ngày 30.11.1999 tại vũ trường Đêm Sài Gòn, thành phố Atlanta.

Nhà văn Lâm Chương từ Massachusetts, nhà thơ Triều Hoa Đại từ Florida và một số bằng hữu mến mộ văn chương Hồ Minh Dũng đã về dự và phát biểu những vấn đề liên quan đến văn học nghệ thuật nước nhà, hiện đang tồn tại le lói ở xứ người. Đa số những người cầm bút và có tấm lòng tử t đều đến động viên cổ vũ và mua sách ủng hộ nhà văn xứ Huế vừa đến định cư tại đây trên dưới ba năm.

Vũ trường có sức chứa gần hai trăm người không đủ chỗ cho những người đến với nhà văn Hồ Minh Dũng, phải đứng tràn ra bên ngoài, thậm chí có nhiều người không có chỗ đậu xe chỉ hửi giấy vào chúc mừng. Đây là một thành công xưa nay chưa từng có tại một tiểu bang miền Đông người Việt không nhiều.

FLORIDA

Chi Hội VAALA Florida ra mắt tác phẩm Hoàng Ngọc Liên

Nhà thơ Hoàng Ngọc Liên

Có lẽ chưa có buổi ra mắt sách nào ở Florida được nhiều ủng hộ của các thân hữu phương xa như đêm ra mắt tuyển tập Viên Đạn Cuối Cùng của nhà văn quân đội Hoàng Ngọc Liên vào thứ bảy mùng 6 tháng 11 năm 1999 vừa qua tại nhà hàng Sài Gòn ở thành phố Orlando, với sự bảo trợ của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) Chi Hội Florida và Hội Cao Niên Orlando.

Trước gần hai trăm quan khách tham dự, qua lời giới thiệu của họa sĩ Vũ Đức Thanh Tổng Thư Ký chi hội, người ta nhận thấy có sự hiện diện của nhà báo lão thành Văn Bia bay từ Boston, Massachusetts cùng nhà văn kỳ cựu Vũ Uyên Giang xuôi nam từ North Carolina, ký giả Phạm Tấn Quốc cũng từ Boston xuống. Đồng thời rất nhiều nhà thơ, nhà văn và nhà báo cũng như các chiến hữu của Hoàng Ngọc Liên từ nhiều thành phố khác khắp nơi trong tiểu bang như nhà văn Nguyễn Đức An, nhà báo Chu Bá Yến...

Nhà văn nữ Ái Khanh, chủ tịch VAALA Florida đã ngỏ lời chào mừng quan khách và giới thiệu tác giả Hoàng Ngọc Liên với tác phẩm Viên Đạn Cuối Cùng. Hoàng Ngọc Liên là một cây viết tên tuổi trong làng báo quân đội từ những thập niên 50-70 với nhiều tác phẩm đã xuất bản trong đó có những truyện dài như Theo Bước Anh Đi, Tuyến Lửa Đầu, Đoàn Quân Mũ Đỏ... Trong suốt thời gian phục vụ trong binh nghiệp ông đã một tay cầm súng, một tay cầm bút, có mặt trên hầu hết các chiến trường sôi động trong cuộc chiến đấu chống cộng sản. Tiếp theo đó Chủ Tịch Hội Cao Niên là cụ Nguyễn Quốc Quỳnh đã lên sân khấu nói về thân thế Hoàng Ngọc Liên và tình cảm của cụ đối với nhà văn này như một người bạn từ thủa thiếu thời cũng như một chiến hữu trong quân đội. Cụ đã nhắc đến tác giả như một người em đáng mến, một quân nhân hiền hòa, và là một nhà văn đã gây được cảm tình của tất cả mọi người biết đến.

Trong phần nói chuyện với cử tọa, nhà văn Hoàng Ngọc Liên đã không dấu được xúc động trước những ân tình nồng hậu của các bạn hữu xa gần đã yểm trợ cho ông và tác phẩm này. Ông thổ lộ tất cả những đau đớn khổ ải trong các trại cải tạo của cộng sản. Tác phẩm Viên Đạn Cuối Cùng đã nói lên những chuyện thật bằng máu và nước mắt trong bối cảnh đen tối của một xã hội Việt Nam đau thương dưới ách thống trị của cộng sản. Ông cũng bày tỏ lòng tri ân đến các thân hữu xa gần đã giúp đỡ và khuyến khích ông trong việc tiếp tục sáng tác.

Một chương trình ca nhạc phụ diễn văn nghệ rất đặc sắc với sự các giọng ca đang được mến mộ ở Florida như Bảo Côn, Tăng Di Linh, Thiên Thanh, Tố Anh và Thanh Sơn.... Khán giả rất ngạc nhiên thích thú khi xem màn trình diễn của hai cha con Bùi Trần Tuấn và bé Đan Vinh trong màn thi nhạc giao duyên với bài thơ Thuyền Về của Hoàng Ngọc Liên. Bé Đan Vinh, ái nữ của Bùi Trần Tuấn, với vóc dáng thiếu nhi hồn nhiên trong chiếc áo tiên nga trên sân khấu đã trình bày điêu luyện một vũ khúc thật đẹp mắt tạo được cảm tình của khán giả ngay từ đầu với nhiều tràng pháo tay khen ngợi nhiệt liệt.

"... Có thể nói đây là buổi ra mắt sách thành công nhất từ trước tới nay ở Orlando..." đó là ghi nhận của ký giả Vũ Uyên Giang về buổi ra mắt sách này.

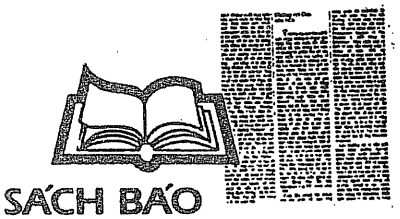

PHẠM XUÂN ĐÀI

Nơi Người Chết Mỉm Cười

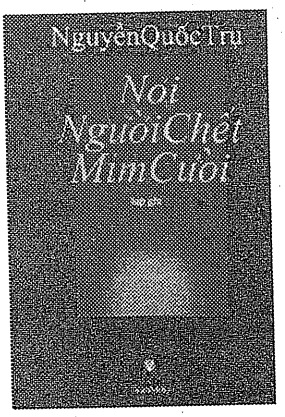

tạp ghi của **Nguyễn Quốc Trụ**, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 205 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Blvd. Los Angeles, CA 90035 USA. Tel: (310) 559-0413.

Trong thập niên 60, bút hiệu Sơ Dạ Hương đã xuất hiện trên báo văn học ở Sài Gòn. Đó là Nguyễn Quốc Trụ, người từ thời ấy ngoài sáng tác, đã viết phê bình sách, và sau 1975 đã ở lại Việt Nam rất lâu, mãi đến gần giữa thập niên 90 mới chịu ra đi... *Nơi Người Chết Mỉm Cười* là cuốn sách thứ nhì ông xuất bản ở hải ngoại, sau cuốn *Lần Cuối, Sài Gòn* ông xuất bản năm ngoái.

Sách này gồm các tạp ghi văn học, những bài mà tác giả cho rằng *Gọi Tạp ghi thực không đúng, nhưng cũng chẳng biết gọi là gì*. Trong một mức độ nào đó các tạp ghi này cũng có thể gọi là các bài nhận xét và phê bình văn học, với một cung cách tự do thoáng đãng không bám chặt vào một cái khung có sẵn của trường phái hay chủ thuyết. Tác giả là một kẻ khổ công đọc tài liệu văn học Việt Nam và thế giới, đặc biệt là văn học Tây phương, bài viết của ông tràn ngập sự kiện, dẫn chứng (dĩ nhiên thuộc văn học). Các bài tạp ghi thường cảm hứng từ một vấn đề, một tác giả, một tác phẩm mà tác giả gặp thấy trên con đường lặn lội mênh mông vào thế giới yêu thích của ông, và đem lại cho người đọc rất nhiều suy nghĩ cũng như tài liệu về các sự kiện ấy. Không phải người Việt Nam nào, ngay trong giới cầm bút, cũng có điều kiện, khả năng và lòng ham thích tìm hiểu, cập nhật tình hình văn học khắp nơi như Nguyễn Quốc Trụ đang làm, vì thế những tạp ghi của ông, mà xen lẫn là các mẩu dịch của những tác giả nước ngoài, giúp ích cho chúng ta rõ được một phần các khuynh hướng đang diễn tiến.

Ngoài những vấn đề văn học, một số bài viết về các kỷ niệm với bạn bè, các kỷ niệm của chính mình về thời đã qua. Tất cả đều nằm trong một không khí chung, là sinh hoạt văn học. Đọc Nguyễn Quốc Trụ, dễ hình dung ra con người của ông: hình như đối với người này, không có gì khác, ngoài văn học.

Miêng

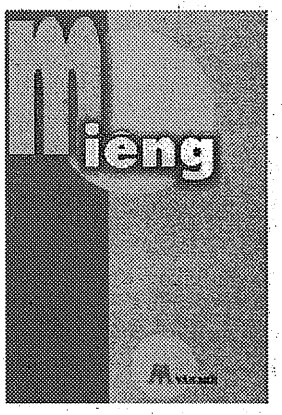

tuyển tập truyện ngắn của **Miêng** Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 231 trang, giá US$12.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Miêng là bút hiệu của tác giả, cũng là tên sách. Hai cái nhập làm một, trên bìa sách chỉ còn một chữ, đóng hai vai trò. Đó cũng là một lối trình bày, đi ra ngoài lệ thường là lấy tên một truyện trong sách đặt cho cả cuốn. Có lẽ cũng vì tự thân tiếng gọi Miêng cũng nói lên một cái gì đó, vừa như một cái tên, vừa diễn tả một phong cách. Một phong cách *rất miêng*, nghĩa là ngắn, gọn, như âm thanh vừa thoát ra khỏi miệng, mới một tiếng, thì đã... hết rồi.

Cái đặc sắc đầu tiên của Miêng là những truyện thật ngắn. Thường diễn ra như một hoạt cảnh trên sân khấu, từ lúc bắt đầu đến chỗ kết thúc trải ra trong chừng vài ba trang giấy. Mọi sắp xếp phải thật cô đọng, để nếu là thuốc bắc thì phải thật là đắng, và mật thì phải ngọt sắc, nếm nhằm là choáng váng. Như *Biển* chẳng hạn, không đầy ba trang, mà nhốt cả cái mênh mông dữ dằn của biển cả, cái thảm cảnh vô bờ của một chiếc ghe vượt biên bị chìm, cái ám ảnh cho đến phút lìa đời của người còn sống sót... Đọc xong thấy như một ngọn roi vừa vút qua tâm hồn.

Nhưng *Miêng* cũng gồm những truyện bình thường, nghĩa là đủ thước tấc của các truyện mà người ta vẫn viết. Không gian, thời gian,

câu nói được nới rộng ra, câu chuyện đã có thể cà kê dê ngỗng khỏi phải theo một quy luật ngầm đâu đó là phải làm cô đặc mọi thứ lại nơi những truyện thật ngắn. Trong "loại truyện có kích thước bình thường" tác giả bộc lộ một cái duyên khác, dí dỏm, nghịch ngầm, trong ý tưởng, trong ngôn từ. Những câu chuyện kể thì rất nhiều tình huống, thương cảm éo le chắc nhiều hơn vui, nhưng Miêng luôn luôn sử dụng một thứ ngôn ngữ tỉnh táo và hóm hỉnh: chính ngôn từ tạo nên sắc thái rất riêng biệt của Miêng, như chất chua quyến rũ trong một thứ trái cây ngọt.

Đề tài đa dạng, lắm truyện tình tiết ly kỳ, thắt mở gây bất ngờ, ý tưởng và chữ nghĩa độc đáo là những yếu tố hấp dẫn của Miêng. "Cái giếng" chẳng hạn, có thể coi là truyện điển hình tổng hợp tài năng của tác giả, nhân vật, cảnh trí, đối thoại đều sắc nét, thật, và sâu sắc, và trùm trên tất cả là một hấp lực không cho người đọc rời cuốn sách ra. Người ta còn nhận thấy qua nhiều truyện, tác giả còn có tham vọng đi thám hiểm vào cái vùng bí hiểm là tâm lý, là đời sống nội tâm, từ những phản ứng cụ thể của con người xã hội đến những nhân vật sống với ảo giác của riêng mình, tác giả rình mò, chộp bắt được những mảnh sự thật lâu lâu mới trồi lên từ đáy vô thức hiện trên màn ảnh của ý thức. Và bối cảnh chung cho hầu như tất cả mọi truyện, dù là xảy ra ở Việt Nam hay ở nước ngoài: sự đau khổ của Việt Nam. Người ta có thể nhìn thấy dấu ấn ấy trên khắp tác phẩm của Miêng, như một cái bóng đi theo tác giả hoài hoài, dù cho khung cảnh câu chuyện được dựng ở bất cứ phương trời nào.

Phản Tỉnh Phản Kháng, Thực hay Hư

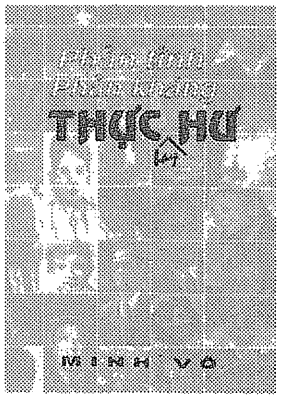

biên khảo chính trị của **Minh Võ**, Thông Vũ xuất bản và giữ bản quyền, 643 trang, giá US$28.00; ngoài châu Mỹ: $35.00. Liên lạc: Thông Vũ, Fax: (858) 509-7263. E-mail: thonghvu@netzero.net

Triều đại thống trị nào cũng có "thâm cung bí sử," cung càng thâm thì sử càng nhiều chuyện bí mật. Chế độ phong kiến thực sự đã cáo chung, nhưng ngày nay chế độ Cộng sản về khả năng độc tài bưng bít có khi còn ăn đứt chế độ phong kiến, vì thế bên trong che dấu rất nhiều việc mà người ngoài nếu muốn hiểu biết phải dày công tìm tòi, nghiên cứu, suy luận.

Thực ra cuốn *Phản Tỉnh Phản Kháng, Thực Hay Hư* không phải là một cuốn sách đi tìm những chuyện "thâm cung" của chế độ cộng sản để thỏa tánh tò mò, mà là một thiên nghiên cứu về những nhân vật đã hoặc đang sống ngay trong chế độ cộng sản, có lúc đã tin theo chế độ ấy, mà sau lại quay ra chống đối. Sách gồm 20 chương, 18 chương đầu mỗi chương xem xét về con người, tác phẩm của một nhân vật, đó là: Hoàng Văn Chí, Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Hà Sĩ Phu, Vũ Thư Hiên, Đào Hiếu, Nguyễn Hộ, Dương Thu Hương, Nguyễn Ngọc Lan, Hoàng Hữu Quýnh, Trương Như Tảng, Trần Đức Thảo, Nguyễn Chí Thiện, Bùi Tín, Chân Tín, Nguyễn Văn Trấn, Nguyễn Mạnh Tường, Xuân Vũ. Hai chương còn lại, một nói về "những người khác," một dùng để tổng kết.

Về một nhân vật, tác giả đã để công đọc rất nhiều tài liệu, gồm những gì người khác viết hay nói về người ấy và những gì do chính người ấy viết ra, rồi trình bày cặn kẽ tiểu sử, hành trạng, diễn biến tư tưởng với nhiều dẫn chứng minh bạch. Người ta có thể thấy tác giả cố gắng khách quan tối đa, và cách làm việc rất cẩn trọng: *Càng đọc tôi càng thấy có gì mới mẻ, đáng quan tâm. Khi đọc một cuốn thì tôi nghĩ khác, đọc sang cuốn thứ hai rồi thứ ba, tôi thấy mình nghĩ khác về tác giả. Đọc một nguồn tin tôi nghĩ khác, đến khi đọc nhiều nguồn tin, đối chiếu nhiều tác phẩm của nhiều tác giả với nhau, rồi đặt chúng vào thời gian, bối cảnh của chúng, tôi nảy ra những suy đoán, giả thuyết khác nhau.*

Từ lâu, và nhất là từ sau 1975 khi chế độ cộng sản Việt Nam lộ rõ những yếu kém về nhiều mặt của nó giữa thế giới văn minh ngày nay, có một số các phản kháng từ trong lòng chế độ đã bộc phát một cách công khai. Do sự toàn trị và bưng bít cố hữu của cộng sản, các phản kháng ấy đều bị cố gắng dập tắt và che giấu càng nhiều càng tốt, mặc dù càng về sau thì càng khó che giấu hơn. Cũng vì tình trạng cố dập tắt ấy mà tài liệu về những vụ ấy có khi rất khó khăn và không đồng nhất, người nghiên cứu phải khổ công tìm kiếm, phân tích và tổng hợp mới có thể có được một nhận định chính xác về phía mình. Tác giả Minh Võ đã chọn cho mình công việc khó khăn đó, và dựng lên được hầu như toàn cảnh các khía cạnh chống đối kéo dài từ 1954 cho đến ngày

nay với vô số tài liệu sống động và xác thực. Và cách ông đánh giá từng trường hợp cũng cẩn trọng và phải nói là khá khách quan và sáng suốt.

Sự phản kháng của nhiều người, trải trong một quãng thời gian dài như vậy, hẳn nhiên phải phức tạp, có nhiều màu sắc và mức độ khác nhau. Chính sự phức tạp ấy đã khiến tác giả đặt mấy chữ "Thực hay Hư" vào nhan đề sách của mình, như một nghi vấn. Tác giả đã gắng hết sức để làm sáng tỏ nghi vấn ấy, và cống hiến cho chúng ta một công trình có thể nói đầy đủ nhất về đề tài này, từ trước tới nay.

Loanh Quanh Những Nẻo Đường

ký của **Trần Doãn Nho**, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 204 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Blvd. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

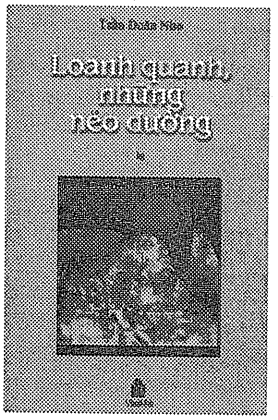

Nếu không kể hai bài thơ để ở đầu sách và cuối sách như một lời Mở và lời Kết, thì sách gồm chín bài ký. Trong chín bài đó có sáu bài là đích thực thuộc thể ký, ba bài còn lại hơi lai với thể loại khác. Sáu bài "ký đích thực" ấy là các bài: Một Đêm, Sài Gòn Những Ngày Trôi Nổi, Rào Thép Gai, Lô Sơn Yên Tỏa, Ngậm Ngãi Tìm Trầm, và Mùa Thu New England. Trước hết trong những bài này, tác giả đã làm công việc chính yếu của một người viết ký là ghi chép, mô tả lại sự việc, sự vật, mà biến cố đầu tiên bắt đầu vào một đêm tháng Năm 1975 tại Huế, rồi tuần tự theo thời gian, tại Sài Gòn, tại các tỉnh miền Bắc, tại Hà Nội rồi cuối cùng là tại New England, Hoa Kỳ.

Bài ký "Một Đêm" kể chuyện lần đầu tiên ông bị Cộng sản đến nhà bắt đi, vào tháng Năm 75 tại Huế, và đêm đó ông nghĩ là người ta sẽ giết mình, tất cả được diễn lại với một ngòi bút vừa chân thực vừa tinh vi. Nhưng Một Đêm chỉ mới là món khai vị. Tài liệu thuộc về cuộc sống miền Nam sau 1975 thì còn rất nhiều điều thú vị trong các bài ký khác về sau, kể chuyện từ khi tác giả đã ra tù và bắt đầu lao vào kiếm sống rất đa dạng, linh động, hấp dẫn.

"Sài Gòn, Những Ngày Trôi Nổi," bài ký về việc bán vé số ở Sài Gòn vào thời điểm 1982 là một bài tuyệt hay. Tôi cho rằng một nghề rất thịnh hành như nghề bán vé số ở Sài Gòn, một nghề người ta gặp bất cứ nơi đâu, ở mọi con đường, mọi tiệm ăn, quán cà phê, chợ búa, đã nuôi sống không biết bao nhiêu người trong cái thành phố rộng lớn ấy, một nghề quan trọng như vậy mà từ trước tới nay chưa ai viết về nó, hoặc ít ra chưa ai viết về nó mà hay ho, đầy đủ như Trần Doãn Nho, người đã đặt một cái bàn trên lề đường Sài Gòn để bán vé số và đã nếm trải đủ mùi chua cay, đã hiểu biết cặn kẽ về môn kinh doanh này của các tay đầu nậu, đã nắm bắt được không biết bao nhiêu là loại tâm lý của khách hàng... Là ký, nhưng đồng thời đóng vai trò của một phóng sự điều tra, vừa là một nghiên cứu về tâm lý xã hội, mà đọc lúc nào cũng hấp dẫn, quyến rũ.

Về chuyện đi rào thép gai thì tác giả lại cống hiến cho ta một công việc khác với cảnh tượng và không gian khác, mới mẻ, lạ lùng, có lẽ chỉ xảy ra một lần để rồi không bao giờ tái diễn nữa. Đó là người miền Nam đi thầu rào giây thép gai cho các cơ quan ở miền Bắc. Đây là một bài ký nói được một trong vô vàn khía cạnh của giao lưu giữa hai miền Nam Bắc trong những năm hai miền mới bắt đầu làm quen với nhau.

"Ngậm Ngải Tìm Trầm" lại là một truyện đường rừng, kể chuyện đi tìm và đi buôn trầm dọc theo dãy Trường Sơn trong suốt một thập niên từ đầu những năm 80 đến đầu thập niên 90. Một chuyện đường rừng với đủ tính cách ly kỳ cổ điển của của loại chuyện này, được kể lại với một lối văn rất hiện thực. Tác giả làm tái hiện cái lớn lao diễn ra âm thầm suốt dãy Trường Sơn khi một đạo quân của dân đói dấn thân vào nơi hùm thiêng nước độc để kiếm cho ra cây trầm, *"đạo quân cả trăm ngàn người đó gần như có mặt suốt dãy Trường Sơn, từ Việt Bắc đến cao nguyên miền Trung, để tìm trầm: mọi cây trầm gần như bị chặt trụi. Có đi, mới thấy, mới biết."* Tác giả đã đi, đã thấy, đã biết, và quan trọng hơn cả là đã ghi lại. Có lẽ vài thế kỷ nữa cái vốn quý của nước Việt Nam là cây trầm hương mới có thể có mặt lại trong núi rừng của đất nước, và bài ký hôm nay của Trần Doãn Nho sẽ giải thích cho lịch sử biết được do đâu có tình trạng vắng mặt lâu dài ấy.

Ba bài ký trên đây liên quan đến nghề nghiệp, đến cách bương chải làm ăn của đám dân tội nghiệp sau 1975. Đó là những câu chuyện liên quan đến cái bao tử. Nhưng bài Lô Sơn Yên Tỏa thì liên quan đến cơ quan bên trên cái bao tử một chút, đó là trái tim.

Đây là một bài ký cũng về miền Bắc sau 75 nhưng lại không dính đến mánh mung, làm ăn. Một bài ký về Hà Nội. Tác giả lớn lên ở miền Nam, tâm tư tình cảm về đất Bắc và về Hà Nội đã được xây dựng bởi cả một thời đại văn chương, mà ảnh hưởng lớn nhất là Tự Lực Văn Đoàn, và có thể nhiều yếu tố nữa ngoài văn chương, thuộc về nòi giống và lịch sử. Nhưng những đụng chạm với một Hà Nội trong thập niên 80 được ghi lại sát thực như một chấp nhận sự đổ vỡ giữa cái mộng và cái thực.

Nhưng biên giới giữa ký và tùy bút đôi khi không còn rõ ràng. Ta sẽ thấy điều ấy trong những bài còn lại của tập này, nhất là trong "Chớm Thu" và "Huế Kín Huế Mở." Khi trong trời đất bỗng có một thay đổi còn đang rất mong manh để chớm chuẩn bị vào một mùa khác mà một người tinh tế đã nhận thấy, đã có những bâng khuâng sớm hơn thiên hạ và diễn tả ra giấy cái nỗi bàng bạc ấy của tâm hồn, thì đó là tùy bút hơn là ký. Bài Chớm Thu ở trong trường hợp này. Còn trong Huế Kín Huế Mở thì rõ ràng tác giả đã lùi ống kính ra xa để có cái nhìn khá tổng quát về xứ Huế, người Huế, cái nhìn dẫn đến những nhận định về tính chất chung, gần như được trừu tượng hóa như thế thì đã vượt qua khỏi biên giới của ký xa rồi.

Thuận lợi lớn cho tập ký này nằm ở chỗ những gì tác giả viết đều là những điều rất mới lạ, lần đầu tiên gặp trong đời. Sau 1975 thì đối với miền Nam cái gì cũng mới, đối với một người viết văn như Trần Doãn Nho thì phải nói đó là dịp may, vì ngòi bút của ông say sưa kể lại những tình huống, những cảnh đời, những tâm trạng hoàn toàn mới mẻ, dù là những cái không lấy gì làm sáng sủa, thậm chí đen tối, mà chính ông đã gặt hái được bằng những kinh nghiệm máu xương.

Văn Học Miền Nam - Ký
Văn Học Miền Nam - Kịch, Tùy Bút
Văn Học Miền Nam - Thơ

phê bình văn học của **Võ Phiến**, Văn Nghệ xuất bản. Cuốn *Ký* dày 429 trang; cuốn *Kịch, Tùy bút* dày 440; cuốn *Thơ* 426 trang. Giá mỗi cuốn như nhau: US$18.00, ngoài nước Mỹ $20.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Ba cuốn Ký, Kịch-Tùy Bút và Thơ trong bộ *Văn Học Miền Nam* ra đời chỉ ít lâu sau ba cuốn về một bộ môn quan trọng là Truyện. Với ba cuốn này, tác giả Võ Phiến hoàn tất bộ phê bình văn học miền Nam Việt Nam mà ông

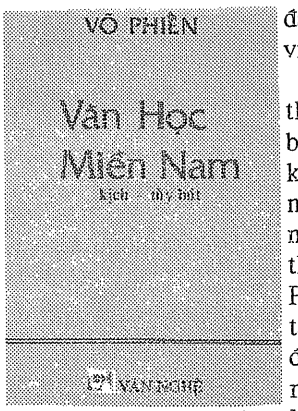

đã bỏ ra 18 năm để viết.

Ký là loại lần đầu thường xuất hiện trên báo chí, ít người để ý khi chúng thành sách, mà trong thực tế hình như cũng ít người in thành sách. Ở đây Võ Phiến đã chọn ra 22 tác giả viết ký, trong đó có một số không nhỏ tác giả đã có mặt trong các tập *truyện*. Người đọc sẽ được thưởng thức một món mà bình thường có thể mình không thường gặp và nếu có đọc thì cũng không để ý đến thể loại của nó. Và đây là dịp tốt để phân biệt một thể loại trong văn học.

Kịch và tùy bút còn hiếm hơn. Chỉ có bốn người viết tùy bút là Hồ Hữu Tường, Mai Thảo, Thế Uyên, Vũ Bằng, trong khi kịch, tưởng còn ít hơn tùy bút, lại lên được mười người. Điều đặc biệt là nhìn qua những vở kịch được trích dẫn, người ta thấy không mấy vở đã được đưa lên sân khấu. Kịch để đọc thôi, những kịch bản văn học.

Tổng số người làm thơ của miền Nam trước kia là bao nhiêu? Chắc chẳng ai làm tổng kết nổi, nhưng con số chắc chắn là rất đông, đông hơn hẳn con số 32 người được đưa vào cuốn *thơ*. Tác giả đã thấy trước chỗ khó khăn *ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười ở hẹp người chê*, nên đã có lời "thưa trước," chẳng hạn đây là một lý do:

Những trách cứ như thế, chúng tôi có nghĩ đến, có đoán thấy, và rất lấy làm ái ngại. Nhưng thật khó tránh khỏi. Một phần vì thiếu sót vẫn là chuyện thường xảy ra, mà cái tuyệt hảo là cái... bất khả. Trong bộ sách này quả có những cái thiếu do cái sót: Chẳng hạn một số tác giả lâu năm xa lạc tự dưng mờ lạt dần trong trí nhớ của người viết. Cái sót ấy rồi hoặc được nhận ra quá trễ, hoặc mãi không nhận ra...

Rồi còn sự thẩm thức rất chủ quan, rất cá nhân trong các bộ môn nghệ thuật tinh tế như thơ, nhạc, họa: *cảm nhận được, không giảng giải được* cũng đóng vai trò rất quyết định trong sự lựa chọn.

Cuối cùng, bộ Văn Học Miền Nam hơn 3000 trang của Võ Phiến đã hoàn tất, và cả bầu trời văn học suốt hai mươi năm tại miền Nam được tái hiện, được sắp xếp, nhận định, phê bình. Với sức của một người, đó là một công việc quá lớn lao. Đó là một cái mốc lớn đánh dấu một chặng đường, trong khi mọi chuyện sẽ vẫn hối hả trôi chảy về phía trước.●

CẦN CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC ĐỂ

THÀNH ĐẠT Ý MUỐN

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

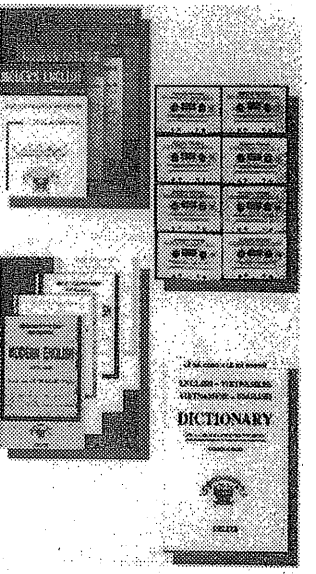

Kinh nghiệm hơn 40 năm của giáo sư **Lê Bá Kông** đã được tập trung để soạn bộ sách **Modern English**. Bộ sách rất giá trị này đã được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi. Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York, hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác. Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ. Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học, vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

Sau đây là một số thư từ, khen ngợi cũng như tâm sự, chúng tôi đã nhận được trong những năm qua. Ý nguyện của cố giáo sư Lê Bá Kông là tiếp tục phục vụ đồng bào đồng hương.

Chúng tôi nhận thấy sách này học dễ hơn các thứ sách khác, nó dễ là vì phù hợp với trình độ của chúng tôi và lối phiên âm nó dễ theo giọng người Việt của mình. - TVD

Những chữ mà Thầy dậy chúng tôi thuở nhỏ, theo thời gian tàn tạ, chúng tôi gần như quên hết. Trí nhớ của chúng tôi lúc này như tỉnh như mơ ... nhận được sách của Thầy quý báu sẽ cho chúng tôi hồi sinh và có thêm nghị lực để sống nơi quê hương mới. - NQ

Rất hay và hữu ích cho việc học tiếng Anh và đa số các bài học đều chọn lọc và có giá trị rất cao ... Con cũng đã giới thiệu bộ sách giáo khoa của Thầy với một số bạn bè ở đây để họ có cơ hội học hỏi và nâng cao trình độ ngoại ngữ. - LTNS

Sự đóng góp không nhỏ vào gia tài văn học của nước nhà, sự đào tạo của quí giáo sư cho thế hệ trẻ Việt Nam trong những thập niên qua đã làm cho mọi người Việt Nam trong nước dù kẹt dưới chế độ gông cùm Cộng sản Việt Nam hay di tản khắp năm châu hiện nay thật rất ngưỡng mộ. - NHT

Những ngày trong lao tù cải tạo chữ nghĩa bay theo mây theo gió, hay nói một cách khác "đã trả lại Thầy" ... Cơ trời run rủi, đến được đất Mỹ, nhưng không nói được tiếng Mỹ, thật buồn cho thân phận ... Thấy có bộ sách học Anh văn Modern English của Thầy, vui mừng hết sức vì như vậy có cơ hội và điều kiện dễ dàng để học lại Anh văn. Coi như đã đạt thành ước nguyện. - TCT

Các cháu đang học bộ Modern English. Rất có triển vọng tiến bộ nhiều . - NTĐ

Bộ sách này mà anh gửi về bên nhà, thì giúp ích rất nhiều cho những ai muốn học Anh ngữ. Cộng đồng Việt Nam ở Mỹ thật là may mắn có ông thầy như anh để hướng dẫn thật là quý hóa vô cùng. - PMC

Đối với tôi, những công trình của giáo sư cống hiến cho dân tộc rất to lớn. Tôi là một phần tử được hưởng những kết quả tuyệt vời của giáo sư đã dày công và cần mẫn sáng tác. - NNC

Vấn đề học Anh ngữ đối với tôi thật khó khăn vì tuổi đã lớn rồi, học ít nhớ. Hơn nữa thì lo làm để kiếm sống vất vả lắm ... Nhưng điều buồn là sống ở xứ người mà không biết nói tiếng người, nghe được người ta nói nhiều lúc thấy xấu hổ. - NU

Bộ sách của Thầy sẽ thay Thầy để tiếp tục chỉ dạy cho em và chắc chắn kết quả sẽ hoàn toàn mỹ mãn như ý muốn. - TCT

Một lần nữa chúng tôi xin chân thành cảm tạ giáo sư. Giáo sư đã tốn nhiều công lao soạn bộ sách Modern English thật vĩ đại, thật vô cùng cần thiết không những cho lớp trẻ mà cho cả lớp già như chúng tôi, cho những ai muốn học Anh văn thật căn bản . - NĐB

Giá cho toàn bộ **Modern English** là **US$99 và US$10 cước phí.**

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120 và US$12 cước phí.**

Canada xin thêm 15%, các nước khác xin thêm 30% cho cước phí.

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

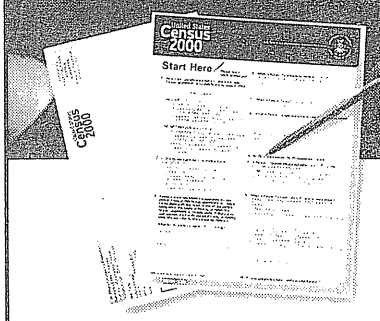

Đây là tương lai của chúng ta.
Xin đừng bỏ trống.

United States Census 2000
Thống kê dân số ở Mỹ

Hãy tham gia đông đảo để đem lại nhiều quyền lợi hơn cho cộng đồng.

Thống Kê Dân Số Năm 2000 là gì?

Bắt đầu vào tháng Ba năm 2000, quý vị sẽ nhận được mẫu đơn Thống Kê Dân Số với nhiều câu hỏi đơn giản về bản thân và gia cảnh của mình. Ngoài mục đích xác định số người sinh sống, Thống Kê Dân Số Năm 2000 còn thu thập tin tức giúp chúng ta hiểu những nhu cầu thiết thực của từng cộng đồng.

Tại sao chúng ta nên tham gia vào Thống Kê Dân Số Năm 2000?

Đây là cơ hội tốt nhất để chúng ta góp thêm sức mạnh vào tiếng nói của cộng đồng mình. Và đồng thời có thể đem lại nhiều thay đổi khả quan cho tương lai. Vì những câu trả lời của chúng ta sẽ giúp quyết định cách sử dụng 185 tỷ đô-la trợ cấp mỗi năm cho các dịch vụ và cơ sở công cộng. Chẳng hạn như có trường học tốt hơn cho con em, nhiều trung tâm huấn nghệ đào tạo những ngành chuyên môn hơn, hoặc những người cao niên với lợi tức thấp có thể được trợ cấp.

Ai phải tham gia Thống Kê Dân Số Năm 2000?

Tất cả mọi người sinh sống tại Mỹ, dù quý vị là công dân Mỹ hay không. Càng tham gia đông đảo, chúng ta càng được biết đến như một cộng đồng lớn mạnh và hiện diện trên thực tế.

Làm thế nào để tham gia Thống Kê Dân Số Năm 2000?

Xin quý vị vui lòng điền mẫu đơn Thống Kê Dân Số Năm 2000 ngay khi nhận được, và gởi lại địa chỉ trên phong bì. Theo luật pháp, chỉ có kết quả chung được công bố và những câu trả lời cá nhân sẽ được giữ kín. Xin quý vị đừng chậm trễ. Hãy tích cực góp phần cải tiến cuộc sống cộng đồng Việt Nam ở Mỹ.

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THÍ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

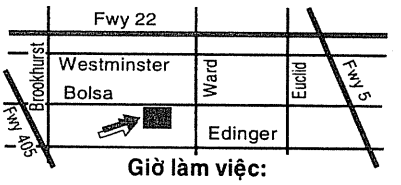

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LĂM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ v phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vự săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn củ Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu m bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

太乙紫微

Thái Ất Tử Vi

Canh Thìn 2000

Do VƯƠNG-DUNG-CƠ TIÊN-SINH
nhà tướng số Trung-Quốc lỗi lạc luận giải

Chính xác, rõ ràng, rất khoa học
Đi sâu vào sự nghiệp, gia đạo, tình cảm, sức khỏe.
Với lời khuyên thích hợp cho mọi lứa tuổi, hợp thời, hợp thế.

* Tử Vi Tây Phương 2000 rất đúng.
* Nostra Damus nói gì về thế kỷ 21?
* Lịch ngày 2000 đến Tết Tân Tỵ.
* Coi cho biết vận mạng trẻ sơ sanh.
* Coi tuổi vợ chồng hạp kỵ?
* Bản đồ giá thú Châu Đường.
* Ngày tốt cưới gả, cất nhà toàn năm

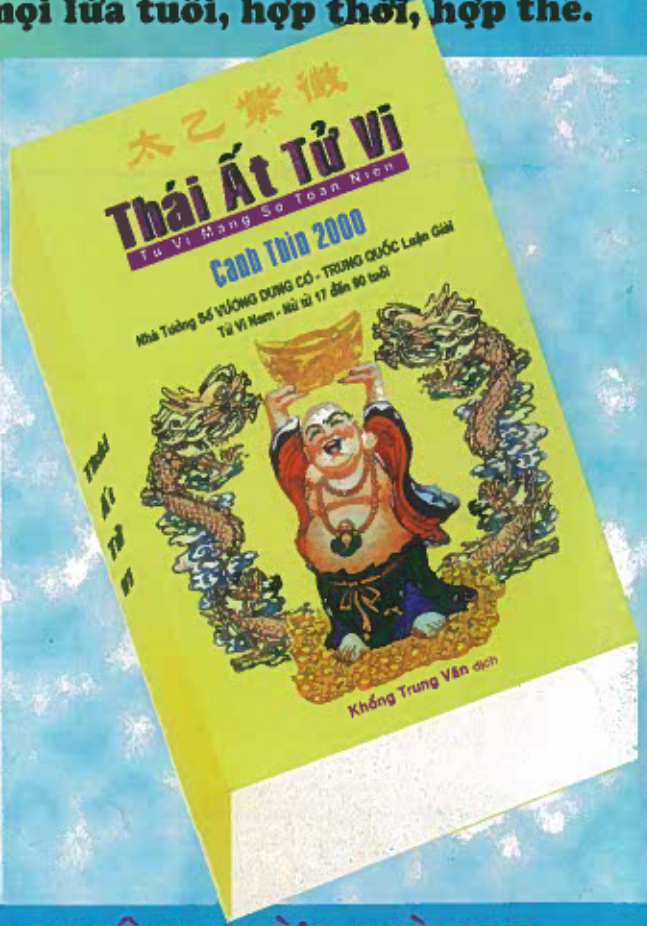

MUỐN LÀM CHỦ CUỘC ĐỜI MÌNH BẠN NÊN ĐỌC THÁI ẤT TỬ VI

Có bán tại các nhà sách. Tiệm video toàn quốc.
Tổng phát hành: **THÁI ẤT - 17847 Pipestone St., Fountain Valley, CA 92708 - USA.**
Tel: (714) 963-0303 * Fax: (714) 964-3355
Tel: (408) 363-8593 * Fax: (408) 229-1979

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim